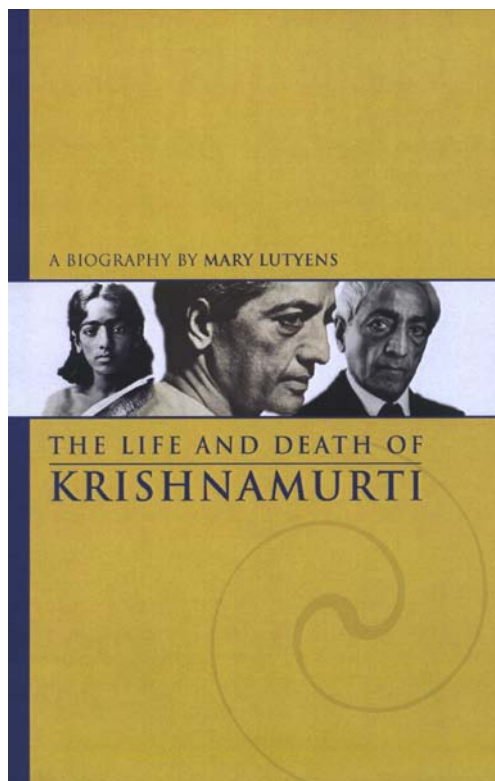




SỐNG CHẾT CỦA KRISHNAMURTI
MỘT TIỂU SỬ VIẾT BỞI MARY LUTYENS

THE LIFE AND DEATH OF KRISHNAMURTI
A BIOGRAPHY BY MARY LUTYENS

Lời dịch : Ông Không

– Tháng 7-2009 –

*Xin cáo lỗi tác giả Mrs Mary Lutyens vì
không có điều kiện nên đã phải “ăn cắp”
nguyên tác quyển sách này trên Internet.
Ông Không*

The Life and Death of Krishnamurti
Copyright © 1990 by Mary Lutyens

THE LIFE AND
DEATH OF
KRISHNAMURTI
A BIOGRAPHY BY MARY LUTYENS

Nội dung

Lời cảm ơn

Giới thiệu

- 1 - ‘Cậu bé Krishna là ai?’
- 2 - ‘Một quyền năng lạ thường’
- 3 - ‘Tại sao họ đã chọn con?’
- 4 - Con không bao giờ có thể thực hiện được ước mơ của con’
- 5 - ‘Thầm thầu Thượng đế’
- 6 - ‘Có một cô đơn’
- 7 - ‘Một mơ tưởng cũ là chết rồi’
- 8 - ‘Sự rối loạn liên tục bên trong’
- 9 - ‘Tôi từ chối là cái nặng của bạn’
- 10 - ‘Tôi đang theo con đường của tôi’
- 11 - ‘Một ngậy ngát thăm thẳm’
- 12 - ‘Vào ngôi nhà của chết’
- 13 - ‘Sự kết thúc của đau khổ’
- 14 - ‘Những lý tưởng là những điều tàn nhẫn’
- 15 - ‘Tương lai là ngay lúc này’
- 16 - ‘Một đôi thoại với chết’
- 17 - ‘Cái trí trống không’
- 18 - ‘Kết thúc cái đã được biết’
- 19 - ‘Em phải gấp lên để hiểu rõ’
- 20 - ‘Sống của tôi đã được định sẵn’
- 21 - ‘Thế giới của sáng tạo’
- 22 - ‘Trống không vô hạn đó’
- 23 - ‘Bộ não không thể hiểu rõ’

Ghi chú

Minh họa

Lời cảm ơn

Tôi muốn gửi lời xin lỗi đến nhiều người bạn của Krishnamurti vì đã không được đề cập trong quyển sách này. Tôi hy vọng họ sẽ hiểu rằng trong sự cô đọng cuộc đời của ông thành một quyển sách, nhiều chi tiết không liên quan phải được loại bỏ, mặc dù, tôi hy vọng như thế, không có gì quan trọng đến sự phát triển của ông.

Tôi muốn được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của tôi đến David Bohm, Mary Cadogan, Mark Edwards, Pupul Jayakar, Dr Parchute, Doris Pratt quá cố, Vanda Scaravelli và đặc biệt Scott Forbes và Mary Zimbalist vì đã cho phép tôi trích dẫn những nhật ký và những điều viết ra của họ. Tôi cũng muốn cảm ơn Ray McCoy vì đã từ Brockwood Centre gửi cho tôi bất kỳ thứ gì tôi yêu cầu qua những quyển sách, những cuộn băng cát-xét và video, và Radha Burnier vì đã đưa cho tôi bản sao một lá thư dài của Nitya gửi cho Mrs Besant từ Theosophical Archives tại Adyar diễn tả sự khởi đầu của ‘cái tiến trình’.

Nếu không có tình bằng hữu và sự quảng đại của B. Shiva Rao quá cố, từ khởi đầu tôi đã không bao giờ có thể gắng sức viết tiểu sử của Krishnamurti.

Lời giới thiệu

Nhiều lần Krishnamurti đã yêu cầu không nên có sự giải thích quyết đoán về lời giảng của ông, mặc dù ông khuyến khích những người quan tâm nó cùng nhau bàn luận. Vì vậy, quyển sách này không cố gắng giải thích hay nhận xét lời giảng đã có sẵn trong hàng tá sách, băng cát-xét, băng video. Trái lại, mục đích của nó là cố gắng khám phá khỏi nguồn của sự soi rạng mà lời giảng được đặt nền tảng, làm sáng tỏ bản chất của một con người lạ thường nhất, theo dấu quá trình phát triển của ông và hiểu rõ toàn cảnh sống của ông. Điều này thực sự khó khăn khi phải thực hiện trong ba quyển sách chi tiết được tách rời bởi một khoảng cách thời gian – tám năm trong trường hợp hai quyển đầu tiên và thứ hai.

Sau khi quyển đầu tiên, *The Years of Awakening Những năm thức giấc*, được xuất bản tôi được hỏi liệu tôi có tin tưởng vào những việc xảy ra mà tôi đã ghi lại. Trả lời của tôi là tôi chắc chắn tin tưởng chúng cho đến năm 1928 – đó là, cho đến lúc tôi hai mươi tuổi – ngoại trừ những biến cố ngu xuẩn ở Hà lan năm 1925. Sau biến cố, cách nhìn của tôi đối với chúng thay đổi theo riêng của Krishnamurti.

Tôi không thể nhớ một thời gian nào mà tôi không biết Krishnamurti. Điều này do bởi mẹ tôi đã đối xử tốt với ông khi lần đầu tiên ông đến nước Anh vào năm 1911 một cậu trai trẻ mười bảy tuổi ngơ ngác, dường như trẻ hơn tuổi tác

của ông nhiều, mà, hai năm trước, đã được chọn bởi những người lãnh đạo của Theosophical Society tại Ấn độ như là phương tiện cho đấng Cứu thế tương lai. Mẹ tôi đã gia nhập Theosophical Society năm 1910, trước khi tôi ba tuổi, và tôi được nuôi nấng trong giáo lý của nó mà rất đơn giản ở bên ngoài: một tin tưởng trong tình huynh đệ của con người và sự bình đẳng của tất cả mọi tôn giáo. Thay vì ‘Lạy Cha chúng con ở trên trời . . .’, mỗi buổi sáng tôi được dạy lặp lại câu: ‘Tôi là một mắt xích trong chuỗi xích bằng vàng của tình yêu mà trải dài quanh thế giới và tôi hứa giữ gìn mắt xích của tôi sáng rực và chắc chắn.’ Tuy nhiên, có một mấu chốt khó hiểu đối với Theosophy mà tôi không nhận thức được mãi đến khi tôi khoảng mười ba tuổi. Điểm mấu chốt khó hiểu này và sự sáng lập Society sẽ được trình bày trong chương đầu của quyển sách này.

Theosophy sẽ gây ra một bất hòa giữa cha mẹ tôi đến nỗi không thể hàn gắn được khi những năm trôi qua, tuy nhiên, mãi mai thay, chính nhờ cha tôi nên mẹ tôi đã biết được Theosophy. Năm 1909, cha tôi, Edwin Lutyens, nhận được một công việc từ một chủ ngân hàng người Pháp, Guillaume Mallet, để xây một ngôi nhà cho ông ấy trên Bờ biển Normandy, không xa Dieppe lắm. Khi cha tôi trở về từ chuyến viếng thăm đầu tiên đến nơi xây dựng, ông kể với mẹ tôi rằng gia đình Mallet là Theosophists, những người theo Huyền bí học. Khi mẹ hỏi ông nó có ý gì thì ông trả lời không biết nhưng nói thêm rằng họ có một tủ sách bí mật luôn luôn được khóa lại. Việc này kích thích tính hiếu kỳ của mẹ tôi và khi mẹ tôi theo cha trong chuyến thăm kế tiếp của ông đến Varengeville, mẹ thuyết phục Madame Mallet giải thích những nét chính trong những tin tưởng của Theosophy. Điều gì gây tác động mẹ nhất là sự bình thường của gia đình Mallet, không có sự kỳ quặc trong họ để bà liên tưởng đến

một tôn giáo chữa bệnh bằng phép lạ. Điều lập dị duy nhất là họ là những người ăn chay nghiêm ngặt. Vào lễ Giáng sinh, Madame Mallet gửi cho mẹ tôi những bài giảng ở London 1907 của Mrs Annie Besant,* Chủ tịch Theosophical Society, những bài giảng này gây thỏa mãn cho mẹ tôi đến mức ‘quá vui mừng và say mê’, theo tự truyện của bà,[†] từng giây phút bà trở nên ‘vô cùng hưng phấn’ đến độ hầu như bà không thể kiềm chế ‘hét lên đầy hân hoan’. Dường như nó khai mở những triển vọng mới mẻ của bà cho sự hiểu rõ thuộc tính thần.

Mẹ tôi đã chín chắn cho sự thay đổi tín ngưỡng. Sau mười ba năm kết hôn với một kiến trúc sư thành công, tham vọng mỗi lúc một gia tăng, mặc dù thương yêu bà say đắm, đã quá đam mê trong công việc của ông ấy đến độ không còn thời gian dành cho bà và con cái bất kỳ sự đầm ấm nào, bà tìm kiếm sự bận rộn gây thỏa mãn nào đó đầy tuyệt vọng để kích thích những nhu cầu thuộc trí năng và cảm xúc của bà. Công việc nội trợ, và cuộc sống xã hội bình thường làm bà chán ngán nhiều và con cái của bà được chăm sóc bởi một người vú nuôi giỏi giang. Bà đã trở thành một người ủng hộ sôi nổi của the Women’s Suffrage movement phong trào Phụ nữ đòi quyền bầu cử (nhưng không bao giờ là một người ủng

* Mrs Besant, được sinh ra vào năm 1847, đã kết hôn với một mục sư, Frank Besant. Sau khi sanh ra hai người con, bà mất đi sự trung thành và có đủ can đảm để bộc lộ cho chồng biết. Ông ấy ly dị bà và được trao quyền nuôi nấng con cái mặc dù bà đã đấu tranh nhiều trong những phiên tòa, thực hiện sự biện hộ riêng của bà, để được nuôi nấng chúng. Sau đó bà trở thành một người vô thần công khai và một người đổi mới xã hội, một đồng sự của Charles Bradlaugh và một người bạn thân của Bernard Shaw. Bà cải đạo vào Theosophy năm 1889 khi W.T.Stead yêu cầu bà nhận xét quyển the Secret Doctrine viết bởi Mrs Blavatsky một trong những người sáng lập The Theosophical Society.

[†] *Candles in the Sun* (Hart-Davis, 1957).

hộ vũ lực vì sợ bị bỏ tù và bị cho ăn uống hạn chế); bà đã đọc nhiều sách về xã hội học và tham gia một tổ chức được gọi là Moral Education League, Giáo dục Đạo đức, liên quan đến sự quy định của chính phủ về tệ nạn mại dâm và đã viết nhiều sách về đề tài thời sự đó và tham dự những hội nghị trong nhiều vùng của nước Anh. Cũng là một phần trong công việc này, bà trở thành một người khách mỗi tuần tại Lock Hospital dành cho sự điều trị bệnh truyền nhiễm qua đường sinh dục, nơi đó bà đọc sách của Dickens cho bệnh nhân. (Bà có một khả năng truyền cảm khi đọc truyện.) Bà cũng tổ chức những cuộc thảo luận tại nhà của chúng tôi ở Bloomsbury Square để bàn bạc những đề tài như di truyền và môi trường sống. Nhưng, không giống như nhiều người đương thời, bà không quan tâm đến Spiritualism, thuyết duy tâm,* cũng không, tại quãng đời đó của bà, quan tâm đến thuyết huyền bí hay những đạo thần bí ở Ấn độ mà đã thu hút vô số người phương Tây đến phương Đông từ khi sự trung thành với Thiên chúa giáo của họ bị suy yếu bởi Darwin.

Là một người có bản chất rất hiền lành, một người Thiên chúa giáo sùng tín thời thanh nữ với một ý thức mãnh liệt của được gần gũi Jesus, niềm tin Theosophy trong đảng Cứu thế sắp đến, và sự cần thiết phải chuẩn bị thế giới cho sự kiện vô cùng to lớn này, đã thỏa mãn mọi khía cạnh của thân tâm mẹ tôi. Đầu năm 1910, sau khi gia nhập Society, mọi năng lượng của mẹ đều dồn hết cho phong trào; mẹ tham dự những lớp học về nói chuyện trước công chúng để có thể đi

* Spritualism – đó là, sự tin tưởng rằng người chết có thể giao tiếp với người sống, đặc biệt qua những người đồng bóng – vẫn còn là đề tài tranh luận nóng bỏng nhất của những ngày đó. The Society for Psychical Research tổ chức nghiên cứu tinh thần đã được sáng lập ở Anh năm 1882 để tìm hiểu những chứng cứ. Sự quan tâm trong mọi hình thức của siêu nhiên được lan rộng.

khắp mọi nơi giảng thuyết về Theosophy (bà trở thành một diễn giả thành công). Bà cũng bắt đầu một Theosophical Lodge mới * cùng Dr Haden Guest (sau đó trở thành Lord Guest), cũng là một người mới cải đạo, ‘được dự định để hợp nhất tất cả những người ao ước cống hiến sự ảnh hưởng thực tế đối với những nguyên lý về tình huynh đệ của Theosophy.’

Mùa hè 1910 Mrs Besant từ Ấn độ đến Anh và mẹ tôi đi nghe bà giảng thuyết tại Fabian Society về đề tài ‘Một hình thức lý tưởng của Chính phủ’. Bernard Shaw và Sydney Webb trên bục giảng. Mẹ tôi viết ‘Tôi hoàn toàn bị choáng váng khi lần đầu tiên nhìn thấy bà. Bà trông không giống bất kỳ người nào mà tôi đã từng gặp trước kia. Bà mặc những cái robe màu trắng tinh bay chập chờn tỏa ra một nhân cách thuần nữ tính, trong khi đầu của bà lại đồ sộ và gọn gàng cùng mái tóc bạc ngắn và quần tít trông rất nam tính. Bà đã sáu mươi ba tuổi nhưng vẫn chưa có dấu hiệu gì của sức sống đang suy giảm. Bà có một sinh lực kinh ngạc nhất trong bất kỳ người nào tôi đã từng gặp.’

Một vài tuần sau mẹ tôi lại nghe bà giảng thuyết tại một sảnh đường ở Kingsway về đề tài ‘Đấng Christ sắp đến’, và sau đó tìm được can đảm để tiếp cận bà và mời bà ăn trưa. Bà đồng ý. Người thứ ba duy nhất hiện diện tại bữa ăn trưa là cha tôi.

Khi đến nhà Mrs Besant xin phép cởi mũ ra, dỡ mái tóc bạc ngắn và quần tít ra khi bà cởi mũ, mà sau đó mẹ tôi phát giác đó là nét đặc trưng của bà. Mẹ tôi nhớ lại lúc đó đã nghĩ bà có đôi mắt sáng như còp, một sắc nâu kỳ lạ, mà dường như nhìn xuyên thấu và thâm nhập vào những suy nghĩ sâu

* Society được phân chia thành Lodges. Có Lodge trong tất cả những thị trấn lớn ở Anh và Scotland, và nhiều Lodges ở Châu Âu, dùng để sắp xếp những họp mặt và những giảng thuyết.

thắm nhất của mẹ. Tại cuộc gặp gỡ đầu tiên này, cha tôi ưa thích Mrs Besant và bị ấn tượng bởi bà, đặc biệt trước khi chia tay bà yêu cầu cha thiết kế English Theosophical Headquarters mới ở Tavistock Square (hệ nay là British Medical Association). Chỉ từ từ cha tôi mới bực bội bởi sự ảnh hưởng của bà đối với mẹ tôi.

Năm 1929, lúc ba mươi bốn tuổi, Krishnamurti tự tách khỏi Theosophical Society, sau một trải nghiệm tinh thần đã thay đổi trọn vẹn sống của ông, và từ bỏ vai trò Đấng Cứu thế trong những năm sắp tới để đi lại thế giới như một người thầy cùng triết lý tôn giáo riêng của ông, không dính líu với bất kỳ tôn giáo hay giáo phái chính thống nào. Mục đích duy nhất trong lời giảng của ông là đưa con người được tự do khỏi tất cả những chuồng cũi đã phân chia con người với con người, như chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, giai cấp và truyền thống và vì vậy tạo ra một thay đổi trong tinh thần con người.

Đã không găm bó sự quan tâm trong lời giảng của Krishnamurti từ khi ông chết vào tháng hai 1986, ba tháng trước sinh nhật lần thứ chín mươi một của ông. Thật ra, danh tiếng của ông đang lan tràn. Lý do thậm chí tại sao ông không được nổi tiếng nhiều hơn là vì ông không bao giờ thích mọi người biết đến ông. Người ta biết về ông qua truyền khẩu hay vô tình đọc được một trong những quyển sách của ông.

Trong khi Krishnamurti đang ~~đ~~ công bố bởi Theosophical Society, tiền bạc và đất đai và tài sản dâng tặng được tuôn vào ông bởi những hội viên của nó. Khi ông từ bỏ Society và phủ nhận vai trò của ông, ông hoàn lại những món quà này cho những người trao tặng và bắt đầu sống mới của ông mà không biết liệu ông sẽ có bất kỳ người nào theo sau hay bất kỳ tiền bạc nào ngoại trừ số tiền trợ cấp hàng năm là £500. Như nó đã xảy ra, ông cuốn hút những người mới của

một thể giới lý thú và rộng rãi hơn nhiều, và như thể do ma thuật tiền bạc đã tuôn vào mọi đề án mà ông quan tâm đến. Trong phần còn lại thuộc sống của ông, ông thường nói, ‘Hãy làm một việc, và nếu nó đúng đắn tiền bạc sẽ theo sau.’

Krishnamurti phủ nhận là đạo sư của bất kỳ người nào. Ông không muốn người ta tuân phục và mù quáng theo ông. Ông chỉ trích sự sùng bái tước vị đạo sư và thiên định thăng hoa được mang từ Ấn độ sang phương Tây. Đặc biệt, ông không muốn có những môn đồ mà có lẽ sẽ tạo ra một tôn giáo mới quanh ông, dựng lên một hệ thống chức sắc và đảm trách uy quyền. Ông khẳng định rằng cốt lõi của lời giảng là: nó dựng lên một cái gương trong đó người ta có thể tự thấy chính họ rõ ràng như họ là cả bên trong lẫn bên ngoài, và nếu họ không thích điều gì họ đã thấy *tự thay đổi chính họ*.

Quan tâm đặc biệt của Krishnamurti là giáo dục trẻ em trước khi những cái trói của các em trở nên cố định bởi những thành kiến của xã hội nơi các em đã được sinh ra. Bảy trường học ông sáng lập và mang tên ông – năm ở Ấn độ, một ở Anh và một ở California – vẫn đang phát triển. Trường lâu nhất, Rishy Valley, được sáng lập vào đầu những năm 1930 giữa Madras và Bangalore, hiện nay có 340 học sinh, một phần ba trong số các em là nữ sinh, và được biết đến là một trong những trường giỏi nhất ở Ấn độ. Trường ở Hampshire, nước Anh, trường nhỏ nhất, chỉ có sáu mươi học sinh, nhưng thuộc hai mươi bốn quốc tịch và một số lượng nam nữ bằng nhau.

Một trung tâm Krishnamurti lớn dành cho những người trưởng thành ngay sau khi ông chết, sát ngôi trường ở nước Anh mặc dù hoàn toàn tách rời nó. Ý tưởng của trung tâm này, và việc xây dựng nó là một trong những quan tâm chính

trong hai năm ~~ống~~ cuối cùng của ông . * Ba trung tâm dành cho những người trưởng thành nhỏ hơn hiện nay đã được xây dựng ở Ấn độ. Krishnamurti cũng sáng lập ba Foundation vào những năm 1960 – ở Anh, Ấn độ, và California, và một phụ trợ ở Puerto Rico – có một chức năng thuần túy hành chánh, mỗi Foundation có những người quản trị riêng của nó. Cũng có những ủy viên kết hợp trong hai mươi một quốc gia.

Krishnamurti có hàng tá ~~hàng~~ bè trong nhiều quốc gia giống như những ủy viên này, trong mọi tầng lớp xã hội từ những nữ hoàng đến những thầy tu Phật giáo. Trong những ngày đầu Bernard Shaw, Leopold Stokowski và Antoine Bourdelle, người điêu khắc, ở trong số những người khâm phục ông nhất, và, sau đó, Aldous Huxley, Jawaharlal Nehru và Pablo Casals trong số bạn bè của ông. Mới đây, ông kết bạn với Mrs Gandhi, Prof Maurice Wilkins, người dành giải Nobel về y khoa, Dr David Bohn, người vật lý học, Rupert Sheldrake, người sinh vật học, và Terence Stamp, người nghệ sĩ, và ông cũng tình cờ quen biết một số những người nổi tiếng mà đã phỏng vấn ông và có những bàn luận với ông, gồm có Dr Jonas Salk và Đức Dalai Lama. Không nghi ngờ gì cả, Krishnamurti đã bắc một cây cầu giữa khoa học và tôn giáo. Khán giả trong những nói chuyện của ông không đông lắm, dao động giữa 1.000 và 5.000 người trong hai mươi năm cuối của ông tùy theo kích cỡ của sân h đường hay cái lều trong đó ông nói chuyện. Điều gì là sự cuốn hút của ông đối với những người đến nghe ông? Cũng thật lạ lùng khi có vài hippies trong số họ, mặc dù đa số còn trẻ. Trong mọi nói chuyện, khán giả của ông là những người ăn mặc chỉnh tề, cư

* Những bức ảnh của Trung tâm này xuất hiện trong quyển sách của The Prince of Wales, A Vision of Britain (Doubleday, 1989).

xử đứng đắn, đàn ông cũng như phụ nữ, mà lắng nghe ông đầy nghiêm túc và có ý định mặc dù ông không có tài hùng biện. Lời giảng của ông không có ý định mang lại sự thanh thản nhưng lay động con người vào sự tỉnh thức được tình trạng nguy hiểm của thế giới mà mỗi cá thể phải chịu trách nhiệm bởi vì, theo ông, mỗi cá thể là thế giới trong thu nhỏ lại.

Không nghi ngờ gì cả, một phần trong sức cuốn hút của Krishnamurti là hình dáng của ông. Đặc biệt khi còn trẻ ông đẹp lạ thường, và ngay cả lúc tuổi già ông vẫn giữ được vẻ đẹp lạ thường của hình thể, cấu trúc xương và dáng đi đứng. Nhưng còn nhiều hơn những điều này, có một sức hấp dẫn cá nhân kéo mọi người lại gần ông. Ông có thể nói trước công chúng đầy nghiêm khắc, thỉnh thoảng hầu như dữ tợn, nhưng với những người riêng hay trong những nhóm nhỏ lại có một cảm giác ấm áp và tình cảm vô cùng. Mặc dù ông không thích bị tiếp xúc với thân thể mình, ông thường, khi đang ngồi nói chuyện với người nào đó, nghiêng người qua để đặt một bàn tay của ông trên cánh tay hay đầu gối của người đó, và ông thích nắm chặt tay một người bạn hay người nào đó đến yêu cầu ông sự giúp đỡ. Trên tất cả, khi ông đang nói chuyện nghiêm túc, ông thích cười cũng như nói đùa và trao đổi những câu chuyện ngớ ngẩn. Tiếng cười sâu, lớn của ông dễ dàng tạo ra sự quý mến.

Tôi nghĩ sau khi ông chết sự quan tâm đến Krishnamurti vẫn còn được duy trì, hay thậm chí đang gia tăng chỉ rõ rằng không những có một hấp lực cá nhân của ông được truyền qua trong những băng cát-xét hay video, nhưng còn bởi vì lời giảng của ông là một thông điệp cho ngày nay mà mọi người đều khẩn thiết mong muốn. Mặc dù người ta có lẽ không đồng ý về nhiều vấn đề ông nói, sự chân thật của ông không thể bị nghi ngờ.

KRISHNAMURTI
Sống chết

‘*Cậu bé Krishnamurti là ai?*’

Điều lạ thường nhất về sống của Krishnamurti là những lời tiên tri được nói về anh trong thời thanh niên đã thành hiện thực, tuy nhiên trong một hướng khác hẳn điều gì được mong đợi. Muốn một hiểu rõ về sự phát triển của anh, ít nhất cần phải có một chút hiểu biết về thuyết huyền bí của Theosophy mà đã nuôi dưỡng anh. Theosophical Society, hội Huyền bí học, mục đích của nó là ‘hình thành hạt nhân của một Tình Huynh Đệ Toàn Cầu của Nhân Loại, được thành lập ở Mỹ năm 1875 bởi một công nhân người Nga có khả năng thấu suốt vô hình, thực hiện những phép lạ đầy huyền bí và phi thường, Madame Helena Petrovna Blavatsky, và Đại tá Henry Steel Olcott, một cựu chiến binh thời Nội chiến Mỹ theo đuổi thuyết duy tâm và cũng quả quyết có khả năng thấu suốt vô hình. Hai người kỳ quặc này, mà vẫn còn là ‘những người bạn’ thân thiết, như Olcott diễn tả nó, trong phần còn lại của đời họ, đã tin tưởng quá nhiều truyền thống cổ xưa của phương Đông như là tín đồ huyền bí của họ đến độ, năm 1882, họ chuyển những cơ quan đầu não của họ đến một khu vực rộng lớn tại Adyar, một vùng ngoại ô phía nam Madras, một địa điểm đẹp nhất nơi sông Adyar nhập vào Vịnh Bengal, có một trong những cây bồ đề lớn nhất ở Ấn độ và một dặm của hướng sông vươn dài đến một bãi biển cát trắng. Ở đó những cơ quan chỉ huy quốc tế của Society vẫn

còn đến bây giờ, với nhiều ngôi nhà được xây dựng thêm và nhiều đất đai được thêm vào, và từ đó chẳng mấy chốc phong trào lan tràn khắp thế giới.

Để trở thành một hội viên của Society, không những cần phải khẳng định một niềm tin trong tình huynh đệ của nhân loại và sự bình đẳng của tất cả những tôn giáo, nhưng tâm điểm của Society là Esoteric Section Phần Chứng tỏ tâm linh, mà chức hội viên chỉ được trao tặng khi nào người xin gia nhập đã chứng thực sự thành thật và hữu ích của người đó đối với Society.

Từ nguồn thông thái cổ xưa của vô số tôn giáo, Esoteric Section tin tưởng một giai cấp chức sắc của những sinh linh tinh thần vĩ đại, tạm gọi là Great White Brotherhood Tình huynh đệ thuần khiết vĩ đại. Bởi vì đã chấp nhận lý thuyết rằng nhân loại tiến hóa qua một loạt những cuộc đời (luân hồi) đến sự hoàn hảo tột đỉnh (mà cuối cùng mỗi con người sẽ đạt được, dù phải mất bao nhiêu cuộc đời), không khó khăn gì lắm để tin tưởng rằng những con người đang ở trong những chặng đường tiến hóa, hay trong tạm gọi là những Bạc Thầy. Những Bạc Thầy là những sinh linh hoàn hảo mà, đã giải thoát khỏi vòng quay của nghiệp lực, luật bất biến mà qua đó chúng ta gặt cái gì chúng ta gieo, cả tốt lành lẫn xấu xa, qua một chuỗi của những cuộc đời, đã quyết định vẫn còn liên hệ với nhân loại vì mục đích giúp đỡ họ trên con đường tiến hóa. Có nhiều Bạc Thầy nhưng hai người được nói đã thâm nhập Theosophical Society dưới sự bảo vệ đặc biệt của họ là Thầy Morya và Thầy Kuthumi. Trong thời gian Madame Blavatsky còn sống, những Bạc Thầy này được tin tưởng đã sống gần gũi nhau, mang những thân thể tuyệt đẹp trong một khe núi ở Tây tạng và từ đó họ thường hiện ra để du hành trong những vùng đất khác nhau của thế giới. Họ cũng có thể hóa thành thân thể vật chất trong khi vẫn còn ở

Tây tạng và giao tiếp bằng những lá thư vật chất với những người lãnh đạo của Society.* Madame Blavatsky khẳng định đã sống cùng những Bậc Thầy trong nhiều tháng ở Tây tạng, được Thầy Morya dạy cho lời giảng huyền bí mà bà đã luôn luôn ao ước và sau đó bà tra soát cho thế giới qua những quyển sách đồ sộ của bà, *Isis Unveiled Nữ thần Isis được tiết lộ*, và *The Secret Doctrine Tín điều Bí mật*, cũng như qua *Esoteric Section*.¹

Cao hơn những Bậc Thầy trong giai cấp chức sắc của những sinh linh tinh thần là Chúa Maitreya, Đấng Bồ tát, mà những người huyền bí học đã tin tưởng tại thời điểm ‘sự phát hiện’ Krishnamurti năm 1909, chẳng mấy chốc sẽ chuyển qua một phương tiện con người được chuẩn bị đặc biệt cho Ngài, chính xác như trước đây hai ngàn năm Ngài đã chuyển qua thân thể của Jesus để thành lập một tôn giáo mới. Bồ tát đã hiện thân dưới dạng người khi thế giới có một nhu cầu đặc biệt về Ngài. Trên Ngài trong giai cấp chức sắc thậm chí còn có những sinh linh vĩ đại hơn, kể cả Phật.²

Madame Blavatsky chết năm 1891, và khi Chủ tịch đầu tiên của Theosophical Society, Đại tá Olcott chết năm 1907, Mrs Annie Besant được tuyển chọn là Chủ tịch và sau đó chuyển đến ở tại Adyar. Bà và người cộng sự chính, Charles Webster Leadbeater (một giáo sĩ nước Anh thuộc giáo hội cũ và môn đồ của Madame Blavatsky), cả hai đều có khả năng tiên tri, mặc dù sau đó Mrs Besant đã từ bỏ những quyền năng huyền bí của bà khi bà hiến dâng hầu hết những năng lực của bà cho chính nghĩa của Nền Tự trị ở Ấn độ. Cả Mrs Besant và Leadbeater đều khẳng định có sự liên hệ gần

* Một vài lá thư của The Mahatma Letters, như chúng được gọi, hiện lưu trữ tại The British Library.

gửi với những Bậc Thầy. Tuy nhiên chính Leadbeater, người đã trở thành người trung gian cho Bậc Thầy riêng của ông, Kuthumi (Bậc Thầy của Mrs Besant là Morya), đang thực hiện những chỉ thị của Ngài và hướng dẫn những môn đồ trần tục của Ngài trên Con đường huyền bí của hành trình môn đồ. Những Bậc Thầy sẵn sàng tuyển chọn những môn đồ nếu họ đã tiến hóa đầy đủ. Những Bậc trên Con đường là Thử thách, Thừa nhận, và tiếp theo bốn Khai tâm và đạt được tốt bậc trong bậc thứ năm, Tinh thông, mà là đạt được sự hoàn hảo, niết bàn.

Theo Leadbeater, những Bậc Thầy vẫn còn sống trong cùng khe nứt Tây tạng, trong cùng những thân thể mà Madame Blavatsky đã biết họ, được giữ gìn một cách kỳ diệu để không bị lão hóa. Tuy nhiên họ không còn rời thung lũng nữa, nhưng có thể được viếng thăm trên tầng tinh thần trong những ngôi nhà của họ.³ Leadbeater sẽ đưa những thí sinh chấm điểm cho hành trình môn đồ trong tâm thức của họ, trong khi ngủ say, đến nhà của Bậc Thầy Kuthumi và sau đó thông báo cho họ vào buổi sáng rằng liệu họ đã thành công hay chưa trong việc đạt được những Bậc trên Con đường mà họ khao khát. Người ta có thể tưởng tượng Leadbeater có được quyền lực đến mức độ nào khi sử dụng nó trong nhóm người của ông, mà tin tưởng rất mãnh liệt vào ông và sự tồn tại của những Bậc Thầy lẫn những sinh linh thiêng liêng khác mà họ đã được bảo cho biết, và sự trung thành của họ gây ra sự hờn hĩnh và ganh tị đến mức độ nào. Leadbeater khẳng định rằng cả ông lẫn Mrs Besant đều tiến hóa cao đến mức độ họ đã đạt được bậc thứ tư của họ, hay chứng quả A la hán bậc tu hành đặc đạo, bậc khai tâm trước thời gian Krishnamurti đến Adyar.

Jiddu Krishnamurti được sinh ra ngày 11 tháng năm 1895,* tại Madanapalle, một thị trấn trên quả đồi nhỏ giữa Madras và Bangalore. Cha anh, Jiddu Narianiah, đã kết hôn với một người em họ, Sanjeevamma, và đã sinh cho ông mười người con, Krishnamurti là con thứ tám. Gia đình Ba la môn ăn chay nghiêm ngặt, nói tiếng Telegu này không sống vượt ngoài những khuôn mẫu của Ấn độ, Narianiah là một viên chức ở Revenue Department of the British Administration Bộ Ngân khố của chính quyền thuộc địa Anh, trước khi về hưu lên đến chức vụ District Magistrate Quan tòa địa phương. Narianiah là một người Huyền bí học và Sanjeevamma là một người tôn thờ Sri Krishna, chính ông là người con thứ tám mà sau đó bà cũng đặt tên cho người con thứ tám riêng của bà.

Sanjeevamma có một linh cảm rằng người con thứ tám này chắc chắn sẽ phi thường trong cách nào đó và quả quyết, bất kể những phản đối của chồng bà, rằng nó phải được sinh ra trong phòng đọc kinh nghi thức. Một tác giả Ba la môn đã giải thích rằng phòng cầu nguyện này thông thường chỉ có thể cho phép vào sau một nghi lễ tẩy rửa và mặc quần áo sạch sẽ: ‘Sanh, chết và chu kỳ kinh nguyệt là trọng tâm của sự ô nhiễm nghi thức . . . rằng một đứa trẻ phải được sinh ra trong căn phòng này là điều không thể tưởng tượng được.’⁴ Và tuy nhiên điều đó lại được thực hiện.

Không giống như những lần sinh sản khác của Sanjeevamma, nó là một ca sinh sản dễ dàng. Sáng hôm sau một lá số tử vi của đứa bé được tiên đoán bởi một người chiêm tinh nổi tiếng mà bảo đảm với Narianiah rằng cậu con

* Ngày tháng này tùy theo những tính toán chiêm tinh của Ấn độ mà tính một ngày từ 4 giờ sáng đến 4 giờ sáng. Qua sự tính toán gần đúng của phương Tây, ông được sinh ra lúc 12.30 sáng ngày 12 tháng năm.

trai của ông chắc chắn sẽ là một con người vĩ đại. Trong nhiều năm có vẻ rằng sự tiên đoán của người chiêm tinh không thể thành tựu được. Bất kỳ lúc nào người chiêm tinh thấy Narianiah ông ấy thường hỏi, ‘Cậu bé Krishna là ai? . . . Chờ đó. Tôi đã bảo cho ông biết sự thật; cậu bé sẽ là người nào đó rất tuyệt vời và vĩ đại.’

Vào lúc hai tuổi Krishna gần như chết vì bệnh sốt rét. Vì thế, trong nhiều năm, cậu phải chịu đựng những cơn sốt rét và chảy máu cam dữ dội khiến cậu không đến trường được nhưng lại gần gũi mẹ nhiều hơn những người con khác. Cậu thích đi cùng mẹ đến ngôi đền. Cậu là một đứa trẻ rất mơ mộng và lơ đãng, học hành rất dở, và cậu cũng rất ghét, đến độ cậu được những giáo viên nhận xét là chậm phát triển trí óc. Dầu vậy, cậu lại tinh ý cực kỳ, giống như cậu đã là như thế suốt cuộc đời. Cậu thường đứng liên tục thật lâu, nhìn cây cối và những đám mây, hay ngồi chồm hổm để nhìn chăm chăm vào những bông hoa hay những con côn trùng. Cậu cũng có một bản tính rất rộng lượng, một nét đặc trưng khác mà cậu mang theo suốt đời. Cậu thường trở về nhà không có bút chì, bảng đá đen hay sách vở, bởi vì đã đưa chúng cho một đứa trẻ nghèo hơn; và khi theo tập quán mỗi buổi sáng những người ăn mày đến nhà xin gạo và mẹ sai cậu ra phát gạo, cậu thường quay vào để xin thêm nữa vì đã trút tất cả gạo vào cái bị của người ăn mày đầu tiên. Khi họ đến lại vào mỗi buổi chiều để xin thức ăn đã nấu chín và những người giúp việc xua đuổi họ đi, Krishna chạy vào trong nhà lấy thức ăn ra cho họ. Nếu Sanjeevamma thết đãi con cái mứt kẹo đặc biệt, Krishna thường chỉ nhận một ít phần được chia và cho anh em của cậu phần còn lại.

Krishna có một đặc điểm khác trong tính cách của cậu mà vẫn còn theo cùng cậu và có vẻ mâu thuẫn lạ lùng với bản tính mơ mộng của cậu – một tình yêu máy móc. Đầu tiên

điều này được tự phơi bày khi cậu tháo rời chiếc đồng hồ của cha cậu để tìm hiểu cách vận hành của nó và không chịu đi học lẫn ăn uống cho đến khi đã ráp nó lại hoàn chỉnh mà, nó có vẻ, cậu thành công khi làm được.

Có một mối ràng buộc giữa Krishna và người em của cậu Nityananda (Nitya), kém cậu ba tuổi. Nitya rất lạnh lẽo và thông minh ở trường ngược lại Krishna quá lơ đãng và không thể dạy cậu học được, và khi họ lớn lên Krishna mỗi lúc lại phụ thuộc vào cậu em nhỏ này.

Năm 1904 người chị đầu của Krishna chết, một cô gái hai mươi tuổi có một bản tính rất duy tâm. Chỉ sau cái chết của người chị, lần đầu tiên Krishna bộc lộ khả năng thấu suốt vô hình: cả cậu và mẹ thường thấy người chị đã chết tại một nơi đặc biệt trong vườn. Tuy nhiên, năm sau khi Krishna mười tuổi rưỡi, một thảm kịch còn tồi tệ hơn xảy đến cho gia đình: chính người mẹ Sanjeevamma qua đời. Krishna thấy mẹ sau khi chết thậm chí còn rõ ràng hơn cậu đã thấy người chị của cậu, một sự thật mà Narianiah khẳng định.*

Khi Narianiah bị bắt buộc về hưu vào cuối năm 1907, năm mươi hai tuổi cùng tiền hưu chỉ bằng một nửa tiền lương trước, ông đã viết cho Mrs Besant xin phép được phục vụ bằng bất kỳ khả năng nào tại Adyar. (Mặc dù là một người Ba la môn chính thống, ông đã là hội viên của Theosophical Society từ năm 1882; Theosophy thừa nhận tất cả mọi tôn giáo.) Ông nói với bà rằng ông là một người góa vợ với bốn cậu con trai có tuổi từ mười năm đến năm, và bởi vì người con gái duy nhất của ông đã lập gia đình nên không có ai ngoại trừ ông chăm sóc các cậu con. (Bởi vì Krishna là người

* Câu chuyện khi sinh ra và thời niên thiếu của Krishna được đọc chính tả bởi Narianiah năm 1911 cho một người huyền bí học Anh tại Adyar và được ký bởi Narianiah trong sự hiện diện của hai nhân chứng tin cậy.

con thứ tám, và có hai cậu em và một người chị còn sống, bốn người con khác chắc đã chết ngoài người chị gái hai mươi tuổi ra.) Mrs Besant khước từ xin phép của ông trên lập luận rằng trường học gần nhất cách đó ba dặm và những cậu trai sẽ là một ảnh hưởng gây náo động trong khu vực. May thay, Narianiah nài nỉ và cuối cùng được cho một công việc là một thư ký trợ tá. Ông dọn đến Adyar cùng các cậu con trai của ông vào 23 tháng giêng 1909. Vì không có nhà sẵn trong khu vực, gia đình được cho ở tại một nhà tranh xiêu vẹo ngay bên ngoài, không có phương tiện vệ sinh trong nhà. Các cậu con đến đây trong điều kiện thân thể kinh hoàng.

Chị của Narianiah, đã cãi cọ với người chồng, đến chăm sóc nhà cửa trong một thời gian, nhưng có vẻ chị ấy là một phụ nữ không đảm đang và là một người nấu nướng rất dở. Cậu trai cả, Sivaram, muốn là một bác sĩ, vào học tại Presidency College ở Madras trong khi Krishna, chưa tròn mười bốn, và Nitya, cũng được sinh ra vào tháng năm, chưa tròn mười một, mỗi ngày đi bộ sáu dặm để đến và về từ Pennathur Subramanian High School Mylapore nơi Krishna bị đánh đập hầu như mỗi ngày vì ngu dốt. Cậu em nhỏ, năm tuổi, cả thân thể lẫn tinh thần chưa vững vàng để đi học và bị khiếm khuyết trí nhớ suốt đời.

Năm 1906, khi Leadbeater năm mươi sáu tuổi, ông bị liên quan đến một vụ tai tiếng tình dục đã gây chia rẽ Theosophical Society khắp thế giới. Giữa 1900 và 1905 ông thực hiện những chuyến giảng thuyết dài ở Mỹ, Canada, Úc, làm những lễ cải đạo để gia nhập Theosophy và đưa ra những chỉ dẫn đặc biệt cho những cậu trai sắp đến tuổi trưởng thành (ông đã gây được một tiếng tăm tốt như một giáo viên dạy riêng). Lúc đó hai cậu trai ở Chicago thú tội với cha mẹ chúng, mà không có, rõ ràng, bất kỳ kết luận nào, rằng ông đã khuyến khích các em trong thói quen thủ dâm. Điều này

xảy ra tại thời điểm khi đồng tình luyện ái không chỉ gây kinh tởm cho công chúng mà sự thủ dâm còn được nghĩ là dẫn đến điên khùng và mù lòa.* Buồn bực ghê lắm, Mrs Besant viết cho Leadbeater khi nghe điều này, vì một trong những đòi hỏi cốt yếu cho sự khai tâm là phải có sự trong trắng tuyệt đối về tình dục. Leadbeater trả lời rằng ông ủng hộ sự thủ dâm trong những trường hợp nào đó như một việc xấu xa nhưng lại ít gây nguy hại hơn sự ám ảnh đầy tội lỗi bởi những ý nghĩ tình dục; dẫu vậy ông hứa sẽ không bao giờ ủng hộ thói quen đó trong Theosophical Society – bởi vì lợi ích của Bà, không phải bởi vì ông không tin tưởng nó.

Leadbeater được yêu cầu có mặt tại cuộc họp Hội đồng ở Grosvenor Hotel, Luân đôn vào ngày 16 tháng năm 1906. Trước khi dự cuộc họp, ông đệ trình đơn xin thôi việc của ông khỏi Society. Để tránh công luận, Đại tá Olcott, Chủ tịch ở Ấn độ, đã chấp nhận đơn thôi việc của ông, tạo ra sự căm phẫn cực độ của nhiều hội viên muốn trục xuất ông, bởi vì ông đã không tự bào chữa. Sau tai tiếng đó, Leadbeater sống yên lặng trong vùng thôn quê, ở nước Anh hay ở Jersey, được gần ba năm, với thỉnh thoảng những chuyến đi đến lục địa Châu Âu, giảng dạy riêng và được giúp đỡ tài chánh bởi nhiều bạn bè mà ông đã giữ lại tại Society. Hầu hết những học trò cũ của ông đều bảo đảm cho sự trong sạch của ông. Khi Mrs Besant được bầu làm Chủ tịch bởi một đa số người tháng sáu 1907, sau một cuộc vận động rầm rộ, bà thành công khi được cho phép ông gia nhập lại Society vào cuối năm 1908, mặc dù ông không bao giờ nắm lại bất kỳ chức vụ chính thức nào. Lúc này bà yêu cầu ông đến Ấn độ nơi bà

* The World through Blunted Sight thế giới qua tầm nhìn mù quáng, Patric Trevor – Rover, p. 155 (Thames và Hudson, 1988).

cần sự trợ giúp của ông. Vào ngày 10 tháng hai 1909 ông đến Adyar, muộn hơn ba tuần sau khi Narianiah đã ổn định ở đó cùng Krishna và anh em của cậu.

Leadbeater đến sống tại ngôi nhà tạm gọi là Octagon River Bungalow nhỏ gần tòa nhà của Bộ Chỉ huy. Công việc chính của ông là giải quyết lượng thư từ đồ sộ gửi đến mỗi ngày từ khắp thế giới. Ông đã mang theo một người thư ký, một người Hà lan trẻ, Johann van Manen, và rất tri ân sự trợ giúp công việc thư ký phụ thêm từ một người Anh trẻ, Ernest Wood, biết tốc ký và đã ở Adyar được ba tháng, đang làm việc cho tờ tuần báo *Theosophist*. Trong phòng kế cận phòng của Wood, trong những căn phòng cho thuê ẽ tiền, là một người Ấn độ trẻ, Subrahmanyam Aiyar, mà là một người bạn của Narianiah. Hai người này đã gặp Krishna và Nitya và đang giúp đỡ hai cậu làm bài tập về nhà.

Nó đã trở thành một thói quen cho Van Manen, Wood và Subrahmanyam để đi xuống bãi biển tắm mỗi buổi chiều nơi Krishna và Nitya, cùng vài đứa trẻ khác sống bên ngoài khu vực, thường được tìm thấy đang nô đùa khỏa nước. Vào một ngày Van Manen gợi ý cho Leadbeater rằng ông phải đi với họ vì Van Manen tin rằng một trong những đứa trẻ có lẽ gây hứng thú cho ông. Leadbeater đi xem thử và ngay tức khắc chọn ra Krishna mà, ông nói, có hào quang ại thường nhất mà ông đã từng thấy, không một chút ích kỷ trong đó; ông tiên đoán với Wood rằng ngày nào đó cậu bé này sẽ trở thành một người thầy tinh thần vĩ đại. Wood kinh ngạc lắm, bởi vì, đã giúp đỡ Krishna bài tập về nhà của cậu, ông đánh giá cậu là siêu dốt nát.

Chẳng bao lâu sau khi thấy Krishna trên bãi biển, Leadbeater yêu cầu Narianiah đưa cậu bé đến bungalow của ông vào một ngày nghỉ họ c. Narianiah thực hiện việc này. Leadbeater chỉ Krishna ngồi cạnh ông, đặt tay của ông trên

đầu cậu bé và bắt đầu thao thao những đời trước của cậu bé. Về sau, vào những ngày thứ bảy và chủ nhật, những chuyến viếng thăm và liên lạc của những cuộc đời quá khứ tiếp tục, được viết ra bởi Narianiah mà, thoát đầu, luôn luôn hiện diện, và sau đó đi Wood bằng tốc ký. Cái tên được đặt cho Krishna suốt những cuộc đời là Alcyone*. Ngày tháng của gặp gỡ đầu tiên với Krishna của Leadbeater ở Octagon Bungalow không chắc chắn lắm nhưng, bởi vì Mrs Besant đã rời Adyar vào ngày 22 tháng tư để thực hiện một chuyến giảng thuyết ở Mỹ và chắc chắn đã không nghe bất kỳ điều gì về cậu bé, chuyện này có thể xảy ra sau ngày tháng đó.

Nếu nhận xét về những khuynh hướng đồng tính luyến ái của Leadbeater, người ta phải lưu ý rằng ông không bị hấp dẫn bởi hình dáng bên ngoài của Krishna, ngoại trừ đôi mắt, nhìn rất cuốn hút tại thời điểm đó. Cậu bé gầy dơ xương, suy dinh dưỡng, đầy vết muỗi cắn và thậm chí có cả chí rận trong lông mày, răng không đều và tóc cậu cạo láng đến đỉnh đầu và xõa xuống thành bím ở sau lưng. Ngoài ra, cậu có một biểu lộ lơ đãng mà gần như tạo cho cậu một cái nhìn khờ dại. Những người biết cậu lúc đó đã nói rằng không có gì dễ chọn lựa giữa cậu và Sadanand. Theo Wood, thân thể của cậu yếu ớt đến độ người cha đã nhiều lần tuyên bố cậu chắc chắn chết. (Chính Krishna sau này cũng nói chắc chắn cậu phải chết nếu Leadbeater không ‘phát hiện’ cậu.)

Chúng ta có miêu tả riêng của Krishna về cuộc gặp gỡ đầu tiên của cậu với Leadbeater, được viết vài năm sau:

Khi lần đầu tiên tôi đi đến phòng của ông ấy tôi sợ hãi lắm, bởi vì hầu hết những cậu trai Ấn độ đều sợ hãi người

* The Lives of Alcyone Những cuộc đời của Alcyone, sau đó được xuất bản đăng lên hàng tháng trong tờ Theosophist.

Châu âu. Tôi không biết tại sao sự sợ hãi được tạo ra, nhưng ngoại trừ những khác biệt về màu da, mà không nghi ngờ gì cả là một trong những nguyên nhân của sự sợ hãi, khi tôi còn bé, có nhiều sự ủng hộ công khai về chính trị và những tưởng tượng của chúng tôi bị kích động nhiều bởi những đồn đại về chúng tôi. Tôi cũng phải thú nhận rằng những người Châu âu ở Ấn độ thông thường không khi nào tử tế với chúng tôi và tôi thường bắt gặp nhiều hành động thô bạo đã làm cho tôi càng đau xót hơn. Vì vậy, đối với chúng tôi thật ngạc nhiên khi trông thấy những người Anh này, mà cũng là những người huyền bí học,⁵ cư xử khác biệt đến chừng nào.

Ngay sau khi những cuộc họp nội bộ bắt đầu ở Octagon Bungalow. Leadbeater nói với Wood rằng cậu bé này sẽ là phương tiện cho Chúa Maitreya (hay World Teacher Thầy Thế giới như cậu thường được gọi) và rằng ông, Leadbeater, đã được chỉ thị bởi Bậc Thầy Kuthumi để giúp đỡ đào tạo cậu cho sứ mạng đó.⁶

Leadbeater dường như đã quên bằng hay đã không lưu tâm đến sự việc rằng ông đã chọn một phương tiện – một cậu bé đẹp trai, Hubert, con trai của Dr Weller van Hook ở Chicago mà đã là một trong những người ủng hộ trung thành của ông tại thời gian bị tai tiếng. Tại một buổi giảng thuyết trước công chúng ở Chicago về chủ đề ‘Người Thầy sắp đến’, trong suốt chuyến đi giảng thuyết ở Mỹ, Mrs Besant tuyên bố: ‘Chúng ta mong chờ Ngài hiện ra ở Thế giới phương Tây vào thời điểm này – không phải ở phương Đông như Đấng Christ đã hiện ra cách đây hai ngàn năm.’ Leadbeater đã chọn Hubert ở Chicago, khi cậu ấy mười một tuổi; Mrs Besant đã gặp cậu ấy ở Châu âu năm 1907 và bây giờ, gặp lại cậu ấy năm 1909, bà thuyết phục người mẹ đưa cậu ấy đến Adyar để được đào tạo bởi Leadbeater. Người mẹ

và cậu ấy đến đó giữa tháng mười một, chẳng có mấy ngờ vực rằng Hubert đã bị thay thế.*

Chẳng bao lâu sau Leadbeater thuyết phục Narianiah cho Krishna và Nitya nghỉ học và cho phép các em được giáo dục dưới sự trông nom của ông trong khi vẫn sống cùng người cha của các em. (Krishna không chịu làm bất kỳ điều gì mà không có Nitya.) Bốn giáo viên kèm riêng được giao quyền giáo dục các em, cùng với chính Leadbeater dạy các em môn lịch sử – Ernest Wood, Subrahmanyam Aiyar, Don Fabrizio Ruspoli (người đã từ chức ở hải quân Ý khi ông trở thành một người huyền bí học) và Dick Clarke, một người mới đến Adyar mà trước kia là một kỹ sư. Nhưng môn học quan trọng nhất được dạy là tiếng Anh để cho các cậu có thể nói chuyện với Mrs Besant khi bà trở lại Adyar. Họ đã biết khá nhiều về tiếng Anh nên không thấy môn học này khó lắm. Chẳng mấy chốc họ quên tiếng Telegu bản xứ của họ và bất hạnh thay, lại không được dạy bất kỳ ngôn ngữ Ấn độ nào khác.

Dick Clarke cũng được giao nhiệm vụ lo ăn mặc chỉnh tề cho Krishna và Nitya. Các cậu được khử chấy rận và đưa cho quần áo sạch mỗi buổi sáng; mái tóc của các cậu được cho phép để dài phía trước và được cắt đến ngang vai, và răng của Krishna được làm ngay ngắn bằng một bản kim loại mà Clarke phải xiết chặt mỗi ngày. Ngoài bốn giáo viên dạy kèm của các em, John Cordes, một người Úc đang sống tại Adyar, chịu trách nhiệm cho việc tập luyện thể chất cho các em. Nhưng chính Leadbeater giám sát vệ sinh tắm rửa của các

* Hubert và mẹ cậu ấy ở tại Adyar được năm năm. Sau đó cậu ấy đến Oxford, lập gia đình và trở thành một luật sư ủy quyền ở Chicago. Cậu ấy rất cay đắng về Leadbeater. Quyển *The last four lives of Annie Besant* Bốn cuộc đời cuối cùng của Annie Besant, A.H.Nethercote, p. 193n. (Hart – Davis, 1961)

em, bảo đảm rằng các em được rửa ráy sạch sẽ giữa hai chân. Ông chỉ trích nghi thức của người Ấn độ khi tắm mà vẫn mang một miếng khố. Vận động và thực phẩm đủ chất dinh dưỡng được yêu cầu – những chuyến đi xe đạp dài, bơi lội, quần vợt, tập thể dục. Krishna thích những hoạt động ngoài trời này – cậu là một vận động viên bẩm sinh – nhưng cậu vẫn còn vô hy vọng với những bài học. Thay vì chú ý đến những giáo viên, cậu thường đứng bên cạnh cửa sổ rộng, miệng há to, đặc biệt nhìn mà không nhìn vào thứ gì cả. Cậu luôn được Leadbeater bảo ngậm chặt miệng lại. Cậu vâng lời nhưng ngay lập tức lại há to. Cuối cùng vào một ngày Leadbeater cúi tiết đến độ ông vả vào cằm của cậu. Việc này, Krishna sẽ bày tỏ về sau, chấm dứt sự liên hệ của họ. Miệng của cậu ngậm chặt nhưng Krishna không bao giờ cảm thấy như cũ với Leadbeater nữa.

Leadbeater thậm chí còn quan tâm đến nhiệm vụ đào tạo huyền bí hơn là việc đào tạo sức khỏe thân thể của các em. Vào đêm ngày mừng ~~on~~ tháng tám ông đưa các cậu trong những tâm linh của các cậu trong khi ngủ say đến nhà của Bạc Thầy Kuthumi để đưa các cậu vào giai đoạn thử thách, và sau đó, suốt năm tháng kế tiếp trước khi Krishna được chấp nhận. Leadbeater đưa cậu bé trong hình dáng tâm linh của cậu đến Bạc Thầy để nhận sự dạy dỗ trong mười lăm phút, tại cuối sự dạy dỗ Bạc Thầy sẽ tóm tắt sự dạy dỗ của Ngài trong một vài câu đơn giản. Sáng hôm sau tại Octagon Bungalow, Krishna sẽ viết ra điều gì cậu nhớ được từ những lời dạy dỗ của Bạc Thầy. Cả Dick Clarke và một phụ nữ đang sống tại Adyar đều bảo đảm sự thật rằng những lời dạy dỗ này được viết ra bởi chính Krishna bằng sự siêng năng vô hạn và rằng sự trợ giúp duy nhất mà cậu nhận được là sửa lỗi chính tả và chấm câu. Sau đó những lời dạy dỗ này được sắp xếp thành một quyển sách nhỏ, *At the feet of the Master Tại*

chân Thầy bởi Alcyone, mà đã được dịch thành hai mươi bảy ngôn ngữ và vẫn còn được in ra. Alcyone đã viết trong lời tựa: ‘Đây không là những từ ngữ của tôi; đây là những từ ngữ của Bậc Thầy đã dạy dỗ tôi.’

Vào ngày 17 tháng mười một 1909 Mrs Besant trở lại Ấn độ và Krishna gặp bà lần đầu tiên. Đó là một khởi đầu của một tình yêu vĩnh cửu giữa hai người. Leadbeater đã viết cho bà ở Châu Âu trên chuyến đi trở lại để kể cho bà về những cuộc đời của Alcyone mà ông đã tìm hiểu, nhưng chỉ đến khi có mặt tại Adyar thì bà mới hiểu rõ được những mong đợi của ông cho cậu bé này. Trong suốt ba tuần lễ bà ở lại Adyar trước khi đến Benares để dự Hội nghị của Huyền bí học,^{*} hai cậu bé ở trong phòng của bà tại Bộ Chỉ huy mỗi ngày, nơi bà đưa cho các cậu những bài học đọc. Bà có khả năng xoa dịu những xung đột đang gia tăng giữa Narianiah và Leadbeater, mà đã không còn đủ sự kiên nhẫn bởi sự phản kháng của người cha về việc các con của ông mỗi lúc một bị tách khỏi ảnh hưởng của ông. Bà sắp xếp, với sự ưng thuận của Narianiah, rằng khi bà ở Benares các cậu bé được phép ở trong phòng bà tại khu Bộ Chỉ huy.

Vào ngày 31 tháng mười hai, Leadbeater gửi điện văn cho bà nói rằng Bậc Thầy Kuthumi đã thể hiện ý muốn rằng Thầy sẽ thu nhận Krishna là học trò của Thầy vào đêm đó và liệu bà sẽ vui lòng hiện diện.⁷ Ngày hôm sau bà gửi cho Leadbeater những nhớ lại về nghi thức đó của bà và yêu cầu ông khẳng định liệu đúng thực rằng Chúa Maitreya đã trao Krishna cho bà và Leadbeater chịu trách nhiệm dạy dỗ. Leadbeater trả lời: ‘Đúng thực rằng Chúa Maitreya đã trang

^{*} Những hội nghị hàng năm được tổ chức cách năm năm tại Adyar, bộ chỉ huy quốc tế của Theosophical Society, và Benares, bộ chỉ huy của vùng Ấn độ. Mrs Besant có một ngôi nhà tại Benares.

trọng trao Krishna cho chúng tay đồ nhân danh Brotherhood Huynh đệ. Krishna đã cảm kích sâu sắc và đã khác hẳn kể từ đó.’

Nhưng chẳng mấy chốc một sự kiện còn lý thú hơn đã xảy ra. Vào ngày 8 tháng giêng năm 1910, có một trao đổi những bức điện văn đầy xúc động. Leadbeater gửi cho Mrs Besant ở Benares: ‘Sự khai tâm được sắp xếp vào ngày mười một. Surya (biệt hiệu của Chúa Maitreya trong quyển *Những cuộc đời của Alcyone*) đích thân sẽ hành lễ. Sau đó được sắp xếp thăm Shamballa.* Bao gồm ba mươi sáu tiếng đồng hồ sống cách ly.’ Điện văn trả lời tức khắc: ‘Đóng (phòng) Shrine Điện thờ và hành lang của tôi khóa cửa cầu thang cho thời gian được yêu cầu. Sử dụng phòng của tôi, phòng thư ký của tôi và phòng của bà Lubke† khi được yêu cầu. Ông có thẩm quyền về mọi việc.’

Từ tối thứ hai ngày 10 tháng giêng cho đến sáng ngày mười hai, Krishna và Leadbeater được đóng kín trong phòng của Mrs Besant với Nitya hay Dick Clarke thức canh liên tục bên ngoài cửa. Clarke ghi lại rằng Leadbeater và Krishna đã duy trì ‘rời khỏi những thân thể của họ trong suốt những thời điểm tốt nhất của hai đêm và một ngày, quay lại thân thể rất tỉnh thoả và sau đó chỉ khi nào ưa thích, nhưng vừa đủ để hấp thụ sự nuôi dưỡng (đa phần là sữa ấm) mà chúng tôi

* Một ốc đảo ở sa mạc Gobi nơi Vua của chức sắc huyền bí đã sống, The Sanat Kumara của kinh Ấn độ giáo.

† Một phụ nữ lớn tuổi làm việc trong thư viện. Phòng của bà kế phòng khách của Bà Besant. Leadbeater nhận thấy bà là ‘một ảnh hưởng gây suy yếu’, và đây là một cơ hội để dời bà đi luôn và quét vôi phòng bà lại.

cung cấp tại chỗ nghỉ của họ.’ Krishna nằm trên giường của Mrs Besant và Leadbeater nằm trên sàn nhà.⁸

Theo Leadbeater, trong một lá thư gửi Mrs Besant, Krishna thức giấc vào sáng ngày 11, la lớn, ‘Con nhớ! Con nhớ!’ Leadbeater yêu cầu cậu kể lại cho ông tất cả mọi điều mà cậu đã nhớ lại và những nhớ lại này được viết ra vào ngày 12 trong một lá thư rất dài gửi đến Mrs Besant. Leadbeater bảo đảm với bà rằng lá thư này là những từ ngữ riêng của Krishna, ngoại trừ vài giúp đỡ về các thì và thêm vào một từ ngữ đó đây của ông. Như được ghi lại của Krishna, Bậc Thầy Morya hiện diện tại nhà của Bậc Thầy Kuthumi cũng như Mrs Besant và Leadbeater; sau đó tất cả họ đi cùng nhau đến nhà của Chúa Maitreya nơi nhiều Bậc Thầy khác hiện diện. Krishna được dẫn đến trước mặt Chúa Maitreya bởi những người đỡ đầu của cậu, Mrs Besant và Leadbeater, và, bởi vì đã trả lời đúng những câu hỏi được đặt ra cho cậu, cậu được hoan nghênh vào Great White Brotherhood Huynh đệ Thuần khiết Vĩ đại. Đêm sau cậu được dẫn đến gặp Hoàng đế của Thế giới, và như cậu đã viết, ‘đó là trải nghiệm tuyệt vời nhất cho tôi trong tất cả mọi việc bởi vì Ngài là một cậu bé không lớn tuổi hơn tôi nhiều lắm, nhưng là người đẹp trai nhất mà tôi đã từng gặp, mọi thứ đều rực sáng và lộng lẫy, và khi Ngài mỉm cười nó giống như mặt trời. Ngài mạnh mẽ giống như biển cả, đến độ không thứ gì có thể đứng đối diện Ngài, và tuy nhiên Ngài không là gì ̣ ngoại trừ tình yêu, đến độ tôi không có chút mảy may sợ hãi Ngài.’⁹

Khi Krishna xuất hiện từ phòng của Mrs Besant, mọi người đang chờ đợi phủ phục trước cậu. Chắc chắn rằng khi nhìn từ bức ảnh được chụp trực tiếp sau đó, cậu đã có được trải nghiệm rất lạ thường nào đó. Cậu không nhớ được bất kỳ việc gì trong tất cả những việc xảy ra này trong những năm sau ngoại trừ việc gì những người khác đã kể cho cậu.

Vào tháng ba, Narianiah đồng ý nhường lại trách nhiệm bảo hộ hợp pháp của hai cậu con cho Mrs Besant. Bà chuyển các cậu đến phòng kế cận phòng riêng của bà mặc dù các cậu tiếp tục có những bài học tại Octagon Bungalow. Tháng chín Mrs Besant đưa các cậu đến Benares nơi các cậu ở cùng bà tại nhà riêng, Shanti – Kunja. Krishna chọn ra năm người từ nhóm môn đồ đặc biệt của bà và xin phép liệu cậu có thể chỉ dẫn cho họ những phẩm chất của môn đồ giống như cậu được dạy bởi Bậc Thầy Kuthumi. Trong số năm người này là George Arundale, Hiệu trưởng ba mươi hai tuổi của Central Hindu College tại Benares, và E. A. Wodehouse, Giáo sư tiếng Anh ở đó, người anh của P. G. Wodehouse. Mrs Besant, hài lòng về sự thỉnh cầu, viết cho Leadbeater: ‘Thật tốt lành khi thấy cậu bộc lộ ra, phước lành cho cậu . . . Cậu phát triển rất nhanh, và không thể hiện dấu hiệu của nhút nhát hay rụt rè, nhưng một phẩm cách chừng chạc và nhân từ . . . những môn đồ, George (Arundale) trông hoàn toàn là họ.’ Chính Krishna yêu cầu Leadbeater gửi cho cậu những ghi chú mà cậu đã viết về lời dạy của Bậc Thầy.*

Wodehouse viết về Krishna tại thời điểm này ở Benares:

Điều gì đặc biệt gây tác động chúng tôi là sự tự nhiên của cậu . . . không có một dấu hiệu của bất kỳ loại làm bộ làm tịch hay giả vờ nào. Cậu vẫn còn thuộc một bản chất của nhút nhát, nhún nhường và kính trọng những người lớn và nhã nhặn với tất cả mọi người. Ngoài ra, đối với những người mà cậu ưa thích, cậu thể hiện một

* Leadbeater đánh máy những ghi chú trước khi gửi chúng (những ghi chú viết tay đã bị biến mất) và chính loại đánh máy này đã được sử dụng cho At the Feet of the Master Tại chân Thầy.

loại tình cảm thiết tha, mà có sức lôi cuốn khác thường. Về vị trí ‘huyền bí’ của cậu, dường như cậu hoàn toàn không ý thức được. Cậu không bao giờ ám chỉ đến nó – không bao giờ, trong một khoảnh khắc, cho phép một hàm ý mong manh nào thâm nhập vào câu nói hay thái độ của cậu . . . Một phẩm chất khác là một tánh không ích kỷ đầy thanh thản. Dường như cậu không một mảy may nào bận tâm đến chính mình . . . Chúng tôi không là những người tôn sùng mù quáng, sẵn sàng để không thấy điểm xấu nào của cậu ngoại trừ sự hoàn hảo. Chúng tôi là những người lớn tuổi, những người có giáo dục, và có những kinh nghiệm nào đó về giới trẻ. Nếu có bất kỳ một dấu vết nào của kiêu ngạo hay giả dối, hay bất kỳ điệu bộ nào như là ‘đứa trẻ thiêng liêng’, hay một cái tôi khinh khỉnh, chắc chắn chúng tôi đã đưa ra những nhận định ngược lại.¹⁰

Sự diễn tả của Wodehouse có thể được áp dụng đúng thực cho bản chất của Krishna trong phần còn lại thuộc sống của anh.

‘Một quyền năng vô hạn’

Đầu năm 1911 The International Order of the Star in the East Tổ chức quốc tế của Vì Sao phương Đông được thành lập, với Krishna là Head người Đứng đầu và Mrs Besant và Leadbeater là người bảo hộ của nó. Mục đích của Order là kéo lại gần nhau những người tin tưởng Thầy Thế giới Sắp đến và giúp đỡ chuẩn bị quan điểm quần chúng để chấp nhận Ngài. George Arundale là thư lý cho Head. Một tờ báo theo quý, *Herald of the Star Người đưa tin của Vì Sao*, được thành lập và được in tại Adyar.

Tháng hai năm đó Mrs Besant đưa các cậu viếng Miến điện. Krishna, từ khi thấy ở đó quá nhiều tượng Phật, hình thành một tôn kính về Đức Phật mà cậu không bao giờ mất đi. Khi quay lại Adyar, Leadbeater báo cho Mrs Besant biết ý muốn của Bạc Thầy là các cậu nên đi đến nước Anh. Vì vậy, Mrs Besant khởi hành cùng các cậu đi Bombay vào ngày 22 tháng ba. Ở Benares, trên đường đi, quần áo kiểu Châu Âu được mua cho các cậu và những lỗ lớn trong tai, mà đã được xuyên thủng khi các cậu còn nhỏ, được khâu lại thật đau bởi một bác sĩ. (Krishna không bao giờ mất những vết sẹo mờ trong hai tai ủa cậu.) Họ được tháp tùng bởi Arun dale, người đã xin phép nghỉ vài tháng tại Hindu College.

Ngày 22 tháng tư họ đi tàu từ Bombay. Mrs Besant báo lại Leadbeater, trong lá thư đầu tiên của những lá thư hàng tuần gửi cho ông, rằng các cậu xoay sở trong bộ âu phục rất

khéo, mặc dù các cậu nhận thấy đôi giày quá ‘tù hãm’, và Krishna vui vẻ vì Thuyền trưởng đã cho phép cậu xem vài công việc của con tàu, đặc biệt the ‘Marconi apparatus’ bộ máy Marconi.

Có sự hứng khởi lạ thường giữa những người huyền bí học Anh đến Charing Cross Station vào ngày 5 tháng năm để nghênh đón Mrs Besant và những người được bảo hộ của bà. Số phận vinh quang đang chờ đợi Krishna đã không giữ được bí mật. Trong đám đông là Lady Emily Lutyens mà cuộc đời của bà trong hai mươi năm tiếp sẽ quay quanh Krishna . Mrs Besant, cùng các cậu bé, đi tới sống với một người bạn thân nhất ở Anh, Miss Esther Bright, và người mẹ góa chồng của cô tại số 82 Drayton Gardens. Ngày 8 tháng năm một cuộc họp mặt được tổ chức tại Bộ Chỉ huy Huyền bí học ở Bond Street nơi Mrs Besant tuyên bố sự thành lập Tổ chức Vì Sao phương Đông và nói rằng tất cả người nào muốn trở thành hội viên phải đưa danh tính của họ cho George Arundale. Lady Emily là một trong những người đầu tiên làm như thế, và ngay sau đó Mrs Besant yêu cầu Lady trở thành người đại diện quốc gia của Order cho nước Anh. Hai người khác đăng ký, mà đã được cải đạo sang Theosophy bởi Lady Emily, là Miss Mary Dodge và Muriel, Nữ Bá tước De La Warr, người bạn đã sống với Miss trong một ngôi nhà to lớn ở St James’s, Warwick House. Miss Dodge là một người Mỹ đã sống ở Anh được hai mươi năm và hiện nay bị tê liệt bởi bệnh viêm khớp nặng đến độ cô phải dùng một xe lăn. Cô đã thừa hưởng từ người ông của cô, William Earle Dodge, một gia tài có từ mỏ đồng, bất động sản và công ty đường xe lửa. Cô dành riêng một chiếc xe hơi cho Mrs Besant tùy ý sử dụng khi ở Anh.

Các cậu trai được đưa đi xem tất cả những cảnh đẹp của London, nhưng điều gì các cậu ưa thích nhất là những

nhà hát. Các cậu ghét đi bộ vì đôi giày Châu Âu của các cậu gây đau đớn lắm. Mrs Besant dắt các cậu đến những nơi khác nhau ở Anh và Scotland nơi bà tổ chức những cuộc họp mặt của Hội Huyền bí học. Lady Emily tháp tùng họ đến Oxford và nhớ lại khi họ dự một bữa tiệc ngoài vườn ở đó vào một ngày tháng năm lạnh buốt – hai cậu trai Ấn Độ nhỏ bé run lập cập trông cô độc và lạnh lẽo đến độ bà muốn ôm ấp và chăm sóc các cậu. Lady đưa các cậu cùng hai người con út trong năm người con của bà xem lễ diễn hành đăng quang ngôi Vua của George Đế ngũ vào ngày 22 tháng sáu.

Sau đó Mrs Besant tổ chức ba buổi giảng thuyết tại Queen's Hall ở London về chủ đề 'Thầy Thế giới Sắp đến'. Sự quan tâm lớn lao đến độ Hall đông nghẹt người và hàng trăm người khác đã phải quay về. Mrs Besant là một diễn giả tuyệt vời, nếu không muốn nói là văn hoa. Tác giả, Enid Bagnold, đã nghe bà diễn thuyết về cùng chủ đề tại The Queen's Hall năm 1912, kể lại trong tự truyện của cô: 'Khi bà tiến lên bục giảng bà đang rực sáng. Uy quyền của bà lan tỏa khắp mọi nơi.'

Vào tháng tám Mrs Besant cùng các cậu trai ở với gia đình Bright tại Esher, Surrey nơi họ có một ngôi nhà nhỏ. Lady Emily vắng thăm họ ở đó nhiều lần và nhớ lại bệnh khó tiêu khủng khiếp mà Krishna đã chịu đựng vì sự ăn uống kiêng khem bị quy định cho cậu bởi Leadbeater, cho rằng do lệnh của Bậc Thầy Kuthumi: 'Vô số ly sữa phải uống trong một ngày, và cháo lẫn trứng cho bữa sáng. Tôi có thể thấy Krishna lúc này, sau ~~một~~ đêm không ngủ vì đau đớn, đấu tranh để ăn bữa sáng bị quy định dưới đôi mắt nghiêm khắc của Mrs Besant. Tôi đã muốn giựt lấy cái đĩa đựng thức ăn đó khỏi cậu và đưa cậu vào trong nghỉ ngơi. Sự rối loạn tiêu hóa, cùng cơn đau ~~bất~~, tiếp tục dai dẳng mãi đến khoảng

năm 1916.’¹¹ Nitya, khó bảo hơn Krishna, phàn nàn với Miss Bright rằng không có những món cay trong thức ăn.

Theo Leadbeater, Đức Thầy muốn các cậu được giáo dục ở Anh và theo học tại Oxford; vì vậy, vào tháng tám, các cậu được ghi danh ở New College, nơi Krishna được chờ đợi để xét quyền cư trú vào tháng mười 1914. Trở lại Ấn độ và được rắp nổi bởi Leadbeater, điều gì được nói là sự hiện thân lần đầu tiên của Chúa Maitreya trong Krishnamurti xảy ra tại Hội nghị Huyền bí học tại Benares vào ngày 28 tháng mười hai. Leadbeater miêu tả dịp này trong một lá thư gửi cho Ruspoli tại Adyar. Krishna đang đứng, đang trao giấy chứng nhận cho những hội viên mới của Tổ chức Vi Sao phương Đông khi ngay lập tức Leadbeater cảm thấy ‘một năng lượng lạ thường tràn qua cậu’ (Krishna) và những hội viên kế cận, khi họ đi thành hàng qua, phủ phục nơi chân của cậu, một số người nước mắt chảy xuống hai má. Ngày hôm sau, tại một họp mặt của Esoteric Section, lần đầu tiên Mrs Besant tuyên bố công khai rằng ‘sau điều gì họ đã thấy và cảm giác, không còn có thể giả vờ để che giấu sự thật rằng thân thể của Krishna đã được chọn bởi Bồ tát (Chúa Maitreya) và lúc này đang được làm hòa hợp vào cho cậu.’

Tháng giêng năm 1912 Mrs Besant nhận được một lá thư từ Narianiah đe dọa thưa ra tòa để đòi lại quyền bảo hộ các cậu. Ông cho phép bà đưa các cậu sang nước Anh để được giáo dục chỉ vì bà hứa cắt đứt hoàn toàn các cậu khỏi Leadbeater, người mà ông ghét. Theo Narianiah, bà đưa ra cho ông sự hứa hẹn này. Tuy nhiên, bây giờ Leadbeater quả quyết phải tìm một nơi yên tĩnh để ông có thể chuẩn bị Krishna cho sự khai tâm lần thứ hai. Bị Narianiah cấm đoán không được đưa cậu bé đến Nilgiri Hills như ông đã dự tính, Leadbeater bí mật rời Ấn độ để tìm một bố trí phù hợp ở Châu âu, trong khi Mrs Besant, công bố rằng bà cùng các cậu

đang đi tàu từ Bombay vào ngày 10 tháng hai, thật ra lên tàu ngày 3. Bà viết cho Narianiah ra lệnh ông phải rời Adyar ngay lập tức.

Thời gian này Dick Clarke tháp tùng họ và còn cả C. Jinarajadasa (Raja), một người lãnh đạo nổi bật của Theosophical Society mà đã đi ra nước ngoài giảng thuyết vào thời gian khi Krishna được 'phát hiện'. Ngày 25 tháng ba, chỉ được tháp tùng bởi Clarke và Raja, các cậu đi đến Taormina, Sicily nơi Leadbeater đã bố trí và nơi Arundale nhập thêm vào. Họ ở đó gần bốn tháng, chiếm nguyên một tầng của Hotel Naumachia, Mrs Besant ở cùng họ từ tháng năm đến tháng bảy. Trong suốt chuyến ở lại của họ, Leadbeater nói rằng Krishna và Raja đã nhận sự khai tâm lần thứ hai và Nitya và Arundale lần thứ nhất.

Tháng bảy Arundale trở lại Ấn độ trong khi Mrs Besant, Raja và cậu trai quay lại nước Anh, và Leadbeater, người không bao giờ ghé lại nước Anh, đi đến Genoa trong một thời gian ngắn. Mrs Besant viết thư kể cho ông rằng bà đã nhận được một lá thư từ Narianiah yêu cầu bà trao trả hai người con trai trước cuối tháng tám. Lá thư được xuất bản trong một tờ báo ở Madras, *Hindu*, mà bắt đầu một cuộc công kích hiểm độc vào Mrs Besant, Leadbeater và Theosophical Society. Người biên tập là một kẻ thù cá nhân của Mrs Besant và cả bà lẫn Leadbeater đều tin rằng chính ông ấy đã nắm chóp được Narianiah và đang tài trợ vụ kiện này mà chẳng mấy chốc ông ấy chắc chắn sẽ phát đơn kiện bà. Lúc này bà lại sợ rằng người biên tập này có lẽ cố gắng bắt cóc hai cậu, vì vậy, trước khi quay lại Ấn độ, để các cậu lại nước Anh, bà bảo đảm rằng hai cậu được giấu kín ở quốc gia. Lady De La Warr cho mượn ngôi nhà của bà, Old Lodge ở Ashdown Forest, và các cậu ở đó được sáu tháng, với Raja và Dick Clarke như người dạy kèm của họ và hai

học trò cũ của Leadbeater như những người bảo vệ. Bà và Miss Bright chịu trách nhiệm công việc nhà. Lady Emily tới thăm họ nhiều lần. Sự quyến luyến lẫn nhau giữa Lady và Krishna đang sâu đậm thêm.

Luận điểm của Narianiah trong vụ kiện mà ông phát đơn chống lại Mrs Besant tại High Court of Madras là, một cách vắn tắt, bà không có quyền ủy thác sự bảo hộ các cậu cho một người mà ông có ác cảm nhiều. Ông cũng viện dẫn rằng đã có một ‘giao thiệp không tự nhiên’ giữa Leadbeater và cậu con lớn. Mrs Besant, tiến hành sự biện hộ riêng của bà, thua vụ kiện, mặc dù lời buộc tội gây nguy hại nhất, sự giao thiệp không tự nhiên của Leadbeater với Krishna, không được xét đến. Bà được lệnh phải giao lại các cậu cho người cha. Ngay lập tức bà kháng án nhưng cũng thua vụ kháng án. Sau đó bà làm đơn tại The Privy Council ở Anh; quyết định của tòa án ủng hộ bà và bà được miễn án phí. Vụ kháng án được chấp thuận chính yếu trên nền tảng rằng những mong muốn của các cậu đã không được tham khảo và các cậu không được đại diện trong phiên tòa. Các cậu không muốn trở lại Ấn độ và lệnh của tòa án Madras không thể được thực hiện nếu không có sự đồng ý của các cậu. Nhưng đã có quá nhiều sự trì hoãn đến độ quyết định này không được thi hành mãi đến ngày 25 tháng năm 1914, trước thời gian Krishna 18 tuổi, tuổi mà các cậu có được sự trưởng thành theo luật của Ấn độ.¹²

Krishna viết cho Mrs Besant ở Ấn độ khi cậu nghe sự phán quyết, cảm ơn bà về mọi chăm sóc tử tế của bà từ khi lần đầu tiên bà gặp cậu trên bục giảng tại Madras: ‘Con biết rằng điều duy nhất mà mẹ muốn là con phải giúp đỡ những người khác như mẹ đã giúp đỡ con, và con sẽ mãi mãi nhớ điều này bởi vì con đã đến tuổi trưởng thành và được tự do để theo đuổi ước vọng của con mà không cần sự giám hộ của

mẹ.' Krishna không bao giờ quên gửi cho Mrs Besant những lá thư ngắn dăm thăm kể chút ít về trạng thái thực sự của cái trí cậu.

‘Tại sao họ chọn con?’

Trong khi những phiên tòa đang tiếp tục hai cậu trai di chuyển từ nơi này sang nơi khác. Mùa hè năm 1913 các cậu ở tại Varengenville, trên bờ biển Normandy, nơi một ngôi nhà đã được cho họ mượn bởi M. Mallet.* Lúc này Arundale đã từ chức ở Central Hindu College để giúp đỡ dạy kèm các cậu. Những chỉ thị của Bậc Thầy truyền lại qua Leadbeater rằng Krishna không bao giờ được đi ra ngoài mà không được theo cùng hai người khai tâm – điều này có nghĩa Arundale và Raja. Raja là một người nghiêm khắc về kỷ luật nhiều hơn Arundale và các cậu không bằng lòng ông làm gia sư.

Lady Emily cũng ở tại Varengenville mùa hè đó, trong một ngôi nhà khác cùng năm người con của bà, và vào những buổi chiều có những trò chơi tennis và rounders. Tuy nhiên, hoạt động chính là đặt kế hoạch cho một tờ báo mở rộng mới có tên là *Herald of the Star Người đưa tin của Vì Sao*, được xuất bản hàng tháng ở Anh do Lady Emily là biên tập viên của nó. Trong suốt mùa hè đó Krishna trở thành ‘sống trọn đời’ của Lady Emily. ‘Người chồng, nhà cửa và con cái phải lạt dần vào quá khứ’ của bà. Lady coi Krishna như cả ‘người con và người thầy của bà’,¹³ và cậu, trong vài năm kế tiếp, hầu như cũng hết lòng với bà như thế.

* Đây là một ngôi nhà thứ hai mà Edwin Lutyens đã xây dựng cho gia đình Mallet, được gọi là Les Communes.

Vào tháng mười năm đó Miss Dodge sắp xếp để chuyển cho Krishna £500 và Nitya £300 một năm trong suốt đời. Lợi tức này dường như đã cho Krishna sự can đảm để, lần đầu tiên, viết cho Leadbeater khẳng định sự độc lập của cậu. Cậu yêu cầu Raja ‘rời khỏi những bồn phận của ông’ bởi vì cậu, Krishna, biết cậu có thể ‘chỉ đường và hướng dẫn George (Arundale)’ tốt lành hơn nếu không có ông ấy. Cậu tiếp tục, ‘Tôi nghĩ bây giờ là thời điểm tôi phải nắm giữ sứ mệnh của tôi . . . tôi đã không được trao bất kỳ cơ hội nào để cảm thấy những trách nhiệm của tôi và tôi đã bị kéo lê loanh quanh giống như một đứa bé.’ Raja được gọi về, nhưng sự yêu cầu không được đón nhận vui vẻ lắm. Trước lúc đó, Leadbeater nhận thấy rằng Krishna là người hoàn toàn dễ uốn nắn.

Do những sợ hãi bị bắt cóc được hâm nóng lại sau một thời gian im ắng, Arundale được chỉ thị đưa các cậu quay trở lại Taromina vào tháng giêng 1914. Lần này Lady Emily theo cùng các cậu và bị chỉ trích gay gắt trong một lá thư Mrs Besant viết, bởi vì đã rời bỏ con cái của bà để đi theo Krishna không thuộc trách nhiệm của Lady. Sự di chuyển kế tiếp của các cậu là đến Shanklin trên Isle of Wight nơi Krishna học chơi golf. E. A. Wodehouse đã được gửi từ Benares để là gia sư thay thế Raja, và cô của Arundale, Miss Francesca Arundale có phận sự chăm sóc nhà cửa (Krishna nhận được 125 bảng Anh một tháng từ Mrs Besant cho những chi phí sinh hoạt). Miss Arundale là một phụ nữ trông nghiêm khắc, có mái tóc bạc tết chặt đằng sau và đeo kính gọng thép, trước kia là môn đệ của Madame Blavatsky. Lady Emily thường xuyên thăm vắng các cậu. Cùng dạo bộ với bà trong cánh rừng, Krishna thường thấy những sinh linh tưởng tượng rất xinh đẹp, bé tí và ngạc nhiên khi bà không thể thấy chúng. Bà nhớ lại rằng Krishna chỉ lưu tâm đến thi ca trong những ngày

đó, đặc biệt Shelly và Keats, và những phần của Kinh Cựu ước mà bà đọc cho cậu nghe. Cậu hầu như thuộc lòng The ‘Song of Solomon’.

George Arundale rất ganh ghét Lady Emily vào thời gian này và liên tục gửi những báo cáo cho Mrs Besant về sự hư hỏng mà Lady đang gây ra cho Krishna. Sau khi Mrs Besant đã thắng được vụ kiện tại The Privy Council, các cậu trai, cùng gia sư của các cậu, chuyển đến Bude, một thị trấn ven biển ở Cornwall, nơi Lady Emily bị Arundale cấm không được viếng thăm các cậu. Ông nói với Lady rằng bà đang cản trở ‘công việc của Bậc Thầy bằng cách nhấn mạnh bản chất thấp hèn nên gây bất lợi cho sự phát triển bản chất cao quý của Krishna’ và rằng Lady không hiểu Krishna rõ ràng hơn ông. Ông liên tục thúc giục Krishna ‘mang qua’ điều gì cậu đã nhớ từ tầng tinh thần, nhưng Krishna thường không ‘mang qua’ bất cứ điều gì mà cậu cảm thấy không chân thật.

Để đền bù cho việc cấm gặp gỡ Lady Emily, Krishna được tặng một chiếc xe gắn máy. Cậu thích đánh bóng nó liên tục và sửa chữa vật động cơ. Dick Clarke nói rằng cậu là một thợ cơ khí bẩm sinh. Cậu cũng rất giỏi môn golf, luyện tập với một người chuyên nghiệp xuất sắc. (Năm năm sau cậu dành được chức vô địch tại Muirfield mà sau đó cậu mô tả là khoảnh khắc tự hào nhất của cuộc đời cậu.)

Vào tháng bảy, B. Shiva Rao được Mrs Besant gửi từ Ấn độ sang Bude để dạy tiếng Phạn cho Krishna. Shiva Rao đã biết trước các cậu tại Adyar nơi ông giúp đỡ Leadbeater biên soạn quyển *Những cuộc đời của Alcyone*. Một người đàn ông trẻ, ông là một người tạo ra sự phấn chấn, nhưng khi chiến tranh bùng nổ vào ngày 4 tháng tám năm 1914, ông được gọi nhập ngũ lại. Chiến tranh chẳng tạo ra sự khác biệt gì cho cuộc sống buồn tẻ trong nơi ẩn ở tạm thời tại Bude. Vào mùa thu, khi Nityar đi đó để theo học cùng một gia sư

tại Oxford, Krishna thậm chí càng trở nên cô độc hơn. Krishna ao ước một cuộc sống bình thường và viết cho Lady Emily: ‘Tại sao họ chọn con?’ Cậu không có bạn cùng lứa tuổi, không ai để vui đùa, và cậu lại thích vui đùa, và, vì rằng Lady Emily không cảm đoán, Miss Arundale nghiêm khắc là người phụ nữ duy nhất mà cậu nhìn thấy.

Phải nghi ngờ liệu Mrs Besant có bất kỳ ý tưởng nào về sự cô độc và không hạnh phúc của Krishna hay không. Lúc này bà quá bận rộn cho công việc đấu tranh vì India Home Rule Quyền Tự trị của Ấn độ, mà bà vận động mạnh mẽ đến độ vào năm 1917 bà bị nhốt giam ba tháng tại Ootacamund. Trong thời gian đó, Leadbeater đã thực hiện một chuyến đi giảng thuyết dài ngày và chấm dứt khi ông định cư ở Úc năm 1915, nơi ông thành lập một cộng đồng. Dường như ông đã quên bằng Krishna mặc dù ông vẫn tiếp tục viết những bài văn hoa trong tuần báo Theosophy về The Coming Sắp đến.

Cuối tháng ba năm 1915, Nitya, cũng rất buồn bã và cô độc và đã bị nhồi nhét quá nhiều bởi gia sư của cậu tại Oxford và đã bị căng đôi mắt của cậu rất nặng, trốn thoát đến Pháp như một người biệt phái đưa thư cho Hồng thập tự Pháp. Krishna cũng ao ước đi lắm và rất phấn khích khi Mrs Besant gửi điện đồng ý. Cậu vội vã đến London để đặt một bộ đồng phục nhưng, bị thất vọng cực độ khi sự cho phép bỗng nhiên bị thu hồi. Bà nghĩ rằng điều quan trọng nhiều hơn là cả hai cậu nên tiếp tục học để vào Oxford, thế là cậu quay lại Bude với chỉ một mình Wodehouse làm bầu bạn tại chỗ ở tạm thậm chí còn chán nản hơn bởi vì Mrs Besant thấy rằng không còn đủ khả năng để tiếp tục trả tiền hàng tháng trong suốt chiến tranh. Trái lại, Arundale, trong một bộ đồng phục mới lịch sự, đi làm việc cho Hội Hồng thập tự Anglo – French tại một bệnh viện ở London. Ông và Krishna

không bao giờ gần gũi lại. Nitya được gọi trở lại từ Pháp và sống cùng Krishna ở Bude.

Vì Arundale không còn đó, hai anh em gần gũi nhau hơn, và cả hai đều vui vẻ hơn, Krishna bởi vì cậu có thể gặp lại Lady Emily và Nitya bởi vì cậu được thưởng hai huy chương vàng cho công việc của cậu tại Hội Hồng thập tự Pháp. Krishna, nhờ sự học hành chăm chỉ, hy vọng đậu kỳ thi Responsions (kỳ thi nhập học trường đại học Oxford) vào tháng mười năm 1916, hai năm tiếp hơn được dự tính. Điều này có nghĩa Nitya sẽ vào Oxford trước cậu.

Cuối tháng tư năm 1916, thật vui mừng khi hai cậu rời Bude vì Wodehouse gia nhập Scots Guards Đội Bảo vệ Scotland. Hai cậu trải qua hai tháng ở London, ở cùng Miss Dodge và Lady De La Warr tại ngôi nhà to lớn mà lúc này họ thuê chung, West Side House trên Wimbledon Common, và có một cái vườn tuyệt đẹp. Mặc dù lúc trước hai cậu thường đến ăn cơm tại Warwick House, West Side House cho các cậu kinh nghiệm đầu tiên về những điều kiện xa hoa của một ngôi nhà quý tộc giàu có. Các cậu cũng chịu ảnh hưởng của một luật sư về hưu, Harold Baillie – Weaver, mà, trước hôn nhân và cải đạo sang Theosophy của ông, đã sống theo phong cách quý tộc. Ông vẫn còn ăn mặc chải chuốt và rất yêu đời. Ông là ‘người đàn ông của thế giới’ đầu tiên mà các cậu tiếp xúc. Ông giới thiệu họ người thợ may riêng của ông, hình thành sở thích về quần áo của họ và thậm chí còn dạy họ cách đánh bóng giày. Từ đó về sau, các cậu mặc com-lê, áo sơ mi may đo và găng tay, vải che mắt cá màu xám và đội mũ mềm vành cong và cầm cán đầu bọc vàng (phong cách này thực hiện được nhờ tiền trợ cấp hàng năm của Miss Dodge). Krishna không bao giờ mất đi sự mê say quần áo tốt và niềm thích thú trong chúng.

Thời gian này tại West Side House là một thời gian tương đối hạnh phúc cho các cậu. Có hai sân tennis; họ lang thang mọi nơi trong bộ com lê áo đuôi tôm gần hết buổi sáng và được tự do đi xem phim bất kỳ lúc nào họ thích, và thăm Lady Emily. Các cậu luôn luôn cảm thấy như ở nhà trong sự nuôi dưỡng của gia đình Lutyens, nơi các người con còn nhỏ đối xử với họ như thành viên của gia đình. Trở ngại duy nhất đối với West Side House là các cậu phải cư xử tốt nhất ở đó, vì biết rằng Lady De La Warr tức khắc sẽ báo cáo bất kỳ hành vi lông bông thái quá nào cho Mrs Besant. Lady là một phụ nữ nhỏ người và hiem độc, không giống như Miss Dodge có một bản tính thánh thiện.

Nhưng chẳng mấy chốc việc học hành của các cậu phải tiếp tục lại. Một thầy dạy luyện thi được tìm ra cho các cậu bởi Baillie – Weaver, Rev. John Sanger, ông cùng vợ gần Rochester ở Kent và chỉ có ba học sinh khác. Krishna nhận thấy Mr Sanger là một thầy giáo xuất sắc nhưng rất thất vọng khi được ông bảo rằng cậu không có hy vọng đậu kỳ thi Responsions trước tháng ba năm 1917. Tuy nhiên kỳ thi không là vấn đề duy nhất. New College đã xóa bỏ danh tính của các cậu vào thời điểm của vụ kiện. Bây giờ Baillie – Weaver đang cố gắng đưa các cậu vào trường Christ Church hay Balliol.

Sau một chuyến viếng thăm London, Krishna viết cho Lady Emily một lá thư khi trở về nhà của Sanger mà bộc lộ phẩm chất tình yêu của cậu dành cho Lady và sự gây bất hòa không cần thiết mà Arundale đã gây ra:

Mẹ yêu quý, sẽ có quá nhiều chia ly trong cuộc sống này đến độ chúng ta phải quen thuộc nó nếu chúng ta muốn hạnh phúc. Thật ra sống là một chia ly đau khổ nếu người ta thương yêu bất kỳ ai rất nhiều và trong

sáng. Trong *các* sống này chúng ta phải sống vì những người khác và không phải vì chúng ta & không được ích kỷ. Mẹ của con, mẹ không biết mới đây mẹ đã giúp đỡ con nhiều đến chừng nào, chính mẹ đã tạo ra một khao khát trong con để làm việc và để làm những điều gì các Bậc Thầy muốn con làm. Cũng chính mẹ đã dạy cho con sống trong trắng và suy nghĩ những điều trong sáng và xua đuổi những ý nghĩ gây phiền muộn nhiều. Mẹ thấy, người mẹ thiêng liêng của con, rằng mẹ đã giúp đỡ con mặc dù thường xuyên mẹ nghĩ rằng mẹ đã là một cản trở cho con.

Mặc dù là một người phát triển rất chậm, Krishna là một thanh niên bình thường hoàn hảo, nhưng bởi vì ý tưởng phải trong trắng tuyệt đối trong một người khai tâm đã được thấm nhuần trong cậu, cậu lo sợ lắm bởi những ‘giấc mơ xấu xa’ của cậu mà cậu nhận xét rằng ‘thuộc thú tính’. Cậu không thể hiểu rõ chúng bởi vì cậu biết rằng những suy nghĩ của cậu không bao giờ là bất kỳ thứ gì khác ngoại trừ sự trong trắng khi thức giấc. Lady Emily có thể giúp cậu bằng cách bảo đảm với cậu rằng chúng chỉ là dòng chảy an toàn tự nhiên.

Vào đầu năm 1917 mọi hy vọng đưa các cậu vào Oxford phải bị hủy bỏ. Không trường đại học nào muốn thu nhận họ bởi vì vụ kiện và danh tiếng của cậu như ‘Đấng Cứu thế’. Sau đó Mr Sanger không thành công khi cố gắng đưa các cậu vào trường đại học cũ của ông ở Cambridge. Đến tháng sáu họ nhận ra rằng không còn sự lựa chọn nào khác ngoại trừ cố gắng vào London University, mà có nghĩa một kỳ thi thậm chí còn khó khăn hơn thi vào Cambridge.

Krishna phải bị chán nản biết chừng nào bởi sự nhồi nhét vào những môn học mà cậu không có năng khiếu. Người ta cảm thấy rằng cậu kiên trì để làm hài lòng Mrs Besant hơn

là lợi ích riêng của cậu. Tuy nhiên, cậu đang bắt đầu phát triển những quyền năng riêng của cậu. Cậu viết cho Raja vào ngày 20 tháng mười một: ‘Ông có lẽ sung sướng khi biết rằng tôi đang chữa đôi mắt của Nitya. Chúng đã khỏi nhiều rồi và em có thể nhìn thấy bằng mắt trái (trước lúc đó Nitya gần như đã bị mù) . . . Ở đây (tại nhà của Sanger), khi có bất kỳ người nào bị nhức đầu hay đau răng, họ đều đến nhờ tôi chữa vì vậy ông có thể thấy tôi khá nổi tiếng.’ Và một vài tuần sau cậu viết cho Mrs Besant:

Những ngày này con đã suy nghĩ về mẹ nhiều lắm và con muốn làm bất kỳ điều gì để nhìn thấy khuôn mặt thương yêu của mẹ lại. Nó là một thế giới thật ngộ nghĩnh! Con rất buồn vì mẹ đang cảm thấy không khỏe và con nghĩ rằng như thường lệ mẹ lại đang làm việc quá sức. Ao ước duy nhất của con chỉ là có mặt ở đó để chăm sóc mẹ và con tin rằng con sẽ giúp mẹ khỏe lại. Con đang phát triển năng lực chữa trị cho mọi người và con chữa đôi mắt của Nitya mỗi ngày và chúng đã khỏi nhiều rồi.

Tháng giêng năm 1918 ‘các cậu t rai’, như chúng tôi vẫn còn gọi họ mặc dù Krishna đã hai mươi ba tuổi và Nitya hai mươi, đến London để dự kỳ thi tuyển Đại học trong bốn ngày. Krishna cảm thấy cậu đã làm bài được, ngay cả môn toán và Latin, những môn dở nhất của cậu, nhưng vào tháng ba họ nghe rằng, mặc dù Nitya đậu hạng danh dự, Krishna đã rớt. Thế là cậu phải quay lại nhà của Sanger trong khi Nitya ở lại London để theo học ngành luật. Mr Sanger thất vọng nhiều cho Krishna. Ông đưa ra một ý kiến lý thú rằng, trong khi Nitya có một trí óc bén nhạy hơn, trí óc của Krishna lại vĩ đại hơn; cậu có khả năng nắm bắt một chủ đề bao quát hơn

nhưng bị trở ngại khi không thể diễn đạt những suy nghĩ của cậu dễ dàng.¹⁴

Vào tháng năm Krishna rời nhà của Sanger mãi mãi và trải qua gần hết mùa hè ở West Side House. Vào tháng chín cậu dự kỳ thi tuyển, lại nữa với những hy vọng nhiều, chỉ rút môn toán và Latin. Mùa đông năm đó cậu theo xe buýt mỗi ngày từ Wimbledon đến London University để theo học những bài giảng mà cậu chẳng ưa thích tí nào, cho đến đầu năm 1919 khi cậu và Nitya chuyển vào một căn hộ ở London tại Robert Street, Adelphi. Hàng ngày cậu tiếp tục đến London University trong khi Nitya vẫn đang học cho ngành luật. Họ trải qua nhiều thời gian tại nhà của chúng tôi ở London. Rất xúc động khi đi học về và thấy những cái mũ màu xám và can bọc vàng của họ trên bàn ở phòng ngoài. Krishna, đã vừa tìm được P. G. Wodehouse và Stephen Leacock, đọc *Piccadilly Jim* và *Nonsense Novels* lớn tiếng cho chúng tôi trong khi chúng tựa vào kệ sách trong phòng khách (cậu không bao giờ ngồi ngoài trừ bữa ăn), cười nhiều đến độ hầu như cậu không thể nói ra lời. Cậu có một tiếng cười dễ lây lan nhất mà không bao giờ cậu đánh mất. Vào cuối tuần chúng tôi thường đi xem phim cùng các cậu và họ sẽ tham gia trò chơi trốn tìm khắp nhà. Họ có một sức mê hoặc độc nhất vô nhị đối với tôi; họ tạo ra một lực hấp dẫn quanh chính họ bất kỳ nơi nào họ đi. Dường như họ giống nhau nhiều hơn những anh em người Anh bởi vì rất khó nhận xét sự khác biệt trong những người nước ngoài. Trọng âm tiếng Anh của họ có cùng nhịp, họ có cùng nụ cười, cùng bàn chân nhỏ nhắn mà không đôi giày đóng sẵn nào có thể vừa vặn, cùng khả năng gập khớp đầu của những ngón tay mà không cong khớp thứ hai và cả hai đều có mùi thơm bởi loại dầu nào đó mà họ bôi trên mái tóc đen, thẳng, bóng mượt của họ. Và vào thời gian đó, họ ăn mặc sạch sẽ và tề chỉnh hơn

bất kỳ người nào tôi biết. Họ không thể mặc chung bộ com lê vì Nitya thấp hơn người anh của cậu, nhưng họ mặc chung áo sơ mi, tất, cà vạt, quần áo trong và khăn mùi soa, tất cả đều đánh dấu bằng những chữ đầu ghép lại của họ JKL.

Tháng sáu năm 1919 Mrs Besant đến Anh. Đã được bốn năm rồi kể từ lần cuối bà gặp hai anh em, vì bây giờ họ phải được gọi như thế. Trong khi bà ở đó Krishna chủ tọa một cuộc họp Star, công việc đầu tiên thuộc loại này mà anh đã làm từ chuyến viếng thăm cuối của bà: anh đã không bao giờ nói cho bà về cảm giác không còn hứng thú của anh đối với Theosophy và the Order of the Star in the East. Trước khi bà trở lại Ấn độ anh xin phép đến sống ở Pháp để học tiếng Pháp nếu anh rớt kỳ thi tuyển lần thứ ba. Vì thấy chẳng còn hy vọng gì cho anh học thi vào London University, bà đồng ý. Tháng giêng năm 1920 Nitya đi kỳ thi luật của anh và trong cùng tháng Krishna dự kỳ thi tuyển lần thứ ba, nhưng, vì cảm thấy rằng anh không có cơ hội đậu được, anh bỏ giấy trắng. Bốn ngày sau anh ở Paris.

***‘Con không bao giờ có thể
thực hiện được ước mơ của con’***

Thoạt đầu Krishna sống ở Paris cùng hai người huyền bí học và hội viên của Vì Sao, Madame Blech và chị của bà, và vì nhớ Lady Emily, anh buồn bã ghê lắm và vỡ mộng với vai trò của anh. Anh viết cho Lady Emily vào ngày 1 tháng hai: ‘Con *không bao giờ* có thể thực hiện được ước mơ của con, nó càng tuyệt vời bao nhiêu nó càng gây buồn thảm và không thể thành tựu bấy nhiêu. Mẹ biết ước mơ của con, thừa mẹ, là ở cùng mẹ mãi mãi. Nhưng con là một *lusus naturae* (một kỳ dị của thiên nhiên) và thiên nhiên ưa thích kỳ dị của nó trong khi kỳ dị lại đau khổ. Và mười ngày sau: ‘Ôi! Mẹ ơi, con *ồn* trễ, con phải lớn lên cùng đau khổ như người đồng hành vĩnh viễn của con hay sao? Mẹ đã có tuổi thanh niên và hạnh phúc của mẹ và mẹ đã có điều đó mà có *tử* được trao tặng bởi con người và Thượng đế, một tổ ấm!’

Một trong những người đầu tiên Krishna gặp ở Paris là Fabrizio Ruspoli. Ruspoli đã gia nhập lại hải quân khi chiến tranh bùng nổ và lúc này ở Paris như người đứng đầu của đoàn đại biểu Hải quân Ý dự Hội nghị Hòa bình. Trong một lá thư ngày 11 tháng hai, Krishna kể cho Lady Emily:

*Ruspoli và con ăn trưa tại một nhà hàng nhỏ. Ông và con nói chuyện lâu lắm. Ông cũng rất bức dọc giống như con . . . Người bạn cũ Ruspoli tội nghiệp. Ông lúc này 42 tuổi, cảm thấy không cửa không nhà, không tin tưởng bất kỳ điều gì C.W. L (Lead beater) hay Mrs Besant đã nói . . . Ông không**g**ép**h**ải làm gì, ông không có tham **o**ng. Thật ra cả ông và con đều ở chung con thuyền bất hạnh . . . Ông suy nghĩ và cảm thấy tất cả mọi điều mà con cảm thấy, nhưng khi ông nói Sẽ phải làm gì? Cả hai đều cảm thấy đau khổ.*

Nhưng chẳng mấy chốc sống của Krishna sẽ được vui vẻ bởi một gia đình được gọi là de Manziarly sống gần gia đình Blechz. Madame de Manziarly, một phụ nữ Nga kết hôn với một người Pháp, là một phụ nữ nhỏ nhắn, xinh đẹp và rất mạnh mẽ, có ba con gái và một cậu trai, tất cả những người con bà đã cho gia nhập thành hội viên của Star khi họ còn bé thơ. Chỉ hai cô gái nhỏ, Marcelle và Yolande (được gọi là Mar và Yo), có tuổi mười chín và mười lăm, ở Paris vào thời gian đó. Mar, một nhạc sĩ dương cầm giỏi và một người sáng tác, trở thành người bạn đặc biệt của Krishna. Madame dạy tiếng Pháp cho anh, đưa anh đến những cuộc triển lãm, đến Comedie – Francaise và đến Russian Ballet, nhưng việc anh thích nhiều hơn là dự những buổi picnic với hai cô gái có một sự pha trộn của đùa giỡn lẫn tôn trọng. Dẫu vậy, anh bị bối rối khi nhận thấy rằng gia đình này và bạn bè của họ cảm thấy được truyền ‘hung phấn’ bởi anh, rằng anh là ‘một ngọn lửa sống’ đối với họ. Như anh kể cho Lady Emily, họ muốn thấy những ‘Bậc Thầy’ trái lại ‘con, như mẹ biết, chẳng thêm màng đến’. Tuy nhiên anh đã có một trải nghiệm huyền bí mà anh kể cho Lady Emily:

Bỗng nhiên trong khi bà (Madame de Manziarly) đang nói, con trở nên không ý thức được bà và căn phòng và tất cả mọi thứ. Có vẻ như thể là con ngất xỉu được một giây và con quên đều gì con đang nói và con yêu cầu bà lặp lại điều gì con đang nói. Tuyệt đối không thể diễn tả được, mẹ à. Con cảm thấy như thể đầu óc và tinh thần của con được mang đi khỏi trong một giây và con cảm thấy kỳ lạ nhất, con bảo đảm với mẹ. Mme de M. luôn luôn đang nhìn con và con nói rằng con cảm thấy rất kỳ lạ và con nói ‘Ồi! Căn phòng rất nóng, phải không?’ Bởi vì con không muốn bà ấy nghĩ con được ‘truyền hưng phấn’ hay bất kỳ cái gì thuộc loại đó nhưng giống hệt nhau con ‘cảm thấy’ thực sự được truyền hưng phấn và rất kỳ lạ . . . Con phải nhồm dầy và đứng một chốc lát và tập hợp lại những ý tưởng của con. Con bảo đảm với mẹ, thưa mẹ, nó là sự kiện kỳ lạ nhất, kỳ lạ nhất. Trong chính chúng ta tuyệt đối, trong ngôn ngữ của Theosophy, có người nào đó hiện diện ở đó nhưng con đã không bảo cho bà ấy.

Tháng hai 1920 Nitya thăm Krishna ở Paris , và em lần Madame de Manziarly đều trở nên rất ưa thích nhau. Nitya cảm thấy rằng rốt cuộc em đã có người nào đó để lo lắng cho em như chính em chứ không phải như người em của Krishna. Chồng của Madame de Manziarly chết vào tháng hai, sau đó bà có thể hết lòng giúp đỡ Krishna lúc này đang ở một mình trong một căn gác mái nhỏ xíu. Tháng bảy Krishna đi cùng gia đình Manziarly trong hai tháng đến Amphion trên Geneva Lake, nơi họ có một ngôi nhà. Trong thời gian anh ở đó, anh đọc cho những cô gái nghe quyển *The Buddha's Way of Virtue* Con đường Đạo đức của Phật mà khơi dậy trong anh một vài niềm tin cũ của anh. Đoạn văn tác động vào anh

nhiều nhất là: ‘Tôi là tất cả chinh phục và tất cả hiểu biết, không bị lệ thuộc, không bị ô uế, không bị giới hạn, hoàn toàn được tự do khỏi sự hủy hoại của ham muốn. Tôi sẽ gọi ai là người thầy? Chính tôi đã tìm được con đường.’

Thời gian này tại Amphion có thể là kỳ nghỉ bình thường hạnh phúc nhất mà Krishna đã trải qua. Anh buồn bã vì Lady Emily không thể có mặt ở đó. Anh viết ‘ Mẹ sẽ tận hưởng mọi hân hoan và trẻ thơ đến chừng nào.’ Đặc biệt anh muốn Lady hiện diện cùng anh trên một chuyến đi đến Chamonix. ‘Những hòn núi đó trông thật uy nghi và bình lặng . . . con ao ước mẹ trông thấy chúng mà đối với con là hiện thân của chính Thượng đế.’ Đây là sự tỉnh thức đầu tiên của anh về những hòn núi, mà anh không bao giờ mất đi tình yêu và sự kính trọng của anh đối với chúng.

Thời gian này Krishna nghe rằng Raja lại ở Anh, đem theo cùng ông, để đi đến Cambridge, một môn đồ cũ của Leadbeater. Rajagopalacharya (Rajagopal), một thanh niên trẻ hai mươi tuổi, nói đã là St Bernard trong một đời trước và sẽ có một tương lai tuyệt vời. Như anh nói với Lady Emily, anh nghĩ rằng lúc này Raja ở đó, tất cả những cuộc đời quá khứ và những bậc huyền bí trên Con đường sẽ bắt đầu lại. Anh đã được kể lại, Raja muốn bắt đầu một loại nghi thức nào đó trong Theosophical Society. ‘Con sẽ viết cho Raja và nói với ông ấy rằng nếu ông ấy còn sử dụng nghi thức sai trái đó trong Star, đối với con tất cả đều giống hệt ... Con nghĩ rằng ông ấy tin điều gì Lady D (De La Warr) nói về chúng con và nợ nần của chúng con . . . Nếu ông ấy đã nói với con rằng họ đã tiêu tốn nhiều tiền trong ‘giáo dục’ (?) con và rằng con phải bồi hoàn nó bằng ‘sự phục vụ’ cho The T. S. (The Theosophical Society), vậy thì con sẽ nói với ông ấy rằng con không bao giờ yêu cầu ông ấy đưa con rời khỏi Ấn độ và vân

vân. Dầu sao chẳng nữa, tất cả điều đó đều vớ vẩn và con chán ngấy nó.’

Krishna còn bức bối hơn nữa khi Raja gửi cho anh một ấn bản đưa trước của tờ *Disciple Môn đồ*, một tập san được phát hành bởi The Esoteric Section of The Theosophical Society. Anh viết cho Lady Emily:

Tóc của con dựng đứng . . . như mẹ biết con thực sự có tin tưởng những Bậc Thầy và vân vân nhưng con không muốn điều đó được biến thành lối bịch . . . tờ Disciple là tờ báo quá tầm thường và đen tối . . . Con đang ở trong tâm tạng nổi loạn nhất như mẹ có thể tưởng tượng được và theo cá nhân con không muốn lệ thuộc vào bất kỳ thứ gì mà con xấu hổ . . . nếu (gạch dưới bốn lần) con phải giữ một vị trí chính trong T. S. nó sẽ là bởi vì con không là (điều gì) những người khác suy nghĩ về con hay đã tạo ra một vị trí cho con.

Nhưng anh không biểu lộ sự nổi loạn này cho Mrs Besant biết – chỉ có sự thành tâm mà anh luôn luôn cảm thông với bà. Viết cho Mrs Besant vào sinh nhật lần thứ bảy mươi ba của bà vào tháng chín, anh bày tỏ điều này bằng tất cả tấm lòng của anh. Anh cũng kể cho bà rằng bây giờ anh có thể đọc và hiểu tiếng Pháp dễ dàng và anh dự tính đến Sorbonne để theo môn triết học.

Cuối tháng chín, Krishna ở cùng Nitya được một tuần trong một căn hộ khác ở Adelphi. Anh thấy Raja nhiều lần và gặp Rajagopal mà anh nhận xét là ‘một cậu trai rất dễ mến’. Trong suốt những ngày ở London đó trước khi quay lại Paris vào tháng chín, ~~is~~ quan tâm The Order of The Star ~~đ~~ đánh thức lại, chắc chắn do ảnh hưởng của Raja, và anh đảm nhận viết những bài biên tập hàng tháng cho tờ *Herald* mà

Lady Emily vẫn còn đang làm chủ bút. Những bài này gây áp lực nhiều cho anh, và sự sợ hãi của anh mỗi lúc một nhiều hơn, nhưng nó tạo ra sự khác biệt lớn cho việc phát hành tờ tạp chí đang gặp khó khăn về tài chánh. Chính Krishna đã viết đề yêu cầu những giúp đỡ và tiền bạc gửi đến đủ để tiếp tục công việc. Khi người con trai Robert của Lady Emily, lúc này là phóng viên chuyên nghiệp, trở thành người chủ bút của nó, tờ tạp chí kiếm được nhiều lãi.

Trở lại Paris, Krishna theo học tại trường Sorbone và cũng, theo lời khuyên của Lady Emily, dự những lớp học diễn thuyết trước công chúng, và vào cuối tháng tình nguyện diễn thuyết tại một cuộc họp mặt của Theosophy. Anh kể lại rằng anh ‘run rẩy vì lo lắng’ trước đó nhưng ngay khi ở trên bục giảng anh lại ‘bình thản như một diễn giả kinh nghiệm . . . người ta vỗ tay và cười toe toét . . . lúc này con đang nói vì con thích nó và con ~~h~~ rất vui mừng vì con phải làm nó vào ngày nào đó’. Đây là một bước quan trọng trong sự phát triển của anh.

Krishna viết cho Mrs Besant vào tháng giêng năm 1921 rằng tiếng Pháp của anh đang ‘tấn tới’ và anh học tiếng Phạn mà ‘sẽ hữu dụng ở Ấn độ’, thêm vào ‘ao ước duy nhất của con trong ~~đ~~ sống là làm việc cho Mẹ và Theosophy. Con sẽ thành công. Con muốn ra ngoài đến Ấn độ khi Raja báo cho mẹ và nhận nhiệm vụ của con trong công việc.’ Tuy nhiên, anh không bao giờ học tiếng Phạn, và anh hầu như không bao giờ học tại trường Sorbone. Vào đầu tháng hai anh bị bệnh viêm cuống phổi rất nặng và Madame de Manziarly chuyển anh từ một khách sạn nhỏ rẻ tiền nơi bây giờ anh đang ở đến căn hộ riêng của bà ở Rue Marbeuf để bà và các con gái chăm sóc anh. Cùng lúc, Nitya ở London bị một dạng vi rút bệnh thủy đậu. Khi hai anh em khỏe hơn, họ cùng nhau đến Antibes một mình trong ba tháng để hồi phục sức khỏe. Ở đó

Krishna có thời gian để nhìn lại anh nghiêm túc như anh kể cho Lady Emily vào tháng ba:

Con đã suy nghĩ nhiều về The Order và The T. S. (Theosophical Society) Nhưng trên hết cả mọi thứ là con – chính con. Con phải tìm được chính con và vậy là chỉ đến lúc đó con mới có thể giúp đỡ những người khác. Thật ra, con phải đưa The Old Gentlement (diễn tả của Ruspoli về cái ngã hay cái tôi cao hơn) xuống và nhận trách nhiệm nào đó. Thân thể và cái trí không đủ mức độ tinh thần và bây giờ con phải đánh thức chúng cho nơi cư trú ‘của ngài’. Nếu con muốn giúp đỡ, con phải có sự đồng cảm và sự hiểu rõ trọn vẹn lẫn tình yêu vô hạn cho tất cả. Con đang sử dụng cụm từ cũ kỹ nhưng đối với con chúng là mới mẻ.

Vì Krishna vẫn còn yếu ớt lắm khi anh quay lại Paris, Madame de Manziarly đưa anh đến gặp một người bạn của bà theo ‘thuyết tự nhiên’, Dr Paul Carton, buộc anh thực hiện một chế độ ăn kiêng nghiêm ngặt và anh tuân theo chu đáo. Mặc dù Krishna luôn luôn là người ăn chay và không bao giờ sờ đến rượu, trà hay cà phê, anh tiếp tục thử những món ăn mới suốt đời nhưng không bám vào chúng quá lâu. Vào tuổi già, anh hầu như là một cửa hàng bán thuốc đầy vitamin và những thực phẩm lẫn thuốc men bổ dưỡng khác.

Một thay đổi quan trọng xảy đến cho cuộc đời của cả hai anh em. Tháng năm người ta phát hiện rằng Nitya bị vết nám trong phổi. Ngay khi Krishna nghe điều này, anh gọi Nitya đến Paris để được điều trị bởi Dr Carton mà khẳng định rằng cách duy nhất để chữa khỏi em là điều trị em như thể tại những giai đoạn cuối cùng của bệnh lao; vì vậy Madame de Manziarly đưa em đến Boissy - St - Leger gần

Paris để hoàn toàn nghỉ ngơi, nơi một ngôi nhà được giao cho họ toàn quyền sử dụng. Đó là sự kết thúc mọi mơ tưởng trở thành một luật sư của em.

Mrs Besant ở Paris vào tháng bảy cho một Hội nghị quốc tế của Huyền bí học, được tiếp theo bởi Đại hội đầu tiên của The Order of The Star in The East, mà Nitya được cho phép tham dự. Lúc này Order có 30.000 hội viên, trong số đó 2.000 người tham dự Đại hội. Mrs Besant và Krishna cùng nhau khai mạc Hội nghị ở Pháp, sau đó Krishna đảm trách mọi công việc. Cả Mrs Besant lẫn Nitya đều kinh ngạc và hài lòng bởi phương cách h Đức Thầy mà anh điều khiển. Mrs Besant viết trong ấn bản tháng chín của tờ *Theosophist* rằng ‘anh gây kinh ngạc tất cả mọi người hiện diện vì nắm bắt những câu hỏi rất kỹ càng, và sự vững chắc khi điều khiển những cuộc thảo luận . . . nhưng điều vĩ đại nhất về anh là niềm tin mãnh liệt về Sự thật và Quyền năng vô hạn của Thượng đế được giấu giếm trong mọi con người, và, đối với anh, về những kết quả không tránh khỏi khi có sự hiện diện của Thượng đế.’

Hai anh em đi qua tháng tám cùng Madame de Manziarly, Mar và Jo tại Boissy-St – Leger, nơi Lady Emily, chị Betty của tôi và tôi, bây giờ đã mười lăm và mười ba tuổi, tham gia cùng họ trong một ngôi nhà khác. Rajagopal cũng thuộc nhóm người, ở cùng chúng tôi, cũng như John Cordes người đã trông nom sự tập luyện thân thể của Krishna tại Adyar. Nitya, đang lên cơn sốt, sống một cuộc sống vô giá trị trong khi số còn lại của chúng tôi chơi rounders mỗi buổi chiều và những trò chơi trẻ em trong vườn của chúng tôi vào buổi tối, như là bịt mắt bắt dê, trốn tìm, chen lẫn những tiếng cười ngặt nghèo. Krishna trao toàn tâm trí vào những trò chơi này như thể anh chẳng thèm quan tâm đến bất kỳ điều gì khác nữa. Bởi vì đã bị tước đoạt tất cả những vui nhộn như

thể trong tuổi niên thiếu, có vẻ anh không thể sống bù lại hết vào lúc này.

Trước khi Mrs Besant trở lại Ấn độ, bà đã quyết định rằng Krishna và Nitya phải ở đó cùng bà vào mùa đông năm đó để Krishna bắt đầu sứ mệnh của anh. Nhưng trước tháng chín Nitya lại còn bệnh nặng thêm, vì vậy, được tháp tùng bởi Cordes, Krishna đưa em đến Villars ở The Swiss Alps. Vào giữa tháng, để Nitya ở với Cordes tại Villars, Krishna đến ở cùng Baron van Pallandt người muốn trao tặng Krishna ngôi nhà đẹp của tổ tiên từ đầu thế kỷ thứ mười tám của ông, Castle Eerde, gần Deventer ở Holland, kèm theo 5.000 mẫu đất rừng. Trên đường đi, Krishna ngừng tại Amsterdam nơi anh gặp một thiếu nữ mười bảy tuổi người Mỹ xinh đẹp, Helen Knothe, đang cùng bà cô người Holland theo Theosophy và đang học vĩ cầm. Lần đầu tiên anh biết yêu.

Ngay sau khi Krishna trở lại Villars, do bởi sức khỏe của Nitya cho phép, mọi người sắp xếp hai anh em đi đến Marseilles và từ đó đi Bombay vào ngày 19 tháng mười một. Sức khỏe của Nitya đã cải thiện rõ ràng, và gần cuối tháng mười Madame de Manziarly đưa cậu đến Leysin để xin ý kiến một chuyên gia về bệnh phổi nổi tiếng, Dr Rollier, mà, bất hạnh thay, tuyên bố anh ấy đủ sức khỏe để đi đến Ấn độ. Trong thời gian đó Krishna, sau mười lăm ngày ở London để từ giã mọi người, đi đến Holland một tuần lễ cho một Hội nghị của Theosophy và Star. Ở đó Krishna gặp lại Helen và bị say đắm trong tình yêu sâu đậm thêm. Ở Paris, vào ngày trước khi khởi hành đi Marseilles anh viết cho Lady Emily:

Con rất đau khổ vì con sắp sửa phải xa mẹ và Helen trong một thời gian dài. Con đang yêu ghê lắm và đó là một hy sinh quá to tát về phía con nhưng không thể làm được điều gì cả. Con cảm thấy như thể con có một vết

thương đau đớn vô cùng bên trong con . . . Con nghĩ, con biết, cô ấy cũng cảm thấy như thế, nhưng liệu có thể làm được gì đây . . . Mẹ không biết được con đang cảm thấy như thế nào đâu. Con đã chưa bao giờ nhận ra tất cả điều này trước kia và nó có nghĩa gì . . . ‘Dù thừa những mong ước vẫn vơ. Nó đã tiêu tốn thời gian đến chừng nào.’ Người ta bị đau khổ đến chừng nào!! Thượng đế ban phước cho mẹ.

Hai anh em nhận được sự đón tiếp như vua chúa khi họ đến Bombay và Adyar. Tại Adyar, Mrs Besant đã xây sẵn cho họ căn phòng riêng với một hàng hiên, trên tầng cao của một ngôi nhà được nối với tòa nhà Bộ Chỉ huy nơi chính bà sống, và có tầm nhìn khắp Adyar trải dài hướng con sông cho đến nơi nó nhập vào biển cả. Cả hai nghĩ Adyar là nơi đẹp nhất mà họ đã từng thấy. Krishna đặc biệt tận hưởng vẻ đẹp khi dạo bộ về hướng biển lúc hoàng hôn qua cánh rừng dừa. Họ đã thay đổi thành y phục Ấn độ ngay khi họ đến Bombay. (Krishna luôn luôn mặc quần áo Ấn độ khi anh ở Ấn độ và âu phục khi ở phương Tây, càng khó nhận diện hơn càng tốt. Nhưng thỉnh thoảng, vào những buổi tối, ở Châu âu anh thường mặc quần áo Ấn độ.)

Ngay sau khi hai anh em đến Adyar họ đi đến thăm người cha sống ở Madras, phủ phục xuống và chạm chân người cha bằng trán của họ giống như những cậu con ngoan ở Ấn độ. Người cha già vui mừng khi thấy hai anh em đến độ trào nước mắt không thốt lên lời.*

* Narianiah chết vào tháng hai năm 1924. Cậu con cả, Sivaram, đã trở thành một bác sĩ và chết năm 1952, để lại bốn người con trai và bốn người con gái. Cậu em út của Krishna, Sadanand, sống với Sivaram cho đến khi cậu chết năm 1948. Với tuổi tác tinh thần của một đứa trẻ, cậu rất nỏ đùa, thích chơi những

Hai anh em chỉ ở lại Ấn độ ba tháng rưỡi, trong suốt thời gian này họ đi cùng Mrs Besant đến nhiều vùng của quốc gia, và Krishna có một trong những giảng thuyết Hội nghị ở Benares. (Từ trước, cũng như tại bất kỳ thời gian nào trong sống của anh, anh không sử dụng bất kỳ ghi chép nào cho những nói chuyện của anh. Ở Benares anh gặp lại George Arundale, vừa kết hôn với một cô gái đẹp mười sáu tuổi theo đạo Bà la môn, Rukmini Devi – một cuộc hôn nhân tạo ra một khuấy động nhiều. Krishna cũng có một nói chuyện tại Adyar về ‘Người Thầy sắp đến’ mà tiên đoán chính xác tương lai: ‘Anh sẽ không giảng điều gì chúng ta muốn, cũng không cho chúng ta bất kỳ điều gì để xoa dịu những cảm giác của chúng ta mà tất cả chúng ta đều ưa thích, nhưng trái lại Anh sẽ đánh thức tất cả chúng ta tỉnh dậy dù chúng ta ưa thích nó hay không.’)¹⁵

Krishna không gặp Mr s Besant nhiều tại Adyar, vì bà dành mọi ngày trong văn phòng của tờ *New India*, tờ báo hàng ngày bà đã chủ biên từ năm 1915 ở Madras. Buồn và nhớ Helen, anh bị u uất bởi quá nhiều những nứt rạn vì ganh tị tại Adyar. Anh tổ chức những tiệc trà trong phòng của anh với một nỗ lực mang con người hòa hợp cùng nhau và ‘đập tan những phe phái của họ’. ‘Mọi người rất nóng lòng gặp con và nói chuyện với con và nhận lời khuyên từ con,’ anh kể cho Lady Emily, ‘Ch Thượng đế biết tại sao. Con không biết. Không, mẹ ơi, đừng lo ngại, con sẽ không có tánh tự cao.’

Hầu như ngay khi hai anh em đặt chân đến Ấn độ, họ đã sắp xếp hai anh em sẽ tiếp tục đến Sydney, nơi Leadbeater vẫn đang sống như người đứng đầu của một cộng đồng, để

trò chơi, và được yêu quý nhiều bởi cháu trai lẫn cháu gái của cậu. (Thông tin từ cậu con cả của Sivaram, Giddu Narayan.)

tham dự một Hội nghị Theosophy vào tháng tư năm 1922. Sức nóng ẩm ướt của Colombo, từ nơi này họ đi tàu cùng Raja vào tháng ba, dẫn đến bệnh ho của Nitya một lần nữa, và anh hầu như không khỏe suốt chuyến hành trình. Tại Freemantle, Krishna nhận được một điện báo từ Perth nói rằng: ‘Huynh đệ của Vì Sao chào mừng bạn.’ Anh kể cho Lady Emily; ‘Con bị rùng mình thật lạnh ngay dưới lưng của con, ở đây người ta đang chờ đợi để nghênh đón con, mẹ có khi nào đã nghe một việc như thế – nghênh đón con – và con đang ước rằng con ở bất kỳ nơi nào khác ngoại trừ nơi này . . . nó sẽ như thế này suốt cuộc đời con. Ở Thượng đế, con đã làm gì . . . Ô! Con ghét tất cả điều này như thế nào.’ Tuy nhiên trong bài viết của anh cho tờ *Herald* tháng bảy anh diễn tả rất mê mẩn về đẹp của chuyến đi xe hơi từ Adelaide đến Berth, và sự hứng khởi khi ở trong một đất nước xa lạ, đến độ không ai có thể nhận thấy một mảy may nào về những cảm giác thực sự của anh.

Tại Perth, Krishna phải trải qua sự ‘tra tấn’ của nói hai lần. ‘Con chưa bao giờ muốn nói và tất cả mọi người đều hài lòng và cảm ơn con về những điều con nói. Con ghê tởm mọi sự việc, tất cả mọi người đến gặp gỡ chúng con, những họp mặt và những chuyện vớ vẩn về súng đạo. Tất cả đều trái ngược bản tính của con và con không thích hợp cho công việc.’ ‘Những con người của T. S.’ không hấp dẫn anh, anh viết; anh không cảm thấy anh phụ thuộc vào nhóm người của họ, tuy nhiên bên ngoài nó anh là một ‘người kỳ dị thuộc một mức độ tốt đỉnh’.

Leadbeater đón họ tại bến tàu ở Sydney và dường như hài lòng khi gặp họ cũng như họ hài lòng khi gặp ông sau mười năm. Nitya viết cho Ruspoli ‘Ông là một cụ già tuyệt vời. Ông không thay đổi gì cả, ngoại trừ rằng ông đã hòa nhã hơn . . . giống như tại Adyar ông luôn luôn tin tưởng mọi

chuyện xảy ra, không bao giờ nêu ra một vấn đề để nghi ngờ, không bao giờ nêu ra một vấn đề mà bất kỳ ai có thể nghi ngờ.' Dầu vậy, một thay đổi quan trọng là bây giờ ông là một giám mục trong Giáo hội Thiên chúa giáo tự do, một khai trừ của Giáo hội Thiên chúa giáo cổ, hay Jasenist, mà khẳng định sự chuyển giao quyền lực. Ông mặc một áo thầy tu màu đỏ, dài, một thánh giá trang sức to trước ngực và đeo một chiếc nhẫn của giám mục, và dành hầu hết thời gian tiến hành những buổi lễ tôn giáo mà Krishna chê trách. Krishna tham dự một buổi lễ vì lịch sự và gần như bị ngất xỉu vì nhàm chán.

Nitya đi khám bệnh tại một bác sĩ ở Sydney mà phát hiện, bằng X - quang, rằng không chỉ phổi bên trái của anh bị bệnh nhưng phổi bên phải của anh lúc này cũng bị ảnh hưởng; anh được khuyên quay lại Thụy sĩ ngay lập tức để điều trị. Nếu đi theo đường Ấn độ sẽ gặp thời tiết quá nóng, vì vậy hai anh em quyết định đi theo đường San Francisco và ngắt ngang ở Ojai (được phát âm là O – high) Valley. Mr A. P. Warrington, ông thư ký của Theosophy ở Mỹ, cũng ở Sydney cho Hội nghị, sẽ đi cùng họ. Ông có một người bạn huyền bí học, mà sẵn lòng cho họ mượn một ngôi nhà nhỏ trong ba hay bốn tháng. Thung lũng, gần Santa Barbara, cao 1.500 feet, được người ta nói có một khí hậu rất phù hợp cho những người bị bệnh ho lao. Trước khi rời Sydney, Krishna nhận một thông điệp chuyển qua Leadbeater từ Bậc Thầy Kuthumi mà anh chép lại và gửi cho Lady Emily:

Cũng vậy, về phần con, các Thầy có những hy vọng cao nhất. Hãy bền bỉ và tự khai triển và cố gắng từng giây phút đem cái trí và ð não phục vụ cho cái Ngã thực sự bên trong nhiều hơn. Hãy khoan dung với những bất đồng quan điểm và phương pháp, bởi vì mỗi

cái thường có một mảnh của sự thật được che giấu nơi nào đó bên trong nó, mặc dù trong nhiều trường hợp nó bị biến dạng đến độ không thể nhận ra được nữa. Hãy tìm kiếm tia sáng le ló i nhất trong màn đêm mê muội của những cái trí dốt nát, bởi vì nhờ sự công nhận và thúc đẩy nó con có lẽ giúp đỡ một người em nhỏ bé.

Krishna bình phẩm: ‘Đó chính xác là điều gì con mong muốn vì con có khuynh hướng không khoan nhượng và không mong đợi người em!’

Cả Krishna và Nitya đều bị mê hoặc bởi California. Sau khi được đưa đi thăm khắp Berkeley University, Krishna viết cho Lady Emily:

Sự hung hăng đỏ của giai cấp và màu da không tìm thấy được ở đây . . . Con quá xúc động đến độ con muốn đem về đẹp vật chất của nơi này đến Ấn độ để cho chính những người Ấn độ biết làm thế nào tạo ra bầu không khí học tập thích hợp. Ở đây bầu không khí này đang thiếu sót, họ không được tôn vinh như chúng ta những người Ấn độ . . . ôi! để cho một trường đại học như thế được đưa qua Ấn độ, với những giáo sư của chúng ta mà tôn giáo quan trọng bằng, nếu không muốn nói rằng quan trọng hơn, (đúng nguyên văn) giáo dục.

Hai anh em ở một mình tại căn nhà bằng gỗ thông đẹp, nơi họ đến vào ngày 6 tháng bảy. Nó nằm xa hơn về cuối phía đông của thung lũng được vây quanh bởi những cánh rừng trồng lê và cam. Một phụ nữ đến phụ nấu bữa sáng và trưa cho họ nhưng họ đã thành thạo nấu món tối riêng của họ

bằng trứng trộn và khoai tây chiên lát mỏng, mặc dù Heinz ‘đến nhà giúp rất hữu ích’. Mr Warrington ở trong một căn nhà khác gần bên. Mọi việc tiến triển tốt đẹp trong vài tuần đầu – họ đi xe trong những vùng núi và tắm trong con suối chảy xuống từ khe núi, hoàn toàn tận hưởng sự tự do khỏi mọi kèm hãm mà họ chưa bao giờ có trước kia. Sau đó Nitya bắt đầu sốt cao và ho dữ dội. Krishna lo lắng khi ở một mình cùng người em, đặc biệt lúc Nitya trở nên rất bức bối nếu anh cố gắng giúp em dịu cơn ho. Đường như quá may mắn khi một người bạn sống cùng người chủ nhà của họ, Mrs Gray, xuất hiện trong cuộc đời của họ. Đây là Rosalind Williams, một cô gái mười chín tuổi có mái tóc vàng dễ thương, đường như là một ý tá lăm sinh. Cả hai cần đến cô ấy ngay tức khắc. ‘Em ấy rất vui vẻ, sẵn lòng và giúp Nitya giữ được tâm trạng dí dỏm mà rất cần thiết,’ Krishna kể cho Lady Emily. ‘Chị của em ấy là một người huyền bí học và vì vậy em ấy biết mọi điều và ngoài ra em ấy còn rất tử tế.’ Cô ấy được mẹ cho phép ở với Mrs Gray để chăm sóc Nitya. Từ đầu ta có thể hiểu được rằng cô ấy là bạn của Nitya hơn là bạn của Krishna. Krishna vẫn còn đang viết những thư tình cho Helen Klothe.

Nhiều người thúc giục Nitya điều trị từ một cái máy được phát minh bởi một Dr Albert Abrams mà, Abrams khẳng định, có thể phân tích và chữa trị, từ vài giọt máu, nhiều căn bệnh, kể cả bệnh lao. Hai anh em quyết định thử phương pháp này, và những giọt máu của Nitya được gửi trên một miếng giấy thấm đến một học trò của Dr Abrams ở Los Angeles mà không có bất kỳ thông tin nào ngoại trừ cái tên. Hai ngày sau một báo cáo nhận được: TB trong phổi trái, hai quả thận và lá lách. Mr Warrington thuê một trong những cái máy hiếm hoi này (một cái hộp đen được gọi là một Oscilloclast máy dao động biểu đồ) và Nitya ngồi nhiều

tiếng đồng hồ một ngày với những cái đĩa dẹt nối với dây điện áp vào những vùng bị bệnh trong khi Krishna đọc O Henry và Kinh Cựu ước cho em. Những chứa đựng trong cái hộp này được giữ bí mật. Cái máy kêu lách cách giống như một cái đồng hồ lớn tiếng và không tạo cảm giác gì cả.

‘Thẩm thấu Thượng đế’

Thông điệp của Bậc Thầy gửi đến Krishna ở Sydney gây ảnh hưởng rất nhiều đối với anh. Anh viết cho Lady Emily vào ngày 12 tháng tám rằng trong mười lăm ngày vừa qua anh suy nghĩ về nó nửa tiếng đồng hồ mỗi buổi sáng và lặp lại trước khi ngủ. ‘*Con sẽ quay trở lại sự tiếp xúc cũ của con với những Bậc Thầy và rốt cuộc đó là việc duy nhất còn có ý nghĩa trong sống.*’ Năm ngày sau khi viết lá thư này, vào ngày 17, anh trải qua một trải nghiệm năm n gày mà cách mạng hoàn toàn sống của anh. Tuy nhiên, chỉ sau đó mười lăm ngày một truyện kể về nó, được viết bởi Nitya, được gửi cho Mrs Besant và Leadbeater:

Ngôi nhà nhỏ của chúng con ở trên cuối phía cao của thung lũng và không ai sống gần đó ngoại trừ Mr Warrington mà có một ngôi nhà chỉ riêng mình ông cách đó ột vài trăm yard, và Krishna và Mr Warrington và con đã ở đây được gần tám tuần lễ, nghỉ ngơi và đang khỏe khoắn lại. Chúng con thỉnh thoảng có một người viếng thăm Mr Walton, Tổng Giám Mục của Giáo hội Thiên chúa Giáo Tự do của Mỹ, mà có một ngôi nhà ở thung lũng, và Rosalind, một cô gái trẻ người Mỹ ở gần bên một hay hai tuần, dành thời gian ở cùng chúng con. Khoảng cách đây hai tuần khi tất cả

chúng con có **đ**p ở cùng nhau đã xảy ra biến cố này mà con muốn kể lại cho mẹ và ông.

Về ý nghĩa thực sự của điều gì đã xảy ra, về sự quan trọng chính xác của nó, dĩ nhiên mẹ và ông có thể giải thích cho con nếu muốn, nhưng ở đây dường như chúng con đã được dẫn vào một thế giới nơi lại nữa những Thượng đế dạo chơi giữa những con người trong một khoảng thời gian ngắn, để lại cho chúng con sự thay đổi mạnh mẽ đến độ lúc này la bàn của chúng con đã tìm được sao Bắc cực của nó. Con hiểu con không phóng đại khi nói rằng tất cả sống của chúng con đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi điều gì đã xảy ra.

Chính Krishna, phù hợp hơn, sẽ kể lại sự liên tục của những biến cố, bởi vì tất cả chúng con chỉ là những khán giả, sẵn lòng giúp đỡ khi cần thiết, nhưng anh không nhớ tất cả mọi chi tiết, vì anh không hiện diện tại thân thể của anh trong phần lớn thời gian, và mọi sự việc vẫn còn rất rõ ràng trong trí nhớ của chúng con, bởi vì toàn bộ thời gian chúng con theo dõi anh rất chăm chú với một cảm giác rằng thân thể của anh trong chừng mực nào đó đã được giao phó cho chúng con. Mr Warrington không có sức khỏe tốt lắm, và con vẫn chưa được phép di chuyển nhiều, vì vậy chính là **đ**p may quý báu của Rosalind khi chăm sóc anh và con nghĩ em ấy đã nhận được phần thưởng (bằng cách được đặt trên mức độ thử thách)

Vào tối thứ năm, ngày mười bảy Krishna cảm thấy mệt mỏi và bút rứt và chúng con nhận thấy ở giữa gáy của anh một cục u lồi lên đau đớn mà dường như là một sợi gân cô cứng lại khoảng kích cỡ của một viên bi to. Sáng hôm sau anh có vẻ khỏe lại, cho đến sau bữa điểm tâm, khi anh nằm xuống nghỉ ngơi. Em

Rosalind và con đang ngồi bên ngoài, Mr Warrington và Krishna ở bên trong, Rosalind đi vào khi Mr Warrington gọi và thấy rõ ràng Krishna rất mệt, bởi vì anh đang nằm trên giường, lăn lộn qua lại và rên siết như thể anh bị đau đớn lắm. Em ấy đi đến và ngồi bên cạnh anh và cố gắng tìm xem chuyện gì xảy ra với anh, nhưng Krishna không thể trả lời rõ ràng. Anh bắt đầu rên siết và từng cơn co giật lẫn run rẩy bắt đầu xảy đến cho anh, và anh thường nghiêng răng và nắm chặt hai bàn tay để ngăn chặn cơn co giật. Chính xác nó là phản ứng của một bệnh nhân sốt rét, ngoại trừ rằng Krishna phản nản về sức nóng khủng khiếp. Rosalind thường giữ chặt anh yên lặng được một chút xíu, nhưng lại nữa thường xảy ra cơn co giật lẫn run rẩy, như của cơn sốt rét. Sau đó Krishna sẽ đẩy em ấy ra xa, than phiền về sức nóng khủng khiếp và đôi mắt của anh đầy một trạng thái không ý thức kinh ngạc. Và Rosalind thường ngồi bên cạnh anh cho đến lúc anh yên lặng lại, khi em ấy cầm tay anh và xoa dịu anh giống như người mẹ xoa dịu em bé. Mr Warrington ngồi ở đầu cuối của căn phòng, và nhận ra, vì ông bảo với con sau đó, rằng tiến trình nào đó đang xảy ra trong thân thể của Krishna, như một kết quả của những ảnh hưởng trực tiếp từ tầng tinh thần hơn là từ thân thể. Rosalind tội nghiệp, thoát đầu rất lo lắng, nhướn đôi mắt dò hỏi và Warrington quả quyết với em ấy rằng mọi việc sẽ yên ổn. Nhưng trong suốt buổi sáng sự việc trở nên tồi tệ hơn, và khi con đến ngồi cạnh anh anh lại phản nản về sức nóng khủng khiếp, và nói rằng tất cả chúng con đầy kích động và khiến anh mệt mỏi, và mỗi vài phút anh sẽ ngồi dậy trên giường và đẩy chúng con ra xa, và lại nữa anh thường bắt đầu run rẩy. Tất cả điều

này xảy ra trong khi anh nửa tỉnh nửa mê, bởi vì anh thường kể về Adyar và những người ở đó như thể họ hiện diện; sau đó lại nữa anh nằm yên lặng một chút xíu cho đến khi tiếng phân phật của một bức màn hay tiếng ken két của một cái cửa sổ, hay tiếng bình bịch của chiếc máy cày xa xa trong cánh đồng sẽ kích động anh lại và anh sẽ than van cầu xin được yên lặng rồi sau đó lịt đi. Bền bỉ, từng vài phút anh thường đẩy Rosalind ra xa khỏi anh khi anh bắt đầu bị nóng, và lại nữa anh muốn em áy gần hơn.

Con ngồi gằn, nhưng không gằn lắm. Chúng con cố gắng hết sức để giữ ngôi nhà yên lặng và tối, nhưng những âm thanh nhẹ nhẹ mà người ta hiếm khi nào nhận thấy là điều không tránh khỏi, tuy nhiên Krishna đã trở nên nhạy cảm đến độ những âm thanh yếu ớt nhất cũng làm cho thần kinh của anh bị kích động.

Sau đó khi bữa trưa đến anh yên ổn một chút và trở nên rất bình thản và nhận biết đầy đủ. Rosalind đưa cho anh phần ăn trưa của anh và anh ăn, và trong khi tất cả chúng con ăn anh nằm yên lặng. Rồi một vài phút sau anh lại rên rỉ, và chốc lát sau, người anh tội nghiệp, anh không thể nuốt xuống thức ăn mà anh đã ăn. Và thế là nó tiếp tục suốt buổi chiều, run rẩy, rên rỉ, kích động, nửa tỉnh nửa mê, và luôn luôn như thể anh đang bị đau đớn. Thật lạ lùng, khi đến giờ cho bữa ăn của chúng con, mặc dù chính anh chẳng ăn gì cả, anh trở nên yên tĩnh và Rosalind có thể rời anh đủ thời gian để ăn xong bữa, và vào giờ ngủ anh hoàn toàn yên lặng để ngủ suốt đêm.

Ngày kế tiếp, thứ bảy, nó lại bắt đầu sau khi anh tắm xong, và có vẻ anh không tỉnh táo hơn ngày hôm

trước. Suốt ngày nó xảy ra, với những khoảng ngừng đều đặn để cho anh nghỉ ngơi và cho phép Rosalind ăn.

Nhưng chủ nhật là ngày dài tẻ nhất và là ngày chúng con thấy tốt đỉnh của vinh quang. Suốt ba ngày tất cả chúng con đã cố gắng giữ đầu óc và những cảm xúc của chúng con được thanh nhiên và an bình, và Rosalind trải qua ba ngày bên cạnh Krishna, sẵn sàng khi anh cần em ấy và để anh lại một mình khi anh muốn như thế. Quý hóa vô cùng khi nhìn thấy em ấy giúp đỡ anh, quan sát cách em ấy có thể tuôn trào tình thương của em một cách không ích kỷ và tuyệt đối không cá nhân. Thậm chí trước khi tất cả điều này xảy ra chúng con đã nhận thấy nhân cách vĩ đại này trong em ấy, và mặc dù lúc đó chúng con tự hỏi không hiểu một cô gái có nên ở gần bên tại khoảnh khắc đó hay không, tuy nhiên đều xảy ra cuối cùng chỉ rõ rằng có thể tại khoảnh khắc đó em ấy được đặc biệt mang vào đây để giúp đỡ Krishna và tất cả chúng con. Mặc dù em ấy mới mười chín tuổi và chẳng biết bao nhiêu về Theosophy, em ấy đã đảm nhận trách nhiệm của một người mẹ hiền dịu suốt ba ngày này.

Vào ngày chủ nhật, như con đã nói, dường như Krishna bị tồi tệ hơn, dường như anh đang chịu đau đớn nhiều lắm, dường như sự run rẩy và sức nóng mạnh mẽ thêm và sự tỉnh táo của anh trở nên mỗi lúc một không liên tục. Khi anh có vẻ kiểm soát thân thể được, anh luôn luôn nói về Adyar, A. B. (Annie Besant), và những hội viên của The Purple Order ở Ấn độ (một nhóm bên trong được thành lập bởi Mrs Besant quần khăn choàng lụa tím), và anh luôn luôn tưởng tượng chính bản thân anh ở Adyar. Sau đó anh sẽ nói, 'Tôi muốn đến Ấn độ! Tại sao họ đã đem tôi đến đây? Tôi

không biết tôi ở đâu.' Và lặp lại và lặp lại và lặp lại anh sẽ nói, 'Tôi không biết tôi ở đâu.' Nếu bất kỳ ai đi vào trong nhà gần như anh nhảy khỏi giường, và mỗi lần chúng con vào phòng anh chúng con phải báo trước cho anh biết. Tuy nhiên gần đến sáu giờ chiều khi chúng con ăn bữa tối, anh lại yên lặng cho đến khi chúng con ăn xong. Sau đó bỗng nhiên toàn ngôi nhà ngập tràn một sức mạnh khủng khiếp và Krishna dường như bị nuốt trọn. Anh không muốn có bất kỳ ai trong chúng con ở gần bên anh và bắt đầu phàn nàn gay gắt về sự bẩn thỉu, sự bẩn thỉu của cái giường, sự bẩn thỉu không thể chịu đựng nổi của ngôi nhà, sự bẩn thỉu của mọi người chung quanh, và trong một giọng nói đầy đau đớn nói rằng anh muốn đi ra cánh rừng. Lúc này anh đang khóc sụt sùi lớn tiếng, chúng con không dám chạm đến anh và không biết phải làm gì; anh đã rời giường ngủ và ngồi trên nền nhà trong một góc tối của căn phòng sụt sùi lớn tiếng rằng anh muốn đi vào những cánh rừng ở Ấn độ. Bỗng nhiên anh tuyên bố ý định của anh là dạo bộ một mình, nhưng vì việc này chúng con xoay sở can ngăn anh, bởi vì chúng con không nghĩ rằng anh đủ điều kiện sức khỏe cho những chuyến dạo bộ ban đêm. Sau đó vì anh bày tỏ ý định ở một mình, chúng con rời anh và tụ tập ở bên ngoài trên hàng hiên nơi trong một vài phút sau anh tham gia cùng chúng con, mang theo một cái gối trong tay của anh và ngồi càng xa chúng con bao nhiêu càng tốt. Anh được ban cho đủ sức mạnh và sự tỉnh táo để ra bên ngoài nhưng ngay khi ở đó anh lại rời khỏi chúng con, và thân thể của anh, thì thậm chí những câu không mạch lạc, được bỏ lại ngồi đó trên hàng hiên.

Chúng con là một nhóm người lạ lùng trên hàng hiên đó; Rosalind và con trên ghế, Mr Warrington và Mr Walton đối mặt với chúng con đang ngồi trên một ghế dài, và Krishna bên phải chúng con cách đó một vài yard. Mặt trời đã lặn cách đây một tiếng đồng hồ và chúng con đang ngồi đối diện những quả đồi xa xa, màu tím sẫm tương phản bầu trời lạt và ánh hoàng hôn đang sẫm dần, không nói nhiều, và cảm giác của một tội đĩnh sắp xảy đến ập xuống chúng con; tất cả những suy nghĩ và những cảm xúc của chúng con bị căng cứng bởi một mong đợi an bình lạ thường của biến cố trọng đại nào đó.

Sau đó Mr Warrington nhận được một ý tưởng được gửi từ thiên đàng. Đằng trước ngôi nhà cách đó một vài yard có một cây tiêu còn non, cùng những chiếc lá mỏng manh của một màu xanh lá cây dịu, lúc này đầy hương thơm, và suốt ngày nó là 'tiếng kêu vù vù của những con ong', những con chim hoàng yến, và những con chim ruồi rục rờ. Ông nhẹ nhàng thúc giục Krishna ra ngoài dưới cái cây, và thoát đầu Krishna không muốn, sau đó tự nguyện đi ra.

Lúc này chúng con ở trong màn đêm có ánh sao và Krishna ngồi dưới một cái mái của những chiếc lá mỏng manh, đen kịt tương phản bầu trời. Anh vẫn còn đang thì thầm không ý thức được nhưng chốc lát sau kia kìa có một tiếng thở dài khuây khỏa và anh gọi vọng đến chúng con, 'Ôi, tại sao các bạn không đưa tôi ra ngoài đây trước kia?' Tiếp theo là một yên lặng ngắn.

Và lúc này anh bắt đầu hát đều đều. Gần ba ngày không nói điều gì và thân thể của anh hoàn toàn kiệt sức bởi sự căng thẳng cực độ, và nó là một giọng hát

một môi lặng lẽ mà chúng con đã nghe vang lên những bài hát thánh ca hàng đêm tại Adyar ở Shrine room. Sau đó yên lặng.

Cách đây lâu lắm rồi ở Taormina, khi Krishna nhìn bằng đôi mắt trâm tư một bức tranh đẹp của Gautama của chúng ta (Đức Phật) trong chiếc áo khất sĩ, suốt một khoảnh khắc an lành chúng con đã cảm thấy sự hiện diện thiêng liêng của Đấng Vĩ Đại, mà đã độ lượng gửi một ý tưởng. Và lại nữa, tối nay, khi Krishna, dưới cây tiêu con, chấm dứt bài hát tôn kính của anh, con suy nghĩ về Đấng Tathagata (Đức Phật) dưới cây Bồ đề, và lại nữa con cảm thấy thung lũng bình yên này đang cuộn cuộn một đợt sóng của sự chói lọi đó, như thể lại nữa Ngài đang tỏa một phước lành vào Krishna.

Chúng con ngồi với đôi mắt cố định vào cái cây, tự hỏi liệu tất cả mọi việc đều tốt lành hay không, vì lúc này có một yên lặng tuyệt đối, và khi bỗng nhiên chúng con nhìn thấy trong một khoảnh khắc một Ngôi Sao vĩ đại đang chiếu sáng trên cái cây, và con biết rằng thân thể của Krishna đang được chuẩn bị cho Đấng Vĩ Đại. Con nghiêng người sang bên kia và kể cho Mr Warrington về Ngôi Sao.

Nơi đó dường như đầy tràn một Hiện Diện Vĩ Đại và một ao ước mãnh liệt áp vào con khiến con phải quỳ gối xuống và tôn kính, bởi vì con biết rằng Đấng Vĩ Đại của tất cả những tâm hồn chúng con đã Tự đến, và mặc dù chúng con không thấy Ngài, nhưng tất cả đều cảm thấy sự chói lọi do bởi sự hiện diện của Ngài. Sau đó đôi mắt của Rosalind mở to ra và em ấy thấy. Mặt của em thay đổi như con chưa từng thấy mặt của người nào thay đổi như thế, bởi vì em được ban

phước lành đủ để thấy bằng đôi mắt vật chất những vinh quang của đêm đó. Mặt của em đẹp để hẳn lên, khi em nói với chúng con, ‘Các bạn có thấy Ngài không, các bạn có thấy Ngài không?’ Bởi vì em thấy Bồ tát Thiêng liêng (Chúa Maitreya), mà hàng triệu người chờ đợi trong những kiếp người để bắt gặp được sự thoáng hiện như thế của Chúa chúng con, nhưng em có đôi mắt hồn nhiên và dĩ nhiên hạ t rung thành Chúa chúng con và chúng con, những con người đã không thể thấy được Những Chói Lọi của đêm đó được phản ánh trong mặt của em đang bị lọt lọt đi trong ánh sao bởi sự phấn khích vô cùng. Con sẽ không bao giờ quên được cái nhìn trên mặt của em, bởi vì chốc lát sau con, cái người không thể thấy nhưng cái người được vinh quang trong sự hiện diện của Chúa chúng con âm thầm thấy rằng Ngài quay về hướng của chúng con và nói vài lời đến Rosalind; mặt của em chiếu sáng rực bởi sự ngây ngất thiêng liêng khi em trả lời, ‘Con sẽ, con sẽ,’ và em nói những lời đó như thể chúng là một lời hứa được thốt lên bởi hân hoan tột cùng. Con sẽ không bao giờ quên được khuôn mặt của em ấy khi con nhìn em; thậm chí hầu như con được ban phước lành. Khuôn mặt của em bộc lộ sự sung sướng vô ngần của tâm hồn em, bởi vì phần sâu thẳm nhất của thân tâm em đang bừng bừng cháy do sự hiện diện của Ngài nhưng đôi mắt của em thấy, và lặng lẽ con cầu nguyện rằng Ngài cho phép chấp nhận con như người đầy tớ của Ngài và tất cả những tâm hồn của chúng con ngập tràn lời cầu nguyện đó. Xa xa chúng con nghe tiếng nhạc thiêng liêng vang lên êm dịu, tất cả chúng con đều nghe được mặc dù bị che giấu không cho chúng con thấy là Gandharvas (những thiên thần vũ trụ sáng tạo âm nhạc

của những thiên cầu). Ánh sáng chói lọi và vinh quang của nhiều Đấng Thiêng liêng hiện diện kéo dài gần nửa tiếng đồng hồ và Rosalind, đang run rẩy và đang sụt sùi bởi hân hoan, nhìn thấy tất cả những việc xảy ra, ‘Nhìn kìa, các bạn thấy không?’ em thường lặp lại, hay ‘Các bạn nghe tiếng nhạc không?’ Sau đó trong chốc lát chúng con nghe những bước chân của Krishna và thấy hình bóng trắng xóa của anh hiện lên trong màn đêm và mọi chuyện chấm dứt. Và Rosalind hét lớn, ‘Ồ, Ngài đang đến, đi đón Ngài, đi đón Ngài’ và ngã ngửa trong cái ghế của em gần như bất tỉnh. Khi em ấy tỉnh lại, chao ôi, em không nhớ gì cả, không gì cả, tất cả đều đã trôi khỏi ký ức của em ngoại trừ tiếng nhạc vẫn còn văng vẳng trong đôi tai của em.

Lại nữa ngày kế tiếp có một tái diễn của sự run rẩy và nửa tỉnh nửa mê trong Krishna mặc dù bây giờ nó kéo dài chỉ một vài phút và cách khoảng lâu hơn. Suốt ngày anh nằm dưới cái cây trong Samadhi* và vào chiều tối, anh ngồi trong thiền định giống như đêm trước, lại nữa Rosalind thấy ba hình bóng quanh anh mà biến mất rất mau lẹ, đem Krishna theo cùng họ, để lại thân thể của anh dưới cái cây. Từ đó và mỗi chiều tối anh ngồi trong thiền định dưới cái cây.

Con đã diễn tả điều gì con thấy và nghe nhưng con đã không nói về sự ảnh hưởng của biến cố ập vào chúng con, bởi vì con nghĩ điều đó sẽ mất nhiều thời gian, ít ra đi với con khi muốn nhận ra trọn vẹn sự

* Một từ tiếng Phạn, ở đây có thể được sử dụng như một trạng thái nhập định. Một định nghĩa đơn giản là: ‘Tiến trình hoàn hảo của Samadhi triệt tiêu chết, dẫn đến hạnh phúc vĩnh cửu và trao tặng An lạc tột đỉnh của Brahman (Chân lý)’.

vinh quang mà chúng con có được đặc ân khi chứng kiến, mặc dù lúc này con cảm thấy rằng sống chỉ có thể được dành cho một hướng, sự phục vụ Thượng đế.

Chính Krishna cũng đã viết một chuyện kể về trải nghiệm này cho Mrs Besant và Leadbeater nhưng, bởi vì anh bị bất tỉnh, hay nửa tỉnh nửa mê, anh không nhớ nhiều lắm về nó. Anh chấm dứt chuyện kể của anh:

Con hạnh phúc tột cùng, bởi vì con đã thấy. Không gì có thể giống hết được, bởi vì con đã uống những dòng nước tinh khiết và trong sạch tại ngay nguồn vòi nước của sự sống và con khát của con đã được thỏa mãn. Không bao giờ con còn có thể khát được nữa. Không bao giờ con còn có thể ở trong bóng tối hoàn toàn nữa; con đã thấy Ánh Sáng. Con đã hiệp thông cùng Từ bi mà chữa khỏi tất cả phiền muộn và đau khổ; nó không dành cho con, nhưng dành cho thế giới. Con đã đứng trên đỉnh núi và nhìn chăm chăm vào Những Đấng Thiêng liêng Vĩ đại. Con đã thấy Ánh Sáng vinh quang và cứu rỗi. Vòi nước của Chân lý đã được khai sáng cho con và sự tối tăm đã được xua tan. Tình yêu trong tất cả vinh quang của nó đã làm say đắm tâm hồn của con; tâm hồn của con không bao giờ có thể khép kín được nữa. Con đã uống tại vòi nước của Hân hoan và Vẻ đẹp Vĩnh cửu. Con được thẩm thấu Thượng đế.

Vào lúc đầu trong chuyện kể của anh, anh đã viết:

Ngày đầu tiên khi con ở trong trạng thái đó và nhận biết được nhiều hơn những sự vật quanh con, con đã có trải nghiệm lạ thường nhất lần đầu tiên của con. Có

một người đang sửa chữa con đường; người đó là chính con; cái rìu anh ta cầm là chính con; chính hòn đá anh ta đang đập vỡ là một bộ phận của con; lá cỏ mảnh mai là chính thân tâm của con, và cái cây bên cạnh người đó là chính con. Con cũng có thể cảm thấy và suy nghĩ giống như người sửa chữa con đường và con có thể cảm thấy gió đang lướt qua cái cây, và con có thể cảm thấy con kiến bé tí trên lá cỏ. Những con chim, bụi bặm, và chính tiếng ồn là một bộ phận của con. Ngay lúc đó ở xa xa có một chiếc xe hơi đang chạy qua; con là người lái xe, động cơ, và những cái lốp xe; khi chiếc xe hơi đang chạy xa khỏi con, con đang đi khỏi chính con. Con ở trong mọi thứ, hay khác hơn mọi thứ ở trong con, không-sinh khí hay có-sinh khí, hòn núi, côn trùng và tất cả những sự vật đang thở. Suốt ngày con ở trong hạnh phúc này.

Mr Warrington cũng viết một huyện kể về trải nghiệm, khẳng định sự thật của hai chuyện kể còn lại. Những bản sao của ba chuyện kể này được gửi tới Miss Dodge và Lady Emily kèm theo một thỉnh cầu rằng Lady Emily nhờ người nào đó rất tin cậy thực hiện những bản sao bởi vì chúng cần bảo mật tuyệt đối. Bà chọn Raja, người đã biết đánh máy, cho nhiệm vụ này.¹⁶

Sau mười lăm ngày yên tĩnh, suốt thời gian đó Krishna tiếp tục thiền định mỗi chiều tối dưới cây tiêu, những trạng thái lạ lùng, nửa tỉnh nửa mê bắt đầu lại vào ngày 3 tháng chín, nhưng thời gian này chúng xảy ra đều đặn từ 6.30 đến 8.30 hay 9 giờ vào buổi tối sau thiền định của anh, và được theo cùng bởi cơn đau đốn dọc cột sống mà tăng lên sau một vài ngày thành sự đau đốn cực độ. Nitya thực hiện những ghi chú hàng ngày về tình trạng của Krishna mà sau đó anh sắp

xếp thành một chuyện kể dài để gửi tới Mrs Besant và Leadbeater.¹⁷ ‘Cái tôi’ của Krishna, như Nitya thường gọi nó, sẽ rút lui, để lại thân thể của anh chịu sự quản lý của ‘phần cơ bản của thân thể’* mà gánh chịu đau khổ đến độ Krishna không còn nhớ gì về nó khi anh ‘trở lại’. Những diễn tả của sự tra tấn thuộc vật lý bị chịu đựng bởi thân thể đêm này sang đêm khác trong ba tháng kế tiếp gây đau lòng vô cùng. Nitya và Mr Warrington, người ở đó toàn bộ thời gian, không thể tin rằng sự đau đớn như thế lại có thể xảy ra được. ‘Phần cơ bản của thân thể’ đã khiến cho Rosalind, đến ngôi nhà mỗi chiều tối trong khi điều gì cuối cùng được gọi là ‘cái tiền trình’ xảy ra, đã hiểu lầm là người mẹ đã chết của anh.

Thỉnh thoảng Krishna có cảm giác bị đốt cháy đến độ anh muốn chạy xấn ra ngoài và ngâm mình trong dòng suối và phải được kèm lại rất mạnh mẽ, bởi vì anh hay ngã sắp xuống vì bị ngất xỉu và sẽ lãnh ‘một cú đau kinh hoàng’ bất kỳ nơi nào anh tỉnh cò có mặt. Anh thường nằm tranh tối tranh sáng trên ~~một~~ miếng thảm trên nền nhà để cho anh không thể ngã khỏi giường. Anh không thể chịu đựng quá nhiều ánh sáng. Nitya nói nó giống như nhìn một con người đang bị thiêu cháy đến chết. Sự đau đớn, mà ảnh hưởng những phần khác nhau của thân thể, thường xảy ra trong từng đợt. Khi có một thời gian yên tĩnh, Krishna sẽ nói chuyện với *những sinh linh* không thấy được nào đó hay một sinh linh mà có vẻ đến hàng đêm để thực hiện ‘những ca giải phẫu’. Krishna thường chỉ nói đến họ bằng từ ngữ ‘họ’. Chắc chắn anh đã được cho những chỉ dẫn về điều gì đang xảy ra, bởi vì anh được nghe những sự việc như là, ‘Ồ, tôi nay sẽ nặng lắm

* Bộ phận của thân thể mà kiểm soát những hành động thuần túy vật chất và bản năng của nó khi trạng thái ý thức cao hơn rút lui. Nó là một chặng đường thấp của sự tiến hóa và cần sự hướng dẫn.

nghe? Được rồi, tôi không thêm quan tâm đâu.’ Khi cơn đau mạnh quá anh thường sụt sùi khóc và lăn lộn qua lại và hét to kinh hoàng và thỉnh thoảng la lớn tiếng để nài nỉ xin thư thả lại. ‘Phần cơ bản của thân thể’ sẽ khóc, ‘Ôi, làm ơn, làm ơn, tôi không thể chịu nổi’, rồi sau đó nó sẽ đột nhiên ngừng lại và giọng của Krishna sẽ nói, ‘Không sao đâu, tôi không có ý như vậy đâu, làm ơn cứ tiếp tục đi’, hay, ‘Tôi sẵn sàng rồi, chúng ta hãy tiếp tục.’

Vào lúc chín giờ tối, sau ca làm việc ban đêm trên thân thể của anh, anh thường ngồi cùng những người khác để uống sữa (anh không bao giờ ăn bữa tối vào những buổi tối đó) và họ sẽ kể cho anh điều gì đã xảy ra. Anh lắng nghe như thể họ đang nói về một người lạ và sự quan tâm của anh trong điều gì đã xảy ra cũng nhiều bằng sự quan tâm của họ; tất cả đều mới mẻ đối với anh bởi vì trí nhớ của anh không lưu lại bất kỳ điều gì.

Vào một buổi tối rất nặng nề anh rên rỉ, ‘Ôi, mẹ ơi, tại sao mẹ đã sinh ra con để chịu đựng tất cả việc này?’ Anh van xin được nghỉ ngơi vài phút và những người khác sẽ nghe anh nói chuyện với mẹ của anh hay với ‘họ’, anh sẽ nói với họ, bằng nhiều cam đoan, ‘Được rồi, mạnh thêm nữa đi! Tôi có thể chịu đựng nhiều hơn nữa; đừng để ý đến thân thể, tôi không thể ngăn nó khóc lóc được’, và thỉnh thoảng ‘Họ’ sẽ nói điều gì đó với anh và họ sẽ cười ngặt nghẽo. Một lần họ nghe ‘phần cơ bản của thân thể’ đang gọi to, ‘Làm ơn, quay lại, Krishna’. Nếu Krishna quay lại ‘cái tiến trình’ sẽ chấm dứt. Có vẻ rằng một lượng nào đó của công việc trên thân thể phải được hoàn tất mỗi buổi tối và nếu có một ngắt đoạn trong khoảng giữa, nó phải được đền bù đến khi nào xong.

Thân thể của Krishna đang trở nên mỗi lúc một mệt mỏi và gầy gò, và phải nhìn sự chịu đựng đau đớn của anh là một căng thẳng khủng khiếp cho những người còn lại. Vào

đầu tháng mười ‘Họ’ bắt đầu làm việc trên đôi mắt của anh, một hành hạ khủng khiếp hơn bất kỳ lần nào. Nitya viết, ‘Đêm đó họ bảo Krishna rằng đôi mắt của anh đang được tẩy rửa để cho anh có lẽ được cho phép thấy “Ngài”. Nhưng sự tẩy rửa đó là một tiến hành rùng rợn khi lắng nghe. Chúng con nghe anh nói, “Nó gồng như đang bị trói chặt trong sa mạc, mặt của người ta ngửa lên dưới ánh mặt trời đang khắc lửa với hai mí mắt của người ta bị cắt đứt”.’

Một chiều tối lúc còn sớm, khi Krishna tắm xong và đến thiền định dưới cây tiêu trước khi công việc buổi tối bắt đầu, anh bảo những người khác rằng sẽ có một ‘Vị Khách Vĩ Đại’ đêm đó (họ hiểu rằng đây không là Chúa Maitreya mà được nói đã ở đó một hay hai lần). Krishna bảo Nitya đặt bức ảnh của Đức Phật trong phòng của anh nơi anh sẽ quay lại sau thiền định, vậy là Nitya không còn nghi ngờ gì cả về việc ‘Đấng Vĩ Đại’ sẽ là ai. Công việc đêm đó dường như là công việc đau đớn nhất mà thân thể của Krishna đã từng trải qua, nhưng cũng là công việc vinh quang nhất kể từ đêm chủ nhật đầu tiên đó dưới cây tiêu, bởi vì tất cả họ đều cảm thấy rằng ‘Hiện Diện Vĩ Đại’ đã đến trong một khoảnh khắc. Sau đó khi Nitya và Rosalind ở cùng Krishna trong phòng của anh, Krishna bắt đầu nói với những người mà họ không thể thấy. Hiển nhiên, ‘công việc’ đã được bảo đảm thành công và họ đang chúc mừng anh. Họ nghe anh nói, ‘Không có gì phải chúc mừng tôi cả, các bạn đã tự thực hiện điều đó.’ Khi những người chúc mừng đã rời đi, Krishna, vẫn còn bất tỉnh, nói, ‘Mẹ ơi, bây giờ mọi thứ sẽ khác biệt, sau việc này sống sẽ không còn giống hệt cho bất kỳ ai. Con đã thấy Ngài, thưa mẹ, và bây giờ chẳng có gì phải đặt thành vấn đề nữa.’

Đây không là sự chấm dứt đau đớn thân thể của Krishna. Lúc này ‘Họ’ bắt đầu mở toang cái gì đó trong bộ đầu của anh mà gây ra ‘sự hành hạ không thể diễn tả được’

đến độ anh cứ la lớn, ‘Làm ơn đóng nó lại, làm ơn đóng nó lại.’ Khi cơn đau dần trở nên không thể chịu đựng nổi, ‘Họ’ cố đóng nó và một chút xíu sau lại mở nó và thân thể bắt đầu la hét cho đến khi nó ngất xỉu. Việc này diễn ra trong khoảng bốn mươi năm phút. Khi cuối cùng nó chấm dứt, thân thể, với sự kinh ngạc của những người khác, bắt đầu huyền thuyên trong giọng của một đứa trẻ khoảng bốn tuổi, nhắc lại những biến cố từ thời niên thiếu của anh.

‘Cái tiến trình’ tiếp tục không giảm sút hàng đêm, ngoại trừ trong vài ngày khi Krishna và Nitya ở Hollywood, cho đến khi bắt đầu tháng mười hai, và khi cái tiến trình chấm dứt mỗi buổi tối cậu trai nhỏ nói chuyện bí bô suốt một tiếng đồng hồ hay nhiều hơn với mẹ của cậu, mà anh vẫn lầm lẫn Rosalind như người mẹ, về những sự kiện trong thời niên thiếu của anh. Anh kể cho mẹ về một người bạn nọ đùa xinh xắn nói nhiều, mà anh đã kết bạn trước kia và anh ghét đi học biết chừng nào. Anh diễn tả cái chết của mẹ, ‘Anh nghĩ mẹ bị bệnh và khi anh thấy bác sĩ đưa thuốc cho mẹ anh van xin mẹ, “Đừng uống nó, mẹ ơi, đừng uống nó, nó là thứ kinh tởm và nó sẽ không giúp mẹ khỏe đâu, làm ơn đừng uống nó, bác sĩ không biết gì đâu, ông ấy là một người xấu xa.” Chốc lát sau, bằng một giọng kinh hoàng anh nói, “Tại sao mẹ lại bất động như thế, mẹ ơi, chuyện gì xảy ra vậy, và tại sao cha phủ mặt bằng miếng vải như thế, mẹ ơi, trả lời con đi, mẹ.”’

Trong khi cái tiến trình đang xảy ra mỗi chiều tối, Krishna viết vào những buổi sáng, vì anh kể cho Lady Emily trong một lá thư vào ngày 17 tháng chín, ‘một bài thuộc một bản chất khá kỳ lạ. Con đã viết được 23 trang, tuyệt đối không nhờ ai giúp đỡ.’¹⁸

Cả Mrs Besant và Leadbeater đều cho rằng trải nghiệm vào ngày 17 – 20 tháng tám của Krishna do bởi sự vượt qua lần khai tâm thứ ba nhưng họ không thể tìm được sự giải

thích cho ‘cái tiến trình’. Chính Krishna được thuyết phục rằng nó là cái gì đó mà anh phải trải qua cho sự chuẩn bị thân thể của anh để tiếp nhận Chúa Maitreya và rằng không nỗ lực nào phải được thực hiện để ngăn cản hay găm bót nó. Chỉ một bác sĩ được thấy Krishna trong trạng thái này, Dr Mary Rocke, một hội viên người Anh của Theosophy và Star mà anh biết rất rõ và tin cậy. Bà không thể hiểu rõ nguyên nhân của nó và bà không thể khám nghiệm anh trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê của anh. Nếu bất kỳ bác sĩ hay người tâm lý học nào vào ngôi nhà, hướng chỉ là căn phòng, Krishna sẽ biết được điều này ngay tức khắc và không nghi ngờ gì cả ‘cái tiến trình’ tự nhiên ngừng lại.

Vậy thì ‘cái tiến trình’ là gì? Sự giải thích được đưa ra bởi Nitya tại thời điểm đó và được chấp nhận bởi những người khác là rằng, nó là sự thức dậy của *kundalini* của Krishna, thỉnh thoảng được gọi là ‘Serpent Fire’ Lửa Rắn, mà được tập trung tại đáy của xương sống và khi được đánh thức bởi sự luyện tập yoga đúng cách sẽ tạo ra một giải phóng năng lượng vô biên và những khả năng siêu nhiên. Leadbeater lý sự về việc này, viết cho Mrs Besant rằng ông đã chịu đựng mà chẳng có gì phải lo lắng khi *kundalini* của ông được đánh thức. Krishna phát triển những khả năng siêu nhiên sau ‘cái tiến trình’ cũng giống như ông đã biểu lộ khi còn là một cậu bé. Dầu vậy, ‘cái tiến trình’ xảy ra quá dài nên sự giải thích *kundalini* không có giá trị gì. Từ lần này sang lần khác những bác sĩ, những người tâm lý học và những người khác đã đưa ra những gợi ý về nó có lẽ được gọi là gì. Chúng đau nhức nửa đầu, chúng cuồng loạn, chúng động kinh và lệnh tâm thần phân liệt tất cả đều đã được gợi ý. Không một gợi ý nào phù hợp cho trường hợp này. Dĩ nhiên, nhiều người huyền bí học đã thấy những ảo mộng và đã nghe những giọng nói, nhưng những việc này có khi nào được kèm

theo bởi sự khốn khổ thuộc thân thể như thế? Có bất kỳ sự giải thích vật lý nào? Người ta bắt buộc phải kết luận rằng chỉ có thể là một hiện tượng huyền bí? Điều gì dường như chắc chắn là bất kỳ việc gì đã xảy đến cho thân thể của Krishna trong vài năm kế tiếp đã khiến anh có thể trở thành một *cái kênh* cho sức mạnh hay năng lượng siêu nhiên nào đó mà là cái nguồn của những lời giảng sau đó của anh.

‘Cố một cô đơn’

Cơ hội nảy ra trong tháng hai kế tiếp khi mua Pine Cottage và sáu mẫu đất chung quanh nó, gồm cả một ngôi nhà khác lớn hơn. Khi Krishna bày tỏ một ước nguyện có được khu đất này, vạch rõ ra nơi này đã trở thành thiêng liêng biết chừng nào sau tất cả mọi điều đã xảy ra ở đó, tiền bạc được biếu tặng bởi Miss Dodge. Krishna gọi ngôi nhà lớn hơn là Arya Vihara (Tu viện Cao quý), và chẳng mấy chốc sau bảy mẫu đất khác đã được mua và Brothers' Trust được thành lập để quản lý khu đó. Suốt sống của Krishna tiền bạc, trong hình thức những quà tặng và tài sản thừa kế, tuôn vào khi được cần đến, và sau đó anh kiếm được tiền từ những quyển sách của anh; dẫu vậy, anh không bao giờ giữ bất kỳ thứ gì cho riêng anh, ngoại trừ số tiền £500 hàng năm của Miss Dodge.

Từ đầu năm 1923 Krishna bắt đầu làm việc nhiều ở Ojai, trả lời hàng tá thư từ chính thức, viết những bài hàng tháng của anh cho tờ *Herald*, tái tổ chức Star ở California, thực hiện những nói chuyện trong những vùng chung quanh và gây quỹ cho một trường học ở Ấn độ. Tháng năm anh và Nitya mà, do sự điều trị thêm của Abrams một lần nữa được nói đã khỏi bệnh, đi vòng quanh nước Mỹ, chấm dứt ở Chicago cho Hội nghị Theosophy. Tháng sáu hai anh em đến nước Anh. Người ta đã sắp xếp cho hai anh em tham dự Đại hội Theosophy và Star ở Vienna vào tháng bảy. Lady Emily

gặp họ tại Plymouth và thông báo cho Mrs Besant rằng bên ngoài Krishna có vẻ chẳng thay đổi bao nhiêu, mặc dù có lẽ đẹp hơn nhiều, ‘nhưng tại từng khoảnh khắc người ta nhận biết được nguồn năng lượng được tập trung lại mãnh liệt nhưng có kềm soát đang chảy qua anh’. Sau Đại hội, nơi Krishna sẽ gặp lại Helen Knothe (chị vẫn ở Amsterdam), anh hỏi liệu anh được phép có một kỳ nghỉ ‘gia đình’ trong nơi yên tĩnh nào đó mà anh chưa bao giờ biết. Một người bạn của John Cordes sắp xếp một biệt thự nhỏ, Villa Sonnblick, trong toàn quyền sử dụng của anh bên ngoài ngôi làng Ehrwald ở Austrian Tyrol, và tại đó anh và Nitya tại qua bảy tuần lễ cùng một nhóm bạn gồm có Lady Emily, chị tôi Betty và tôi, Helen, Mar de Manziarly, Rajagopal (bây giờ ở Cambridge), Cordes, và Ruth Roberts, một cô gái người Anh mà Krishna đã yêu đương lãng nhãng hồi ở Sydney. Krishna, Nitya, Lady Emily, Helen và Rajagopal ở trong Sonnblick, nơi tất cả chúng tôi ăn uống, trong khi số người còn lại của chúng tôi nghỉ trong một biệt thự nhỏ khác. Mười lăm ngày đầu tiên là một kỳ nghỉ rất hạnh phúc, đó là một nơi lý tưởng cho những chuyến dạo bộ vùng núi và có một cánh đồng bằng phẳng mà chúng tôi có thể chơi rounders ở đó. Vào những buổi picnic trong núi, Krishna, Nitya và Rajagopal thường hát những bài thánh ca của Ấn độ, nghe hay lạ lùng.

Sau đó, vào giữa tháng tám, ‘cái tiến trình’ bắt đầu lại rất khẩn cấp, mỗi buổi tối, và tiếp tục đến ngày 20 tháng chín. Krishna, hay nói khác đi ‘phần cơ bản của thân thể’, lúc này đã làm lẫn Helen với người mẹ của anh khi anh ‘đi khỏi’. Lady Emily gửi những lá thư nhật ký cho Mrs Besant kể lại tất cả điều gì đã xảy ra. ‘Nhìn cậu (Krishna) nhảy xuống những quả đồi, đầy duyên dáng và vẻ đẹp và sức sống,’ bà viết, ‘hầu như không thể tin được rằng thân thể tội nghiệp của cậu đã phải chịu đựng mỗi buổi tối.’ Sau một buổi tối bị hành

hạ anh gào lớn, ‘Nó đã chưa bao giờ tồi tệ như thế này.’ Nitya đã viết sau đó, ‘Trong suốt những ngày cuối cùng tại Ehrwald họ cố gắng thử nghiệm để Krishna tỉnh táo trong khi cơn đau đớn vẫn còn khá mạnh, nhưng sự tỉnh táo này chỉ kéo dài được 10 hay 20 giây tại mỗi lần, và ngay khi cơn đau đớn quá mạnh, Krishna sẽ rời thân thể.’

Vào chiều tối ngày 20 tháng chín, Krishna ‘mang qua’ một thông điệp cho Nitya, được cho là từ Bậc Thầy Kuthumi, mà Nitya viết ra:

Nitya. Lắng nghe. Công việc này được hoàn tất ở đây, đây là đêm cái cùng, nhưng nó sẽ được tiếp tục ở Ojai. Nhưng điều này phụ thuộc vào hai con. Cả hai con nên có năng lượng nhiều hơn. Sự thành công sẽ phụ thuộc vào điều gì các con làm trong tháng kế tiếp. Đừng để bất kỳ điều gì ngăn cản nó. Nó đã là một thành công ở đây. Nhưng Ojai phụ thuộc toàn bộ vào hai con, ở đó nó sẽ được tiếp tục với nhiều mãnh liệt hơn nếu hai con sẵn sàng.

Khi hai con rời nơi này hai con phải cẩn thận vô cùng. Nó giống như cái bình mới vừa ra khỏi khuôn, và bất kỳ rung động mạnh nào có lẽ sẽ làm rạn nứt nó, và điều này có nghĩa là sửa chữa và tu bổ lại và việc này sẽ mất một thời gian dài, nếu hai con thất bại nó sẽ có nghĩa là khởi sự mọi thứ lại từ ngay lúc đầu.

Thông điệp này đặc biệt lý thú vì văn phong hoàn toàn không giống như văn phong của Krishna hay của Nitya.

Ngay khi rời Ehrwald, gần hết nhóm người đến ở tại Castle Eerde ở Hà lan cùng Baron van Pallandt mà đã cống hiến tài sản cho Krishna. Đây là lần cuối cùng nó được sử dụng như một ngôi nhà riêng. Một Trust được thành lập, với

Krishna làm Chủ tịch, người mà bất động sản này được chuyển qua và Eerde trở thành Bộ Chỉ huy quốc tế của The Order of The Star in The East.

Vì tin rằng ‘cái tiến trình’ sẽ được tiếp tục ở Ojai, Nitya cảm thấy rất cần thiết phải có một người khai tâm khác ở đó, vậy là Rajagopal (người đã trở thành một người khai tâm trước khi đến nước Anh) xin nghỉ học tại Cambridge một năm để theo cùng họ. Lúc này họ sống tại Arya Vihara trong khi Rosalind sống tại Pine Cottage cùng người mẹ của em ấy. (Helen đã phải về nhà ở New York.)

Ngay khi họ đến, ‘cái tiến trình’ đã bắt đầu lại và nặng nề đến độ lần đầu tiên Nitya bị bối rối và viết cho Leadbeater đầy lo âu để hỏi liệu mọi thứ có ‘trôi chảy’ hay không. Tại thời điểm này, Krishna đang bị bắt buộc phải tự chịu đựng sự đau đớn mà đang gia tăng mỗi lúc một mạnh mẽ. Nitya kể cho Leadbeater, ‘Lúc này không có Helen cùng anh và dù Rosalind ở phòng bên cạnh chúng con, anh dường như không cần em ấy; sau khi con đau đớn chấm dứt, Krishna rời thân thể và thân thể khóc rất đau buồn vì kiệt sức. Anh gọi người mẹ của anh, và con phát giác anh cần Helen, không phải Rosalind. Từ điều gì thân thể của Krishna thỉnh thoảng nói, con có thể nhận thấy rằng vẫn còn có nhiều công việc phải được làm trên thân thể, có lẽ nó có nghĩa phải mất vài tháng.’

Ngày 26 tháng mười một, thân thể của Krishna ‘mang qua’ một thông điệp mà Nitya đính kèm trong lá thư gửi Leadbeater : ‘Công việc đang được làm lúc này có sự quan trọng vô cùng và tinh tế cực kỳ. Đây là lần đầu tiên sự thử nghiệm này đang được thực hiện trong thế giới. Mọi công việc trong nhà phải nhường cho công việc này, và không người nào được nghĩ đến lợi ích riêng của mình, ngay cả Krishna.’

Lạ thay Leadbeater không muốn đến Ojai để chứng kiến hiện tượng lạ thường này cho ông. Ông chỉ viết cho Mrs Besant nói rằng ông ‘bị bận khoản nhiều về toàn công việc đó . . . hoàn toàn trái ngược điều gì chính tôi đã được dạy. Tôi hy vọng bà có thể cam đoan với tôi rằng tất cả đều tốt lành.’ Mrs Besant, mặc dù bây giờ đã gạt đi quyền năng siêu nhiên của bà, rõ ràng có thể cam đoan với ông, và từ đó trở đi Leadbeater giao lại cho bà tất cả trách nhiệm chăm sóc Krishna. Với Nitya ông viết: ‘Tôi không hiểu những biến cố kinh hoàng đang xảy ra trong Krishna thương yêu của chúng ta.’

Đầu năm 1924, Krishna viết cho Lady Emily sau khi ‘cái tiến trình’ đã và đang xảy ra được hai tháng:

Càng ngày con càng cấu kình và càng ngày con càng mệt mỏi, con ước mẹ và những người khác ở đây. Những ngày này con thường xuyên cảm thấy muốn khóc và hồi trước con không có như vậy. Thật là khủng khiếp cho những người khác và cho con . . . con ước Helen ở đây nhưng đó là một điều không thể được và cũng có thể họ không muốn bất kỳ ai giúp đỡ con. Vì vậy con phải làm tất cả mọi việc một mình . . . Dù người ta có lẽ cố gắng như thế nào chăng nữa, có một cô đơn, cô đơn của một cây thông đơn chiếc trong vùng hoang vu . . . Mười ngày vừa qua thật là vất vả, xương sống và cổ của con cứng ngắt, và ngày hôm kia con trải qua một buổi tối lạ thường. Dù nó là gì, cái nguồn hay bất kỳ từ ngữ nào người ta gọi cái vật chết tiệt đó, đến thẳng lên xương sống của con, thẳng lên gáy của cổ con, sau đó nó tách thành hai, một đi đến phía bên phải và cái còn lại đi đến phía bên trái của bộ đầu con cho đến khi chúng gặp nhau giữa hai mắt, ngay trên

mũi của con. Và con thấy Chúa và Bạc Thầy. Đó là một buổi tối kỳ diệu. Dĩ nhiên toàn sự việc này đau đớn cực độ . . . Con chắc chắn chúng con sẽ có một kỳ nghỉ mau thôi.

Krishna cũng diễn tả trải nghiệm này cho Mrs Besant, và cũng vậy Nitya kể cho bà một câu chuyện về nó. Nitya đoán chừng nó có nghĩa ‘mở mắt thứ ba’. Trong chuyên luận về yoga ‘mắt thứ ba’ thường được gọi là The Eye of Shiva. Nó ở giữa trán và, giống như *kundalini*, được kết hợp với khả năng siêu nhiên. ‘Khả năng siêu nhiên của Krishna vẫn chưa bắt đầu,’ Nitya thêm vào, ‘nhưng con nghĩ lúc này nó chỉ còn là vấn đề thuộc thời gian. Từ khi chúng con ở đây đến bây giờ, chúng con đã trải qua 110 đêm của ‘cái tiến trình’.

Cuối tháng ba Dr Rocke đến Ojai, được gửi đi bởi Leadbeater từ Sydney, nơi hiện nay bà sống, để theo dõi về trường hợp của Krishna. Bà ở lại mười lăm ngày, quan sát ‘cái tiến trình’ mỗi buổi tối. Krishna viết cho Lady Emily rằng ‘bà bị ấn tượng khủng khiếp bởi toàn sự việc và chúng con hoàn toàn không điên khùng’. Dr Rocke ở đó vào ngày 11 tháng tư – ‘một buổi tối kỳ diệu cho tất cả chúng con’, như Nitya kể cho Mrs Besant, khi Krishna ‘mang qua’ một thông điệp, phần đầu tiên của nó Nitya tin là chính Chúa Maitreya:

Các Con của Ta, Ta hài lòng về sự chịu đựng và sự can đảm của các con. Nó đã là một đấu tranh lâu dài và cho đến lúc này những công việc Chúng ta đã trải qua đã là một thành công tốt lành. Mặc dù đã có nhiều khó khăn Chúng ta đã khắc phục chúng một cách tương đối dễ dàng . . . Các con đã vượt qua sự thử thách rất thành công, mặc dù toàn bộ sự chuẩn bị chưa kết

thức... Chúng tôi xin đi về sự đau đớn, kéo dài quá lâu, mà dường như chắc là vô tận cho các con, nhưng có một vinh quang vô cùng đang chờ đợi mỗi người trong các con . . . Phước lành của Ta ở cùng các con.

Mặc dù Chúng tôi sẽ bắt đầu tại một ngày tháng trễ hơn. Ta không muốn các con rời nơi này để đi Châu Âu cho đến sau lễ Wesak (lễ hội huyền bí quan trọng vào Trăng tròn tháng Năm, năm đó rơi vào ngày 18 tháng năm), khi các con sẽ thấy Ta. Mặc dù Chúng tôi đã bảo vệ ba nơi trong thân thể của con, chắc chắn sẽ có sự đau đớn. Nó giống như một ca giải phẫu; mặc dù nó có ẽ xong rồi, con chắc chắn sẽ cảm thấy những ảnh hưởng sau đó.

Rủi thay, chúng ta không có chuyện kể từ chính Dr Locke về điều gì bà nghĩ về ‘cái tiến trình’.

Hai anh em, cùng Rajagopal và Helen, người họ gặp ở New York, đến nước Anh vào ngày 15 tháng sáu. Mrs Besant cũng ở Nước Anh và họ bị nhiễm trong những hoạt động không ngừng nghỉ của bà, cực điểm là một Đại hội Theosophy và Star tại Arnheim ở Hà lan, được tiếp theo bởi lần họp trại đầu tiên tại Ommen, cách Castle Eeerde một dặm trên phần đất đai được trao tặng bởi Baron van Pallandt. Họp trại này sẽ là một sự kiện hàng năm cho đến khi có chiến tranh.

Sau họp trại này, cuối cùng Krishna cũng được tự do để tận hưởng kỳ nghỉ ‘gia đình’ mà anh mong chờ. Năm đó nơi được chọn là một khách sạn ở lâu đài thuộc thế kỷ mười một tại đỉnh của một ngọn đồi dốc đứng trên làng Pergine ở Dolomites, nơi Krishna đến cùng những người bạn vào ngày 18 tháng tám. Nhóm người cũng giống năm ngoái, với sự ngoại lệ là Mar de Manziarly và thêm vào một phụ nữ người

Ý cùng vài người bạn Ấn độ. Chúng tôi chiếm hai cái tháp có lỗ châu mai tại những góc của lầu đài cũng như vài căn phòng trong khách sạn và dùng những bữa ăn tại phía cuối của một phòng ăn rộng mênh mông, được kéo màn tách khỏi những người khách khác và có người đầu bếp Úc nấu món chay riêng của chúng tôi. Ngay dưới lầu đài là một cánh đồng bằng phẳng, dành chơi rounders, như đã có ở Ehrwald. Nhưng Krishna chỉ được cho phép ít hơn một tuần lễ trước khi ‘cái tiến trình’ khởi sự lại. Lần này còn gây đau đớn hơn trước nhiều lắm, mà hầu như không thể chịu đựng được sau lần ở Ojai. Tuy nhiên, lúc này Helen có mặt ở đó để giúp đỡ.

Nitya, Lady Emily, Helen và Rajagopal đang sống dưới cùng mái nhà với Krishna trong cái tháp tròn. Khi ‘cái tiến trình’ khởi sự, những người khách ở cùng cái tháp đó không đến ăn tối cùng chúng tôi trong khách sạn. Số người còn lại của chúng tôi biết rằng *cái gì đó* sắp sửa xảy đến mỗi buổi tối – cái gì đó để chu ẩn bị cho sự cư ngụ của Chúa Maitreya – nhưng mãi đến năm sau tôi mới được kể về ‘cái tiến trình’ và những chuyện kể của Krishna và Nitya về trải nghiệm ở Ojai được đọc to cho tôi nghe.

Có một mục đích rõ ràng trong kỳ nghỉ của năm đó. Người ta đã sắp xếp rằng bốn cô gái – Helen, Ruth, Betty, và tôi – nên, theo sự thúc giục của Krishna, đi đến Sydney để được ‘hướng về’ theo Con đường Môn đồ bởi Leadbeater. (Rosalind đã đến đó khi hai anh em rời Ojai vào tháng sáu.) Tất cả những nói chuyện trước công chúng của Krishna trong những nơi khác nhau mà anh đã theo Mrs Besant vào mùa hè đó đã nhấn mạnh rằng, muốn vào được Con đường Môn đồ, rất cần thiết phải nhắm mắt nhảy liều, sống một cách cấp bách, cảm thấy thật mãnh liệt để có thể đủ sức vọt ra khỏi cửa sổ, để tự thay đổi chính mình một cách cơ bản. Lúc này, tại Pergine, theo sự đề nghị của Lady Emily, anh bắt đầu nói

về những chủ đề đó cho nhóm người tụ họp ở đó. Sau trò chơi rounders vào buổi sáng, anh sẽ ngồi dưới một cây táo trong cánh đồng và cố gắng nói đi nói lại cho chúng tôi về những phẩm chất phải nhằm đến. Anh bảo với những cô gái rằng mặc dù bản chất tự nhiên của con người trong các cô là muốn hôn nhân và một tổ ấm riêng của họ, họ không thể có những điều đó và hậu hạ Thượng đế khi Ngài đến; nếu họ cố gắng đùa giỡn với cả hai cuộc sống, họ sẽ trở thành kẻ còm và không đều gì tội tệ hơn là tánh tâm thường. Nhưng họ không được trở thành khô khan; lớn lên bằng tình yêu và hạnh phúc rực sáng là cách duy nhất để phát triển. Sự trong trắng hoàn toàn về thân thể lẫn tinh thần là yếu tố cốt lõi.

Bốn cô gái trẻ sôi nổi trong số đó có tôi, vừa mười sáu, là người ít tuổi nhất, luôn luôn được yêu cầu sống những cuộc sống độc thân bên ngoài một tu viện. Thái độ của Krishna về tình dục và hôn nhân sẽ thay đổi trong một vài năm nữa. Vào năm 1922 khi anh ghé thăm Mar de Manziarly đã đính hôn và sẽ lập gia đình, anh nói rằng giá như cô tự tử thì hay hơn. (Vụ đính hôn bị hủy bỏ trước khi cô đến Ehrwald.) Anh rất khắt khe với tất cả chúng tôi ở Pergine, thường làm cho chúng tôi khóc lóc bởi những sự thật về tổ ấm anh đã bảo chúng tôi. Anh phát hiện tất cả chúng tôi đều không đáp ứng nhiệt tình lắm; anh kể cho Lady Emily rằng nó giống như đang nói chuyện với nhiều cái bọt biển mà chỉ vuốt tron tất cả mọi thứ. Anh ước anh có thể ‘trù dập’ chúng tôi nhiều hơn nữa. ‘Các bạn giống như những người ở trong một căn phòng tối om đang chờ đợi ai đó bật đèn cho các bạn thay vì mò mẫm trong bóng tối và tự bật nó lên.’¹⁹

Tuy nhiên bất kể sự khắt khe của anh, người ta cảm thấy tình yêu vô biên của anh dành cho chúng tôi, sự khao khát của anh rằng chúng tôi sẽ lớn lên thành những con người

tốt lành – sự kinh hãi của anh rằng chúng tôi sẽ trở thành ‘tầm thường’.

‘Cái tiến trình’ kết thúc vào ngày 24 tháng chín khi Krishna ‘mang qua’ một thôn g điệp mà anh tin là từ Chúa Maitreya:

Hãy học phục vụ Ta, vì tiến theo chính Con đường các con sẽ tìm thấy Ta.

Hãy quên các con, vì chỉ như thế ta sẽ được tìm thấy.

Đừng tìm kiếm những Đáng Vĩ Đại khi họ có lẽ rất gần các con.

Các con giống như người mù tìm kiếm ánh mặt trời,

Các con giống như người đói được cho thức ăn và sẽ không ăn.

Hạnh phúc các con tìm kiếm không xa lắm; nó sống trong mọi cục đá bình thường.

Ta ở đó nếu các con muốn thấy. Ta là người giúp đỡ nếu các con muốn Ta giúp đỡ.

Rất khác biệt với những thông điệp khác, những hàng này có nhiều văn phong của những bài thơ mà Krishna sắp sửa sáng tác.

‘Một ước mơ cũ là chết rồi’

Chồng của Lady Emily phản đối mạnh mẽ kế hoạch Sydney khi ông nghe về nó, nhưng khi Miss Dodge đề nghị trả tiền vé khứ hồi cho Lady và bốn cô gái, ông không thể ngăn cản được việc đó vì có thể sẽ bị đổ vỡ hôn nhân. Không hiểu Krishna có nhận thức được sự phản đối của ông không bởi vì, mặc dù anh chống lại sự hôn nhân cho những môn đồ tương lai, anh không là một người phá vỡ gia đình.

Krishna và Nitya, cùng Lady Emily và bốn cô gái, khởi hành đi Bombay từ Venice vào ngày 2 tháng mười một. (Rajagopal đã quay lại Cambridge để học năm cuối cùng). Vào ngày cuối của chuyến hành trình Nitya bỗng nhiên ho ra máu. Vì người em yêu quý này mười hai tháng kế tiếp sẽ là những tháng ngày lo âu rất nhiều cho Krishna.

Chúng tôi ở lại Ấn độ, đầu tiên tại Adyar, sau đó Delhi, trước khi tiếp tục đến Sydney vào năm sau. Chẳng mấy chốc sau khi đến Adyar, nơi chúng tôi gặp lại Madame de Manziarly, Mar và Jo, ‘cái tên trình’ của Krishna bắt đầu lại không có sự giúp đỡ từ Helen mà, cùng Ruth, đã đi thẳng đến Sydney. Anh cũng không có bất kỳ sự giúp đỡ nào từ Nitya lúc này; bệnh nặng lại và đã đi thẳng đến Ootacamund cùng Madame de Manziarly. ‘Con nghĩ tất cả sẽ kết thúc vào ngày nào đó,’ từ Adyar vào tháng giêng Krishna

viết cho Mrs Besant, đang ở Delhi, ‘nhưng hiện nay nó khủng khiếp lắm. Con không thể làm bất kỳ việc gì cả vân vân. Lúc này nó tiếp tục suốt ngày và suốt đêm.’ Nhưng nó không mạnh mẽ như trước kia. Ngay trước khi viết lá thư này, Krishna đã đến Madanapalle, nơi sinh của anh, để tìm kiếm một khu vực cho một trường đại học mà anh đang ao ước xây dựng. Anh tìm được một nơi đẹp ở Tett u Valley khoảng mười dặm từ thị trấn và cao 2.500 feet trên mực nước biển trung bình. Năm sau anh đã có thể thành lập một Trust để mua 300 mẫu đất ở đó. Anh đặt lại tên nó là Rishy Valley lấy từ tên hòn núi Rishi Conda mà bao quát nó, và ở đó một trường học, không phải trường đại học, được thành lập. Nó là trường đầu tiên trong tất cả tám trường mà Krishna đã thành lập.

Hai anh em được mời tham dự Hội nghị Theosophy ở Sydney vào tháng tư vậy họ đi đến đó cùng gia đình Lutyens. Raja đi cùng họ để chăm sóc Nitya vẫn còn bị bệnh rất nặng. Một chuyên gia ở Sydney thông báo rằng em sẽ cần tất cả nghị lực để qua khỏi căn bệnh và phải rời thành phố ngay lập tức, vì vậy em đi thẳng tới Leura ở Blue Mountains nơi một cabin bằng gỗ được dành riêng cho em. Rosalind vẫn còn ở Sidney theo cùng em như y tá, và một vú nuôi đã lập gia đình. Krishna phân chia thời gian của anh giữa Leura và Sydney. Mặc dù anh đã làm tất cả mọi việc có thể được để đưa các cô gái đến Sydney, chắc chắn rằng anh rất ghét bầu không khí nhà ở ở đó và không được đón chào bởi Leadbeater mà nhận thấy anh tạo ra một ảnh hưởng gây chia rẽ. Anh thường cười toe toét và nháy mắt cho chúng tôi qua cửa sổ khi chúng tôi ngồi trong một căn phòng ngột ngạt, cố gắng tham thiền cùng những hội viên khác của cộng đồng lớn tại Manor, trong vùng ngoại ô của Mosman.²⁰ Anh không chịu nổi sự quan tâm háo hức của mọi người về việc nhận

được từng bước một trên Con Đường khi được ban phát nhỏ giọt bởi Leadbeater và dẫn đến sự ganh ghét lẫn kênh kiêu. Khi so sánh với Krishna, mọi người tại Manor dường như thô tục và tầm thường. Anh cố gắng nói chuyện với Leadbeater về ‘cái tiến trình’ nhưng ông không đưa ra một ý kiến ích lợi nào; nó hoàn toàn ngoài khả năng hiểu biết của ông và chắc chắn không là một chuẩn bị cần thiết cho những chặng đường khai tâm.

Nhiều đất đai đã được trao tặng Krishna cho công việc của anh tại nhiều vùng ở Úc, và một giảng đường tròn rộng lớn có từng bậc bằng đá trắng vừa được xây dựng trên một vùng hoành tráng tại bờ của hải cảng Balmoral, gần Manor, nơi người ta chờ đợi Chúa sẽ giảng thuyết khi anh đến. Nơi này và đất đai được quản lý bởi những Trust khác nhau theo thỉnh cầu của Krishna.

Vào tháng sáu bác sĩ nhận xét Nitya đã có đủ sức khỏe để đi. Khi hai anh em xuống tàu đi San Francisco vào ngày 24 tháng sáu, cùng Rosalind và một bác sĩ người Thụy điển của Theosophy, tôi cảm thấy rằng Ánh sáng đã vĩnh viễn rời khỏi tôi. Mẹ tôi, người được cho là đã vượt qua bậc khai tâm thứ nhất của bà ở Sydney, đã trở lại nước Anh, để lại Helen, Ruth, Betty và tôi tại Manor.

Đó là một chuyến đi sợ hãi khi Nitya mỗi lúc một yếu đi. Cuối chuyến đi Krishna viết cho Mrs Besant; ‘Chúng con sẽ vượt qua được và Nitya sẽ khỏe lại thôi. Nó đã là và là một thời gian lo âu nhất, mẹ kính mến riêng của con, nhưng mẹ và những Bậc Thầy ở đó.’ Chỉ sau mười lăm ngày ở Ojai để thực hiện sự điều trị hàng ngày theo phương pháp Abrams, bệnh trạng của Nitya đã đỡ hơn nhiều. Tuy nhiên, sự thuyên giảm tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi, và trong ba tháng kế tiếp tất cả những năng lượng của Krishna được dồn hết cho việc săn sóc Nitya vì em bị nặng quá không thể ra khỏi

giường được. Krishna chắc phải tuyệt vọng lắm nếu anh không nhận được sự bảo đảm bởi cả Mr s Besant lẫn Leadbeater rằng những Bậc Thầy sẽ không cho phép Nitya chết; cuộc sống của em quá giá trị.

Trong thời gian đó Mrs Besant đã đi cùng Shiva Rao đến nước Anh để giảng thuyết tại Queen's Hall. George Arundale, người đã thực hiện một chuyến đi giảng thuyết khắp thế giới cùng người vợ của ông, Rukmini, đang ở tại một cộng đồng Theosophy tại Huizen, Hà lan, không xa Castle Eerde, được quản lý bởi một giám mục Theosophy của Giáo hội Thiên chúa giáo Tự do, James Ingall Wedgwood. Một người Na uy trẻ tuổi được gọi là Oscar Kollerstrom, một môn đồ cũ của Leadbeater ở Sydney và một linh mục trong Giáo Hội Thiên chúa giáo Tự do, cũng có mặt tại Huizen. Arundale gửi điện báo cho Mrs Besant ở London để nói rằng những sự việc kinh ngạc đang xảy ra: Oscar vừa nhận được bậc khai tâm lần thứ ba của ông, Wedgwood lần thứ hai của ông và Rukmini lần thứ nhất của bà; *kundalini* vừa được đánh thức trong Wedgwood và Rukmini. (Arundale đã là một người khai tâm lần thứ hai rồi và cả ông lẫn Rukmini đều khẳng định có khả năng siêu nhiên. Sau một điện báo lý thú khác, Mrs Besant hủy bỏ những buổi giảng thuyết tại Queen's Hall của bà và đi đến Huizen, được theo cùng bởi Esther Bright, Lady Emily, Shiva Rao và Rajagopal.

Hai ngày sau khi Mrs Besant đến, vào ngày 26 tháng bảy, Arundale được phong chức linh mục, Miss Bright, Lady Emily và Rajagopal được nói đã nhận được bậc khai tâm thứ hai của họ và vào buổi tối ngày 1 tháng tám Arundale và Wedgwood nhận được bậc khai tâm thứ ba của họ và Rukmini thứ hai của bà. Ngày 4 Arundale được tôn phong chức giám mục. Sự chấp thuận của Leadbeater cho bậc này đã được thỉnh cầu bằng điện báo; khi không có trả lời,

Arundale khẳng định rằng ông đã nhận được sự chấp thuận nồng nhiệt của Leadbeater trên *mức độ tinh thần*. Khi họ từ buổi lễ quay lại, Mrs Besant tìm được một điện báo từ Leadbeater phản đối mạnh mẽ những bậc này. Không một việc xảy ra nào ở Huizen được phê chuẩn bởi Leadbeater.

Arundale tiếp tục ‘mang qua’ những chỉ thị của các Bậc Thầy: không người khai tâm nào sẽ ở chung phòng cùng người không-khai tâm; quần áo bên trong bằng lụa phải được mặc bởi tất cả những linh mục Thiên chúa giáo Tự do (việc này rất khó khăn cho những người nghèo, Lady Emily lưu ý); những áo lễ sẽ được chọn lựa cẩn thận nhưng không được đội mũ (lần đầu tiên Miss Dodge bị choáng váng khi cô được yêu cầu phải mua những quần áo lễ lộng lẫy cho những giám mục; Mrs Besant, Wedgwood và gia đình Arundale phải từ bỏ ăn trứng trong bất kỳ hình thức nào. (Theo Lady Emily, Mrs Besant là người duy nhất tôn trọng triệt để chỉ thị này, với kết cục là bà bị lung lũng đói từ đó trở đi.)

Vào đêm 7 tháng tám Krishna (tại Ojai), Raja (ở Ấn độ), Arundale và Wedgwood được nói bởi Arundale là đã nhận được bậc khai tâm lần thứ tư hay đặc quả A la hán của họ, và hai đêm sau Arundale ‘mang qua’ danh sách của mười người thuộc điều gì ông nói sẽ là mười hai môn đồ của Chúa. Đây là Mrs Besant, Leadbeater, Raja, Arundale, Wedgwood, Rukmini, Nitya, Lady Emily, Rajagopal và Oscar Kollerstrom. Krishna đã không được nói đến nhưng chắc chắn rằng anh sẽ biết tất cả về điều đó trên thế giới tâm linh.

Trong chủ đề tháng sáu của tờ *Herald*, Arundale đã tuyên bố rằng Krishna sẽ không tham dự trại Ommen năm đó bởi vì sức khỏe của Nitya nhưng Mrs Besant và ông sẽ ở đó và ông hy vọng mọi người sẽ nghĩ đó là một bổn phận phải tham dự. Vì vậy, đã có vài lần hủy bỏ, và vào ngày 10 tháng tám nhóm Huizen di chuyển đến Ommen nơi trại và Đại hội

được khai mạc chiều hôm đó (Mrs Besant trong The Castle). Tại một cuộc nói chuyện vào ngày hôm sau, Mrs Besant tuyên bố công khai rằng Chúa đã chọn xong những môn đồ của Ngài nhưng bà chỉ được cho phép công bố danh tính của bảy người trong số họ, những người đã trở thành A la hán rồi – bà và Leadbeater, Raja, Arundale, Krishna, Oscar Kollerstrom và Rukmini mà, bà cam đoan, sẽ trở thành một A la hán trong vài ngày nữa²¹. Chỉ sau khi tuyên bố như thế bà mới nhận ra rằng bà quên bằng Wedgwood và nêu danh Krishna như một trong những môn đồ riêng của Ngài. Bà đính chính những sai lầm này trong một cuộc nói chuyện trước công chúng khác vào ngày 14. Trại bế mạc ngày hôm đó và nhóm người Huizen trở lại đó. Arundale liên tục nói đầy hào hứng, ‘Tôi biết điều gì khác nữa đã xảy ra nhưng điều đó dường như không thể tin được.’ Sáng hôm sau Mrs Besant mời Esther Bright, Lady Emily, Rukmini và Shiv a Rao vào phòng bà và rút rè nói với họ rằng bà, Leadbeater, Krishna, Raja, Arundale, Wedgwood và Oscar tất cả đều đã nhận được bậc khai tâm cuối cùng và thứ năm của họ vào đêm ngày 13 nhưng nó sẽ chẳng tạo ra sự khác biệt gì với cách họ sẽ được đối xử.

Lady Emily bị nhiễm sự kích động của thời gian đó tại Huizen và đã viết cho Krishna rất phấn khởi về nó. Anh đánh điện lại, hỏi Lady liệu Leadbeater đã khẳng định tất cả những điều xảy ra này. Lady đánh điện trả lời rằng chính Mrs Besant đã tuyên bố, thêm vào, ‘Hãy tin tưởng nơi bà.’ Khi Lady Emily quay lại London, bà nhận được một lá thư rất buồn đầy hoài nghi từ Krishna. Do sự thỉnh cầu của anh, bà tiêu hủy tất cả những lá thư của anh viết cho bà vào thời gian điên loạn này; anh sợ nó có lẽ rơi vào những bàn tay khác và gây tổn thương Mrs Besant mà đang viết cho anh đề yêu cầu anh khẳng định tất cả mọi điều Arundale đã ‘mang qua’.

Không muốn gây tổn thương bà, anh chỉ trả lời rằng anh quá bận rộn săn sóc Nitya nên không biết bất kỳ điều gì về nó. Tiếp theo chẳng bao lâu, anh xin phép liệu Rajagopal có thể được gửi tới Ojai để phụ giúp săn sóc Nitya. Sự thỉnh cầu này được chấp thuận và Rajagopal đã rời đó để đến nước Mỹ trước khi trại khai mạc.

Mrs Besant rất muốn Krishna theo cùng bà đến Ấn độ mùa đông đó để tham dự Hội nghị tại Adyar kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Theosophical Society. Anh không muốn rời Nitya nhưng khi, vào cuối tháng mười một, Nitya có vẻ khỏe hơn và Madame de Manziarly đề nghị sẽ đến thăm Nitya để săn sóc em, Krishna miễn cưỡng đến nước Anh, cùng Rosalind và Rajagopal để thăm vui lòng Mrs Besant. Lady Emily nói chuyện rất lâu với Krishna ngay khi anh đến và nhận thấy anh buồn rất nhiều về tất cả những chuyện xảy ra tại Huizen và Ommen. Cái gì đó đối với anh là đẹp đẽ, riêng tư, thiêng liêng đã bị biến thành xấu xa, thô tục và điều cợt trước công chúng. Lady Emily hỏi anh tại sao anh đã không nói cho Mrs Besant điều gì anh cảm thấy. Anh trả lời, có tốt lành gì đâu? Họ sẽ chỉ trả lời rằng những Thế lực Đen tối đã nắm được anh. Luôn luôn như vậy, anh đã nhiều lần cố gắng nói với bà nhưng bà dường như không đánh giá đúng mức. Lady Emily cảm thấy rằng Mrs Besant đã bị thôi miên bởi Arundale và chính Lady đã rất nhẹ dạ khi cả tin.

Nhóm người khởi hành từ Naples đi Colombo vào ngày 8 tháng mười một gồm có Mrs Besant, Krishna, Lady Emily, Rosalind, Rajagopal, Shiva Rao, Wedgwood, Arundale, và Rukmini. Hai giám mục, đi quanh Naples trong chiếc áo thầy tu dài màu đỏ nói với Krishna rằng cuộc sống của Nitya có thể cứu được nếu anh công nhận họ như Adepts những người thông thái và là những môn đồ đã được chọn của anh. Krishna sẽ không làm việc đó và cố gắng tránh nói

chuyện với họ. Shiva tin rằng không một giây phút nào Krishna không tin ~~tung~~ vào quyền năng của những Bậc Thầy sẽ cứu thoát Nitya. Ngay khi họ đang vào kênh Suez, vào đêm ngày 13, một điện báo được phá t cho Mrs Besant tuyên bố cái chết của Nitya. Theo Shiva Rao, người đang ở cùng một cabin với Krishna, mười ngày kế tiếp đầy bi thảm. Vào buổi tối Krishna thường khóc sục sùi, rên rĩ và gào thét vì thương nhớ Nitya, thỉnh thoảng trong tiếng Telegan bản xứ của anh mà, trong khi tỉnh táo, anh không thể nói. Tuy nhiên, trước thời gian họ đến Colombo anh đã chuyển sự thương nhớ thành điều gì hầu như là một phước lành và đã viết một bài về Nitya được xuất bản trong những bài của anh cho tờ *Herald* tháng giêng năm 1926:

Những giấc mộng vui vẻ em tôi và tôi đã trải qua thuộc vật chất hết rồi . . . Chúng tôi đã có những giây phút tuyệt vời trong cuộc sống mặc dù tính nết của chúng tôi khác biệt nhiều. Trong chừng mực nào đó chúng tôi đã hiểu rõ lẫn nhau mà chẳng cần nỗ lực nào . . . Nó đã là một cuộc sống hạnh phúc và tôi sẽ nhớ em phần thân thể suốt cuộc sống này.

Một giấc mộng cũ đã chết rồi và một giấc mộng mới đang được sinh ra, như một bông hoa trỗi lên mặt đất cứng . . . Một sức mạnh mới được sinh ra bởi đau khổ đang rung động trong những mạch máu và một thương cảm và hiểu biết mới đang được sinh ra từ sự đau khổ quá khứ. Một khao khát nhiều hơn để thấy những người khác trải qua đau khổ ít hơn và, nếu họ phải trải qua đau khổ, thấy rằng họ chịu đựng nó đầy cao thượng và ra khỏi nó mà không lưu lại quá nhiều dấu vết. Tôi đã khóc nhưng tôi muốn những người khác sẽ không khóc nhưng nếu họ khóc tôi biết điều đó có

nghĩa gì . . . Trên mức độ vật chất chúng ta có thể tách rời và bây giờ chúng ta không thể tách rời . . . Là Krishnamurti bây giờ tôi có nhiệt huyết nhiều hơn, trung thành nhiều hơn, thông cảm nhiều hơn và tình yêu nhiều hơn bởi vì trong tôi cũng có thân thể, Thân tâm, của Nityananda . . . Lúc này tôi biết, bằng sự chắc chắn nhiều hơn bao giờ trước kia, rằng có vẻ đẹp thực sự trong sống, hạnh phúc thực sự mà không thể bị phân tán bởi bất kỳ điều xảy ra thuộc vật chất nào, một sức mạnh vô cùng mà không thể bị suy yếu bởi bất kỳ biến cố thoáng qua nào, và một tình yêu vô hạn mà là vĩnh cửu, bất diệt và không thể chinh phục được.

Cái chết của Nitya tạo ra một sự sợ hãi khủng khiếp cho Mrs Besant, mặc dù nó không làm suy yếu sự trung thành của bà, trái lại từ thời điểm đó trở đi dường như Krishna mất đi mọi tin tưởng trong những Bậc Thầy được giới thiệu bởi Leadbeater, mặc dù anh vẫn tin tưởng Chúa Maitreya và vai trò riêng của anh như là *phương ẫn*. Arundale và Wedgwood phát biểu chắc chắn rằng Nitya đã chết bởi vì Krishna đã từ chối công nhận họ.

Leadbeater cùng một nhóm bảy mươi người, gồm cả Helen, Ruth, Betty và tôi, đến Colombo vài ngày sau. Chúng tôi đã nghe về cái chết của Nitya tại Melbourne. Mrs Besant, Krishna và những người khác, đã đến Adyar rồi, quay lại Colombo để gặp chúng tôi. Lời chào hỏi của Leadbeater với Krishna là: ‘Ít nhất *bạn* là một A la hán.’

Sau khi cất ngang để đến Ấn độ, có một chuyến xe lửa đặc biệt đi Madras cho toàn nhóm người, cùng những đám đông, những vòng hoa, những phủ phục thân thể tại mỗi nhà ga. Krishna, mà biết rằng tôi thương yêu say đắm Nitya, ngồi bên cạnh tôi trong xe lửa. ‘Krishna rất thú vị,’ tôi viết trong

nhật ký của tôi, ‘và kể cho tôi về Nitya. Bây giờ họ mãi mãi ở cùng nhau. Chính Krishna tuyệt vời hơn, và dịu dàng hơn.’

Tình huống tại Adyar đau khổ nhiều lắm. Ruth thổ lộ rằng Leadbeater không tin bất kỳ những nhập môn nào được tuyên bố ở Huizen. Vì vậy, có hai phe – phe Arundale-Wedgwood và phe Leadbeater, với Krishna và những người theo anh đứng tách biệt cả hai, và Mrs Besant, người không mất tình yêu và sự tôn trọng của bà đối với Krishna, cố gắng hòa giải tất cả họ. Vào một buổi sáng, bà đi thẳng vào phòng của Krishna, cầm tay anh và dắt anh xuống phòng khách riêng của bà nơi Leadbeater, Raja, Arundale, và Wedgwood đang tụ họp và, đặt anh ngồi trên ghế sofa giữa bà và Leadbeater, hỏi anh liệu anh có chấp thuận họ như những môn đồ của anh. Anh trả lời rằng anh sẽ không chấp thuận bất kỳ ai trong số họ ngoại trừ có lẽ chính Mrs Besant. (Ký ức của biến cố này là một trong rất ít biến cố mà Krishna còn nhớ lại trong phần còn lại của cuộc đời anh, bởi vì chẳng bao lâu sau anh sẽ mất một cách thực tế tất cả những hồi tưởng của quá khứ.)

Đại hội của Star theo sau Hội nghị của Theosophy vào ngày 20 tháng mười hai. Tại họp mặt Star đầu tiên, dưới cây bồ đề lúc 8 giờ sáng, cùng trên 3.000 người hiện diện, khi gần kết thúc một nói chuyện về Thầy Thế Giới, anh đột nhiên thay đổi. Anh đã và đang nói: ‘Ngài đến chỉ cho những người mà mong muốn, mà thiết tha, mà ao ước’, và khi vẻ mặt của anh thay đổi và giọng nói của anh sang sắc như tiếng chuông bằng một uy quyền lạ thường: ‘Và Ta đến cho những người mà mong muốn sự thông cảm, mà mong muốn hạnh phúc, mà ao ước được giải thoát. Ta đến để thay đổi, không phải để phá nát, Ta đến không phải để hủy diệt nhưng để xây dựng.’²²

Nó là một khoảnh khắc kích động cho những người như chúng tôi mà **h** thấy sự thay đổi. (Wedgwood và Arundale nói **h** nghĩ rằng anh chỉ đang trích dẫn kinh thánh.) Chắc chắn Mrs Besant nhận thấy nó. Tại cuộc họp mặt cuối cùng của Đại hội Star bà sẽ nói: ‘ . . . sự kiện đó (của ngày 28 tháng mười hai) đánh dấu sự tôn phong rõ ràng của *phương tiện* đã được chọn . . . sự chấp nhận cuối cùng của thân thể đã được chọn từ lâu rồi . . . *Sắp đến* đã bắt đầu.’ Và trong **ch** đề tháng giêng của tờ *Theosophist*, bà viết ‘Không có sự kích động, không có sự xôn xao, ngay cả vào ngày 28 tháng **m** hai khi Brother Krishna Người Em Krishna của chúng ta đang kết luận câu nói của em , câu nói của em được chen vào bởi Chúa của chúng ta Thầy Thế giới, người mà chiếm hữu thân thể của em và nói một vài câu.’ Leadbeater cũng chắc chắn như thế. Sau khi ông quay lại Sydney ông phát **bi**ểu rằng không có ‘một chút nghi ngờ’ về việc ‘Ngài’ đã sử dụng ‘Phương tiện nhiều hơn một lần’ tại Hội nghị Jubilee.²³

Chính Krishna cũng chẳng nghi ngờ gì cả. Tại một nói chuyện với những Đại biểu quốc gia của The Order of The Star tại Adyar, anh nói: ‘Kỷ niệm của ngày 28 phải dành cho các bạn như thể các bạn đang giữ gìn viên ngọc quý giá nào đó và mỗi lần các bạn nhìn nó các bạn phải cảm thấy một xúc động. Vậy là khi Ngài đến lại, và tôi chắc chắn rằng Ngài sẽ đến lại rất mau, nó sẽ dành cho các bạn một con người cao cả và còn là **s**ự kiện đẹp đẽ hơn ngay cả lần vừa rồi.’²⁴ Và tại một gặp gỡ của những học sinh anh nói: ‘Tôi, theo cá **t**h, cảm thấy hoàn toàn khác biệt sau ngày hôm đó . . . giống như một bình hoa bằng pha lê, một cái lọ đã được tẩy rửa và bây giờ bất kỳ ai trong thế giới có thể đặt một đóa hoa đẹp trong nó và đóa hoa đó sẽ sống trong cái bình và không bao giờ chết.’²⁵

Lady Emily ghi trong nhật ký của bà rằng Krishna kể cho bà lúc này anh cảm thấy giống như một cái vỏ trống không – vì vậy tuyệt đối không thứ bậc. Khi bà mô tả cho anh biết về mặt của anh cũng như giọng nói của anh đã thay đổi như thế nào, anh nói đầy đam mê, ‘Con ước con có thể thấy nó.’ Anh có tin rằng nó là về mặt của Chúa Maitreya? Gần như đến cuối sống của anh, anh luôn luôn nhấn mạnh sự quan trọng mà Mrs Besant và Leadbeater đã luôn luôn trao cho ‘về mặt’, nhưng điều này dường như đã ám chỉ về đẹp thuộc khuôn mặt riêng của anh mà luôn luôn anh nghĩ là hoàn toàn không liên quan giống như anh nghĩ như thế với toàn thân thể của anh. Chắc chắn, anh nghĩ thân thể đã được giao phó cho anh trông nom. Ý thức của tách rời hoàn toàn khỏi thân thể này là một sự việc lạ thường mà kéo dài suốt sống của anh.

‘Rối loạn liên tục bên trong’

Ở lại Ấn độ đến tháng năm, Krishna đi nước Anh cùng Rosalind và Rajagopal. (Mẹ tôi, Betty và tôi đã rời vào cuối tháng giêng khi Helen và Ruth quay lại Sydney.) Đường như tự nhiên Rajagopal lấp chỗ trống của Nitya để làm Thư ký tổ chức của Star. Anh ấy cũng trở thành Thủ quỹ quốc tế của Order, một bổ nhiệm mới. Anh ấy là một người tổ chức bẩm sinh và Krishna chỉ còn cách quá hải lòng khi trao toàn sự quan tâm về tài chánh vào bàn tay hiệu quả của anh ấy.

Theo sự yêu cầu của anh, Rakagopal sắp xếp một họp mặt ba tuần lễ tại Castle Eerde từ ngày 3 tháng bảy trước trại Ommen năm đó; một giấy mời tham dự được gửi từ West Side House tại Wimbledon cho những người bạn đặc biệt và được yêu cầu đóng góp £2 một tuần lễ cho việc ăn ở. Ba mươi lăm người thuộc nhiều quốc tịch khác nhau đồng ý; Mar de Manziarly, John Cordes, Rosalind, Rajagopal và ba người thuộc gia đình Lutyens trong số họ. Lúc này Castle đã có điện và hệ thống nước phù hợp được lắp đặt bởi Trust (trước kia có đèn dầu và những hầm rút chảy thẳng vào giao thông hào nơi những con cá to nuốt chửng bất kỳ thứ gì trút lên đầu chúng), và những phòng ngủ đã được chuyển thành những phòng ngủ tập thể. Chỉ Krishna có một phòng riêng cho anh. Ba ngày đầu tiên anh nằm trên giường vì bị viêm

cuồng phối; sau đó mỗi buổi sáng anh nói với chúng tôi suốt một tiếng đồng hồ trong một phòng khách rộng rãi, ngồi chéo chân trên một cái ghế sofa dưới một bức tranh thêu Gobelin. Lady Emily, Mar và tôi ghi chú trong nhật ký của chúng tôi, khẳng định một cách độc lập sự tin tưởng rằng Chúa nói qua anh nhiều lần.

Thời tiết rất hoàn hảo và có đủ người cho chúng tôi chơi những trận bóng chuyền hào hứng. Tôi viết trong nhật ký của tôi, ‘Không có gì tuyệt vời trong thế giới này để cảm thấy như người ta cảm thấy ở đây, rất sinh động cả thân thể, tinh thần lẫn cảm xúc. Để có, như Krishna đã nói, cảm giác hạnh phúc đó ở khắp mọi nơi.’ Tôi trở nên rất gần gũi Krishna suốt hợp mặt này. Lady Emily ghi lại trong nhật ký của bà rằng tại nói chuyện vào ngày cuối, Krishna ‘đã nói như chưa bao giờ nói trước kia và người ta cảm thấy rằng ý thức của anh và ý thức của Chúa hoàn toàn hòa hợp đến độ không còn sự khác biệt nữa. Anh nói, “Hãy theo Ta và Ta sẽ chỉ cho các bạn lối vào Vương quốc Hạnh phúc. Ta sẽ tặng mỗi người trong các bạn chìa khóa mà các bạn có thể mở cổng vào ngôi vườn”, và mặt của Chúa chiếu sáng rực qua mặt của Krishna.’

Lúc này hầu hết bạn bè và những người theo Krishna đều gọi anh là Krishnaji – hậu tố ‘ji’ thể hiện sự kính trọng yêu mến; tiếp tục gọi anh là Krishna trong quyển sách này có vẻ quá quen thuộc, Krishnaji quá Ấn độ, và Krishnamurti quá dài; vì vậy trong phần còn lại của quyển sách này anh sẽ được nhắc đến là K, mà anh tự ám chỉ mình.

Khi trại khai mạc vào ngày 24 tháng bảy, nhóm Eerde, ngoại lệ là K vẫn còn ở lại Castle, di chuyển vào những cái lều giữa rừng thông cách đó một dặm. Khoảng 2.000 người*

* Báo cáo hàng năm của The Order of the Star in the East vào năm 1926 cho tổng số hội viên là 43.000 trong bốn mươi quốc gia. Hai phần ba những người này cũng là hội viên của The Theosophical Society.

tham dự, trại được tổ chức rất tốt. Mrs Besant, khi bà đến Châu Âu vào đầu tháng bảy, đi thẳng đến Huinze. Tuy nhiên, bà và Wedgwood tham dự những nói chuyện ở trại nhưng vẫn ở tại Castle. Ngay trung tâm của trại là một giảng đường có bậc được làm bằng những khúc gỗ nơi những hộp mặt được tổ chức khi thời tiết tốt, và mỗi tối đều có một lửa trại lúc hoàng hôn. K đã thay đổi thành trang phục Ấn độ cho những lửa trại và thắp sáng một kim tự tháp gỗ đôn cao mười lăm feet trong khi hát một bài ca ngợi Agni, thần lửa. Tiếp theo anh sẽ nói chuyện khi ngọn lửa đang bùng bùng cháy.

Chiều tối ngày 27 Lady Emily, theo nhật ký của bà, biết rằng ngay khi Krishna xuất hiện, Ngài (Chúa) ở đó. Ngài trông thật uy nghi và đầy quyền năng.’ Và Mrs Kirby, một người Ý kết hôn với một chủ ngân hàng người Anh ở Genoa, đã biết K từ năm 1909 tại Adyar và đã ở cùng chúng tôi tại Pergine, viết rằng có một thái độ chừng chặc lạ thường trong hình dáng của anh vào chiều tối đó và rằng quyền năng trong giọng nói của anh tiếp tục gia tăng, nghe sâu thẳm hơn và tròn đều hơn cho đến khi Chúa ở đó và Ngài đang nói . . . Khi nói chuyện xong tôi phát giác rằng tôi đang run lập cập từ đầu đến chân.’ Khi Lady gặp anh sáng hôm sau, ‘K trông thật chân tình và quý mến hơn bao giờ trước kia và khi tôi kể cho K hình dáng của K đã thay đổi biết chừng nào, K nói, “Con ước gì con cũng có thể thấy nó” . . . Krishnaji trông như thể cần nghỉ ngơi nhiều lắm . . . Thật là một cuộc sống, Krishnaji tội nghiệp. Không nghỉ ngơi gì cả về việc là *Hy sinh* của K.’²⁶

Một phần bài nói chuyện của anh vào chiều tối đó được trình bày dưới đây:

Tôi muốn yêu cầu bạn đến và nhìn qua cửa sổ của tôi, mà sẽ chỉ cho bạn thiên đàng của tôi, mà sẽ chỉ cho bạn cái vườn của tôi và nơi cư ngụ của tôi. Vậy là bạn sẽ thấy rằng điều gì quan trọng không phải bạn là gì, bạn đọc gì, bất kỳ ai nói bạn là gì hay không là gì, nhưng rằng bạn phải có sự khao khát mãnh liệt để thâm nhập vào nơi cư ngụ đó mà có Chân lý . . . Tôi muốn mời bạn đến và thấy nó, tôi muốn mời bạn đến và cảm giác nó . . . và không nói với tôi: ‘Ồ, anh khác biệt, anh ở trên đỉnh núi, anh là một huyền bí.’ Bạn đưa cho tôi những cụm từ và che đậy Chân lý củ a tôi bằng những từ ngữ của bạn. Tôi không muốn bạn cắt đứt tất cả mọi điều mà bạn tin tưởng. Tôi không muốn bạn phủ nhận tánh khí của bạn. Tôi không muốn bạn làm những sự việc mà bạn cảm thấy không đúng. Nhưng có bất kỳ ai trong các bạn hạnh phúc không? Bạn, bất kỳ ai trong các bạn, đã hưởng được sự vĩnh hằng? Tôi dành cho tất cả mọi người, dành cho tất cả những người thương yêu thật sự, dành cho tất cả những người đang chịu đựng đau khổ. Và nếu bạn muốn đạo bộ, bạn phải đạo bộ cùng tôi. Nếu bạn muốn hiểu rõ, bạn phải nhìn qua cái trí của tôi. Nếu bạn muốn cảm thấy, bạn phải nhìn qua quả tim của tôi. Và bởi vì tôi thương yêu thật sự, tôi muốn bạn thương yêu. Bởi vì tôi cảm thấy thật sự, tôi muốn bạn cảm thấy. Bởi vì tôi chứa đựng mọi thứ chân tình, tôi muốn bạn chứa đựng mọi thứ chân thật. Bởi vì tôi muốn bảo vệ, bạn nên bảo vệ. Và đây là cuộc sống duy nhất mà xir ng đáng để sống, và Hạnh phúc duy nhất mà xứng đáng để hưởng.²⁷

Vào cuối nói chuyện Wedgwood được trông thấy đang nghiêng về phía Mrs Besant và thì thầm điều gì đó cho bà. Ngay khi bà và K quay lại Castle, bà bảo với anh rằng đó là một pháp sư của thế lực đen tối đầy quyền năng, người mà bà biết rõ, người mà đã nói qua anh. K, hoàn toàn kinh ngạc, nói rằng nếu bà thật sự nghĩ như thế, anh sẽ không bao giờ nói trước công chúng nữa. Pháp sư của thế lực đen tối không bao giờ được đề cập lại. Tôi tình cờ ngủ lại Castle đêm đó và chính K kể cho tôi về sự kiện này rồi nói, ‘Amma tội nghiệp’. Anh nhận ra rằng cái trí của bà đang thay đổi và rằng bà tin tưởng bất kỳ điều gì Wedgwood nói cho bà. Mrs Besant thực hiện một quyết định đột ngột là theo cùng K đến nước Mỹ nơi bà đã không vắng thăm từ năm 1909. Một chuyến đi giảng thuyết được mau chóng sắp xếp cho bà, và bà khởi hành cùng K, Rajagopal và Rosalind vào ngày 26 tháng tám. Hai mươi phóng viên lên tàu ở New York bị thất vọng khi thấy K mặc một bộ com lê màu xám may rất khéo. Một phóng viên mô tả anh là ‘một cậu trai người Ấn độ trông đẹp đẽ, nhút nhát và bị sợ hãi nhiều.’ K bị bối rối nhiều bởi dòng tít: ‘Sự Tôn sùng Vì sao chờ đợi sự vinh quang của Thượng đế Sắp đến’; ‘Đấng Cứu thế mới trong bộ quần áo quần vọt vải flanen’; ‘Thượng đế mới trong bộ quần chần áo thụng quần vọt’, vân vân.

Bốn mươi phóng viên phỏng vấn riêng một mình K tại The Waldorf – Astoria Hotel ngày hôm sau. Anh ít nhút nhát hơn khi không có Mrs Besant. Ở *New York Times* viết lại rằng nhiều người phỏng vấn ‘cố gắng gài bẫy anh bằng những từ ngữ có lời lẽ ranh mãnh; anh khéo léo tránh được tất cả những cạm bẫy và giành được sự khâm phục của họ khi vượt qua bằng sự thắng lợi’. Sau này K thường đề cập rằng vào thời gian này anh được đề nghị \$5.000 một tuần bởi một công ty quay phim để đóng vai chính trong phim một cuộc

đời của Đức Phật. Điều này gây thú vị cho anh bởi vì nó làm cho anh cảm thấy rằng anh có thể tự kiếm sống được nếu anh muốn.

Mãi đến ngày 3 tháng mười, sau khi Mrs Besant đã thực hiện xong ba mươi giảng thuyết, K gặp bà ở San Francisco và đã vui mừng khi đưa bà đến Ojai. Anh đang nghỉ ngơi tại Warm Springs, Virginia, cùng Rajagopal. Anh đã đi khỏi Ojai khoảng một năm. Hai ngày sau khi đến đó, anh viết cho Lady Emily: ‘Con ở đây mà không có Nitya . . . Khi con vào phòng thì em bị bệnh và nơi em ra đi, con sợ thân thể của con khóc. Nó là một vật kỳ lạ, cái thân thể. Thật ra con không đau khổ nhưng thân thể của con ở trong một trạng thái lạ thường . . . Con đang quen thuộc dần với sự vắng mặt thuộc vật chất của em – mà là một việc khó khăn cực kỳ khi thực hiện, bởi vì chúng con đã sống ở đây nhiều hơn bất kỳ nơi nào khác, nơi cả hai chúng con đều đã đau khổ và nơi cả hai chúng con đều đã hạnh phúc.’

Bởi vì bị sưng tấy rất đau đớn trong ngực (cuối cùng được dịu xuống), hai bác sĩ ở Hollywood cấm K đi Ấn độ mùa đông đó như anh đã lên kế hoạch thực hiện. Mrs Besant quyết định ở lại cùng anh tại Ojai và anh viết cho Lady Emily nài nỉ bà đến đó với anh cùng Betty và tôi. Betty vừa vào học Royal College of Music nên không muốn đi, nhưng mẹ tôi và tôi vui vẻ khởi hành vào cuối tháng mười một và trải qua gần năm tháng như thiên đàng tại Ojai cùng K và Mrs Besant, Rajagopal và Rosalind. K và Mrs Besant chưa bao giờ có một thời gian hạnh phúc, an bình cùng nhau lâu như thế. Anh sáng tác thơ vào thời gian đó. Mỗi chiều tối chúng tôi sẽ dạo bộ để ngắm hoàng hôn mà gây cảm hứng cho anh nhiều đến

độ anh thường quay lại để sáng tác một bài thơ.* Anh là cái ngã thuộc con người nhiều nhất của anh trong khi chúng tôi ở đó, rất cáu kỉnh với tôi khi anh dạy tôi lái chiếc xe Packard của anh, và sau đó bị điên cuồng vì lo lắng khi tôi tự lái xe ra ngoài đường để trên người anh.

Vào tháng giêng đầu gị anh gọi là ‘công việc kinh doanh cũ kỹ’ của sự đau đớn mãnh liệt trong cô của anh và phần đáy cột xương sống của anh bắt đầu lại, mặc dù lúc này anh có thể chịu đựng nó mà không ‘ra khỏi thân thể’. Chỉ sau khi nó **cắm** dứt anh mới cần thư giãn và sẽ rời thân thể khoảng một tiếng đồng hồ hay như thế để trở thành một đứa trẻ. Trong việc này, tôi có thể giúp đỡ anh. Khi lần đầu tiên tôi đi đến anh, ‘phần thuộc thân thể’ hỏi tôi rằng tôi là ai và sau đó nói:Ồ, nếu bạn là một người bạn của Krishna và Nitya tôi nghĩ rằng bạn được chấp nhận.’ Nó giống như một đứa trẻ khoảng bốn tuổi đang nói, mà gọi tôi là ‘Amma’. Đứa trẻ dường như rất sợ K và sẽ nói những câu đại loại như, ‘Đề ý nhé, K đang quay lại đó.’ Khi K đã quay lại anh tuyệt đối không nhớ gì về những điều đứa trẻ đã nói.

Vào một ngày khi Lady Emily hỏi anh có ý gì khi anh sử dụng cụm từ *tình yêu ích kỷ*, anh trả lời: ‘Mọi người đều giống hệt nhau – tất cả họ đều nghĩ rằng họ có quyền đòi hỏi đặc biệt nào đó, con đường đặc biệt nào đó đối với con.’ Điều này tiếp tục suốt sống của anh – người ta luôn luôn đang nghĩ đã sở hữu anh trong cách nào đó, rằng họ hiểu rõ anh hơn bất kỳ ai khác. Thật ra, có bất kỳ ai đã hiểu rõ anh trọn vẹn? Chắc chắn không người nào sở hữu được anh cả.

* Bài thơ đầu tiên của anh, ‘Hymn of the Initiate triumphant’ ‘Ca ngợi chiến thắng Khai tâm’, đã được xuất bản trong tờ Herald tháng giêng 1923. Vào khoảng 60 bài thơ khác của anh, cả trong tờ Herald lẫn trong hình thức sách, đến năm 1931, khi anh ngừng sáng tác thơ.

Vào ngày 9 tháng hai, anh viết cho Leadbeater: ‘Chắc hẳn tôi biết rằng tôi đang hòa hợp vào trạng thái ý thức của Người Thầy duy nhất và rằng Ngài sẽ hoàn toàn tràn ngập trong tôi. Tôi cảm thấy và cũng biết cái tách của tôi gần đây đến miệng và rằng nó sẽ tràn ra mau thôi. Tôi ao ước làm, và sẽ làm, mọi người hạnh phúc.’

Chỉ mấy chốc sau khi Mrs Besant đến Ojai bà mua 450 mẫu đất trong vùng cao hơn của thung lũng Ojai cho K xây dựng ngôi trường mà anh quá thiết tha. Tiếp theo bà cố gắng gây quỹ mua thêm 240 mẫu đất ở vùng thấp hơn cho một trại hàng năm giống như tại Ommen. Vẫn vậy một Trust khác được thành lập, Happy Valley Foundation để chúc Thung lũng Hạnh phúc và một thỉnh cầu phát động cho \$200.000.* Cuối cùng tất cả số tiền này đã được quyên góp đủ và mảnh đất được mua, nhưng Happy Valley School đã không được khởi công suốt hai mươi năm.

Tháng tư trước khi cùng K rời Ojai, Mrs Besant in ra một phát biểu gửi đến The Associated Press of America Hiệp hội Báo chí Mỹ, bắt đầu: ‘Đấng Tinh thần Thiên liêng đã giáng xuống một lần nữa vào một con người, Krishnamurti, một người mà trong sống của anh thật là hoàn hảo, như những người biết anh có thể chứng nhận,’ và chấm dứt: ‘Thầy Thế giới ở đây.’

Có một hợp mặt một tháng tại Castle Eerde trước trại Ommen năm đó. Một trong những cái kho lớn nằm bên sườn lồi vào Castle đã được cải tạo thành những phòng nhỏ trên hai tầng vì vậy bây giờ có đủ chỗ cho sáu mươi người. Tuần

* Mrs Besant viết trong tờ Theosophist tháng Tư khi đưa ra thỉnh cầu này: ‘Tôi đang mạo hiểm vào dự án mới mẻ này một danh tiếng được đặt nền tảng trên năm mươi ba năm làm việc cho công chúng và tất cả tương lai tài chánh của tôi.’

đầu tiên K lại bị viêm cuống phổi nặng. Thời gian anh bị bệnh, Lady Emily sẽ đọc lớn những bài thơ của anh vào những buổi sáng trong khi anh nằm trên giường đọc Edgar Wallace. Vào ngày 30 tháng sáu anh đã sức khỏe để xuống nhà và thực hiện những nói chuyện.

Có nhiều bàn bạc tại họp mặt giữa Lady Emily và Rajagopal về sự tái tổ chức Order. Bởi vì hiện nay quá nhiều người tin rằng Thầy đã đến, những mục đích của Order không còn giá trị nữa. Ngày 28 tháng sáu những mục đích mới được soạn thảo: '1. Kéo lại cùng nhau tất cả những người tin tưởng sự hiện diện trong thế giới của Thầy Thế giới. 2. Làm việc cho Ngài trong mọi phương cách vì sự thực hiện của Ngài về lý tưởng cho nhân loại của Ngài. Order không có những giáo điều, những tín điều hay những hệ thống của niềm tin. Cảm hứng của nó là Thầy, mục đích của nó là thể hiện sống vũ trụ của Ngài.' Tên của Order được thay đổi từ The Order of The Star in The East thành The Order of The Star, và tờ tuần báo *Herald of The Star* thành *Star Review*. Từ nay trở đi, mỗi quốc gia sẽ xuất bản loại tuần báo riêng của nó nhưng ngoài ra, sẽ có một tờ *International Star Bulletin*, được xuất bản bởi Star Publishing Trust mà đã được thành lập ở Hà lan vào năm 1926 và trong nhiều năm xuất bản những nói chuyện của K.

Chủ đề của K năm nay tại Eerde là Giải thoát trái lại năm ngoái nó đã là Vương quốc Hạnh phúc. Lady Emily ghi chú vài điều anh đã nói:

Bạn phải được giải thoát không phải bởi vì tôi nhưng không cần tôi . . . tất cả sống này và đặc biệt trong suốt vài tháng vừa qua tôi đã đấu tranh để được tự do – tự do khỏi bạn bè của tôi, những quyển sách của tôi, những liên tưởng của tôi. Bạn phải đấu tranh cho sự tự

do giống như thế. Phải có sự rối loạn bên trong. Liên tục cầm một cái gương trước bạn, và nếu có cái gì bạn thấy ở đó mà không xứng đáng với lý tưởng bạn đã tạo ra cho chính bạn, thay đổi nó . . . Bạn không được biến tôi thành một uy quyền. Nếu tôi trở thành một cần thiết cho bạn, bạn sẽ làm gì khi tôi đi khỏi? . . . Vài người trong các bạn nghĩ rằng tôi có thể cho bạn một thức uống mà sẽ làm cho bạn được tự do, rằng tôi có thể tặng bạn một công thức mà sẽ giải thoát bạn – nó không phải như thế. Tôi có thể là cái cửa, nhưng bạn phải xuyên qua cái cửa và tìm ra sự giải thoát mà vượt khỏi nó . . . Chân lý đến giống như một tên ăn trộm – khi bạn ít mong đợi nó nhất. Tôi ao ước tôi có thể sáng tạo một ngôn ngữ mới mẻ nhưng bởi vì tôi không thể, tôi muốn phá hủy những ý niệm và những cách nói cũ kỹ của bạn. Không ai có thể cho bạn sự giải thoát, bạn phải tìm ra nó phía bên trong, nhưng bởi vì tôi đã tìm được nó tôi muốn chỉ cho bạn phương cách . . . Người đã đạt được sự giải thoát đã trở thành Thầy – giống như chính tôi. Nó nằm trong khả năng của mỗi người để thâm nhập vào ngọn lửa, để trở thành ngọn lửa . . . Bởi vì tôi ở đây, nếu bạn muốn ôm chặt tôi trong quá tim của bạn tôi sẽ cho bạn sức mạnh để đạt được . . . Giải thoát không dành cho một ít người, những người được chọn lựa, những người được tuyển lựa.

Rốt cuộc triết lý riêng của K đang bắt đầu rõ nét, làm sững sờ hầu hết những người hiện diện tại họp mặt, đặc biệt những hội viên của The Esoteric Section of the Theosophical Society mà đã quen được chỉ bảo phải làm gì và những bậc nào họ phải thực hiện trên Con Đường. Thật ra, anh đang nói rằng Những Bậc Thầy và tất cả những đạo sư khác đều không

cần thiết, rằng mọi người phải tìm ra chân lý cho chính anh ấy. Anh nói nhiều với Lady Emily tại họp mặt về sự ao ước trở thành một *khất sĩ*. Anh tự nói đây là sự quyền rũ quan trọng cuối cùng mà anh phải kháng cự.

Arundale, Wedgwood và ngay cả Raja, mà theo cá nhân tận tụy giúp đỡ K, tất cả đang tuyên bố tại thời gian đó từ Huizen, nơi họ đang ở, rằng họ không tin ý thức của K đã được hòa hợp cùng ý thức của Chúa nhưng một bình phong của sự hòa hợp phải được duy trì. Lúc này chính K đã thay đổi thuật ngữ của anh: với anh sự hòa hợp của ý thức đã trở thành ‘hợp nhất cùng Thương yêu’, mà là sự giải thoát.

Những người lãnh đạo Theosophy cũ đang vô vọng bám vào quyền lực của họ; ảnh hưởng của họ đang bị suy yếu. Điều gì sẽ xảy đến cho uy quyền của họ nếu họ không thể đào tạo những môn đồ theo từng bậc môn đồ và ban phát những bậc trên Con Đường? Làm thế nào họ có thể tiếp tục giảng thuyết về ‘Thầy Thế giới Sắp đến’ nếu Thầy đang đưa ra những câu tuyên bố cách mạng mà gây tác động tại ngay tâm điểm của Esoteric Section?

Năm đó Mrs Besant lại có mặt tại trại nhưng chắc chắn bà cũng đã muốn hiện diện tại họp mặt Eerde. Đúng là K đã khuyên can bà đừng đến, bởi vì bà viết một lá thư cảm động cho anh từ London vào ngày 28 tháng bảy, ba ngày trước khi trại khai mạc:

Người con thương yêu của mẹ . . . suốt một thời gian mẹ đã cảm thấy rằng tội đĩnh sẽ xảy ra năm nay tại Eerde và mẹ muốn có mặt ở đó trong thời gian tuyệt vời này nhiều lắm, và không là ai cả nhưng chỉ là một trong những con người riêng của con, đến độ mẹ đang có cảm giác khá buồn bã vì không được có mặt ở đó cùng tất cả những con người may mắn đã nhận được

phước lành vô biên đó. Có lẽ mẹ thật đại dốt, nhưng mẹ đã quá mong muốn có mặt ở đó. Mẹ không nghĩ rằng con biết mẹ thương yêu con đến chừng nào, con yêu quý, bởi vì mẹ không quanh quẩn bên con và nặng nề lên. Vì vậy mẹ đã một mình khóc than cho nghiệp chướng của mẹ. Con biết mẹ giống như một con ngỗng, phải không, do bởi mẹ rất muốn có mặt ở đó thay vì chỉ oang oang trước đám đông.²⁸

Ngày trước khi trại khai mạc, trước khi Mrs Besant đến, K đưa ra câu trả lời trước công chúng lần đầu tiên của anh cho câu hỏi đang gây rối loạn rất nhiều người: anh tin tưởng hay không tin tưởng những Bậc Thầy và những chức sắc huyền bí? Có lẽ đó là câu phát biểu quan trọng nhất của vị trí riêng của anh mà anh đã từng thực hiện:

Khi tôi là một cậu trai nhỏ tôi thường thấy Sri Krishna, ta cầm ống sáo, giống như ông được phác họa bởi những người Ấn độ giáo, bởi vì mẹ tôi là một người tôn thờ Sri Krishna . . . Khi tôi lớn lên và gặp Giám mục Leadbeater và The Theosophical Society, tôi bắt đầu thấy Bậc Thầy K.H. – lại nữa trong hình dạng mà được đặt trước mặt tôi, chân lý từ quan điểm của họ – và kể từ đó Bậc Thầy K.H. sẽ theo tôi đến kết thúc. Tiếp tục sau đó, khi tôi lớn hơn, tôi bắt đầu thấy Chúa Maitreya. Việc đó xảy ra cách đây hai năm và tôi thấy ngài liên tục trong hình dạng được đặt trước mặt tôi . . . Bây giờ vừa mới đây, nó đã là Phật mà tôi đã thấy và nó đã là sự thích thú của tôi lẫn vinh quang của tôi khi ở cùng Ngài. Tôi đã được hỏi tôi có ý gì qua từ ngữ Đáng Thương yêu. Tôi sẽ đưa ra một nghĩa lý, một đánh giá, mà bạn sẽ giải thích theo như bạn thích. Đối

với tôi nó là tất cả – nó là Sri Krishna, nó là Bạc Thầy K. H., nó là Chúa Maitreya, nó là Phật, và tuy vậy nó vượt khỏi tất cả những hình dáng này. Liệu có đặt thành vấn đề về cái tên nào bạn đặt cho nó? . . . Điều gì bạn đang bận tâm là liệu có một con người như Thầy Thế Giới mà đã hóa thân Ngài trong thân thể của một người nào đó, Krishnamurti; nhưng trong thế giới không người nào sẽ bận tâm về câu hỏi này. Quả là một điều bất hạnh khi tôi phải giải thích, nhưng tôi phải. Tôi muốn càng mơ hồ bao nhiêu càng tốt, và tôi đã tạo ra nó như thế. Đáng Thương Yêu của tôi là những bầu trời thoáng đãng, bông hoa, mọi con người . . . Cho đến khi tôi có thể nói bằng sự chắc chắn, không có bất kỳ sự kích động quá mức nào, hay sự phóng đại với mục đích để thuyết phục những người khác, rằng tôi là một cùng Đáng Thương Yêu của tôi mà tôi chưa bao giờ nói. Tôi nói về những điều tổng quát mập mờ mà mọi người đều muốn. Tôi không bao giờ nói: tôi là Thầy Thế Giới; nhưng do bởi tôi cảm thấy rằng tôi là một cùng Đáng Thương Yêu của tôi, tôi nói nó, không phải vì mục đích áp đặt uy quyền của tôi lên các bạn, không phải để thuyết phục các bạn về sự quan trọng của tôi, cũng không phải về sự vĩ đại của Thầy Thế Giới, thậm chí cũng không phải về vẻ đẹp của sống, nhưng chỉ vì muốn đánh thức sự khao khát trong những quả tim của các bạn và trong những cái trí riêng của các bạn để tìm ra Chân lý. Nếu tôi nói, và tôi muốn nói, rằng tôi là một cùng Đáng Thương Yêu của tôi, đó là bởi vì tôi cảm thấy và biết nó. Tôi đã tìm được điều gì tôi ao ước, tôi đã trở nên hợp nhất, để cho từ nay trở đi sẽ không có sự tách rời, bởi vì những suy nghĩ của tôi, những ham muốn của tôi, những ao ước

của tôi – những cái thuộc cái ngã cá thể, đã bị hủy diệt . . . Tôi giống như đóa hoa mà tặng hương thơm cho không khí buổi sáng. Nó không quan tâm ai đang đi ngang qua . . . Đến lúc này các bạn đã và đang phụ thuộc vào hai Người Bảo Vệ của The Order (Mrs Besant và Leadbeater) để là uy quyền, phụ thuộc vào ai đó để nói cho các bạn Chân lý, trái lại Chân lý ở bên trong các bạn . . . Chẳng tốt lành gì khi hỏi tôi Đáng Thương yêu là ai. Sự giải thích có ích lợi gì đâu? Bởi vì các bạn sẽ không hiểu rõ Đáng Thương Yêu cho đến khi nào các bạn có thể thấy Ngài trong mọi động vật, mọi cọng cỏ, trong mọi con người đang chịu đựng đau khổ, trong mọi cá thể.²⁹

Từ Huizen Mrs Besant đến trại cùng Raja và Wedgwood. Mặc dù câu nói chính của bà trong suốt những gặp gỡ là ‘Thầy Thế Giới ở Đây’, bà không thể hòa hợp điều gì K thực sự đang nói với ý tưởng đã tưởng tượng trước của bà về điều gì Chúa sẽ nói. Bà quay lại Huizen vào ngày 15 tháng tám, vậy là bỏ lỡ một nói chuyện mà K tổ chức hai ngày sau cho những công nhân tình nguyện đã điều hành trại. Những câu nói thường được ghi lại bằng tốc ký và được xuất bản nhưng không có ghi lại chính thức nào của nói chuyện này (nó có thể bị im đi vì ích lợi của Mrs Besant). Chúng ta chỉ có một câu từ nó, được ghi lại trong nhật ký của Lady Emily: ‘Bạn không thể giúp đỡ cho đến khi chính bạn vượt khỏi nhu cầu của giúp đỡ.’ Những báo cáo của nói chuyện này được gửi đến Mrs Besant và gây bức bối cho bà nhiều lắm và cũng vậy, như bà nói, gây bức bối cho nhiều người khác. K, đang nghỉ ngơi tại Villars cùng Rajagopal, viết cho bà nói rằng anh không thể nhớ được điều gì anh đã nói. ‘Con e rằng tất cả họ đều không muốn tự suy nghĩ cho chính họ,’ anh thêm vào, ‘Thật quá dễ

dàng khi ngồi an nhàn trong những tư tưởng của những người khác . . . Mẹ ơi, hai người chúng ta phải gắn bó cùng nhau và không còn gì quan trọng hơn nữa.’

Nhưng, theo Peter Freeman, MP, ³⁰ Thư ký The Theosophical Society của Wales: ‘Anh (K) nói với chúng tôi rằng anh chưa bao giờ có thể đọc được một quyển sách của Theosophy trong sống của anh – không thể hiểu ‘biệt ngữ’ của Theosophy và mặc dù anh đã nghe nhiều giảng thuyết của Theosophy, không ai trong số họ đã thuyết phục được anh về hiểu biết Chân lý của họ.’³⁰ Sau Villars, K đi đến Paris nơi anh đã hứa ngồi làm mẫu cho người điêu khắc, Antoine Bourdelle. Bourdelle, lúc đó sáu mươi sáu tuổi, ngay tức khắc bị cuốn hút bởi K. ‘Khi người ta nghe K nói, người ta bị kinh ngạc,’ anh được nêu ra khi ông đang nói – ‘quá thông minh và một con người quá trẻ . . . Krishnamurti là một vị tiên tri vĩ đại và nếu tôi chỉ mới mười lăm tuổi tôi sẽ đi theo anh.’^{31*}

K không có mặt khi Rajagopal và Rosalind kết hôn tại một văn phòng đăng ký ở London vào ngày 3 tháng mười, kèm theo một nghi lễ tôn giáo sau đó tại St Mary’s Liberal Catholic Church. Mrs Bessant đại diện họ nhà gái và đưa Rosalind ra. Chính Mrs Besant đã thúc giục hôn nhân này, để cho Rosalind có thể đi cùng K theo đúng phép tắc, mặc dù Rajagopal chắc chắn yêu cô nhiều lắm. Arya Vihara tại Ojai sẽ trở thành nhà của họ. K không nhớ anh nghĩ gì về hôn nhân đó. Nhìn chung những cảm giác về hôn nhân của anh bây giờ đã thay đổi, tuy nhiên anh không còn nghĩ nó là một bí kịch nữa.

* Bức tượng bán thân của K do Bourdelle điêu khắc, được đánh giá là một trong số những tác phẩm đẹp nhất của ông, hiện nay được trưng bày trong The Bourdelle Museum ở Paris.

‘Tôi từ chối là cái nạng của bạn’

Tháng mười 1927 K đi đến Ấn độ cùng Mrs Besant. Ngày 27 khi tàu cập bến tại Bombay, Mrs Besant tuyên bố về anh cho những phóng viên gặp họ: ‘Tôi xác nhận rằng anh đã được nhận xét là xứng đáng . . . hòa hợp ý thức của anh cùng ý thức của một; một *amsa* một bộ phận, của ý thức hiện diện mọi nơi của Thầy Thế Giới . . . và bây giờ anh đã trở lại cùng các bạn, cùng những con người riêng của anh, cùng chủng tộc riêng của anh, tuy nhiên lại vượt khỏi cả hai, bởi vì anh dành cho toàn thế giới.’

Ảnh hưởng của lời công bố chính thức này vào những người Ấn độ, mà khuynh hướng tự nhiên của họ là phủ phục đầy sùng kính, có thể tưởng tượng được. Tuy nhiên, Arundale viết một bài trong tờ *Theosophy in India* giải thích những tình huống không thể xảy ra được mà K đã gặp vào mùa đông đó, và sự hoang mang của những người Huyền bí học: ‘Chủ tịch của chúng ta đã tuyên bố rằng Chúa ở đây . . . Lúc này tôi không thể nhất trí với tuyên bố này . . . với hiểu biết riêng của tôi về Chúa khi Ngài ở trong thân thể rục rở của Ngài.’

Leadbeater có mặt tại Adyar cho Hội nghị Theosophy vào tháng mười hai. Ngày 8 K viết cho Lady Emily: ‘Con đã có một nói chuyện thật lâu với ông . . . quá kinh ngạc khi ông đồng ý với con về mọi vấn đề. Ông hỏi con rằng con cảm

thấy như thế nào, và con trả lời với ông không có Krishna – con sông và bản cả. * Ông nói, đúng ời, giống g như những quyển sách của những người cổ xưa, tất cả đều đúng thực. Ông rất tử tế và tỏ vẻ cung kính lạ thường.’

Tháng giêng K vết lại cho Lady Emily và kể với bà rằng bộ đầu của anh đã bị đau đón kinh khủng và anh đã bị ngắt xiu nhiều lần. Lúc này sự đau đón không bao giờ rời anh, mặc dù nó không ngăn cản anh đi quanh Ấn độ để nói chuyện. Anh thất vọng vì Leadbeater không thể giải thích về sự tiếp tục của đau đón. K đã chấp nhận tất cả những gì mà anh phải chịu đựng như là sự chuẩn bị của thân thể cho sự cư ngụ của Chúa, tuy nhiên bây giờ anh đã đạt được ‘hợp nhất cùng Đấng Thương Yêu’ anh thắc mắc tại sao sự đau đón vẫn tiếp tục.

Người bạn đi cùng anh, lúc này Rajagopal ở tại Ojai cùng Rosalind, là ột người bạn cũ, Judunandan Prasad (Jadu). Jadu đã ở tại Pergine và tại hợp mặt Eerde mùa hè trước. Anh là một thanh niên đẹp đẽ, giống Nitya về tính nết nhiều hơn Rajagopal, và K cảm thấy một đồng cảm tự nhiên nhiều hơn với anh ấy. K quay ại Châu âu cùng anh ấy vào cuối tháng hai. Lần đầu tiên trên một chuyến đi, K tổ chức những bàn luận cùng những hành khách thân thiện sau những yêu cầu được lập lại từ họ để tiếp tục bàn luận.

Ngày 31 tháng ba, K thực hiện nói chuyện trước công chúng lần đầu tiên ở nước Anh tại Friends’ Meeting House. Có quá nhiều quan tâm đến độ hàng trăm người phải ra về vì không đủ chỗ. Bốn ngày sau Jadu đi tàu cùng anh ến nước

* Truyền thống trong triết lý phương Đông nói rằng, tại cuối cùng của sự tiến hóa, cái tôi, sau nững thay đổi nhiều lần của những chuỗi cuộc đ ời, rời con sông của sông để hòa mình trong biển cả của Nirvana Niết bàn.

Mỹ. Trại Star đầu tiên sẽ được tổ chức tại Ojai vào tháng năm, trên mảnh đất được mua bởi Mrs Besant ở đầu cuối của thung lũng, mà gồm có một cánh rừng cây sồi xanh, loại cây sồi xanh quanh năm rất đẹp của California. Nhưng trước khi trại khai mạc, K thực hiện nói chuyện trước công chúng lần đầu tiên của anh ở nước Mỹ, vào chiều tối ngày 5 tháng năm, tại Hollywood Bowl, với 16.000 khán giả, mà theo tờ *Los Angeles Times*, bằng ‘sự chú ý mê mải’ lắng nghe nói chuyện của anh về ‘Hạnh phúc qua Sự Giải Thoát’.

Chỉ có khoảng 1.000 người tham dự trại Ojai đầu tiên. Dầu vậy, nó là một thành công to đùng. Những nói chuyện buổi sáng của K được tổ chức trong khu rừng nhỏ Oak Grove. Vào ngày 30 tháng năm, hai ngày sau khi trại bế mạc, K, Rajagopal và Jadu rời đó để đi đến nước Anh trong khi Rosalind vẫn còn ở lại Ojai. Cùng thời gian đó Mrs Besant đến nước Anh và K theo cùng bà đến Paris nơi, vào ngày 27 tháng sáu, anh nói bằng tiếng Pháp về ‘Sự Bí mật của Hạnh phúc’ trên đài The Eiffel Tower Radio Station với số thính giả khoảng hai triệu người.

Có một họp mặt đông hơn bất kỳ lúc nào trước kia tại Castle Eerde vào mùa hè năm đó trước Trại Ommen. Lúc này một nhà kho khác đã được cải tiến vì vậy có thừa chỗ cho những hội viên của Star. Leopold Stokowsky và người vợ của ông đến ở đó vài ngày và Sir Roderick Jones, Chủ tịch của Reuters, cùng người vợ của ông, nữ văn sĩ, Enid Bagnold. Bây giờ K có vô số bạn bè, thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, nhưng một cặp vợ chồng mà anh gần gũi đặc biệt trong nhiều năm là người Ai cập sống ở Paris, Carlos và Nadine Soares.

Mrs Besant đã dự tính có mặt tại trại Ommen theo sự thỉnh cầu đặc biệt của K, được chuyển tải trong một lá thư rất đầm ấm, nhưng bệnh tật đã ngăn cản bà. Mặc dù anh rất lo ngại cho sức khỏe của bà, sự vắng mặt của bà khiến anh có thể nói ra điều gì anh muốn tại những nói chuyện lửa trại mà không sợ gây tổn thương cho bà. Anh nói với những người tổ chức của trại, trước khi nó khai mạc, rằng anh sẽ giải tán The Order of The Star ngay tức khắc nếu nó ‘khẳng định là một con tàu chứa đựng Chân lý và Chân lý duy nhất’. Trong suốt những gặp gỡ, anh được đưa ra những câu hỏi như là: ‘Liệu đúng là ông không muốn những môn đồ?’, ‘Ông nghĩ gì về những nghi thức và những nghi lễ?’, ‘Tại sao ông nói với chúng tôi rằng không có những chặng đường dọc theo Con Đường?’, ‘Bởi vì ông nói với chúng tôi rằng không có Thượng đế, không có nguyên tắc đạo đức và cũng không có cả tốt lành lẫn xấu xa, lời giảng của ông khác biệt như thế nào với chủ nghĩa duy vật thông thường?’, ‘Ông là Đấng Christ trở lại?’ Những trích dẫn được cho dưới đây từ những trả lời của K chỉ rõ những người đã đưa ra những câu hỏi đó chẳng hiểu về anh bao nhiêu.

Tôi lặp lại rằng tôi không có những môn đồ. Mỗi người trong các bạn là một môn đồ của Chân lý nếu các bạn hiểu rõ Chân lý và không theo sau những cá thể . . . Chân lý không cho sự hy vọng; nó cho sự hiểu rõ . . . Không có sự hiểu rõ trong sùng bái cá nhân . . . Tôi vẫn khẳng định rằng tất cả những nghi lễ đều không cần thiết cho sự thăng hoa thuộc tinh thần . . . Nếu bạn muốn tìm kiếm Chân lý bạn phải đi ra ngoài, xa khỏi những giới hạn của quả tim và cái trí con người và ở đó khám phá nó – và Chân lý đó ở trong chính các bạn. Chuyển chính Sống thành mục đích không đơn giản

hơn là có những người thiên định, những đạo sư, mà chắc chắn phải rời khỏi Chân lý và thế là phản bội nó? . . . Tôi nói rằng Giải thoát có thể đạt được tại bất kỳ chặng đường tiến hóa nào bởi một con người mà hiểu rõ, và tôn sùng những chặng đường, như các bạn thực hiện, là không cần thiết . . . Lại nữa đừng viện dẫn tôi ra như một uy quyền. Tôi khước từ là cái nạng cho bạn. Tôi sẽ không bị nhốt vào một cái cũi vì sự tôn sùng của bạn. Khi bạn đem không khí trong lành của hòn núi và giam giữ nó trong một căn phòng nhỏ, sự trong lành của không khí đó tan biến và có sự trì trệ . . . Tôi không bao giờ nói rằng không có Thượng đế. Tôi đã nói rằng chỉ có Thượng đế khi được biểu lộ trong bạn . . . nhưng tôi sẽ không sử dụng từ ngữ God Thượng đế . . . Tôi thích gọi điều này là Sự Sống hơn . . . Dĩ nhiên không có tốt lành hoặc xấu xa . . . Tốt lành là cái mà các bạn sợ hãi; xấu xa là cái mà các bạn sợ hãi. Vậy là, nếu bạn triệt tiêu sự sợ hãi, bạn được miễn nguyên phần tinh thần . . . Khi bạn thương yêu sự sống, và bạn đặt tình yêu đó trước tất cả mọi việc, và đánh giá bằng tình yêu đó, và không phải bằng sự sợ hãi của bạn, vậy là sự trì trệ này mà bạn gọi là đạo đức sẽ tan biến . . . Các bạn ơi, đừng bận tâm tôi là ai, các bạn sẽ không bao giờ biết . . . Các bạn nghĩ Chân lý có liên quan đến bất kỳ điều gì các bạn nghĩ tôi là à? Các bạn không quan tâm đến Chân lý nhưng các bạn lại quan tâm đến con tàu chứa đựng Chân lý . . . Hãy uống nước nếu nước đó sạch: Tôi nói với các bạn rằng tôi có nước sạch đó; tôi có dầu thơm đó mà sẽ tẩy uế, mà sẽ cứu rỗi nhiều lắm; và các bạn hỏi tôi: ông là ai? Tôi là tất cả những sự việc sự vật bởi vì tôi là Sự Sống.³²

Anh bẻ mặt Hội nghị bằng những từ ngữ: ‘Đã từng có nhiều ngàn người tại những trại này và họ không thể làm gì trong thế giới này hay sao nếu tất cả họ đều hiểu rõ! Họ có thể thay đổi bộ mặt của thế giới vào ngày mai.’

Mrs Besant tội nghiệp, bây giờ tám mươi tuổi, đang trải qua một tuổi già bất hạnh để cố gắng hòa hợp những điều không thể hòa hợp được. Để đồng ý với tất cả những điều K nói, bà đóng ả Esoteric Section khắp thế giới trước khi K đến Ấn độ vào tháng mười năm 1928. (Bà sẽ mở lại nó chưa đầy một năm sau.) K công nhận bà đã làm điều này rất đúng đắn. Bà không thể có mặt ở đó để đón chào anh khi anh đến Adyar, nhưng viết, ‘Con Thương Yêu . . . Mẹ đang đình chỉ tất cả The E.S. vô thời hạn, dành ưu tiên cho mọi lời giảng của con’; và ngày hôm sau, ‘Chào mừng về nhà, Con Thương Yêu. Mẹ đã làm hết sức mình để dọn dẹp một cánh đồng quang đăng cho con, con là uy quyền duy nhất.’³³ Như K kể cho Lady Emily, Mrs Besant mồn từ chức Chủ tịch Theosophical Society để theo anh khắp mọi nơi nhưng Thầy của bà không cho phép. Tại tất cả những gặp gỡ ở Ấn độ vào mùa đông đó, bà quả quyết ngồi dưới đất cùng khán giả thay vì ngồi cùng anh trên bục giảng như bà luôn luôn làm trước kia. Cùng thời gian đó bà lại ủng hộ Arundale mà đang nói với K, như K kể lại cho Lady Emily: ‘Anh theo con đường của anh và chúng tôi sẽ theo con đường của chúng tôi. Tôi cũng có điều gì đó để giảng dạy.’ Mrs Besant cũng ủng hộ Leadbeater mà đã viết cho bà: ‘Dĩ nhiên Krishnaji của chúng ta không có Toàn Ý thức của Chúa’, khi bà tự viết trong tờ *Theosophist* tháng mười hai: ‘Ý thức vật chất của Krishnamurti không chia sẻ Ý thức Toàn cầu của Chúa Maitreya’, và trích lời châm ngôn của Sri Krishna: ‘Con người đến với Ta theo nhiều con đường.’ K viết cho Lady Emily rằng hiện nay có ‘một phân chia rõ ràng’ giữa anh và

Theosophical Society, mà sẽ tốt lành nhiều hơn là sự giả vờ này’. Đầu và cột sống của anh đau đớn và không ai có thể giúp đỡ, ‘không như trước kia’.

Trong khi K ở Benares năm đó, Rishy Valley Trust nhận được từ những thẩm quyền của quân đội đồng ý bán 300 mẫu đất mà K cần cho một trường học khác. Khu đất này tại Rajghat, một nơi rất đẹp trên bờ sông Ganges ngay phía bắc của Benares. Con đường của những người hành hương chạy qua khu đất, nối Kashi với Saranath nơi Phật giảng bài pháp đầu tiên sau khi giác ngộ. Tất cả vốn liếng của Trust đều được tiêu vào khu đất này nhưng nó ‘vẫn không đủ’.

Tháng hai năm 1929 K và Jadu lên tàu đi Châu Âu. Sau những chuyến viếng thăm ngắn đến Paris, Eerde và London, họ tiếp tục đi New York. Ở London tôi đã nói với K rằng tôi đã đính hôn và sẽ lập gia đình. Từ trên tàu anh viết cho Lady Emily: ‘Thoạt đầu con rất đau khổ về tất cả việc đó – mẹ biết con có ý gì – và con suy nghĩ cẩn thận về nó trong khi ở với mẹ và lúc này thì tốt rồi. Những ý tưởng của con và tầm nhìn của con không được phép cản trở sự tăng trưởng của Mary. Sẽ chẳng có bao nhiêu người theo cùng con hết con đường. Con hy vọng em sẽ vượt khỏi nó để trở thành một bông hoa nở trọn vẹn.’ Vào cùng ngày, 5 tháng ba, anh viết cho Mar de Manziarly: ‘Tôi sẽ không bao giờ từ bỏ bất kỳ người nào nhưng mọi người sẽ từ bỏ tôi.’ Trong tất cả những bạn bè cũ của anh chỉ còn Mar là tiếp tục theo anh cho đến khi anh chết. Madame de Manziarly tìm được một phương tiện giải phóng năng lượng của bà qua phong trào thống nhất Giáo hội; Ruth đã kết hôn với một giám mục trong Giáo hội Thiên chúa giáo Tự do; K và Helen dần dần không còn thân thiện

nữa (vào đầu những năm 1930 cô kết hôn với Scott Nearing); chị tôi Betty phản ứng chống lại anh rất dữ dội, như sẽ được thấy. Dĩ nhiên, nhiều người trong số những người lớn tuổi hơn vẫn còn trung thành cho đến khi họ chết, và nhiều người anh gặp sau đó vẫn trung thành cho đến khi anh chết và còn tiếp tục lâu hơn nữa, nhưng có những người chống đối anh, thông thường do bởi ganh ghét và những cảm giác bị tổn thương. Trong những ngày đầu, khi anh nói điều gì đó mà họ thích, họ sẽ khẳng định rằng đó là Chúa đang nói qua anh; khi anh nói điều gì đó mà họ không muốn nghe, chính là K đang nói. Cũng giống như vậy trong tương lai, khi anh nói điều gì đó mà họ không thể chấp nhận được, anh sẽ bị buộc tội rằng đã bị ‘ảnh hưởng’ bởi người này hay người kia.

Bất kể sự khẳng định của K về sự hợp nhất của anh cùng ‘Đấng Thương Yêu’, anh đã không mất đi, và sẽ không bao giờ mất đi, khía cạnh con người của anh. Năm đó tại Ojai, anh, Rajagopal và Jadu ‘nói chuyện và nói chuyện, cãi cọ và hào hứng’, như anh kể cho Lady Emily. Họ cũng cười nhiều và làm trò hề và trêu ghẹo nhau. Rajagopal có tiếng cười không thể quên được – cười khúc khích có vẻ đúng hơn – trái lại tiếng cười của K lại lớn hơn và sâu hơn. Suốt sống của anh, anh luôn nhút nhát và khiêm tốn với những người lạ, không nói chuyện xã giao vật vãn nào. Tại nhà của chúng tôi ở London, và cùng Mrs Besant, anh đã gặp Bernard Shaw, bày tỏ anh là người đẹp đẽ nhất mà ông đã từng gặp gỡ,³⁴ nhưng K quá nhút nhát đến độ không nói bao nhiêu lời với ông.

Phần thân thể K là một người đàn ông bình thường hoàn hảo mà đã được nuôi nấng để tin tưởng rằng tình dục phải bị chế ngự cho tất cả những người có mục đích trở thành những môn đồ của những Bậc Thầy, và thậm chí còn nhiều hơn nữa trong phương tiện của Chúa. Anh sẽ mất đi hoàn

toàn tánh không khoan dung về tình dục này, tuy nhiên anh không bao giờ đặt nó ở mức quan trọng phải suy nghĩ. Bởi vì về bề ngoài của anh, nếu không có gì thêm nữa, chắc chắn rằng nhiều phụ nữ đã đem lòng yêu anh. Đã có nhiều phụ nữ viết và khẳng định là vợ của anh, và nếu anh được trông thấy đang đi cùng một cô gái nào đó, báo chí sẽ lập tức loan tin một vụ đính hôn.*

Suốt sáu tuần K ở tại Ojai năm nay, trước hợp trại, sự đau đớn trong bộ đầu và cột sống của anh rất khắc nghiệt và anh cảm thấy mệt đến độ một bác sĩ mới phải cảnh báo anh rằng những cơn bệnh viêm cuống phổi thường xuyên mà anh đang bị có lẽ sẽ dẫn đến bệnh lao phổi nếu anh không nghỉ ngơi nhiều; vì vậy anh hủy bỏ tất cả những nói chuyện của anh cho mùa hè, gồm cả ba giảng thuyết tại Queen's Hall ở London, và quyết định tự giới hạn mình chỉ còn thực hiện nói chuyện tại những trại Ojai và Ommen và họp mặt Eerde.

Trại Ojai, bắt đầu vào ngày 27 tháng năm đã có gấp đôi số người tham dự. Anh tuyên bố tại một trong những nói chuyện của anh ở Oak Grove: 'Lúc này tôi nói, tôi nói mà không tự phụ, bằng hiểu rõ đúng đắn, bằng trọn vẹn của cái trí và quả tim, rằng tôi là ngọn lửa tròn đầy mà là sự vinh quang của sống, mà tất cả những con người, những cá thể cũng như toàn thể giới, phải đến.'³⁵

Suốt thời gian trại được tổ chức người ta đồn đại rằng chẳng mấy chốc anh sẽ giải tán The Order of The Star. Việc này anh thực hiện vài tuần sau đó. Ngày 3 tháng tám tại gặp gỡ đầu tiên của trại Ommen, trong sự hiện diện của Mrs Besant và trên 3.000 hội viên Star, cùng hàng ngàn người Hà

* Có một bài tường thuật về vụ đính hôn của anh với Helen Knothe trong những tờ báo ở New York, và cha tôi đã thu xếp để chặn đứng một tuyên bố về sự đính hôn của tôi với anh năm 1927.

lan đang lắng nghe trên đài phát thanh, anh chấm dứt một kỷ nguyên trong lịch sử riêng của anh. Một phần của điều gì anh đã nói được trình bày dưới đây:

Tôi khẳng định rằng Chân lý là một mảnh đất không lối vào, và các bạn không thể tiếp cận nó bằng bất kỳ con đường nào, bằng bất kỳ tôn giáo nào, bằng bất kỳ giáo phái nào. Đó là quan điểm của tôi và tôi trung thành với quan điểm đó một cách tuyệt đối và không điều kiện . . . Nếu các bạn hiểu rõ điều đó trước tiên, vậy thì các bạn sẽ thấy khẳng định trước một niềm tin là điều không thể được. Một niềm tin chỉ là một vấn đề thuộc cá thể, và các bạn không thể và không được tổ chức nó. Nếu các bạn làm như thế, nó trở thành chết rồi, cố định; nó trở thành một tín điều, một giáo phái, một tôn giáo, được áp đặt vào những người khác.

Đây là điều gì mọi người khắp thế giới đang cố gắng làm. Chân lý bị thu hẹp lại và bị biến thành một trò đùa cho những con người yếu ớt, cho những con người chỉ bị bắt mẫn trong chốc lát. Chân lý không thể bị mang xuống, trái lại cá thể phải cố gắng vươn lên nó. Bạn không thể mang đỉnh núi vào thung lũng . . . Vì vậy, theo quan điểm của tôi, đó là lý do đầu tiên tại sao The Order of The Star phải được giải tán. Bất chấp sự giải tán này, các bạn sẽ có thể thành lập những Order khác, các bạn sẽ tiếp tục lệ thuộc vào những tổ chức khác để tìm kiếm Chân lý. Tôi không muốn lệ thuộc vào bất kỳ tổ chức nào có một loại tinh thần như thế; làm ơn hiểu rõ điều này . . .

Nếu một tổ chức được tạo ra cho mục đích này, nó trở thành một cái nặng, một hèn nhát, một giam cầm, chắc chắn phải gây lụn bại cá thể, và ngăn cản

anh ấy không phát triển, không thất lập tánh nhất quán của anh ấy, mà tôi thiết để khám phá Chân lý tuyệt đối và không bị quy định đó cho chính anh ấy. Vì vậy đó là một lý do nữa tại sao tôi đã quyết định, vì tôi tình cờ là Người Đứng đầu của The Order, giải tán nó.

Đây không là một hành động vĩ đại, bởi vì tôi không muốn có những người theo sau, và tôi có ý về điều này. Khoảnh khắc các bạn theo sau người nào đó các bạn không còn theo đuổi Chân lý. Tôi không quan tâm liệu các bạn có chú ý đến điều gì tôi nói hay không. Tôi muốn làm một việc gì đó trong thế giới và tôi sẽ làm nó bằng sự tập trung kiên định. Tôi chỉ quan tâm đến một điều cốt lõi: làm con người tự do. Tôi khao khát *giải* thoát con người khỏi tất cả những chuồng cũi, khỏi tất cả những sợ hãi, và không phải thành lập những tôn giáo, những giáo phái mới, cũng không thiết lập những lý thuyết mới và những triết lý mới. Vậy thì tự nhiên bạn sẽ hỏi tôi tại sao tôi đi khắp thế giới, tiếp tục nói chuyện. Tôi sẽ nói cho bạn lý do tại sao tôi làm việc này; không phải bởi vì tôi ham muốn những người theo sau, cũng không phải bởi vì tôi khao khát một nhóm đặc biệt của những môn đồ đặc biệt. Tôi không có những đệ tử, những môn đồ, hoặc trên quả đất hoặc trong lãnh vực của tinh thần.

Cũng không phải bởi vì sự cám dỗ của tiền bạc, cũng không phải bởi vì sự quyến rũ của thích sống một cuộc sống tiện nghi. Nếu tôi muốn sống một cuộc sống tiện nghi tôi sẽ không đến một Trại hay sống trong một quốc gia ẩm ướt! Tôi đang nói thành thật bởi vì tôi mong muốn điều này được khẳng định một lần và mãi mãi. Tôi không muốn những tranh luận trẻ con này tiếp diễn năm này sang năm khác.

Một phóng viên đã phỏng vấn tôi và coi việc đó như một hành động vĩ đại khi giải tán một tổ chức mà trong đó có hàng ngàn và hàng ngàn lợi viên. Đối với anh ấy nó là một hành động vĩ đại bởi vì anh ấy đã hỏi: “Anh sẽ làm gì sau đó, anh sẽ sống như thế nào? Anh sẽ không có những người theo sau, người ta sẽ không nghe anh nữa.” Nếu chỉ có năm người muốn lắng nghe, muốn sống, đưa cuộc đời của họ hướng về sự vĩnh hằng, nó sẽ là quá đủ. Ích lợi gì đâu khi có hàng ngàn người theo sau nhưng không hiểu rõ, nhưng hoàn toàn mê muội trong thành kiến, không muốn cái mới mẻ, nhưng lại thích diễn giải cái mới mẻ cho phù hợp với những cái tôi trì trệ, cần cỗi của họ! . . .

Suốt mười tám năm, các bạn đã chuẩn bị cho sự kiện này, cho Thầy Thế giới Sắp đến. Suốt mười tám năm các bạn đã tổ chức, các bạn đã tìm kiếm người nào đó mà sẽ trao tặng một thỏa mãn mới cho những quả tim và những cái trí của các bạn, mà sẽ thay đổi toàn cuộc sống của các bạn, mà sẽ cho các bạn một hiểu biết mới, người nào đó mà sẽ nâng các bạn lên một mức độ sống mới, mà sẽ cho các bạn một khích lệ mới, mà có thể giúp các bạn được tự do – và bây giờ hãy nhìn điều gì đang xảy ra! Hãy suy xét, hãy tự-lý luận với các bạn, và khám phá xem niềm tin đó đã làm cho các bạn khác biệt như thế nào – không phải sự khác biệt hời hợt của đeo một huy hiệu, mà quá tầm thường, lộ bịch. Một niềm tin như thế đã quét sạch tất cả những thứ thừa thãi của cuộc sống như thế nào? Đó là cách duy nhất để đánh giá: bạn được tự do hơn, cao cả hơn, nguy hiểm hơn đối với mọi xã hội được đặt nền tảng trên những thứ giả dối và những thứ thừa thãi như

thế nào? Những hội viên của tổ chức Star này đã trở nên khác biệt như thế nào?

Các bạn đang cần người nào khác để có được sự duy tâm của các bạn, người nào khác để có được sự hạnh phúc của các bạn, người nào khác để có được sự khai sáng của các bạn . . . khi tôi nói hãy tự-nhìn bên trong chính các bạn để có được sự khai sáng, để có được sự vinh quang, để có được sự tinh khiết, và để có được sự không-bại hoại của cái tôi, không có một ai trong các bạn sẵn lòng thực hiện nó. Có lẽ có một ít người, nhưng rất, rất ít người. Vậy là tại sao lại cần có một tổ chức? . . .

Bạn sử dụng một máy đánh chữ để viết những lá thư, nhưng bạn không đặt nó trên bàn thờ và tôn sùng nó. Nhưng đó là điều gì bạn đang làm khi những tổ chức trở thành sự quan tâm chính của bạn. 'Trong nó có bao nhiêu hội viên?' Đó là câu đầu tiên tôi được hỏi bởi tất cả những phóng viên. Tôi không biết có bao nhiêu. Tôi không quan tâm đến điều đó . . . Bạn quen được bảo rằng bạn đã tiến bộ như thế nào, mức độ tâm linh của bạn như thế nào. Thật trẻ con làm sao! Ai, ngoại trừ chính bạn có thể nói được liệu bạn có bại hoại hay không?

. . . Nhưng những người thực sự khao khát muốn hiểu rõ, đang quan tâm muốn tìm được sự vĩnh hằng, không một khởi đầu và không một kết thúc, bằng sự mãnh liệt vô cùng sẽ đi cùng nhau, sẽ là một nguy hiểm cho mọi thứ thừa thãi, cho những giả dối, cho những ảo tưởng . . . Chúng ta phải tạo ra một tổ chức như thế, và đó là mục đích của tôi. Bởi vì tình bằng hữu chân thật đó – mà dường như bạn không biết – sẽ có sự đồng-cộng tác đúng đắn về phần mỗi người. Và điều

này không phải bởi vì uy quyền, không phải bởi vì sự cứu rỗi, nhưng bởi vì bạn thực sự hiểu rõ và thế là có thể sống trong vinh hạnh. Đây là một việc quan trọng hơn tất cả vui thú, hơn tất cả hy sinh.

Vì vậy đó là những lý do tại sao, sau khi cân nhắc cẩn thận suốt hai năm, tôi đã thực hiện quyết định này. Nó không phải từ một động cơ nhất thời. Tôi đã không bị thuyết phục bởi bất kỳ ai – tôi không bị thuyết phục trong những vấn đề như thế. Suốt hai năm tôi đã suy nghĩ về điều này, từ từ, cẩn thận, kiên nhẫn, và lúc này tôi đã quyết định giải tán Order. Bạn có thể thành lập những tổ chức khác và chờ đợi người nào khác. Tôi không quan tâm đến đó, cũng không quan tâm tạo ra những chuồng cũi mới, những trang trí mới cho những chuồng cũi đó. Quan tâm duy nhất của tôi là giúp con người được tự do, một cách tuyệt đối, không điều kiện.³⁶

‘Tôi đang theo con đường của tôi’

Sau khi giải tán Order, Castle Eerde và tất cả đất đai của nó, ngoại trừ 400 mẫu mà trại được xây dựng, được trả lại Baron van Pallandt, trong khi tất cả đất đai ở Australia, và giảng đường trên bờ cảng Sydney, được trao trả cho những người trao tặng. Mặc dù mùa đông năm đó K đi đến Adyar cùng Mrs Besant, và để cho bà vui vẻ K duy trì một hòa hợp giả vờ với Theosophical Society, anh rút lui khỏi Society khi Mrs Besant hoạt động trở lại Esoteric Section khắp thế giới trước cuối năm. Dầu vậy, tình thương yêu riêng lẫn nhau của họ không bao giờ bị dao động. Viết cho bà khi rời Ấn độ vào tháng hai năm 1930, anh nói: ‘Mẹ thương yêu riêng của con, con biết, và điều đó không đặt thành vấn đề với con, rằng C.W.L (Leadbeaters) chống đối cả con lẫn điều gì con đang nói, nhưng làm ơn đừng lo lắng về nó. Tất cả việc này đều không tránh khỏi và trong một cách nào đó lại cần thiết. Con không thể thay đổi và con nghĩ rằng họ sẽ không thay đổi và thế là xung đột. Không đặt thành vấn đề điều gì một triệu người nói hay không nói, con chắc chắn con là gì và con đang theo con đường của con.’

Lúc này Leadbeater ở Sydney đang nói rằng, ‘Sắp đến đã sai lầm’; Arundale nói rằng ông sẽ chấp nhận K như ‘một tượng nhớ trong các danh nhân của Theosophy nhưng không thêm nữa’; Raja nói rằng lời giảng của K là ‘một màu sắc

khác trong quang phổ'; và Wedgwood nói rằng Mrs Besant 'không ở trong tình trạng tinh thần bình thường' khi bà nói ý thức của K được hòa hợp cùng ý thức của Chúa Maitreya và bà không đáng được tin cậy.³⁷

Hàng trăm người bị đau khổ bởi sự giải tán Order. Một người trong số họ là Lady De La Warr, mà sẽ chết vào năm 1930. Miss Lodge vẫn trung thành với K cho đến khi cô chết năm năm sau. Người bị đau khổ nhất có thể là Lady Emily, không nhiều lắm bởi vì sự giải tán Order nhưng bởi vì sự tuyên bố của K rằng anh không muốn những người theo sau. Suốt mười tám năm Lady đã chờ đợi anh nói: 'Hãy theo ta', và bà sẽ vui mừng bỏ lại nhà cửa, chồng và gia đình; lúc này sự tồn tại của bà đã trở thành vô mục đích. Bà đã viết trong tự truyện của bà, *Candles in The Sun Những cây nến trong mặt trời*: 'Krishna đã có thể thăng hoa tình yêu cá nhân nhưng tôi không thể. Không phải rằng anh không thương yêu, nhưng không một người nào cần thiết cho anh nữa. Anh đã đến được tình yêu vũ trụ. Như anh đã nói: "Tình yêu tinh khiết giống như hương thơm của đóa hoa hồng, trao tặng tất cả. Mặt trời không thèm quan tâm nó chiếu sáng trên người nào . . . Chất lượng của tình yêu trung thực, của tình yêu tinh khiết, không biết sự khác biệt nào như người chồng và người vợ, người con trai, người cha, người mẹ".' Lady Emily cảm thấy rằng điều này quá trừu tượng nên không thể giúp đỡ cho những con người đang phải sống trong thế giới cùng những trách nhiệm của gia đình – rằng thật ra, K đang trốn chạy khỏi cuộc sống. Bằng sự nhẫn nại vô biên anh cố gắng dẫn dắt Lady theo cùng, viết cho bà từ Ojai:

Con rất buồn khi mẹ cảm thấy theo cách đó về điều gì con nói. Trạng thái ngây ngất mà con cảm thấy là kết quả của thế giới. Con muốn hiểu rõ, con muốn chinh

phục sự đau khổ, sự phiền muộn của phân ly và quyền luyến, chết, tiếp tục của sống, mọi thứ mà con người trải qua mỗi ngày. Con muốn hiểu rõ và chinh phục nó. Và con đã làm được. Vì vậy, trạng thái ngầy ngất của con là trung thực và vô hạn, không phải một tàu thoát. Con biết cách vượt khỏi sự đau khổ triền miên này và con muốn giúp đỡ con người ra khỏi bãi lầy của sự đau khổ này. Không, đây không là một tàu thoát.

Bây giờ bà kể cho anh là bà cảm thấy đau khổ biết chừng nào khi làm cho anh thất vọng, từ điều đó anh trả lời: ‘Mẹ kính mến của con, con không ‘bị thất vọng’ về mẹ đâu – tại sao mẹ lại nói như vậy và chuyện gì khiến mẹ lại nói như vậy. Con biết mẹ đang trải qua những phiền muộn như thế nào, nhưng đừng lo lắng về nó . . . chỉ cần mẹ phải chuyển hướng sự tập trung của mẹ. Hãy nghĩ kỹ lại, người ta phải không có những niềm tin hay thậm chí những ý tưởng bởi vì họ là tất cả những loại hành động và phản ứng . . . nếu mẹ tỉnh táo, tự do khỏi những ý tưởng, những niềm tin vân vân trong ngay lúc này, vậy là mẹ có thể thấy vô hạn và sự trực nhận này là hân hoan.’ Nhưng bà òn bị hỗn loạn nhiều hơn bao giờ hết khi được bảo rằng bà phải không được có những niềm tin hay những ý tưởng.

Bây giờ những trại hàng năm tại Ommen và Ojai được mở cửa cho công chúng và cũng chẳng giảm đi số người tham dự, bởi vì những trại như thế lại đang thu hút một loại khán giả khác – người ta quan tâm điều gì K phải nói chứ không phải anh là gì. Đây là điều anh mong muốn nó. Lúc này anh ở tại Ommen, trong một cái chòi nhỏ bằng gỗ được dựng lên cho anh. (Nhiều người đã dựng lên những cái chòi như thế giữa rừng thông.) Những quà tặng và tiền bạc cho công việc của anh tiếp tục được tuôn vào. Rajagopal chăm

sóc tất cả công việc tài chánh của anh, sắp xếp những chuyến đi cho anh và theo dõi sự ăn uống những nói chuyện của anh bởi Star Publishing Trust; Rajagopal là chủ biên tờ *International Star Bulletin*.

Sau tại Ommen năm 1930, K đi cùng Rajagopal đến Athens, Constantinople và Bucharest, nơi anh được mời thực hiện những nói chuyện trước công chúng. Từ Athens anh viết cho Lady Emily: ‘Con chưa bao giờ trông thấy bất kỳ thứ gì đẹp đẽ, đơn giản, mạnh mẽ hơn The Partheon. Tổng thể của The Acropolis thật kinh ngạc, ngoạn mục và mọi thứ khác thuộc sự diễn tả của con người đều thô tục, tầm thường và hỗn loạn. Một ít người Hy Lạp đó là những con người tuyệt vời làm sao.’ Từ trước đến nay chỉ những tác phẩm nghệ thuật đã gây xúc động cho anh là Winged Victory tại Louvre và một tượng bán thân bằng đá của Phật ở Boston Museum. (Anh đã viết một bài báo về tượng bán thân của Phật này trong tờ *Herald* tháng ba 1924.)

Ở Bucharest anh có hai phòng vấn riêng với Queen Mary của Roumania, một cháu gái của Queen Victoria, mà yêu cầu gặp anh tại cung điện. Anh cũng phải có cảnh sát hộ tống ở đó, ngày và đêm, bởi vì vài sinh viên Thiên chúa giáo theo chủ nghĩa quốc gia đã đe dọa giết anh. Anh coi những đề phòng của cảnh sát như một trò đùa lố bịch. Vào tháng giêng và tháng hai năm 1931, anh nói chuyện ở Yugoslavia và Budapest; bất kỳ nơi nào anh đi, anh đều thực hiện những phòng vấn riêng cũng như những nói chuyện trước công chúng.

Tại một nói chuyện trước công chúng ở London vào tháng ba, người ta có thể nhận thấy một phát triển tinh tế trong lời giảng của K và một thay đổi trong phong cách nói của anh:

Trong mọi sự vật, trong tất cả những con người, có tổng thể, sự trọn vẹn của sống . . . Qua từ ngữ trọn vẹn tôi có ý nói sự tự do của ý thức, sự tự do khỏi tánh cá thể. Sự trọn vẹn đó mà hiện diện trong mọi thứ không thể phát triển: nó là tuyệt đối. Nỗ lực để đạt được là vô ích, nhưng nếu bạn có thể nhận ra rằng Chân lý, hạnh phúc, hiện diện trong tất cả mọi thứ và rằng sự nhận ra Chân lý đó chỉ xảy ra qua sự loại bỏ, vậy thì có một hiểu rõ không-thời gian. Đây không là một tiêu cực.

Hầu hết mọi người đều sợ hãi không là gì cả. Họ gọi nó là tích cực khi họ đang tạo ra nỗ lực, và gọi nỗ lực đó là đạo đức. Nơi nào có nỗ lực, nó không là đạo đức. Đạo đức là không-nỗ lực. Khi bạn là không là gì cả, bạn là tất cả mọi thứ, không phải bằng cách phóng đại, không phải bằng cách củng cố 'cái tôi', cá tính, nhưng bằng cách làm tiêu tan liên tục của ý thức đó mà tạo ra quyền hành, tham lam, ganh ghét, quan tâm sở hữu, tự phụ, sợ hãi và đam mê. Bằng cách liên tục tỉnh táo nhìn lại về chính mình bạn trở nên hoàn toàn tỉnh thức, và vậy là bạn giải thoát cái trí và quả tim và biết sự hòa hợp, mà là sự trọn vẹn.³⁸

Như anh đã viết cho Raja, khi một phóng viên hỏi anh liệu anh là đang Christ, anh trả lời: 'Đúng, trong ý nghĩa thuần túy nhưng không trong nghĩa đã được chấp nhận, theo truyền thống của từ ngữ đó.' Sau đó anh kể cho Lady Emily: 'Mẹ biết, thưa mẹ, con không bao giờ phủ nhận nó (là Thầy Thế giới), con chỉ nói rằng không đặt thành vấn đề con là gì hay là ai nhưng con nên tìm hiểu con nói gì mà không có nghĩa rằng con phủ nhận là Th. T.G.' Anh sẽ không bao giờ phủ nhận nó.

Vào tháng tám tin tức báo rằng, Jadu, người vẫn còn ở nước Mỹ năm đó, đã chết vì một đột quỵ. Cái chết của anh gây xúc động mạnh cho K mà cảm thấy rất gần gũi anh. Sau nhiều chuyến đi lại, và trại Ommen, K quay lại, kiệt sức, đến Ojai vào tháng mười, quyết định nghỉ ngơi hoàn toàn thay vì đi Ấn độ. Bây giờ gia đình Rajagopal có một bé gái, Radha mà K dành hết thời gian cho cháu. Khi gia đình đi đến Hollywood, nơi Rajagopal sẽ giải phẫu ami dan, lần đầu tiên trong sống của anh K được hoàn toàn một mình. Anh viết cho Lady Emily vào ngày 11 tháng mười hai từ Pine Cottage, nơi anh đang ở trong khi gia đình Rajagopal vắng mặt: ‘Một mình như thế này của con đã cho con cái gì đó kỳ diệu, và nó chính xác là cái gì con cần. Mọi thứ đã xảy ra, từ trước đến nay trong sống của con, tại ngay thời điểm đúng đắn. Cái trí của con thật tĩnh lặng nhưng được tập trung và con đang nhìn ngắm nó giống như một con mèo nhìn một con chuột. Con đang tận hưởng sự cô đơn này và con không thể diễn tả nó thành những từ ngữ điều gì con đang cảm thấy. Nhưng con cũng không đang lừa dối mình nữa. Trong ba tháng kế tiếp, hay lâu đến chừng nào con muốn, con sẽ thực hiện điều này. Có thể con không bao giờ hoàn thành được nó nhưng con muốn kết thúc tất cả những giả tạo mà con có.’ Anh viết thêm rằng khi gia đình Rajagopal trở về anh sẽ dùng những bữa ăn trong ngôi nhà nhỏ trên một cái khay. Dường như đã từ thời gian sống một mình này nên K hầu như mất hết ký ức về quá khứ của anh. Điều này phù hợp với lời giảng sau của anh rằng ký ức, ngoại trừ những mục đích thực tế, là một gánh nặng không nên được mang theo từ ngày này sang ngày sau.

Chỉ từ những lá thư viết cho Lady Emily của K chúng ta mới biết điều gì đó về trạng thái cái trí của anh vào đầu những năm 1930. Vào tháng ba năm sau anh viết cho bà:

‘Con đang cố gắng xây một cái cầu cho những người khác đi qua, không phải tách khỏi sống nhưng để có phong phú nhiều hơn của sống . . . Con càng suy nghĩ về điều gì con đã ‘nhận ra’ nhiều bao nhiêu, con càng sắp xếp nó và giúp đỡ xây một cái cầu rõ ràng hơn nhưng việc đó phải mất thời gian và sự thay đổi liên tục của những cụm từ, để cho ý nghĩa trung thực. Mẹ không biết được khó khăn đến chừng nào khi diễn tả cái không thể diễn tả được và điều gì được diễn tả không là sự thật.’ Suốt sống của anh, anh tiếp tục cố gắng diễn tả cái không thể diễn tả được trong những từ ngữ và những cụm từ khác nhau.

Thay vì ủng hộ K, Lady Emily chỉ trích anh rất nhiều, viết cho anh điều gì nhiều người không ngần ngại suy nghĩ và nói sau lưng anh mà không đi can đảm để nói trước mặt. Ví dụ vào tháng chín năm này, bà viết:

Dường như con bị ngạc nhiên khi người ta không hiểu rõ con nhưng mẹ phải bị ngạc nhiên nhiều hơn nếu họ hiểu rõ! Rốt cuộc, con đang đảo lộn mọi thứ mà họ luôn luôn tin tưởng – lật đổ những nền tảng của họ và đặt trong vị trí của nó một trù tượng mơ hồ. Con nói về điều gì mà chính con nói là không thể diễn tả được – và không thể hiểu rõ được cho đến khi được khám phá cho chính người ta. Vậy thì làm thế nào con chờ đợi người khác hiểu rõ? Con đang nói từ một kích thước khác và đã hoàn toàn quên rằng sống trong một thế giới ba kích thước là như thế nào . . . Con đang cố vũ một hủy diệt toàn bộ của cái tôi cho mục đích đạt được cái gì đó mà con không thể biết cho đến khi con đạt được nó! Theo tự nhiên người ta thích những cái tôi của họ mà họ có biết chút ít nào đó . . . Không có vấn đề nào của con người có ý nghĩa bất kỳ điều gì đối với

con bởi vì con không còn cái tôi, và sự trù tượng của con về hạnh phúc không có ý nghĩa gì đối với con người vẫn còn ham muốn sống trong thế giới như họ biết nó.³⁹

Vào cùng ngày khi bà đang ết lá thư này, anh cũng đang viết cho bà, trong một chuyến đi quanh nước Mỹ: ‘Con được ngập tràn cái gì đó lạ thường. Con không thể kể cho mẹ bằng những từ ngữ nó giống như cái gì, một hân hoan đang sôi sùng sục, một tĩnh lặng sinh động, một tỉnh táo mãnh liệt giống một ngọn lửa đang cháy . . . Con đang dùng bàn tay để chữa bệnh, hai hay ba trường hợp, và yêu cầu họ đừng nói cho ai bất kỳ điều gì về nó và công việc chữa bệnh đã tiến triển khá tốt. Một phụ nữ đang bị mù và con nghĩ sẽ sáng mắt lại.’

Không nghi ngờ gì cả, K đã có quyền năng chữa bệnh nào đó nhưng anh luôn luôn rất kín đáo về điều đó bởi vì anh không muốn mọi người đến cùng anh như một người chữa bệnh thuộc thân thể. Khi trả lời một câu hỏi tại một gặp gỡ, anh đã trả lời:

Mẹ muốn có ai hơn: một Người Thầy mà sẽ chỉ cho mẹ cách giữ gìn vĩnh cửu tổng thể hay một người mà sẽ trong nhất thời chữa trị những vết thương của mẹ? Những phép lạ là trò chơi lôi cuốn trẻ con. Những phép lạ đang xảy ra hàng ngày. Những bác sĩ đang thực hiện những phép lạ. Nhiều người bạn của con là những người chữa trị tâm linh. Nhưng mặc dù họ có lẽ chữa trị được thân thể, nếu họ không biến cái trí và quả tim thành tổng thể, bệnh tật sẽ quay lại. Con quan tâm đến sự chữa trị tâm hồn và cái trí, không phải với thân thể. Con khẳng định rằng không Người Thầy Vĩ đại nào sẽ

*thực hiện một phép lạ, bởi vì việc đó sẽ là một phản bội
Chân lý.*⁴⁰

Trong thời thanh niên của anh, K chắc chắn đã có những quyền năng siêu nhiên mà anh có thể phát triển; thay vì vậy, anh cố ý kiềm chế chúng. Khi mọi người đến nhờ anh giúp đỡ anh không muốn biết nhiều về họ ngoại trừ những điều họ sẵn lòng bộc lộ cho anh. Anh nói, hầu hết mọi người đến gặp anh đều mang một cái mặt nạ; anh hy vọng họ sẽ cởi bỏ nó; nếu không, anh sẽ phải cố gắng nhìn phía sau nó giống như đọc những lá thư riêng tư của họ.⁴¹

Từ trước cho đến khi xảy ra chiến tranh, sống của K là đi, đi, đi, thực hiện những nói chuyện và những phỏng vấn riêng bất kỳ nơi nào anh đến, với những lần nghỉ ngơi giữa những chuyến đi tại Ojai. Anh nhờ Lady Emily gửi cho anh tên của bất kỳ quyển sách nào nói về những vấn đề đương thời và cũng cả *The New Statesman and Nation* Quốc gia và Chính khách Mới. Bà đã thực hiện việc này nhưng anh thực sự không có thời gian để đọc bất kỳ quyển sách nào cả ngoại trừ những quyển truyện trinh thám, anh còn có một đồng thư từ và sửa chữa những nói chuyện của anh trước khi xuất bản mà anh đang làm vào thời gian đó. Mọi nơi anh đi anh có được những kết giao mới, những bạn bè mới, nói chuyện với mọi thành phần, có được những hiểu biết quý báu về điều gì đang xảy ra trong thế giới hơn bất kỳ quyển sách nào.

Vào tháng mười một năm 1932 anh đi cùng Rajagopal đến Ấn độ. Mrs Besant bị bệnh và giảm trí nhớ rất mau lẹ, nhưng bà thu xếp để có mặt tại Hội nghị Theosophy ở Adyar, mà Leadbeater cùng K đều tham dự. K đã có một nói chuyện lâu với Raja như anh kể cho Lady Emily: ‘Tất cả họ đều thuộc lòng một cụm từ – anh theo con đường của anh và chúng tôi theo con đường của chúng tôi nhưng chúng ta sẽ

gặp nhau . . . Con tin rằng họ đã không muốn con có mặt ở đây. Có một phản kháng rõ rệt . . . Adyar đẹp lắm nhưng con người ở đó lại *chết rồi*.’

Sau Hội nghị anh đi quanh Ấn độ, quay lại Adyar vào tháng năm 1933, nơi anh gặp Mrs Besant lần cuối cùng trên đường quay lại Châu âu của anh. Bà có nhận ra anh và rất thương yêu. (Bà chết vào ngày 20 tháng chín.) * K sẽ không quay lại Bộ Chỉ huy Theosophy suốt bốn mươi bảy năm.

Lần kế tiếp K và Rajagopal đến Adyar, ba tháng sau cái chết của Mrs Besant, lần đầu tiên họ ở tại Vasanta Vibar, 64 Greenways Road, một ngôi nhà vừa được xây dựng như Bộ Chỉ huy Ấn độ của K, với sáu mẫu đất. Nó ở trên phía bắc của sông Adyar, trái lại khu đất của Theosophical Society (260 mẫu) ở trên phía nam, trải dài đến biển. Vasanta Vibar là một ngôi nhà còn lớn hơn K đã mong muốn, và Lady Emly khiển trách K vì đã xây dựng nó quá gần khu của Theosophy. Anh trả lời rằng anh và Rajagopal đã cân nhắc Madras là nơi tốt nhất cho ‘ấn loát, con người, công nhân vân vân’, và đây là mảnh đất duy nhất mà họ có thể tìm được. ‘Chúng con không có chống đối gì với The T.S. và những giáo lý của nó,’ anh thêm vào, ‘Con không đang chống lại họ nhưng chống lại những ý tưởng, những lý tưởng của thế giới.’ Anh nài nỉ Lady Emily, trong cùng lá thư này, phê bình anh càng nhiều càng tốt: ‘người ta càng phê bình nhiều bao nhiêu chúng ta càng hiểu rõ lẫn nhau nhiều bấy nhiêu.’ Bà lợi dụng câu này nên không bao giờ ngừng phê bình anh, mặc dù những lá thư của bà cũng luôn luôn đầy thương yêu anh.

Trong chuyến thăm Ấn độ này, K lái xe đến Rishi Valley, cách Madras 170 dặm về hướng tây, nơi, ta có thể

* George Arundale trở thành Chủ tịch kế tiếp của của Theosophical Society và, khi ông chết năm 1945, ông được kế tục bởi Raja, mà giữ chức vụ đó cho đến một vài tháng trước khi ông chết năm 1953.

nhớ lại, là đất đã được mua cho công việc của K năm 1928. J. V. Subba Rao là Hiệu trưởng đầu tiên của trường giáo dục nam nữ chung đã mở ở đó, và sẽ duy trì như thế được ba mươi năm trong khi trường phát triển và hưng thịnh. Suốt chuyến thăm của K, anh nói chuyện với những giáo viên nổi tiếng đồng hồ mỗi ngày.

Giáo dục là một trong những quan tâm đam mê nhất của K suốt sống của anh. Anh luôn thương yêu trẻ em và cảm thấy rằng nếu các em có thể được nuôi dưỡng để nở hoa trọn vẹn mà không có những thành kiến, những tôn giáo, những học thuyết thuộc truyền thống, chủ nghĩa quốc gia và sự ganh đua, có lẽ có hòa bình trong thế giới. Nhưng tìm những giáo viên ở đâu? Để một người trưởng thành cởi bỏ sự quy định của anh ấy chắc chắn còn khó khăn hơn để một đứa trẻ duy trì không bị quy định. Nó sẽ có nghĩa một tự-thay đổi hoàn toàn. Từ bỏ những thành kiến của người ta là hoàn toàn từ bỏ cá tính của người ta, luôn luôn nhớ rằng đối với K những lý tưởng như là chủ nghĩa ái quốc, chủ nghĩa anh hùng và sự trung thành trong tôn giáo đều là những thành kiến. Trong lãnh vực giáo dục này, có một bất bình thường trong K. Anh mong đợi những trường học mà anh sáng lập đạt được ‘sự xuất sắc về học vấn’ mà không có sự ganh đua. Điều này có lẽ có thể được nếu phụ huynh không đòi hỏi con cái của họ có những bằng cấp đại học; đặc biệt ở Ấn độ, một bằng cấp rất cần thiết khi muốn có một việc làm tốt.

Những nói chuyện ở Australia và New Zealand xảy đến vào đầu năm 1934. Báo chí Australia rất thân thiện; không phải những hội viên Theosophy. Leadbeater vừa chết ở Perth, trên đường từ Adyar trở về nơi ông tham dự lễ tang của Mrs Besant. K tình cờ có mặt ở Sydney khi thân thể của ông được gửi đến để hỏa thiêu và anh viết cho Lady Emily rằng anh đến lễ tang nhưng ở bên ngoài nhà nguyện. ‘Những người ở

Manor bị bồi rồi bởi cái chết của ông, và đang thắc mắc ai sẽ bảo cho họ khi họ nhận những bậc (trên Con đường) vì ông đã chết rồi.’ Ở New Zealand thậm chí báo chí còn thân thiện hơn. Tuy nhiên, anh không được phép nói trên đài phát thanh bởi vì anh là ‘chống-tôn giáo’. ‘Bernard Shaw, đang **ếng** thăm nơi đó, nói **ới** mọi người rằng đó là một tai tiếng vì con là một Người Thầy tôn giáo vĩ đại. Ông viết cho con về nó. Bất hạnh thay con không gặp ông. Con có những gặp gỡ tuyệt vời và nhiều lý thú. Con nghĩ bạn bè ở đó sẽ theo đuổi nó.’

Trở lại Ojai vào năm đó, K bắt đầu học tiếng Tây ban nha tại một khóa Liguaphone để chuẩn bị cho một chuyến đi quanh Nam Mỹ đã được sắp xếp sẵn cho anh. Anh đã không mất đi sự hăng hái ngây ngất của anh; anh **vết** cho Lady Emily vào tháng mười một: ‘Con đang tràn đầy tình yêu bao la, bất kỳ từ ngữ nào người ta muốn đặt cho nó. Con được thẩm thấu đầy sáng suốt, đầy thông minh. Trạng thái đó rất kinh ngạc và thật xuẩn ngốc khi diễn tả nó bằng những từ ngữ, vì khi đó nó sẽ trở thành sáo rỗng. Mẹ hãy tưởng tượng trạng thái cái trí của cái người đã viết Bài hát của những Bài hát, trạng thái đó của Đức Phật và Chúa Jesus, và mẹ sẽ hiểu rõ trạng thái của con là gì, Nghe ra có vẻ khoa trương nhưng không phải vậy – thật đơn giản và thật hủy diệt.’

Khi viết lá thư này chắc chắn anh có phản ứng lại lá thư Lady Emily đã gửi cho anh vào tháng tám:

Làm sao mẹ biết rằng điều mẹ không tìm được chỉ là một tàu thoát? Mẹ không thể đối diện sống như nó là – trong tất cả xấu xa của nó – mẹ luôn luôn được bao bọc trong lớp len bằng bông – nói bóng gió – mẹ luôn luôn chạy trốn những xấu xa bằng cách bay đến những nơi đẹp nhất. Mẹ luôn luôn ‘đang lẩn trốn’. Mẹ đã tìm

được nơi tẩu thoát mà cho mẹ sự ngây ngất – nhưng tất cả mọi huyền bí của tôn giáo đều như vậy . . . Làm thế nào con, như ~~một~~ người ngoài cuộc, lại có thể biết rằng mẹ đúng đắn hơn bất kỳ người nào khác mà nói rằng họ đã đạt được ngây ngất – Thượng đế – Chân lý vân vân? (Không có trả lời cho lá thư này.)

Sau ba nói chuyện ở New York vào đầu năm 1935, và ở lại một khoảng thời gian cùng vài người bạn cũ, Robert Logan và người vợ của ông Sarah, mà có ~~một~~ ngôi nhà và một bất động sản lớn, Sarobia, gần Philadelphia, vào ngày 3 tháng ba K cùng Rajagopal khởi hành đi Rio de Janeiro. Đây là nơi ~~đầu~~ tiên của chuyến đi tám tháng quanh Nam Mỹ, trong đó anh ~~ổ~~ chức những nói chuyện ở Brazil, Uruguay, Argentina, Chile và, trên đường về, Mexico City.⁴²

Hàng trăm người tham dự những nói chuyện này không thể hiểu anh bởi vì anh chỉ nói bằng tiếng Anh, tuy nhiên rõ ràng họ ngồi nghe như ‘bị mê hoặc’. Anh bắt đầu mỗi nói chuyện bằng cách tuyên bố rằng anh không phụ thuộc vào bất kỳ giáo phái tôn giáo hay đảng phái chính trị nào: ‘Niềm tin có tổ chức là một cản trở to lớn,’ anh nói, ‘đang phân chia con người chống lại con người . . . điều gì tôi muốn làm là giúp đỡ các bạn, cá thể, để vượt qua con suối của đau khổ, hỗn loạn và xung đột và đến được hạnh phúc trọn vẹn và vô cùng.’

Công chúng biết đến anh rất nhiều ở Montevideo (nơi anh được yêu cầu nói chuyện bởi Bộ trưởng Giáo dục) và Buenos Aires, với những hình ảnh của anh và những chương trình phát thanh, đến độ anh không khi nào có thể ra ngoài mà không thu hút ~~một~~ số đông người theo sau. Cùng lúc, nhiều bài báo chống đối được xuất bản trong những tờ báo Thiên chúa giáo và những nỗ lực được thực hiện bởi những

người Thiên chúa giáo để yêu cầu trục xuất anh. K rất ngạc nhiên khi có quá nhiều sự quan tâm và nhiệt thành như thế. Nhưng đối với anh thời gian hứng thú nhất của chuyến đi là chuyến bay một tiếng hai mươi phút qua dãy núi Andes trong chiếc máy bay hai động cơ Douglas (chuyến đi máy bay đầu tiên của anh) mà anh vô cùng thích thú, mặc dù anh đã được báo trước rằng nó là ‘chuyến bay nguy hiểm nhất trong thế giới’.

Tại một trong những nói chuyện của anh, anh đưa ra lời tuyên bố trước công chúng lần đầu tiên về tình dục khi trả lời câu hỏi: ‘Thái độ của anh đối với vấn đề tình dục, mà có một vai trò quan trọng như thế trong đời sống hàng ngày của chúng ta là gì?’ Anh trả lời:

Nó đã trở thành một vấn đề bởi vì không có tình yêu. Khi chúng ta thực sự thương yêu không có vấn đề, có một thích nghi, một hiểu rõ. Chỉ khi nào chúng ta mất đi ý thức của thương yêu thực sự, tình yêu thăm thẳm đó mà trong nó không có ý thức của chiếm hữu, vậy thì lúc đó mới nảy sinh vấn đề của tình dục. Chỉ khi nào chúng ta hoàn toàn nhượng bộ cho thuần túy cảm giác, vậy thì lúc đó mới có nhiều vấn đề liên quan đến tình dục. Bởi vì đa số con người đã mất đi niềm hân hoan của suy nghĩ sáng tạo, tự nhiên họ sẽ hướng về cảm giác của tình dục mà trở thành một vấn đề, gặm mòn những quả tim và những cái trí của họ.

K phải mất nhiều thời gian để hồi phục sức khỏe của anh, nghỉ ngơi tại Ojai và tại Villars ở Switzerland, sau khi bị mệt mỏi bởi chuyến đi này (anh chỉ còn cân nặng ít hơn 112 lbs tại cuối chuyến đi). Tuy nhiên, anh cũng vừa đủ sức khỏe để đi đến Ấn độ cùng Rajagopal vào mùa đông năm 1936 nơi

anh có **những** nói chuyện trong vườn của Vasanta Vihar. Raja, người vẫn còn thân thiện với K cho đến khi anh ấy chết năm 1953, bắt kể những khác biệt của họ, đến gặp anh nhiều lần. ‘Người tuyệt vời trong những người bạn cũ này,’ K viết cho Lady Emily vào đầu năm 1937, ‘Vật kết tinh không là tiến trình của một ngày. Cần có một tinh thức không chọn lựa, kiên định. Con xúc động và thẩm thấu trọn vẹn cùng nó.’

‘Tinh thức không chọn lựa’ là những từ ngữ mà K sẽ sử dụng thường xuyên sau này. Lady Emily không hiểu chúng và chúng thực sự cần đến sự giải thích rõ ràng nào đó. Chọn lựa hàm ý điều khiển, một hành động của ý chí. Như K đã giải thích nó, K đang nói về trạng thái tinh thức từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc của tất cả mọi sự việc đang xảy ra bên trong người ta mà không có bất kỳ nỗ lực nào để thay đổi hay điều khiển nó. Nó là một vấn đề của sự quan sát thuần túy, của nhìn ngắm, mà sẽ dẫn đến tự-thay đổi không nỗ lực.

K bị kinh hoàng bởi những điều kiện tồi tệ ở Ấn độ thời gian đó, tình trạng nghèo đói, đau khổ và hận thù khủng khiếp đang tồn tại mà những người Ấn độ tin tưởng rằng nó có thể được giải quyết bởi chủ nghĩa quốc gia. ‘Chúng ta phải tìm ra **những** con người mới mẻ (cho công việc của anh) và điều này khó khăn cực kỳ. Chúng ta phải bắt đầu ở đây như thể không việc gì đã xảy ra ở đây suốt mười năm vừa qua.’ K khẳng định rằng không có sự đổi mới xã hội nào sẽ chấm dứt được sự đau khổ của con người, con người sẽ luôn luôn thay đổi bất kỳ hệ thống mới nào vào điều gì chính họ đã là; xuyên suốt lịch sử mỗi phong trào cách mạng không tưởng đã trở lại nguyên thể sự trật tự cũ của mọi sự việc sự vật, bởi vì những con người trong chính họ đã không thay đổi gì cả; xã hội thuộc bất kỳ loại nào là kết quả của cá thể và cá thể là kết quả của xã hội; cá thể là bạn và tôi; xã hội không thể thay đổi được từ phía bên ngoài; nó có thể thay đổi được chỉ bằng

cách thay đổi toàn diện con người, bởi mỗi người chúng ta,
bên trong chính chúng ta.

‘Một ngày ngất vô cùng’

K và Rajagopal ở Rome vào mùa xuân năm 1937. Mussolini đã cấm tất cả những cuộc nói chuyện với công chúng ở Ý, vì vậy một họp mặt đã được sắp xếp cho K trong nhà của một Contessa Rafoni. Ở đây anh gặp Vanda Passigli mà sau đó có một vai trò nổi bật trong sống của anh. Cô là con gái của Alberto Passigli, một chủ đất quý tộc, nổi tiếng trong xã hội Florentine và người sáng lập của hai tổ chức âm nhạc quan trọng ở Florentine và là bạn bè với tất cả những nhạc sĩ vĩ đại của thời gian đó. Chính Vanda là một nhạc sĩ dương cầm chuyên nghiệp. Năm 1940 cô kết hôn với Marchese Luigi Scaravelli, cũng là một nhạc sĩ giỏi, mà trở thành Giáo sư Triết học tại The University of Rome. Sau họp mặt, gia đình Passigli mời K vắng thăm họ tại nhà trên Fiesole, Il Leccio. K thò vào đó trong tương lai, sau khi Vanda và người em của cô thừa kế nó từ cha mẹ của họ.

Tại Ommen mùa hè năm đó, lần đầu tiên K bị một cơn sốt mùa hè mà sẽ thường xuyên gây bệnh cho anh suốt phần còn lại cuộc sống của anh. Và, như thường lệ anh bị một lần viêm cuống phổi. Anh rất mừng khi quay lại Ojai nơi, mùa đông 1937 – 38, anh nghỉ ngơi và không gặp ai cả ngoại trừ những người trong gia đình Rajagopal. ‘Con bị cảm xúc rất mạnh bởi sự khám phá bên trong chính con,’ anh viết cho

Lady Emily, ‘có nhiều ý tưởng và từ từ con đang cố gắng tìm ra những từ ngữ và những câu diễn tả cho chúng. Có một ngây ngất vô cùng. Có một chín chắn mà không bị ép buộc, không bị kích thích giả tạo. Chính nó, một mình, có thể mang lại sự trọn vẹn phong phú và sự thật cho sống. Con thực sự rất sung sướng vì sự tĩnh lặng và thiên định *rành rành* là không mục đích này.’

Đây có thể là sự đề cập đầu tiên của K về điều gì đối với anh là thiên định ‘thực sự’ – ‘tạo ra những khám phá kinh ngạc và bất ngờ bên trong chính người ta’ mà không có bất kỳ sự điều khiển hay mục đích nào. Tại những thời điểm như thế cái trí của anh ở trong mức độ tinh tế nhất, tìm kiếm kỹ lưỡng nhất và sinh động nhất. Ý tưởng thông thường được hiểu về thiên định, tạo tác sự yên lặng của cái trí bằng cách cố định nó vào một từ ngữ hay một vật, hay luyện tập một phương pháp kỹ thuật nào đó là, đối với anh, gây mê muội và vô dụng.

Mùa xuân năm 1938 một tình bạn mới tươi sáng nhất bắt đầu cho K khi anh gặp Aldoux Huxley. Tháng hai năm đó bạn của Huxley, Gerald Heard, đang sống ở California, đã rủ Huxley đến gặp K. Lúc đó Huxley đang ở bệnh viện vì vậy mãi đến tháng tư Heard mới đưa Huxley và người vợ Bỉ của anh ấy, Maria, đến Ojai. (Gia đình Huxley và người con trai của họ đã đến California năm 1937.) Có một hòa hợp tức khắc giữa K và Huxley. Vào tháng mười một Huxley bắt đầu điều trị mắt của anh ấy bằng một phương pháp luyện tập mắt được giới thiệu bởi một người Mỹ, Dr W. H. Bates. Sau đó K sẽ luyện tập hàng ngày phương pháp này cho chính anh, không phải bởi vì có bất kỳ hư hỏng gì đối với hai mắt của anh nhưng như một phòng ngừa. Dù sao chăng nữa, nhờ vào những luyện tập này, anh không bao giờ phải mang kính trong suốt sống dài của anh.

Thoạt đầu K rất kính trọng Huxley bởi sự nổi bật về trí thức của ông nhưng, một lần K phát hiện rằng Huxley sẽ từ bỏ tất cả hiểu biết trí thức của anh ấy để có được một trải nghiệm huyền bí mà không bị kích thích bởi thuốc men, anh nhận thấy rằng anh có thể nói chuyện với anh ấy về điều gì anh gọi là ‘những mấu chốt’ mà anh đang thực hiện. K, nói về Huxley trong ngôi thứ ba, đã diễn tả khi dạo bộ cùng anh ấy:

Anh ấy (Huxley) là một người phi thường. Anh có thể nói về âm nhạc, nhạc cổ điển và nhạc hiện đại, anh có thể giải thích kỹ càng về khoa học và ảnh hưởng của nó vào nền văn minh hiện đại và dĩ nhiên anh rất quen thuộc với những triết lý, Zen, Vedanta và Phật giáo. Đạo bộ cùng anh là một thú vị. Anh sẽ thuyết trình về những bông hoa trên lề đường và, mặc dù anh không thể thấy chính xác, lát kỳ khi nào chúng tôi đi qua những quả đồi ở California và có một con thú gần bên, anh sẽ gọi tên nó, và nói thêm về bản chất hủy diệt của nền văn minh hiện đại. K sẽ giúp anh băng qua một con suối hay một cái hồ. Hai người có một liên hệ lẫn nhau lạ thường, thương yêu, ế nhị và, dường như, sự hiệp thông không từ ngữ. Họ thường ngồi cùng nhau mà không nói một lời.⁴³

Trại cuối cùng được tổ chức tại Ommen, lần thứ mười lăm, diễn ra vào tháng tư năm đó. (Sau xâm lăng Hà lan bởi người Đức năm 1940, trại trở thành một trại tập trung.) 1938 là năm của cuộc khủng hoảng Munich. Dĩ nhiên. K là một người hòa bình. Năm đó Rajagopal không theo anh đến Ấn độ. Thay vì vậy K đi cùng một người bạn cũ lúc trước ở tại Pergine, V. Patwardhan (được gọi là Pat). Ở Bombay, nơi họ

đến vào ngày 6 tháng mười, K nhận thấy những người bạn Ấn độ của anh mãi mê vào ‘những ganh tị nhỏ nhen’ của chính trị. Nhiều người trong số họ, những người theo Gandhi, đã vào tù. K gặp Gandhi nhiều lần nhưng không khâm phục ông; K không bao giờ dính vào chính trị. Anh không thấy có sự khác biệt gì giữa sự hiếu chiến của Đức và chủ nghĩa thực dân của Anh. ‘Vì đã chiếm được một nửa quả đất,’ anh viết cho Lady Emily, ‘Người Anh có thừa điều kiện để ít hung hăng hơn’, mặc dù trong thâm tâm họ cũng ‘tàn nhẫn và tham lam’ như bất kỳ quốc gia nào khác. Và vào tháng mười một, vẫn còn ở Ấn độ, anh viết lại:

Con hoàn toàn đồng ý với mẹ rằng những người Do thái đang trải qua một giai đoạn bị đầy đọa và mất phẩm giá vô cùng. Toàn sự việc quá điên khùng. Thật là quá kinh đẽm khi những con người đã hành động theo thủ tính như thế; những người Kaffirs bị đối xử tàn nhẫn và vô nhân đạo; những người Brahmin ở miền nam trong những vùng đất nào đó đã không còn ý thức của bản tính con người khi tách ra một loại người riêng và coi họ là những người hạ cấp; những người cai trị da trắng quan liêu của mảnh đất này hầu hết đều là những cái máy đang vận hành một cơ cấu man rợ và ngu xuẩn; những người nô lệ da đen ở miền nam nước Mỹ đã phải cực nhục vô cùng; một chủng tộc thống trị đang bóc lột một chủng tộc khác, như có thể nhìn thấy được khắp thế giới. Không có lý do nào, thông minh, đằng sau tất cả những tham lam về quyền lực, của cải và vị trí này. Cả thế rất khó khăn để không bị nuốt trọn trong bão tố của hận thù và hỗn loạn. Người ta phải là một cá thể, thông minh và cân bằng, không phụ thuộc vào bất kỳ chủng tộc, quốc gia hay

bất kỳ học thuyết đặc biệt nào. Vậy thì có lẽ thông minh và hòa bình sẽ trở lại thế giới.

Và tiếp theo anh viết: ‘Quá dễ dàng khi nguyên rủa Hitler hay Mussolini và những quốc gia thuộc phe của họ, nhưng ý tưởng thống trị và thêm khát quyền lực này lại ở tận đáy lòng của hầu như tất cả mọi người; vì vậy chúng ta có những chiến tranh và sự thù địch giai cấp. Nếu cái nguồn này không được khai thông luôn luôn sẽ phải có hỗn loạn và căm thù.’

Ngoài việc đi đến nhiều vùng của Ấn độ , tổ chức những nói chuyện, cuối năm, K vắng thăm ngôi trường thứ hai mà anh đã sáng lập, Rajghat, gần Benares , đã chính thức được mở cửa năm 1934, và từ đó anh đến trường Rishi Valley vào đầu năm 1939 – một trường cạnh con sông và một trường giữa những quả đồi, mỗi trường đều đẹp cực kỳ trong cách riêng của nó và là hai nơi ở Ấn độ anh ưa thích nhất. Ngày 1 tháng tư anh lên tàu cùng Pat từ Colombo để đi đến Australia và New Zealand. Cuối cùng khi anh quay lại Ojai, Pat quay lại Ấn độ nơi anh chết đột ngột vì bị xuất huyết não. Một người bạn khác đã ra đi. Nitya, Jadu, Pat: ố mạng cũ đang thừa thốt dần. K không rời nước Mỹ năm 1939 vì sự đe dọa của chiến tranh, và anh sẽ trải qua chín năm kế tiếp ở California cùng gia đình Rajagopal, hầu hết thời gian tại Ojai. Sau khi Hitler tàn phá Hà lan và Bỉ vào tháng năm năm 1940. K không có tin tức gì về nhiều người bạn Hà lan của anh, và hiếm khi có bất kỳ tin tức gì từ Ấn độ. Nước Pháp đầu hàng vào ngày 22 tháng sáu. Gia đình de Manziarly xoay sở trốn thoát đến nước Mỹ và gia đình Soares đến Ai cập. K bắt đầu tổ chức những bàn luận nhóm hai lần một tuần tại cả Ojai lẫn Hollywood. Anh cũng gặp gia đình Huxley nhiều. (Tình yêu hòa bình của K làm khuây khỏa tội lỗi của Huxley khi vẫn còn ở lại California suốt chiến tranh). Mùa xuân năm 1940 K

tổ chức tám nói chuyện ở Oak Grove nhưng khi anh giảng về tình yêu hòa bình, nói rằng, ‘Chiến tranh bên trong bạn là chiến tranh bạn phải quan tâm, không phải chiến tranh bên ngoài,’ nhiều khán giả đã bỏ ra ngoài đầy phần nộ. Cuối tháng tám anh đi Sarobia và đến gặp gia đình Logan mà đã sắp xếp một hộp mặt cho anh; đây là lần cuối cùng anh nói chuyện trước công chúng cho đến năm 1944.

K thực hiện hai chuyến đi cùng gia đình Rajagopal vào năm 1941 – 42 đến Sequoia National Park, cách Ojai 250 dặm về phía bắc tại cao độ 6.000 feet, nơi vài cây sequoia được người ta nói đã sống trên 3.000 năm. Sau nửa thời gian của chuyến đi lần thứ hai này, gia đình Rajagopal phải quay lại Ojai để bắt đầu học kỳ của Radha, bỏ lại K ở đó một mình trong một cabin bằng gỗ trong ba tuần lễ khác, tự nấu nướng riêng cho anh, dạo bộ mười dặm một ngày, thiền định hai hay ba tiếng đồng hồ một ngày và gặp nhiều thú hoang. Thời gian ở một mình này, mà anh thích ghê lắm, bởi vì anh luôn luôn thích ở một mình, mang lại một ấn tượng mãnh liệt trong anh đến độ anh diễn tả nó trong nhiều quyển sách của anh, kể đi kể lại tình bằng hữu của anh với một con sóc và một lần đụng đầu nguy hiểm với một gấu mẹ và những con con của nó. Nó là một trong rất ít những kỷ niệm không thể tẩy sạch của anh.

Khi nước Mỹ tham gia chiến tranh (người Nhật đã thả bom Pearl Harbour ngày 7 tháng mười hai năm 1941), K gặp khó khăn trong việc gia hạn hộ chiếu của anh. Do bởi sự truyền bá chống chiến tranh của anh, phải là một phép lạ khi nó được gia hạn. Có sự thiếu hụt lương thực ở Mỹ, phí tổn sinh hoạt đã leo thang và chẳng mấy chốc xăng dầu đã bị hạn chế. K và gia đình Rajagopal trồng rau riêng cho họ và nuôi ong, gà và một con bò. K thực hiện những chuyến dạo bộ lâu hàng ngày tại Ojai. Anh kể cho Lady E mily rằng anh đang sống một sống lạ thường bên trong, rất sáng tạo và hân hoan’.

Nhưng Lady Emily, người đã trải qua The Blitz (trận tấn công bằng máy bay của Đức vào nước Anh năm 1942) và đã mất hai cháu trai trong chiến tranh, viết cho anh đầy cay đắng, buộc tội anh trốn chạy mọi kinh hoàng. Anh trả lời lại vào ngày 14 tháng tư năm 1942:

Con không nghĩ bất kỳ xấu xa nào lại có thể được khắc phục bởi sự tàn bạo, sự hành hạ hay sự nô dịch hóa; xấu xa chỉ có thể được khắc phục bởi cái gì đó mà không là kết quả của xấu xa. Chiến tranh là kết quả của tình trạng tạm gọi là hòa bình của chúng ta mà là một chuỗi của những tàn bạo, những bóc lột, những nhỏ nhen hàng ngày và vân vân. Nếu không thay đổi sống hàng ngày của chúng ta, chúng ta không thể có hòa bình, và chiến tranh là một diễn tả hoành tráng của cách cư xử hàng ngày của chúng ta. Con không nghĩ con đã tẩu thoát khỏi tất cả kinh hoàng này, nhưng chỉ là không có câu trả lời, không có đáp án cuối cùng, trong bạo lực, cho bất kỳ người nào sử dụng nó. Con đã tìm được đáp án cho tất cả điều này, không phải trong thế giới nhưng vượt khỏi nó. Trong tách rời, sự tách rời đúng đắn mà có từ đang là, hay đang gắng sức để là, nhiều hơn (từ bị xóa đi) để thương yêu và hiểu rõ. Việc này rất gian nan và không dễ dàng vun quén được. Aldous Huxley và vợ của ông hiện đang nghỉ cuối tuần ở đây. Chúng con có những nói chuyện lâu về tất cả điều này và thiên định mà mới đây con đã và vẫn đang trải qua nhiều.

Suốt chiến tranh những năm yên tĩnh không làm gì cả đó thật vô giá cho K như một Người Thầy. Huxley cũng giúp đỡ anh bằng cách khuyến khích anh viết. K viết giỏi hơn nói. Bất kể

những năm thực hành, anh không bao giờ trở thành người giảng thuyết giỏi, mặc dù sức hút cá nhân của anh hiện diện qua những nói chuyện của anh tạo ra sự mê hoặc cho khán giả. K ghi lại điều gì Huxley nói với anh vào một ngày: “Tại sao anh không viết cái gì đó?” Vì vậy tôi viết và đưa nó cho anh ấy xem. Anh ấy nói, “Hay lắm. Tiếp tục viết đi.” Thế là tôi tiếp tục viết.’ Sau đó, K tiếp tục viết mỗi ngày trong một quyển sổ tay. Có vẻ rằng những gì anh đã đưa cho Huxley xem chắc chắn là những trang đầu của quyển *Commentaries on Living Bình phẩm về Sống*, mặc dù mãi đến năm 1926 quyển này mới được xuất bản, sau hai quyển khác đã được xuất bản bởi những nhà xuất bản nổi tiếng ở Anh và Mỹ.

Commentaries on Living là một tuyển tập những bài ngắn được rút ra từ những phỏng vấn riêng của K trong những vùng đất khác nhau của thế giới. Mỗi bài bắt đầu bằng một diễn tả về người hay nhóm người đến gặp anh, hay về một nơi. Nhằm mục đích làm cho những phỏng vấn thành ấn danh, anh ‘xáo trộn’ chúng. Vì vậy, chúng ta có *sanyasis khát sĩ* ở Thụy sĩ và rõ ràng những người phương Tây ngồi kiết già ở Ấn độ. Quyển sách bắt đầu bằng một hàng rất hay: ‘Vào một ngày ba người ích kỷ ngoan đạo đến gặp tôi.’ Trong một bài anh viết về chủ đề tình yêu: ‘Tư tưởng luôn luôn phủ nhận tình yêu. Tư tưởng được hình thành dựa trên ký ức và ký ức không là tình yêu . . . Chắc chắn tư tưởng nuôi dưỡng cảm giác của quyền sở hữu, trạng thái sở hữu đó mà nuôi dưỡng, có ý thức hay không ý thức, sự ghen tuông. Nơi nào ghen tuông hiện diện, chắc chắn tình yêu không hiện diện; và tuy nhiên với hầu hết mọi người, ghen tuông được chấp nhận như sự thể hiện của tình yêu . . . Tư tưởng là cản trở lớn nhất cho tình yêu.’

Trong một bài khác anh có nhiều thời gian hơn nữa đề nói về tình yêu và tư tưởng trong một liên hệ:

Chúng ta đổ đầy những tâm hồn của chúng ta bằng những sự việc của cái trí và vì vậy khiến cho những tâm hồn của chúng ta luôn luôn trống rỗng lẫn mong đợi. Chính cái trí mà bám vào, mà ganh tị, mà giữ chặt và hủy diệt . . . Chúng ta không thương yêu và thả nó trôi nổi một mình, nhưng thêm khát được thương yêu; chúng ta cho với mục đích nhận, mà là sự rộng lượng của cái trí chứ không phải của tâm hồn. Cái trí luôn luôn đang tìm kiếm sự chắc chắn, sự an toàn; và liệu Tình yêu có thể được làm vững chắc bởi cái trí? Liệu cái trí, mà chính bản thể của nó thuộc thời gian có thể bắt gặp tình yêu, mà là vĩnh hằng riêng của nó?⁴⁴

Không chắc chắn thời gian nào K đã viết quyển sách đầu tiên của anh, *Education and the Significant of Life* Giáo dục và Ý nghĩa của sống, được xuất bản năm 1953. Trên trang 17 của quyển sách này anh viết: ‘Người dốt nát không phải là người không có học thức nhưng là người không biết về chính mình, và người có học thức là dốt nát khi anh ấy lệ thuộc vào những quyển sách và hiểu biết và vào uy quyền cho anh ấy sự hiểu rõ. Sự hiểu rõ hiện diện chỉ qua biết về chính mình, mà là nhận biết được toàn tiến hành thuộc tâm lý của người ta. Vì vậy giáo dục, trong ý nghĩa đúng đắn, là sự hiểu rõ về chính mình, bởi vì toàn sự tồn tại được tập hợp trong mỗi người chúng ta.’

Quyển thứ hai, *The First and Last Freedom* Tự do đầu tiên và cuối cùng, được xuất bản năm 1954, kèm theo một lời tựa dài của Aldoux Huxley, có thể đã cuốn hút nhiều người vào lời giảng của K hơn bất kỳ những sách xuất bản nào của K. Nó trình bày toàn bộ lời giảng của K đến ngày tháng không chắc chắn nào đó khi nó được viết ra. Sự phủ nhận kiên quyết của anh khi không trao tặng sự thanh thản cho mọi

người là một trong những mấu chốt chính mà chỉ ra sự khác biệt độc đáo với những người thầy tôn giáo khác. Anh khước từ là đạo sư của chúng ta; anh sẽ không chỉ bảo cho chúng ta phải làm gì; anh chỉ giơ lên một cái gương cho chúng ta soi và vạch ra những nguyên nhân của bạo lực, cô độc, ganh ghét và tất cả những đau khổ khác mà gây phiền não cho con người, và nói, ‘Hãy nhận nó hay bỏ nó. Và hầu hết các bạn sẽ bỏ nó, bởi vì lý do rất rõ ràng rằng các bạn sẽ không tìm được sự thỏa mãn trong nó.’ Những vấn đề của chúng ta chỉ có thể được giải quyết không phải bởi bất kỳ ai khác nhưng bởi chính chúng ta.

K bắt đầu tổ chức lại những nói chuyện ở Oak Grove tại Ojai trong mười ngày chủ nhật liên tục vào mùa hè năm 1944. Bất kể sự phân phối xăng dầu có giới hạn, mọi người từ khắp nơi trong nước Mỹ đến tham dự những nói chuyện và tìm kiếm những phỏng vấn riêng với K. Trả lời một câu hỏi được đặt ra: ‘Điều gì nên được làm cho những người đã phạm những tội ác kinh hoàng trong những trại tập trung?’, K đáp lại: ‘Ai sẽ trừng phạt họ? Người buộc tội thường không có tội bằng người bị buộc tội hay sao? Mỗi người chúng ta đã dựng lên nền văn minh này, mỗi người chúng ta đã đóng góp vào sự đau khổ của nó . . . Bằng cách gào thét những tàn ác của một quốc gia khác, bạn nghĩ bạn có thể lờ đi những bạo ngược của riêng bạn.’

Người ta có thể thông cảm với một người trong số khán giả khi nói: ‘Ông gây thất vọng nhiều lắm. Tôi tìm kiếm sự cảm hứng để tiếp tục. Ông không cổ vũ chúng tôi bằng sự khuyến khích và hy vọng. Liệu có sai lầm khi tìm kiếm sự cảm hứng?’ Trả lời nghiêm khắc của K không thể khích lệ anh ấy: ‘Tại sao bạn muốn được cảm hứng? Đó không phải bởi vì trong chính bạn bị trống rỗng, hoang mang, cô độc? Bạn muốn lấp đầy cô độc này, sự trống rỗng đau khổ này;

chắc bạn đã thử nhiều cách khác để lấp đầy nó và bạn hy vọng lại tẩu thoát khỏi nó bằng cách đến đây. Qui trình che đậy sự cô độc vô vị này được gọi là cảm hứng. Vậy thì sự cảm hứng chỉ trở thành một kích thích và với tất cả kích thích chẳng mấy chốc nó sẽ mang lại sự nhàm chán và vô âm riêng của nó.'

Một tường thuật trung thực của những nói chuyện 1944, được in ở Ấn độ, được xuất bản năm sau bởi Krishnamurti Writings Inc (KWINC), như bây giờ Star Publishing Trust trở thành. Sau việc này, K không còn xem lại những nói chuyện riêng của anh. KWINC là một ban quản trị từ thiện, giống như SPT, được thành lập cho mục đích duy nhất là phổ biến lời giảng của K ra khắp thế giới. K và Rajagopal, cùng ba người khác, là những ủy viên quản trị. Sau đó, đáng tiếc rằng K đã từ chức ủy viên của anh bởi vì anh không thể bị quấy rầy bởi những gặp gỡ về tài chánh, và Rajagopal trở thành Chủ tịch của KWINC. Tất cả những trao tặng để ủng hộ công việc của K được gửi đến tổ chức này.

Cuối cùng, sau hai mươi năm, vào tháng chín năm 1946, một trường học được khánh thành tại Ojai trên mảnh đất tại phía cao của thung lũng Ojai, được mua cho mục đích đó bởi Mrs Besant vào năm 1926 – 27. Một trường trung học nhỏ, đồng giáo dục nam nữ, được gọi là Happy Valley School, được tài trợ bởi Happy Assciation trong đó K, Aldous Huxley và Rosalind Rajagopal là ba người trong ủy ban quản trị đầu tiên, và được điều hành bởi Rosalind. K đã lên kế hoạch rời Ojai ngay sau khi khánh thành để thực hiện chuyến đi quanh New Zealand, Úc và Ấn độ, nhưng một ít ngày trước khi đúng ngày khởi hành anh bị nhiễm trùng thận rất nặng. Anh nằm trên giường suốt hai tháng. Trong tháng đầu tiên anh bị đau đớn ghê lắm, và phải mất hơn sáu tháng sau anh mới hồi phục. K chỉ còn nhớ một chút ít về kỷ niệm

của căn bệnh này nhưng không chính xác lắm. ‘Tôi bị bệnh một năm rưỡi,’ anh sẽ nói vào năm 1979, ‘nặng khủng khiếp. Có một bác sĩ nhưng họ không cho tôi bất kỳ sự điều trị nào.’ Vì anh không muốn đến bệnh viện, Rosalind làm y tá cho anh: có thể vì rằng anh không muốn dùng bất kỳ loại thuốc nào, vì sợ rằng chúng có thể tác dụng không tốt cho thân thể nhạy cảm của anh, mặc dù anh không cảm thấy sự chịu đựng đau đớn này là cần thiết như sự đau đớn của ‘cái tiến trình’ lúc trước.

Lúc này những kế hoạch của K phụ thuộc vào liệu anh có thể gia hạn được hộ chiếu của anh. Sau khi Ấn độ được trao trả độc lập vào ngày 15 tháng tám năm 1947, anh, giống như tất cả những người Ấn độ giáo và Hồi giáo, được trao sự chọn lựa để giữ thông hành nước Anh của anh hay chuyển qua một thông hành quốc gia. Mặc dù anh đánh giá quốc tịch là một trong những điều xấu xa nhất, dĩ nhiên anh phải có một thông hành cho mục đích đi lại, và anh chọn quốc tịch Ấn độ. Hầu như anh không thể làm ngược lại khi có quá nhiều bạn bè người Ấn độ của anh đã phải đau khổ gánh chịu cho sự đấu tranh vì tự do. Một gia hạn thêm nữa cho hộ chiếu của anh được thi hành và giúp anh có thể tiếp tục ở lại Ojai để hồi phục sức khỏe cho đến tháng chín năm 1947. Sau đó anh rời Ấn độ quá cảnh tại nước Anh, hủy bỏ kế hoạch đến New Zealand và Úc.

K ở lại ba tuần tại nhà Lady Emily ở London (chồng của bà đã chết vì ung thư phổi năm 1944). Họ đã không gặp nhau được chín năm và mọi cảm phần của bà đều tan biến khi thấy anh. Lúc này anh đã năm mươi hai và bà bảy mươi ba, và mặc dù họ viết thư thừa dằn cho nhau, bà tiếp tục thương yêu anh bằng tất cả tâm hồn của bà cho đến khi bà chết năm 1964. Anh đến cùng mẹ để trải qua một kỳ nghỉ cuối tuần với tôi và người chồng thứ hai của tôi trong ngôi

nhà của chúng tôi ở Sussex. Tôi cũng mời Mar de Manziarly mà đã đến nước Anh để thăm anh vì anh sẽ không ghé Paris. Dĩ nhiên, anh trông già đi nhiều, có một ít tóc bạc trong mái tóc của anh, nhưng anh vẫn còn không kém lúc trẻ và cá tính của anh hoàn toàn không thay đổi. Lúc nào anh cũng bộc lộ thương yêu và đầy nhiệt thành đam mê về sống, với cùng cách xử sự tế nhị và sự nhã nhặn tự nhiên. Chúng tôi mặc áo khoác ngoài ngồi ăn sáng, nói chuyện và cười đùa, và anh nói rằng nó giống hệt như thời gian xa xưa khi chúng tôi đang đi nghỉ cùng nhau và có cả Nitya. Anh không thể nhớ Ehrwald hay Pergine hay ‘cái tên trình’ của anh ở đó, nhưng anh có sự hồi tưởng nào đó về hạnh phúc và vui đùa mà chúng tôi đã trải qua. Anh hỏi tôi Nitya trông giống như thế nào và rất ngạc nhiên khi tôi trả lời anh rằng anh ấy có tật hơi hơi lác mắt.

K đã giam mình quá lâu ở Jai cùng gia đình Rajagopal, những người có khuynh hướng dọa nạt anh, đến độ anh có vẻ vui đi mọi buồn phiền khi lại được tự do và có thể tiếp tục đi khắp nơi. Anh đi máy bay một mình đến Bombay vào tháng mười – chuyến bay đầu tiên của anh đến Ấn độ, nơi anh sẽ ở lại đó mười tám tháng. Chuyến viếng thăm này rất quan trọng bởi vì ở đó anh gặp một nhóm người mới theo sau mà, trong suốt sống còn lại của anh, không chỉ là những người bạn đồng hành được chọn lựa của anh mà còn vô giá cho công việc của anh ở Ấn độ.

Nổi bật trong nhóm này, đã gặp anh lần đầu tiên, là hai chị em, cả hai đều đã lập gia đình – Pupul Jayakar và Nandini Mehta, hai cô con gái của V. N. Mehta (không có họ hàng với chồng của Nandini), một người Bà la môn Gujarati mà đã là một hội viên nổi tiếng của Indian Civil Service và một học giả về ngôn ngữ Phạn và Ba tư. Ông đã chết vào năm 1940. Người vợ góa của ông, người đã có một lịch sử về phục vụ xã

hội rất lâu, sống ở Bombay nơi những người con gái của bà cũng sống. Người con gái nhỏ, Nandini, có một hôn nhân không hạnh phúc, có ba người con, với Bhagwan Mehta, một người con trai của Sir Chunilal Mehta, một trong những người hâm mộ K từ trước chiến tranh. Sir Chunilal đưa Nandini đến gặp K khi anh đến Bombay, cô cảm thấy bị lừa dối và sau đó theo cùng cha chồng đi nghe những nói chuyện của anh. Một vài tháng sau cô bảo với chồng rằng cô muốn sống độc thân. Sau khi K rời Ấn độ, cô sẽ làm một lá đơn thỉnh cầu chống lại chồng cô tại tòa Đại hình Bombay yêu cầu được ly thân và quyền nuôi con cái của cô, có tuổi chín, bảy và ba, vì bị đối xử hung bạo. Người chồng của cô bào chữa vụ kiện, khẳng định rằng cô đã bị ảnh hưởng quá mức bởi lời giảng của Krishnamurti. Luật sư của ông ấy đọc to trong phiên tòa những trích dẫn dài từ những nói chuyện của K trong đó anh đã nói về vị trí thấp hèn của phụ nữ Ấn độ và sự nô lệ của họ vào những người chồng. Nhưng không có gì phù hợp được đề nghị trong phiên tòa. Nandini thua vụ kiện và con cái của cô phải giao lại cho người chồng. Cô đã rời nhà chồng từ trước và nương nấu tại nhà mẹ. Một điện tín được gửi cho K thông báo kết quả, mà anh trả lời, 'Bất kỳ điều gì sẽ là là đúng đắn'⁴⁵ Một đồn đại dối trá được loan truyền ở nước Anh rằng anh đã bị gọi ra hầu tòa vì đồ ng bị cáo trong một vụ kiện ly dị. Trong phần còn lại thuộc sống của anh, K cảm thấy một giữ gìn thận trọng rất đặc biệt với Nandini. Năm 1954 một môi trường ban ngày nhỏ của Krishnamurti dành cho trẻ em thiếu thốn, Bal Anand, được thành lập ở Bombay, mà Nandini trở thành Hiệu trưởng.

K không gặp người chị lớn, Pupul Jayakar, cho đến đầu năm 1948. Cô đã là một người làm việc xã hội từ đầu những năm 1940 và có vai trò quan trọng cho sự phát triển và xuất khẩu hàng dệt và thủ công nghệ làm bằng tay của Ấn độ; sau

đó cô trở thành Chủ tịch của Ủy ban Lễ hội Ấn độ. Là một người bạn cũ của Indira Gandhi, cô có được nhiều ảnh hưởng ở Ấn độ sau khi Mrs Gandhi trở thành Thủ tướng vào năm 1966. Cô có một tánh cách mạnh mẽ hơn Nandini, mặc dù Nandini chắc phải có nhiều sức mạnh nội tâm để rời khỏi người chồng của cô.

Trong số những người khác thuộc nhóm mà K tập hợp quanh anh tại thời gian này là Sunanda Patwardhan và chồng của cô Pama, một người hùn vốn trong nhà xuất bản Orient Longman (không họ hàng với Pat), và người anh của ông, Achyut, một trong những người bạn cũ của K mà đã là một người hết mình đấu tranh cho tự do và hai năm kế tiếp sẽ tham gia chính trị. Sunanda có một bằng tiến sĩ từ Madras University và bây giờ đang học luật. Trong tương lai bà sẽ là thư ký của K khi anh ở Ấn độ, đi quanh cùng anh, ghi tốc ký những thảo luận nhóm do anh tổ chức. Về sau, bà và chồng đến sống tại Vansata Vihar. Hai thành viên khác của nhóm là Dr V. Balasundaram, một giáo viên trẻ tại Institute of Science tại Bangalore, mà sẽ trở thành Hiệu trưởng của trường Rishi Valley, và R. Madhavachari, thư ký của KWINC ở Ấn độ sống tại Vasanta Vihar. Madhavachari là người được ủy quyền của Rajagopal và thực hiện tất cả những sắp xếp cho những đi lại và những nói chuyện của K ở Ấn độ, biên tập những nói chuyện ở Ấn độ của anh và tìm hiểu quan điểm của báo chí.

K đã đến Ấn độ chỉ hai tháng sau sự Chia cắt Ấn độ năm 1947, và những người Ấn độ giáo và những người Hồi giáo đang tàn sát lẫn nhau ở miền bắc. Dầu vậy anh đi thẳng đến Karachi và Delhi nhưng đã phải rời Delhi trước vụ ám sát Gandhi vào ngày 30 tháng giêng năm 1948. (Người ta đã viết rằng khi ánh sáng đã tắt đi sau vụ ám sát Gandhi, chính do bởi Krishnamurti mà Jawaharlal Nehru khám phá được,

trong bí mật, sự đau khổ cô độc của ông.⁴⁶ K khẳng định rằng điều này trong chừng mực nào đó là đúng thực; anh đã rất yêu quý Nehru.)

K nói chuyện nhiều lần ở miền bắc, sau đó tổ chức mười hai nói chuyện trước công chúng ở Bombay, giữa những ngày 1 tháng giêng và 28 tháng ba 1948, dự bởi hơn 3.000 người, được tiếp theo bởi những bàn luận riêng tại Vasanta Vihar ở Madras hầu hết tháng tư. (Anh kể cho Lady Emily rằng anh chưa bao giờ làm việc mệt như thế trong sống của anh.) Trong mỗi nói chuyện anh cố gắng tiếp cận mỗi vấn đề khác nhau của sự tồn tại từ một quan điểm khác biệt nhưng, bởi vì anh đang nói chuyện với một số khán giả mới, chắc chắn có nhiều sự lặp lại. Theo căn bản, không có sự khác biệt nào trong những nói chuyện của anh ở Ấn độ với bất kỳ những nơi nào khác. Bất kỳ những gì mới mẻ đã có từ những năm chiến tranh yên lặng tại Ojai đó đã nở hoa trong những quyển sách của anh, đặc biệt trong quyển *The First and Last Freedom* *It do Đầu tiên và Cuối cùng* và *Commentaries on Living* *Bình phẩm về Sống*. Khán giả Ấn độ của anh tỏ vẻ tôn kính nhiều; anh được đối xử như một đạo sư siêu phàm.

Vào tháng năm K đi ~~đến~~ đến Ootacamund, nhà ga trên đồi đi Madras, để nghỉ ngơi hoàn toàn. Anh ở cùng vài người bạn tại một ngôi nhà được gọi là Sedgemoor, và, theo sự thỉnh cầu của anh, Pupul Jayakar và Nandini Mehta tham gia cùng anh, ở tại một khách sạn gần bên. Mrs Jayakar đã ghi lại vài xảy ra tại Sedgemoor mà chỉ rằng ‘cái tiến trình’ đã bắt đầu lại mạnh mẽ như nó đã xảy ra tại Ojai, Ehrwald và Pergine. Nó chắc chắn gây kinh hãi lắm cho hai chị em này mà vẫn chưa biết rõ về anh, và có lẽ, không biết gì về những điều xảy ra trước kia.

K đang dạo bộ bên ngoài cùng hai chị em thì bỗng nhiên nói anh cảm thấy bị bệnh và phải quay về nhà. Anh yêu cầu họ ở lại với anh, đừng sợ hãi bởi bất kỳ điều gì xảy ra, và đừng gọi bác sĩ. Anh nói anh bị đau trong bộ đầu của anh. Sau một chốc lát anh bảo với họ rằng anh đang ‘đi khỏi’. Mặt anh ‘áo não và đầy đau đớn’. Anh hỏi họ rằng họ là ai và liệu họ có biết Nitya hay không. Tiếp theo anh kể về Nitya, bảo cho họ rằng em ấy đã chết rồi, rằng anh yêu quý em ấy lắm và khóc lóc thương tiếc em ấy hoài.* Anh hỏi họ có lo lắng không nhưng có vẻ không quan tâm đến câu trả lời của họ. Anh tự mình ngừng không yêu cầu Krishna quay lại nữa: ‘Anh bảo tôi không kêu anh ấy lại.’ Tiếp theo anh nói về chết. Anh nói nó thật gần – ‘Chỉ như một sợi chỉ’ – chết đối với anh là quá dễ dàng, nhưng anh không muốn bởi vì anh có nhiều công việc phải làm. Gần gần chấm dứt anh nói: ‘Anh ấy đang quay lại. Các bạn không trông thấy tất cả họ cùng anh ấy à – không vậy bản, không tiếp xúc được, tinh khiết – lúc này vì họ ở đây anh ấy sẽ đến. Tôi mệt lắm nhưng anh ấy giống như một con chim – luôn luôn trong sáng.’ ~~Đ~~ thì bỗng nhiên chính là Krishna lại.

Sự ghi chép của tình tiết này không đề ngày tháng. Lần kế tiếp có ghi ngày tháng là vào ngày 30 tháng năm 1948:

Krishna đang sẵn sàng để đi dạo, khi bỗng nhiên anh nói rằng anh cảm thấy quá yếu và tất cả không ở đó. Anh nói, ‘Tôi bị đau đớn quá’ và ôm

* Chính là tại Ooty, vào đầu năm 1925, nơi anh đang đi cùng Madame de Manziarly, Nitya bắt đầu bị bệnh lại. Khi K quay lại đó, sau khi Nitya đã chết, anh đã viết cho Lady Emily: ‘Con đang ở trong cùng phòng như Nitya. Con cảm thấy em, thấy em và nói chuyện với em nhưng con nhớ em lắm.’ Ở đó lại, mặc dù trong một ngôi nhà khác, cô lẽ đã gọi nhớ lại rõ ràng cái gì đó cho K.

sau đầu rồi nằm xuống. Trong một ít phút anh K mà chúng ta biết không còn hiện diện ở đó. Suốt hai tiếng đồng hồ chúng tôi thấy anh trải qua đau đớn cực kỳ. Anh chịu đựng sự đau đớn đó hơn tất cả sự chịu đựng mà từ trước đến nay tôi đã từng gặp. Anh nói anh bị đau ở phía sau cổ. Răng của anh đang gây nhức nhối cho anh, bụng của anh căng phồng lên và cứng ngắc và anh rên rỉ và ấn xuống. Thỉnh thoảng anh thường hét lớn lên. Anh bị ngất xỉu nhiều lần. Khi anh bị ngất xỉu lần đầu anh nói: ‘Khép chặt miệng tôi lại khi tôi bị ngất xỉu.’ Anh liên tục nói: “Amma, ôi, Thượng đế cho con sự an bình. Tôi biết họ phụ thuộc vào cái gì. Gọi anh ấy trở lại, tôi biết khi nào sự giới hạn của đau đớn được đạt đến – lúc đó họ sẽ quay lại. Họ biết thân thể có thể chịu đựng đến mức độ nào. Nếu tôi trở thành một người mất trí hãy chăm sóc tôi. Không phải rằng tôi sẽ trở thành người mất trí. Họ rất cẩn thận với thân thể này – tôi cảm thấy rất già cỗi – chỉ một phần của tôi đang vận hành. Tôi giống như một miếng cao su chưa chế biến, mà một cậu bé vấp vè nó. Chính là cậu bé mà cho nó sự sống. Khấp bộ mặt của anh bị xác xơ, bị vất kiệt và bị nhăn nhó bởi đau đớn. Anh liên tục nắm chặt bàn tay lại và những giọt lệ rỉ ra từ hai mắt của anh. ‘Tôi cảm thấy giống như một động cơ xe hơi đang bò lên đồi.’ Sau hai tiếng đồng hồ anh bị ngất xỉu lại. Khi anh tỉnh lại anh nói: ‘Cơn đau đã tan biến rồi. Sâu thẳm bên trong tôi, tôi biết điều gì đã xảy ra. Tôi đã được cung cấp xăng. Bình xăng đầy rồi.’

Sau đó anh bắt đầu nói chuyện và diễn tả một số sự việc mà anh đã trông thấy trong những chuyến đi của anh; anh nói về tình yêu: ‘Bạn biết thương yêu có nghĩa gì hay không? Bạn không thể nhốt một đám mây trong một cái chuông mạ vàng. Con đau đớn đó làm thân thể của tôi cứng như thép và ô kìa, lại quá mềm mại, quá mong manh, không có tư đung. Nó giống như một đánh bóng, một kiểm tra.’ Pupul Jayakar hỏi liệu anh có thể ngừng trải qua cơn đau đớn, anh trả lời, ‘Bạn đã có một em bé. Liệu bạn có thể chặn nó không đang sinh ra ngay lúc nó bắt đầu?’ Lúc này anh ngồi kiệt già ngay thẳng, thân thể anh dựng đứng. Con đau đớn đã không còn nơi bộ mặt, Mrs Jayakar ghi lại, ‘Không thời gian. Hai mắt của anh nhắm lại. Hai môi của anh rung rung. Có vẻ anh lớn lên. Chúng tôi cảm thấy cái gì đó lạ thường đang trút vào anh. Có một rung động rộn ràng trong bầu không khí. Nó tràn đầy căn phòng. Tiếp theo anh mở hai mắt của anh ra và nói, “Cái gì đó đã xảy ra – các bạn có thấy cái gì không?” Chúng tôi nói với anh rằng chúng tôi đã cảm thấy. Anh nói, “Mặt của tôi sẽ khác hẳn vào ngày mai.” Anh nằm xuống và bàn tay của anh mở ra trong một cử chỉ của no đủ. Anh nói, “Tôi sẽ giống như một giọt mưa – tinh khiết.” Sau một vài phút anh bảo với chúng tôi rằng anh khỏe rồi và chúng tôi có thể về nhà.’

Hai sự kiện khác của cùng bản chất đã xảy ra vào tháng bảy. Vào ngày 17 tháng sáu, K dạo bộ một mình và yêu cầu Pupul và Nandini chờ anh trong căn phòng của anh. Khi anh trở về anh là một người lạ. ‘K đã đi rồi. Anh bắt đầu nói rằng anh đã bị đau đớn bên trong; rằng anh đã bị đốt cháy; rằng có một đau đớn xuyên thẳng đầu của anh. Anh nói: “Các bạn biết không, ngày mai các bạn sẽ không thấy anh. Gần như anh đã không trở về.” Anh liên tục cảm giác thân thể của anh để xem thử liệu tất cả nó có còn ở đó. Anh nói, “Tôi phải quay lại và xem thử điều gì đã xảy ra trong chuyến dạo bộ.

Cái gì đó đã xảy ra và họ đồ xô trở lại như ng tôi không biết liệu tôi đã trở lại hay không. Có lẽ có những mảnh của tôi đang nằm trên con đường.”

Chiều tối hôm sau Pupul và Nandini lại chờ anh trong căn phòng của anh trong khi anh dạo bộ một mình. Khi anh quay về khoảng bảy giờ anh lại là ‘một người lạ’ lần nữa. Anh đi đến giường và nằm xuống. ‘Anh nói anh cảm thấy bị đốt cháy, hoàn toàn bị đốt cháy. Anh đang khóc. Anh nói: “Các bạn biết tôi tìm được gì trong chuyến dạo bộ đó. Anh ấy đến lại toàn bộ và hoàn toàn chịu trách nhiệm thân thể. Đó là lý do tại sao tôi đã không biết liệu tôi đã quay lại. Tôi không biết gì cả. Họ đã đốt cháy tôi để cho có thể có nhiều trống không thêm nữa. Họ muốn thấy bao nhiêu của anh ấy có thể đến.”’ Lại nữa Pupul và Nandini cảm thấy cùng rung động rộn ràng đó đang tràn ngập căn phòng giống như vào chiều tối ngày 30 tháng năm.⁴⁷

Sự kiện rằng hai chị em này không biết gì cả về những chuyện đã xảy ra trong quá khứ cho câu chuyện kể này một giá trị đặc biệt vì trong đó có quá nhiều điểm tương đồng giữa nó và những chuyện kể khác về những điều đã xảy ra tại Ojai, Ehrwald và Pergine – sự ngắt xủ thường xuyên bởi cơn đau đớn, sự sợ hãi Krishna của thân thể và sợ hãi gọi anh trở lại, sự nhận biết của anh rằng cơn đau đớn sẽ ngừng nếu Krishna không trở lại và ‘cái tiến trình’ cũng thế. Rồi thì nói bóng gió về trạng thái gần sát cái chết. (Tại Ehrwald, khi những tiếng chuông nhà thờ bỗng nhiên vang rền trong khi K ‘đi khỏi’, chúng gây cho thân thể một cú choáng váng của đau đớn đến nỗi Krishna phải quay lại. Sau đó anh nói, theo Lady Emily, ‘Đó là một ca suýt bị chết. Những hồi chuông đó gần như reng lên để báo đám tang của con.’) Những ghi lại của Pupul Jayakar bảo cho chúng ta rằng, ngoại trừ K, có những sự hiện diện khác, giống như đã có trong những sự

kiện được ghi lại khác – ‘họ’ những người mà rất cẩn thận cho thân thể, có lẽ cùng là ‘họ’ mà đã quay trở lại với K trong biến cố đầu tiên được đề cập bởi Pupul – ‘không vậy bản, còn nguyên vẹn, tinh khiết’. Sau đó lại có ‘anh’ mà đã quay trở lại ‘toàn bộ’ trong suốt chuyến dạo bộ và ‘hoàn toàn đảm đương trách nhiệm’. Sinh vật đang nằm đau đớn trên giường đã được ‘đốt cháy’ để tạo ra trống không nhiều hơn nữa để cho nhiều của ‘anh ấy’ này có thể vào K hay thân thể.

Vậy là lúc này dường như có ba thực thể ngoại trừ số thực thể không được đặt tên được nhắc đến như là ‘họ’: sinh vật được bỏ lại đằng sau để chịu đựng sự đau đớn của thân thể; K, mà đi khỏi và quay trở lại; và ‘anh ấy’ bí mật. Liệu tất cả những thực thể này là những khía cạnh khác nhau thuộc ý thức của K hay liệu chúng là những sinh vật tách rời? Chao ôi, một người duy nhất mà có lẽ có thể khai sáng cho chúng ta, K chính anh, đã chẳng nhớ gì cả về những chuyện xảy ra này tại Ooty giống như anh đã chẳng nhớ gì cả về ‘cái tiến trình’ tại những lần trước. Điều đó không gây ngạc nhiên lắm bởi vì anh đã đi khỏi thân thể. Anh đã luôn luôn nhận biết về ‘đang được bảo vệ’ bởi cái gì đó hay người nào đó bên ngoài chính anh, và anh tin tưởng rằng bất kỳ ai đang đi cùng anh đều được chia sẻ cùng sự bảo vệ này. Nhưng anh không thể nói được sự bảo vệ này bắt nguồn từ đâu. Còn quan trọng hơn nữa, điều gì chúng ta học được từ chuyện kể này là rằng vẫn còn có sự chuẩn bị đang được thực hiện trên thân thể của K.

Sau thời gian này tại Ooty, K tiếp tục những nói chuyện của anh ở nhiều nơi trong Ấn độ và viếng thăm những trường học của anh tại Rajghat và Rishi Valley. Anh đã không trở lại Ojai mãi đến tháng tư năm 1949, tính ra đã đi khỏi đó được mười chín tháng.

‘Vào nhà của chết’

Gia đình Rajagopal nhận thấy một độc lập mới trong K khi anh trở lại từ Ấn độ, mà gây lo lắng cho họ. Họ đã nghe những đồn đại về Nandini, và Rosalind bộc lộ tánh ghen tuông của con người, vì từ lâu rồi đã là người phụ nữ duy nhất trong sống của K. Ghen tuông dẫn đến sự sở hữu và K không thể bị sở hữu, dù anh thương yêu đến chừng nào. Anh quay lại Ấn độ vào tháng mười một. Đang nói chuyện tại Rajamundi, cách 350 dặm về phía bắc Madras, anh được hỏi: ‘Ông nói rằng con người là sự giới hạn của thế giới, và rằng khi chính anh ấy thay đổi thế giới sẽ hòa bình. Thay đổi riêng của ông đã thể hiện điều này là đúng thực?’ K trả lời:

Bạn và thế giới không là hai thực thể khác biệt. Bạn là thế giới, không phải như một lý tưởng, nhưng thực sự ... vì thế giới là bạn, trong thay đổi chính bạn, bạn tạo ra thay đổi trong xã hội. Người hỏi ngụ ý rằng bởi vì không có chấm dứt sự trục lợi, điều gì tôi đang nói là vô ích. Điều đó đúng à? Tôi đang đi khắp thế giới cố gắng vạch ra sự thật, không phải truyền bá. Truyền bá là một dối gạt. Bạn có thể truyền bá một ý tưởng, nhưng bạn không thể truyền bá một sự thật. Tôi đi khắp thế giới để vạch ra sự thật; và nó dành cho bạn để

nhận ra nó hay không. Một con người không thể thay đổi thế giới, nhưng bạn và tôi có thể cùng nhau thay đổi thế giới. Bạn và tôi phải tìm ra sự thật là gì; bởi vì chính sự thật mới làm tan biến những phiền muộn, những đau khổ của thế giới.

Vào tháng giêng năm 1950, lần đầu tiên nói chuyện ở Colombo. K được hỏi một câu hỏi rất tương tự: ‘Tại sao ông lãng phí thời gian giảng đạo thay vì giúp đỡ thế giới trong một cách thực tế?’ K trả lời như thế này:

Bạn có ý tạo ra một thay đổi trong thế giới, một điều chính kinh tế tốt đẹp hơn, một phân phối của cải cân bằng hơn, một sự liên hệ thân thiện hơn – hay giải thích nó một cách tàn nhẫn hơn, giúp đỡ bạn có một công việc tốt hơn. Bạn muốn thấy một thay đổi trong thế giới, mọi con người thông minh đều muốn: và bạn muốn một phương pháp để tạo ra sự thay đổi đó, và vì vậy bạn hỏi tôi tại sao tôi lãng phí thời gian để giảng thuyết thay vì làm cái gì đó về nó. Bây giờ, điều gì tôi thực sự đang làm là một lãng phí thời gian? Nó sẽ là một lãng phí thời gian, phải vậy không, nếu tôi giới thiệu một bộ của những ý tưởng mới để thay thế học thuyết cũ, khuôn mẫu cũ. Thay vì đưa ra một phương pháp tạm gọi là thực tế để hành động, để sống, để có một công việc tốt hơn, để tạo ra một thế giới tốt lành hơn, lẽo không quan trọng phải tìm ra điều gì là những cản trở mà thực sự ngăn cản một cách mạng cơ bản – không phải một cách mạng của phe tả hay phe hữu, nhưng một cách mạng triệt để, tận gốc không bị đặt nền tảng trên những ý tưởng? Bởi vì, như chúng ta

đã bàn luận nó, những lý tưởng, những niềm tin, những học thuyết, những tín điều ngăn cản hành động.

Tại Ojai, vào tháng tám năm 1950, K quyết định ẩn dật một năm. Cùng việc không tổ chức nói chuyện, anh cũng không thực hiện những phỏng vấn, và dành hầu hết thời gian cho những chuyến dạo bộ một mình, thiền định và ‘đi lang thang trong vườn’, như anh kể cho Lady Emily. Vào mùa đông năm 1951 anh quay lại Ấn độ lần nữa, lần này cùng Rajagopal mà đã không ở đó được mười bốn năm rồi, nhưng anh vẫn còn bán-ẩn dật và không tổ chức những nói chuyện và rất khép kín. Đường như anh đang nhìn vào chính anh tại tất cả thời gian này.

Điều tốt lành nhất đã xảy ra cho K ở bên ngoài vào đầu những năm 1950 là sự hình thành một tình bằng hữu gần gũi cùng Scaravelli, sinh ở Pasigli, người anh đã gặp ở Rome năm 1937. Sau khi ở hai ngày cùng bà và chồng bà ở Rome vào mùa thu năm 1953, anh được bà đưa đến IL Leccio,* ngôi nhà lớn của bà trên Fiesole. Tại đó, giữa những cây olive, cypress và những quả đồi, anh hoàn toàn an bình. IL Leccio trở thành một nơi nghỉ ngơi cho anh giữa những chuyến đi liên tục tới Ojai và Ấn độ. Mặc dù anh thường ngừng lại ở nước Anh, và thỉnh thoảng ở Paris và những vùng khác của Châu Âu, chỉ tại IL Leccio anh mới có được tự do không còn những nói chuyện, những bàn luận và những phỏng vấn.

Tháng năm 1954, K nói chuyện và tổ chức những bàn luận trong một tuần lễ ở New York, tại Washington Irving High School. Những nói chuyện này thu hút rất nhiều khán

* Có một cây ilex sồi xanh trong vườn nên ngôi nhà lấy tên của nó.

giả, nhiều người mới đã trở nên quan tâm đến anh do bởi sự xuất bản mới đây của quyển *The First and Last Freedom*. Anne Morrow Lindbergh, phê bình ấn bản ở Mỹ của quyển sách, đã viết: ‘. . . đơn giản hoàn toàn về điều gì anh phải nói tạo ra sức hấp dẫn. Độc giả nhận được đầy đủ trong một đoạn văn, thậm chí một câu văn, điều gì đó để khiến người ấy phải tìm hiểu, nghi vấn, suy nghĩ trong nhiều ngày.’ Khi quyển sách được xuất bản ở Anh một người phê bình, trong tờ *Observer*, đã viết: ‘. . . cho những người mong ước lắng nghe, nó sẽ có một giá trị vượt khỏi những từ ngữ’, và một người phê bình khác trong tờ *Times Literary Supplement*: ‘Anh là một nghệ sĩ cả trong tầm nhìn lẫn sự phân tích.’ Khi ấn bản ở Mỹ của quyển *Commentaries on Living*, được biên tập hoàn hảo bởi Rajagopal, xuất bản hai năm sau, Francis Hackett, tác giả và nhà báo nổi tiếng người Mỹ, đã viết về K trong tờ *New Republic*: ‘Tôi cảm thấy rằng anh đã nắm được một huyền bí ma lực . . . Anh không khác gì anh có vẻ là – một con người tự do, một người thuộc chất lượng hảo hạng, đang già dặn hơn giống như những viên kim cương nhưng có một ngọn lửa của ngọc quý không bị mai một và mãi mãi sinh động.’ Và người phê bình của tờ *Times Literary Supplement* đã viết về ấn bản ở Anh: ‘Sự thấu triệt, cả thuộc tinh thần lẫn thi ca, của những bình phẩm được diễn tả đơn giản như nó đang lục lọi trong sự đòi hỏi cấp bách của con người.’

K không bao giờ đề cập một quyển sách đã xuất bản của anh trong bất kỳ lá thư nào viết cho Lady Emily, mặc dù vào những năm 1930 anh đã đề cập việc sửa chữa lại những nói chuyện của anh mà đã từ lâu anh không còn làm nữa. K không quan tâm đến tất cả những tác phẩm được xuất bản riêng của anh ngoại trừ, thỉnh thoảng, gợi ý một đầu đề cho một quyển sách khi được khẩn khoản yêu cầu. Sự mất đi trí

nhớ của anh có phải vì rằng anh không bao giờ suy nghĩ lại bất kỳ điều gì khi nó đã qua rồi?

Sau một mùa đông nói chuyện nữa ở Ấn độ, từ tháng mười 1954 đến tháng tư 1955, được theo cùng bởi Rajagopal, và một viếng thăm I L Leccio và ~~những~~ nói chuyện ở Amsterdam, K ~~ết~~ London vào tháng sáu, nơi anh nói chuyện sáu lần tại Friends' Meeting House. (Khi anh London lúc này anh ở với Mrs Jean Bindley, một người bạn cũ từ những ngày xa xưa của Star, bởi vì Lady Emily đã chuyển vào một căn hộ nhỏ và không còn đủ chỗ nghỉ ngơi cho anh; ~~đầu~~ vậy, anh gặp bà mỗi ngày.) Trong lần nói chuyện thứ ba ở London này, lần đầu tiên anh giới thiệu trước công chúng đề tài vào nhà của chết trong khi vẫn còn sống – một chủ đề anh thường nói trong tương lai. Nó xảy ra trong khi trả lời một câu hỏi: 'Tôi sợ chết. Ông có thể cho tôi bất kỳ bảo đảm nào hay không?' K trả lời một phần vắn tắt:

Bạn sợ buông bỏ tất cả mọi thứ bạn đã biết . . . Bạn sợ buông bỏ tất cả mọi thứ, tổng thể, sâu thẳm, ngay tại những chiều sâu của thân tâm bạn, để ở cùng cái không biết được – mà rốt cuộc, là chết . . . Liệu bạn, mà là kết quả của cái đã được biết, có thể vào cái không biết được mà là chết? Nếu bạn muốn thực hiện nó, chắc chắn, nó phải được thực hiện trong khi đang sống, không phải tại khoảnh khắc cuối cùng . . . Trong khi đang sống, vào ngôi nhà của chết không phải là một ý tưởng không lành mạnh; nó là một giải pháp duy nhất. Trong khi đang sống một cuộc sống hạnh phúc, đầy đủ – dù nó là như thế nào – hay trong khi đang sống một cuộc sống đau khổ, bần cùng, liệu chúng ta không thể biết cái không thể đo lường được, cái chỉ thoáng hiện mang máng bởi người trải nghiệm trong

những khoảnh khắc hiểm hoi? . . . Cái trí có thể chết đi từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc mọi thứ mà nó trải nghiệm, và không bao giờ tích lũy?

K sẽ diễn tả đơn giản hơn cùng ý tưởng đó trong tập hai của quyển

Commentaries on Living (1959): ‘Rất cần thiết phải chết đi mỗi ngày, chết đi từng phút đối với mọi thứ, đối với nhiều ngày hôm qua và ~~đi~~ với khoảnh khắc vừa trôi qua! Nếu không có chết không có mới mẻ lại, nếu không có chết không có sáng tạo. Gánh nặng của quá khứ gây ra sự tiếp tục riêng của nó, và những lo âu của hôm qua cho sự sống mới của nó vào những lo âu của hôm nay.’

K đến nhiều nơi trong suốt hai năm kế tiếp ngoại trừ Ojai, Ấn độ và Anh, trong tất cả những nơi đó anh đều tổ chức những nói chuyện trước công chúng và những phỏng vấn riêng, thực hiện những họp mặt và những bàn luận nhóm – Sydney, Alexandria, Athens, Hamburg, Holland and Brussels. Anh ~~đi~~ qua nguyên tháng sáu 1956 cùng một người bạn Bỉ, Robert Linnsen, tại biệt thự của ông ấy gần Brussels. Monsieur Linnsen ~~sắp~~ sắp xếp sáu nói chuyện cho anh tại Palais des Beaux – Arts ở Brussels và sáu nói chuyện riêng tại biệt thự. Queen Elizabeth của Bỉ tham dự toàn bộ những nói chuyện này và yêu cầu có một phỏng vấn riêng với K.

Mùa đông năm 1956 – 1957 K ở Ấn độ cùng Rajagopal và Rosalind, đi từ nơi này đến nơi kia cùng họ và nhóm người theo sau ở Ấn độ của anh. Năm 1956 Dalai Lama, Tenzin Gyatso, nhận một lời mời viếng Ấn độ và thăm những nơi thiêng liêng có liên quan đến Phật. Đó là lần đầu tiên bất kỳ Dalai Lama nào đã rời Tây tạng và ba năm trước khi Dalai chạy trốn sang Ấn độ khi Trung quốc đe dọa mạng sống của

ngài. Một viên chức chính trị từ Sikkhim, Apa Sahib Pant, người theo cùng Dalai và những người tùy tùng trong một chuyến xe lửa đặc biệt, kể với ngài về Krishnamurti và bản chất lời giảng của anh. Vào tháng mười hai, khi Dalai Lama đến Madras và nghe ông Krishnamurti đang ở tại Vasanta Vihar, ngài quả quyết gặp anh, mặc dù điều đó đi ngược lại mọi qui tắc ngoại giao. Theo Apa Sahib, như được kể lại bởi Pupul Jayakar, “Krishnaji tiếp ngài rất đơn giản. Thật là ngoạn mục khi cảm thấy sự quý mến như điện xẹt tức khắc lóe sáng giữa họ.” Dalai Lama hỏi hòa nhã nhưng thẳng thắn, “Thưa Ngài, ngài tin tưởng điều gì?” Và sau đó cuộc nói chuyện tiếp tục trong những câu hầu như vồn vện có một âm như thể nó là một nói chuyện không văn chương. Lama trẻ tuổi đang cảm thấy trên nền tảng thân thuộc khi Krishnaji chuyển ngài thành “đồng-trải nghiệm”. Dalai Lama đã nói sau đó, ‘Một linh hồn vĩ đại, một trải nghiệm vĩ đại’, và bày tỏ ước muốn gặp lại Krishnamurti.⁴⁸ Một gặp gỡ nữa giữa hai người không được sắp xếp mãi cho đến ngày 31 tháng mười 1984, ở Delhi, nhưng nó không bao giờ xảy ra bởi vì, vào ngày ngày đó, Mrs Gandhi bị ám sát.

Tháng giêng 1957, ở Colombo, chính phủ Sri Lanka cho phép nằm trong những nói chuyện trước công chúng của K được phát thanh, mà dường như quá lạ thường với K bởi vì họ đang cố gắng phản đối. Sau một nói chuyện cuối cùng ở Bombay vào tháng ba, nó lắt ngờ xảy ra rằng anh sẽ không có nói chuyện nào nữa cho mãi đến tháng chín 1958. Việc này do bởi những hoàn cảnh chứ không phải bởi một quyết định được đưa ra vào thời gian đó.

Ngày 6 tháng ba từ Bombay K đi máy bay đến Rome cùng Rajagopal và từ đó anh đến IL Leccio nơi anh đã lên kế hoạch ở đó đến cuối tháng trước khi tiếp tục đến Helsinki cùng Rajgopal cho một họp mặt. Anh đã bị bệnh khá nặng ở

Ấn độ và đột ngột hủy bỏ không chỉ Helsinki nhưng toàn bộ chương trình nói chuyện tương lai ở London, Biarritz, Ojai, New Zealand và Úc. Anh tiếp tục ở lại IL Leccio trong nhiều tuần lễ, không làm gì cả, ngay cả viết một lá thư. (Chồng của Vanda Scaravelli chết ở Florence trong khi anh vẫn còn ở đó.) Mãi đến cuối tháng năm anh mới gặp Rajagopal ở Zurich và đi cùng anh ấy đến Gstaad nơi họ đã được mời ở lại. Đây là sự giới thiệu đầu tiên của K đến một nơi mà chẳng mấy chốc anh sẽ biết rất thân thuộc. Có thể trong suốt chuyến viếng thăm này mà K hình thành ý tưởng tổ chức một họp mặt hàng năm quốc tế ở Thụy sĩ dựa vào những phương châm của trại Ommen. Việc đó sẽ giúp anh không phải đi lại nhiều lắm. (Anh không bao giờ muốn quay lại Ommen sau khi nó đã trở thành một trại tập trung.)

Ngày 11 tháng sáu K cùng Rajagopal **áp** tục chuyển đến khách sạn Montesano tại Villars nơi lần đầu tiên K ở cùng Nitya vào năm 1921. **Sau** như **ăm** ngày **ở** đó Rajagopal quay lại Ojai, để lại K một mình với chỉ vốn vụn vừa đủ tiền trả khách sạn. Chắc chắn đã có loại khủng hoảng nào đó trong sự liên hệ của họ. Sự căng thẳng giữa họ đã và đang nhiều thêm từ khi K ở Ấn độ trở về vào năm 1949. Sự mong manh của một liên hệ gay gắt này được phơi bày khi Rajagopal, mà không tin rằng K thực sự bị bệnh tại IL Leccio, và **đ** thực hiện tất cả những sắp xếp cho những chuyến đi của anh, bỗng nhiên phải hủy bỏ mọi thứ. Đường như anh ấy đã bảo với K tại Villars rằng anh ấy mệt mỏi vì là người sắp xếp những chuyến đi của anh và trong tương lai những sắp xếp của anh ấy có thể được thực hiện bởi Miss Doris Pratt, thư ký của KWINC ở London, người đã làm việc cho K từ đầu những ngày ở Ommen. Những chi phí ở London và những chuyến đi từ London của K được trả từ tiền lãi của một quả biếu những cổ phiếu cho công việc của anh

và được quản lý bởi Doris Pratt. Những chi phí của Rajagopal ở nước Anh cũng được trả từ tiền quỹ này. Rajagopal đã hướng dẫn Doris Pratt ghi lại mọi thứ được tiêu dùng bởi K. Rajagopal gửi những tiền quỹ này từ Ojai đến Ấn độ cho sự chi phí của K ở đó.

Những chuyện đã xảy ra giữa K và Rajagopal đã khiến K không muốn quay lại Ojai. Khi rời K tại Villars, Rajgopal đã nói với anh rằng anh sẽ học cô đơn có nghĩa gì. Nhưng K không bao giờ cô đơn. Anh ở lại Villars nguyên một tháng, hạnh phúc tuyệt vời. Anh viết cho Lady Emily: ‘Con đang ân dật. Con không gặp ai cả và nói chuyện duy nhất là với người hầu bàn. Thật lạ thường khi không làm gì cả nhưng lại làm những việc khác. Có những chuyến dạo bộ tuyệt vời ở đây và hầu như chẳng có ai theo cùng. Làm ơn đừng nói con ở đâu cho bất kỳ ai.’ Qua câu ‘làm những việc khác’ anh có ý nói sự thiên định mà diễn tiến mãnh liệt bên trong anh bất kỳ khi nào anh yên lặng, chuyển động vào anh mỗi lúc một sâu hơn. Doris Pratt biết anh ở đâu. Cô chuyển tiếp những lá thư đến anh và anh hoàn lại sau khi đọc chúng, bảo với cô rằng anh sẽ không trả lời bất kỳ lá thư nào bởi vì anh muốn ‘một nghỉ ngơi trọn vẹn và lâu mặc dù tôi đang khỏe’. Anh gửi cô những chỉ dẫn về cách trả lời họ mà cô không cần phải đọc chúng.

Ngày 20 tháng ấy Leon de Vidas và vợ của ông, người K đã biết trong một thời gian (ông ấy có một công ty dệt ở Paris), bằng cách nào đó tìm thấy K tại Villars không có đồng nào và đưa anh về nhà của họ ở Dordogne. (K đáng ra có thể yêu cầu Rajagopal gửi tiền cho anh nhưng chắc chắn anh không muốn liên lạc với anh ấy, và lại không thể gửi tiền từ nước Anh bởi vì những quy định về trao đổi tiền tệ.) K ở Dordogne cho đến tháng mười một, viết cho Lady Emily vào cuối tháng mười: ‘Ở đây rất yên tĩnh và con không gặp ai cả

ngoại trừ hai vợ chồng chủ nhà của con. Chính xác là nó tách khỏi bất kỳ thị trấn nào. Nó là một ẩn dật hoàn toàn, những chuyến dạo bộ và cô đơn. Nó rất tốt. Con sẽ làm như vậy ở Ấn độ.'

Lần cuối cùng Rajagopal đi cùng K đến Ấn độ nhưng chỉ ở đến tháng giêng 1958. K vẫn còn ẩn dật đến tháng chín, đầu tiên tại Rishi Valley, sau đó tại Rajghat, rồi tiếp theo suốt một tháng ở một mình nơi nhà ga trên đồi phía bắc tại Ranikhet. Sau ẩn dật này anh tiếp tục những nói chuyện trước công chúng. Tại V asanta Vihar anh ký văn kiện vào ngày 13 tháng mười một, được chứng thực bởi công chứng, Tòa Thi hành Pháp lý ở Madras, chuyển nhượng cho KWINC bản quyền trong tất cả những tác phẩm của anh, trước kia và từ ngày tháng đó, và ủy quyền Rajagopal, Chủ tịch của KWINC, thực hiện tất cả những sắp xếp cho công việc xuất bản những quyển sách của anh. K không nhớ khi nào anh đã từ bỏ chức vụ quản trị KWINC và cũng không nhớ tại sao anh đã làm như thế. Nó có vẻ là một khoảnh khắc lạ lùng để ký văn kiện này khi sự liên hệ của anh với Rajagopal không được dễ chịu, tuy nhiên cũng có thể vì chính lý do này mà Rajagopal muốn vị trí của anh được hợp pháp. Một lý do khác có lẽ đây là năm mà một thỏa hiệp về bản quyền quốc tế có hiệu lực.

Nóng rất gay gắt ở Delhi, nơi K đang tổ chức nói chuyện vào đầu năm 1959 và như thường lệ ở lại đó cùng người bạn cũ Shiva Rao, một căn nhà được dành cho anh vào tháng ba tại Srinagar ở Kashmir, nhưng khi người ta phát giác nó bẩn thỉu và có nhiều chuột anh liền được chuyển đến Pahalgam, một thung lũng ở Kashmir cao trên mực nước biển 7.200 feet, nơi anh ở trong một căn nhà của chính phủ, 'không sang trọng gì cả,' như anh kể cho Lady Emily, 'nhưng vùng chung quanh lại tuyệt vời, những đỉnh núi tuyết

và hàng đăm rừng thông’. Pupul Jayakar và Madhvachari đã ở cùng anh tại Srinagar nhưng tại Pahalgam anh ở một mình cùng Parameshwaran, người nấu ăn chính tại Rishi Valley. Vào giữa tháng tám anh cảm thấy lại bị nhiễm trùng thận và được đưa xuống Srinagar vì bị sốt rất cao, rồi từ đó đến nhà của Shiva Rao ở New Delhi nơi, lần đầu tiên, anh được tiêm thuốc kháng sinh. Thuốc này tác dụng vào anh mạnh đến nỗi chúng từ từ làm tê liệt hai chân của anh (anh tin rằng anh bị liệt suốt đời, như sau đó anh thú nhận, bình thần chấp nhận sự thật) và anh bị yếu đến độ Parameshwaran phải đút cho anh ăn giống như một em bé. Anh nằm trên giường gần như suốt bảy tuần lễ và sau đó hồi phục sức khỏe tại Rishi Valley trước khi tổ chức nhiều nói chuyện nữa trong những vùng khác nhau của Ấn độ. Mãi đến ngày 11 tháng ba 1960 cuối cùng anh đi máy bay đến Rome nơi Vanda Scaravelli đón và đưa anh đến thẳng IL Leccio.

Rajagopal không biết gì về kế hoạch của anh cho đến khi anh ấy nhận một lá thư từ anh nói rằng anh sẽ ở tại IL Leccio vài tuần lễ và sau đó vào đường Bircher – Benner ở Zurich. Rajagopal không biết liệu K có dự tính quay lại Ojai mùa hè năm đó hay không. Anh ấy yêu cầu Doris Pratt gửi cho K tiền điều trị tại đường từ quỹ ở Anh nhưng sự tiếp tục của những quy định về trao đổi ngăn cản việc này. K bảo với cô đừng lo lắng gì cả; những người bạn ở Puerto Rico đã hứa trả mọi phí tổn tại đường đường.

K nhập viện vào ngày 11 tháng tư nơi anh bị thực hiện công việc ăn kiêng rất nghiêm ngặt, và ở lại đó cho đến ngày 1 tháng năm rồi đi máy bay đến London trên đường về Mỹ. Doris Pratt, người gặp anh tại Heathrow, choáng váng khi trông thấy anh bị hốc hác đến chừng nào. Anh phải đặt đóng đôi giày mới bởi vì bàn chân của anh lúc này quá nhỏ. Dù bị yếu ớt như thế, ‘anh dứt khoát từ chối đi máy bay hạng nhất’,

Doris Pratt viết cho Rajagopal; và lại nữa, vào ngày anh rời London, cô viết: ‘tôi phải nói cho ông, rất, rất riêng tư, rằng tôi cảm thấy K đang bị bệnh rất nặng và không ở trong tình trạng sức khỏe phù hợp để tổ chức những nói chuyện tại Ojai, nhưng dường như anh quyết định thực hiện việc đó . . . Người ta nói rằng anh gần chết ở Delhi và tôi có thể tin điều đó do thể trạng anh lúc này. Tôi nghĩ rất qua n trọng phải chăm sóc anh kỹ càng, dịu dàng và chu đáo tại Ojai.’⁴⁹

Anh cắt ngang chuyến đi ở New York, nơi anh ở cùng một người bạn và họ nói với anh rằng nếu anh không hành động chẳng mấy chốc anh sẽ không còn tiếng nói nào trong những công việc của KWINC. Người bạn này nài nỉ anh đảm đương thêm trách nhiệm bởi vì những số tiền lớn được gửi đến KWINC là dành cho công việc của anh. Sau ba mươi năm điều hành những công việc của K đầy hiệu quả và thành công, Rajagopal chẳng thấy lý do nào cho sự can thiệp đột ngột của K. Thật ra, Rajagopal có một phó chủ tịch và một ban quản trị, nhưng anh ấy điều khiển họ rất độc đoán. Buồn thay, anh ấy từ chối đưa cho K bất kỳ thông tin nào mà anh yêu cầu, và khi K yêu cầu thêm là được khôi phục lại chức vụ như một ủy viên, sự yêu cầu bị khước từ. Nếu Rajagopal đưa anh vào lại ban quản trị, hầu như chắc chắn K sẽ mau chóng không còn hứng thú đến nó nữa. Như nó đã xảy ra, sự không khoan nhượng của Rajagopal nuôi dưỡng sự ngờ vực, vì vậy gây tổn thương thêm nữa một liên hệ được đặt nền tảng trên sự tin cậy lẫn nhau.

Người ta có thể thông cảm với Rajagopal khi K, đã quá quyết nói chuyện tại Ojai, và đã cam kết thực hiện tám nói chuyện, lại tuyên bố tại nói chuyện lần thứ ba rằng anh chỉ có thể nói chuyện một lần nữa. (Nói chuyện lần thứ ba này là một lần tuyệt vời về chủ đề làm thế nào cái trí có thể được ‘chuyển thành hồn nhiên do chết đi cái đã được biết’ và nhu

cầu cấp bách phải có một thay đổi cơ bản trong tinh thần của con người.) Rốt cuộc, sự hủy bỏ tám nói chuyện đã tạo ra một hoang mang và thất vọng vô cùng nơi những người đã đến từ rất xa để tham dự toàn bộ những nói chuyện. Rajagopal tức giận ghê lắm bởi vì, như anh kể cho Doris Pratt, K đã không hủy bỏ nó do bị bệnh nhưng chỉ bởi vì anh đã không có đủ năng lượng' để tiếp tục chúng nhưng tuy nhiên anh lại dành ra 'ba ngày cho những phỏng vấn kéo dài nhiều tiếng đồng hồ'. Người ta thắc mắc không hiểu, khi nghĩ rằng K nói chuyện trước công chúng cũng dễ dàng như những phỏng vấn riêng, liệu Rajagopal có bất kỳ hiểu rõ nào về sống bên trong thực sự của K. Dường như quá rõ ràng rằng phải cần có một năng lượng đặc biệt để nói chuyện trước công chúng với một số đông khán giả.

K đã dự định trở lại đường đường Bircher – Benner vào cuối tháng sáu nhưng tiếp tục trì hoãn sự khởi hành của anh, điều này cũng làm Rajagopal bức mình lắm. Lúc này anh không thực hiện phỏng vấn nữa và cũng không trả lời bất kỳ lá thư nào, ngay cả những lá thư từ Lady Emily và Vanda Scaravelli, vì vậy thư từ của anh đang chất đống. Cuối cùng anh tiếp tục ở lại mãi đến khi anh đi Ấn độ vào tháng mười một, mặc dù bầu không khí tại Arya Vihara chắc chắn phải bức bối lắm, bởi vì không chỉ có sự căng thẳng giữa anh và Rajagopal nhưng Rajagopal và Rosalind òn đang cãi cọ và chẳng bao lâu sau sẽ ly dị nhau.

K vẫn không cảm thấy khỏe để thực hiện những nói chuyện ở Ấn độ; tuy nhiên, anh đã sẵn sàng nói chuyện trước những họp mặt ít người. Chắc chắn từ Ấn độ anh đã viết cho Rajagopal yêu cầu anh ấy sắp xếp một họp mặt cho anh ở nước Anh vào năm sau, bởi vì anh nhận được một điện tín: 'Lúc này theo cá nhân không ~~th~~sắp xếp bất kỳ công việc nào. Đã bàn bạc với Doris Pratt mà sẽ giúp. Vui lòng viết cho

cô ấy. Chúc mừng năm mới.’ Rajagopal đã phải sạch trách nhiệm của anh ấy với mọi công việc của K ở Châu Âu. Khi gửi điện tín này anh ấy đang ở London và đã có nhiều ‘trao đổi gay gắt’ với Doris Pratt mà phát giác anh ấy đang ở trong một trạng thái rất buồn bực. Chính tôi có gặp anh ấy một lần và, vì không biết sự thay đổi trong liên hệ của anh ấy với K, tôi rất xót xa khi anh ấy bắt đầu sỉ nhục K. Lúc trước tôi rất ưa thích Rajagopal hỏi anh ấy học tại đại học Cambridge nơi tôi thường thăm anh ấy. Anh ấy cũng nói xấu K với mẹ tôi và mẹ cũng cảm thấy xót xa như tôi, bởi vì cũng thương yêu anh ấy. Chúng tôi hy vọng đây chỉ là một giai đoạn nhất thời.

K nói chuyện với những nhóm nhỏ ở New Delhi vào cuối năm 1960 và ở Bombay vào đầu năm 1961. Tại thời gian đó anh quan tâm rất nhiều đến sự cấp bách phải có một thay đổi trong tinh thần của con người và sự sáng tạo của một cái trí mới mẻ. Vào giữa tháng ba anh rời Ấn Độ để đi đến IL Leccio, nơi anh ở một tuần lễ trước khi đến London vào tháng năm. Doris Pratt đã làm hết sức cho anh khi sắp xếp một họp mặt. Vì biết rằng anh rất thích dạo bộ ở Wimbledon Common trong những ngày xa xưa khi ở cùng Miss Dodge tại West Side House, cô đã thuê một ngôi nhà cho anh tại Wimbledon và Town Hall ở đó cho mười hai gặp gỡ nhỏ và gửi những giấy mời cá nhân đến khoảng 150 người. Cô và một người bạn Hà lan mà anh đã quen được nhiều năm, Anneke Korndorffer, chăm sóc anh. Lần đầu tiên tại những gặp gỡ này anh cho phép những nói chuyện của anh được ghi lại trên băng.

Doris và Anneke, ở cùng anh tại Wimbledon trong tám tuần lễ, rất lo lắng khi họ nghe anh gọi lớn tiếng trong đêm và tại những bữa ăn thường xuyên làm rớt dao nĩa và có vẻ ‘bị chết đứng’ và gằn gằn ngắt xiu. Doris hỏi anh liệu cô có thể giúp đỡ bất kỳ việc gì không. Anh trả lời ‘không gì cả

ngoại trừ giữ yên lặng, không căng thẳng và *đừng* lo lắng, nhưng cũng *đừng* chạm vào người anh'. Anh kể rằng trong khi chính anh *bắt* chính xác điều gì đang xảy đến, anh *hì* không thể giải thích nó cho họ. Vào ngày 18 tháng năm anh đang viết cho Nandini Mehta ở Ấn độ: 'Lạ thay những sự việc đã xảy ra tại Ooty đang xảy ra ở đây, mặc dù chẳng ai biết về nó – nó *mạnh* lắm.⁵⁰ K rời London để đi Ojai qua New York vào ngày 14 tháng sáu, do yêu cầu của Rajagopal, và có đem theo những cuộn băng của những nói chuyện ở Wimbledon. Ngày hôm sau Doris *ới* cho Signora Vanda, như K đã gọi điện cho cô, rằng anh đang sợ hãi biến cố của chuyến viếng thăm Ojai của anh, bởi vì cô, cô suy diễn, một điều gì đó phải đương đầu ở đó. Anh đã nói rằng anh có lẽ trở lại rất sớm.

Chính là vào ngày 18 tháng sáu, ngày trước khi anh rời New York để đi máy bay đến Los Angeles, K bắt đầu viết một chuyện kể lạ thường nhất về những trạng thái bên trong của ý thức anh. Được viết bằng bút chì trong những quyển vở, không xóa một từ nào, anh tiếp tục ghi chép hàng ngày này suốt bảy tháng. Trước kia anh không bao giờ ghi lại bất kỳ điều gì và không nhớ điều gì đã thúc giục anh bắt đầu nó. Nó là quyển sách chi tiết chính xác nhất mà nhờ đó chúng ta sẽ có được sự hiểu rõ về *là* anh ấy giống như thế nào. Nó phơi bày những biến cố sống bên ngoài của anh chẳng có ảnh hưởng bao nhiêu đến con người bên trong của anh.* Người ta chỉ cần tình cờ mở quyển sách để bị sững sờ bởi một cảm giác kỳ diệu và huyền bí. Nó bắt đầu đột ngột: 'Vào chiều tối bỗng nhiên nó ở đó, tràn đầy căn phòng, một ý thức vô cùng của vẻ đẹp, quyền năng và dịu dàng. Những người khác nhận

* Nhật ký này, dưới tựa đề *Krishnamurti's Notebook Sổ tay của Krishnamurti*, được xuất bản bởi Gollancz and Harper & Row năm 1976.

thấy nó (những người bạn anh đang sống chung ở New York).’ Cái ‘vô hạn’, cái ‘thiên liêng’, cái ‘phước lành’, cái ‘trạng thái khác lạ’, cái ‘khác lạ’, cái ‘mệnh mang’ là tất cả những cái tên mà K sử dụng trong quyển nhật ký này để nói về ‘nó’ huyền bí mà không thể tìm kiếm được nhưng lại đến với anh hàng ngày mãnh liệt đến độ thỉnh thoảng những người khác nhận thấy nó. Anh cũng viết về ‘cái tiến trình’, sự đau đớn cực kỳ trong bộ đầu và cột sống của anh cũng xảy ra cùng thời gian. Toàn lời giảng của anh đều ở trong quyển nhật ký này cũng như những mô tả rất hay về thiên nhiên. Vào ngày 21, tại Ojai, anh đang viết: ‘Thức giấc khoảng hai giờ và có một áp lực kỳ lạ và cơn đau đớn càng buốt hơn, mạnh ở trung tâm bộ đầu. Nó kéo dài trên một tiếng đồng hồ và người ta thức giấc nhiều lần bởi sự mãnh liệt của áp lực. Mỗi lần đều có một ngáy ngất đang lan rộng; sự hân hoan tiếp tục.’ Và ngày kế tiếp: ‘Sức mạnh và vẻ đẹp của một chiếc lá mỏng manh là tánh dễ tổn thương của nó đối với sự hủy diệt. Giống như một cọng cỏ lú lên vĩa hè, nó có sức mạnh mà có thể chịu đựng nổi cái chết bất ngờ.’ Và vào ngày 23: ‘Ngay khi người ta đang vào giường, có sự phong phú của IL L (IL Leccio). Nó không chỉ ở trong phòng nhưng nó dường như bao phủ quả đất từ chân trời qua chân trời. Nó là một phước lành.’ Và vào ngày 27 anh viết: ‘Sự hiện diện đó mà đã ở tại IL L đang chờ đợi đầy nhẫn nại, nhưng nhân hậu, bằng sự dịu dàng vô biên.’ Hai trích dẫn cuối cùng chỉ rõ rằng bất kỳ điều gì đang xảy ra đã được trải nghiệm trước tại IL Leccio. Anh thường phát giác chính mình đang la hét trong đêm nhưng vì anh đang ngủ một mình ở Pine Cottage anh không thể được người khác nghe giống như tại Arya Vihara.

Mặc dù K vẫn còn ở Ojai mười chín ngày nữa, hàng ngày đều viết trong quyển vở, anh không đề cập bất kỳ điều

gì anh làm ở đó ngoại trừ lần viếng nha sĩ khi ‘nó’ theo cùng anh khi đang ngồi trong cái ghế, và một dạo bộ khi ‘được vây quanh bởi những hòn núi đá, tro trụi, màu tím này, bỗng nhiên có sự cô đơn; nó có sự phong phú không đáy; nó có vẻ đẹp đó mà vượt khỏi tư tưởng và cảm thấy . . . Nó một mình, độc nhất, không phải cô lập nhưng một mình, giống như một giọt nước chứa đựng tất cả nước của thế giới.’ Quyển *Notebook Sổ tay* này phải được đọc. Không công bằng khi trích dẫn ngẫu nhiên một đoạn văn nào. Nó là một tài liệu quý báu vô song, một trong những tác phẩm huyền bí vĩ đại của mọi thời đại mà chắc chắn ngày nào đó sẽ được công nhận nó là gì.

Khi anh ở Ojai, K nói với Rosalind rằng cô có thể sống tại Arya Vihara đến hết đời. Cô vẫn còn điều hành trường Happy Valley nhưng nó đã không còn là trường của Krishnamurti từ lâu rồi. Rajagopal đã chuyển đến một ngôi nhà mà anh ấy tự xây dựng, tại cuối phía tây của thung lũng không xa Oak Grove mấy. Lúc này Rosalind sống độc lập bởi vì Robert Logan, vợ của ông chết trước, đã để lại cho cô tiền bạc và tài sản khi ông chết. (Mr Logan cho K hai cái đồng hồ – một cái bằng vàng mà anh không bao giờ đeo và một cái bằng thép bỏ túi dính vào một sợi xích ngắn có một đồng tiền Hy Lạp cổ ở đầu cuối. Cái đồng hồ này anh luôn đeo cho đến khi anh bị bệnh lần cuối cùng.)

Sau khi đi máy bay suốt đêm đến London vào ngày 8 tháng bảy, ngày hôm sau K ghi lại trong nhật ký của anh:

. . . giữa tất cả sự ồn ào, khỏi thuốc lá và nói chuyện lớn tiếng, hầu như bất ngờ nhất, ý thức của bao la và phước lành lạ thường đó mà đã được cảm thấy tại IL L, sự cảm thấy sắp có của thiêng liêng, bắt đầu xảy ra.

Thân thể căng cứng đầy lo lắng bởi vì đám đông, sự ồn ào vân vân nhưng tất cả như thế, nó ở đó. Áp lực & căng thẳng thật mãnh liệt & có đau đớn thật buốt tại phía sau lưng đầu. Chỉ có trạng thái này & không có người quan sát. Toàn thân thể hoàn toàn trong nó và sự cảm thấy của thiêng liêng mãnh liệt đến độ một tiếng rên thoát ra khỏi thân thể và những hành khách đang ngồi trong chỗ ngồi kế bên. Nó kéo dài suốt nhiều tiếng đồng hồ, muộn vào ban đêm. Nó như thể người ta đang nhìn, không chỉ bằng hai mắt nhưng còn cùng hàng ngàn thế kỷ; tất cả nó là một xảy ra lạ thường. Bộ não hoàn toàn trống không, mọi phản ứng đều ngừng lại; suốt tất cả những tiếng đồng hồ đó, người ta không nhận biết được trống không này nhưng chỉ trong khi viết nó là sự việc được biết, nhưng hiểu biết này chỉ là sự diễn tả và không là thực sự. Điều mà bộ não có thể tự làm trống không chính nó là một hiện tượng kỳ lạ. Khi hai mắt nhắm lại, bộ não dường như chìm ngập vào những chiều sâu không đáy, vào những trạng thái nhạy cảm và vẻ đẹp không thể tin được.

‘Kết thúc đau khổ’

Sau ba đêm ở London, K gặp Vanda Scaravelli tại Geneva và đi cùng cô đến Gstaad nơi cô đã thuê một ngôi nhà cho anh cho mùa hè, Chalet Tannegg. Một hợp mặt nhỏ đã được sắp xếp cho anh tại Town Hall của ngôi làng gần bên của Saanen. Doris Pratt, người đã gặp anh tại Heathrow, đã nhận thấy anh ‘bị kiệt sức hoàn toàn’ như cô ấy kể cho Vanda. Anh đã nói, ‘Bạn không biết nó như thế nào khi có người nào đó giống như Signora Vanda theo cùng. Trước kia tôi chưa bao giờ được đối xử tuyệt vời như thế.’ Doris suy diễn rằng anh đã không trải qua một thời gian hạnh phúc tại Ojai. Anh đã yêu cầu cô ấy không đưa cho Rajagopal bất kỳ thông tin gì thêm nữa về số tiền đã được tiêu cho anh ở nước Anh. (Toàn chi phí của anh trong tháng năm và tháng sáu, gồm cả ngôi nhà ở Wimbledon và tiền thuê Hall, là £477, trong khi số tiền biểu tổng cộng là £650.) Không biết được liệu anh đã nói chuyện với Rajagopal về những công việc của KWINC hay chưa, nhưng sau đó anh đã viết cho anh ấy để yêu cầu luôn có được thông tin về những quan tâm của nó, quả quyết rằng lá thư của anh phải được đưa cho tất cả những ủy viên đọc và lần nữa yêu cầu được phục hồi chức vụ trong ban quản trị. Anh không nhận được thư trả lời, mặc dù thời gian nào sau đó, khi anh ở Ấn độ, Rajagopal gửi cho anh một bản cân bằng tài chính mà, dĩ nhiên, anh không hiểu.

Ba trăm năm mươi người, vừa đủ sức chứa của Hall, thuộc mười chín quốc tịch khác nhau, đã tham dự họp mặt Saanen lần đầu tiên này. (Những họp mặt Saanen sẽ trở thành một sự kiện quốc tế hàng năm, mỗi năm đều gia tăng số người tham dự, trong hai mươi bốn năm kế tiếp.) K gần như đã có mười lăm ngày tại Chalet Tannegg trước khi họp mặt bắt đầu. Vào ngày 14 tháng bảy, ngày trước khi anh đến, anh viết trong sổ tay của anh: ‘ Sự thôi thúc được lặp lại trải nghiệm, dù dễ chịu, tốt lành, sinh lợi lộc, là đất màu nuôi dưỡng sự tăng trưởng của đau khổ.’ Và hai ngày sau:

Toàn tấn trình tiếp tục hầu như suốt đêm; nó khá mãnh liệt. Thân thể có thể chịu đựng đến chừng nào nữa đây! Toàn thân thể đang run rẩy bầy và, sáng nay, bị đánh thức do bộ đầu lắc lư.

Có, thiêng liêng kỳ lạ đó sáng nay, đang tràn đầy căn phòng. Nó có quyền năng xuyên thấu mãnh liệt, thâm nhập vào mọi ngõ ngách của thân tâm người ta, tràn đầy, tẩy rửa sạch sẽ, tự biến đổi mọi thứ của chính nó. Người khác cũng cảm thấy nó (Vanda). Nó là sự việc mà mọi con người đều khao khát và bởi vì họ khao khát nó, nó lẩn tránh họ. Người thầy tu, người giáo sĩ, người khát sĩ hành hạ những thân thể của họ và tánh cách của họ vì sự khao khát cái này nhưng nó lẩn tránh họ. Bởi vì nó không thể mua được; cũng không có sự hy sinh, đạo đức hay cầu nguyện nào có thể mang lại tình yêu này. Sống này, tình yêu này không thể hiện diện nếu chết là phương tiện. Mọi tìm kiếm, mọi xin xỏ phải hoàn toàn kết thúc.

Chân lý không thể là chính xác. Cái gì có thể đo lường được không là chân lý. Cái không đang sống có thể đo lường được và cực độ của nó có thể tìm ra được.

Chính là ngày này mà Vanda đã có kinh nghiệm đầu tiên của cô về ‘cái tiến trình’ của K, cô ghi lại:

Chúng tôi đang nói chuyện sau bữa ăn trưa. Không có ai trong phòng. Bỗng nhiên K bị ngất xỉu. Tiếp theo điều gì xảy ra không thể diễn tả được, bởi vì không có từ ngữ nào có thể tiếp cận nó được, nhưng nó cũng là cái gì đó quá nghiêm túc, quá lthường, quá quan trọng đến độ nó không thể được giữ trong tối tăm, được chôn vùi trong yên lặng hay không được đề cập. Có một thay đổi trong khuôn mặt của K. Hai mắt của anh trở nên to hơn và rộng hơn và sâu hơn, và có một cái nhìn lạ thường, vượt khỏi bất kỳ khoảng không gian có thể nào. Như thể có một hiện diện đầy quyền năng mà thuộc về một kích thước khác. Có một cảm thấy không thể giải thích được của trạng thái trống không và no đủ tại cùng thời gian.

Chắc chắn K đã ‘đi khỏi’, bởi vì Vanda viết mau lẹ những nhận xét được thực hiện bởi thực thể bị bỏ lại sau: ‘Đừng rời tôi cho đến khi anh ấy quay lại. Anh ấy chắc phải yêu quý bạn lắm nếu anh ấy cho phép bạn chạm vào tôi, bởi vì anh ấy rất cầu nệ trong việc này. Đừng cho phép bất kỳ ai gần tôi cho đến khi anh ấy quay lại.’ Sau đó Vanda viết thêm: ‘Tôi không thể hiểu được điều gì đang xảy ra, và tôi rất kinh ngạc.’

Ngày kế tiếp, tại cùng giờ, K lại ‘đi khỏi’, và lại nữa Vanda ghi ra điều gì ‘thân thể’ nói trong khi anh đi khỏi: ‘Tôi cảm thấy rất lạ lùng. Tôi ở đâu? Đừng bỏ tôi. Bạn làm ơn ở cùng tôi cho đến khi anh ấy quay lại? Bạn có thoải mái không? Ngồi xuống ghế đi. Bạn biết anh ấy rõ không? Bạn sẽ

chăm sóc anh ấy chứ?’ Vanda tiếp tục : ‘Tôi vẫn còn không thể tìm hiểu điều gì đang xảy ra. Tất cả việc đó đều quá bất ngờ, quá không thể hiểu được. Khi K lấy lại ý thức anh yêu cầu tôi kể cho anh điều gì đã xảy ra, và vì vậy tôi viết những ghi chú này trong một nỗ lực để chuyển tải ý tưởng mang máng nào đó về điều gì tôi đã thấy và đã cảm giác.’⁵¹

Cuối tháng bảy Aldoux Huxley và người vợ thứ hai của ông có mặt ở Gstaad và nhiều lần đi nghe K nói chuyện tại Town Hall ở Saanen. Nó ‘ở trong số những sự việc ấn tượng nhất mà tôi đã từng được nghe,’ Huxley viết. ‘Nó giống như lắng nghe một bài thuyết pháp của Phật – quyền năng như thế, uy quyền bên trong như thế, một khước từ kiên quyết như thế để cho phép *con người trần tục* bất kỳ những tẩu thoát hay những người trung gian nào, bất kỳ những *đạo sư*, những *đấng cứu rỗi*, *những người lãnh đạo*, những giáo hội. “Tôi giải thích cho bạn sự đau khổ và sự kết thúc đau khổ” – và nếu bạn không quyết định thực hiện những điều kiện thích hợp cho sự kết thúc đau khổ, vậy thì hãy chuẩn bị sẵn sàng, dù bất kỳ đạo sư nào, giáo hội nào vẫn vẫn mà bạn tin tưởng, cho sự tiếp tục vô hạn định của đau khổ.’⁵²

Rõ ràng Huxley đang viết về nói chuyện lần thứ sáu của K vào ngày 6 tháng tám, trong đó anh nói về sự đau khổ. ‘Thời gian không xóa sạch đau khổ. Chúng ta có lẽ quên một đau khổ đặc biệt, nhưng đau khổ luôn luôn ở đó, và tôi nghĩ xóa sạch trọn vẹn đau khổ là điều có thể thực hiện được. Không phải vào ngày mai, không phải theo dòng thời gian, nhưng thấy sự thật trong ngay lúc này, và vượt khỏi.’

Sau nói chuyện cuối cùng, ngày 15 tháng tám, K viết trong nhật ký của anh: ‘Khi thức dậy sáng nay, lại nữa có sức mạnh không thể xuyên thấu này mà quyền năng của nó là phước lành . . . Trong suốt nói chuyện nó ở đó, không thể tiếp xúc được và tinh khiết.’

Khi được in ra, nói chuyện này không tác động mạnh bằng nói chuyện thực sự. Điều đó thường xuyên xảy ra vì rằng, tại thời gian đó, những người đã cảm thấy một nói chuyện thực sự đang khai sáng cho họ một cách lạ thường, lại bị thất vọng khi đọc nó được in ra sau đó. Có thể vì rằng nhiều lần khi anh đang nói, K đã và đang trải nghiệm phước lành lạ thường này, và chính là do phước lành này đã truyền cảm hứng cho họ nhiều hơn những từ ngữ của anh.

Mùa hè đó một Ủy ban Saanen được thành lập để thực hiện tất cả những sắp xếp cần thiết cho K nói chuyện hàng năm ở đó. Rajagopal bị rơi tung lên khi anh ấy biết điều này, vì sợ rằng K sẽ loại bỏ hoàn toàn Ojai. Đây không là ý định, mặc dù vậy, như nó đã xảy ra, anh không trở lại Ojai suốt năm năm. K giữ yên lặng với Vanda tại Chalet Tannegg sau hợp mặt. Trong suốt thời gian đó chính Vanda liên tục nhận biết được cái ‘phước lành’, ‘trạng thái khác lạ’ mà K viết về nó hàng ngày. Vào tháng tư anh đi máy bay một mình đến Paris nơi anh ở cùng những người bạn cũ Carlos và Nadine Soares trong căn hộ trên tầng tám của họ ở Avenue Labourdonnais. Phải ở trong một thành phố sau sự an bình của những hòn núi mà anh yêu quý là một thay đổi tàn nhẫn và tuy nhiên, như anh viết: ‘Đang ngồi yên lặng . . . nhìn qua những nóc nhà, không được mong đợi nhất, phước lành đó, trạng thái khác lạ đó đến cùng sự rõ ràng hòa nhã; nó tràn đầy căn phòng và ở đó. Nó ở đây khi điều này đang được viết.’

Sau khi thực hiện xong năm nói chuyện ở Paris và đến lại IL Leccio, K đi máy bay đến Bombay vào tháng mười và từ đó đến Rishi Valley trong một tháng, rồi tiếp theo đến Vasanta Vihar, Rajghat và Delhi. Từ những diễn tả trong sổ tay của anh người ta biết được Rishi Valley và Rajghat như thể người ta đã tự ở đó. Ở Delhi, ngày 23 tháng giêng 1962,

nhật ký của anh ngừng lại cũng đột ngột như nó đã bắt đầu. Thời tiết lạnh ghê lắm ở nhà của Shiva Rao đến độ anh không thể cầm được cây bút chì. Đoạn cuối cùng đọc một phần:

. . . bỗng nhiên cái bao la không biết được ở đó, không chỉ trong căn phòng và vượt khỏi nhưng cũng còn thăm thẳm, trong những ngõ ngách sâu kín nhất, mà lúc trước là cái trí . . . bao la đó không để lại dấu vết, nó ở đó, rõ ràng, mạnh mẽ, không thể xuyên thấu và không thể tiếp cận, sự mãnh liệt của nó là lửa mà không để lại tro bụi. Cùng nó là hạnh phúc vô cùng . . . Quá khứ và cái không biết được không thể gặp gỡ tại bất kỳ điểm nào; chúng không thể được lồng ghép vào cùng nhau bởi bất kỳ hành động nào; không có cây cầu để băng qua và cũng không có một con đường dẫn đến nó. Hai cái này đã không bao giờ gặp gỡ và sẽ không bao giờ gặp gỡ. Quá khứ phải kết thúc cho cái không thể biết được, cho cái bao la đó hiện diện.

Ấn bản, vào năm 1976, của tài liệu lạ thường này lưu hành nhưng báo chí ở cả nước Anh lẫn Mỹ không lưu tâm ngoại trừ một đoạn văn trong tờ *Publishers' Weekly* ở Mỹ, kết luận, 'Lời giảng của Krishnamurti rất mộc mạc, trong một ý nghĩa hủy diệt.' Một hay hai người đã đọc quyển viết tay phản đối ấn bản này. Họ sợ nó sẽ làm nản lòng những người theo K. Anh khẳng định rằng những con người có thể tự thay đổi tại cơ bản, không trong thời gian, không bằng sự tiến hóa, nhưng bằng sự trực nhận tức khắc, trái lại quyển *Notebook Số tay* lại tiết lộ rằng Krishnamurti không là một người bình thường được thay đổi nhưng một người độc nhất đang tồn tại trong một kích thước khác. Nó là một mấu chốt giá trị, và khi điều đó được đặt ra cho anh, anh

trả lời, ‘Tất cả chúng ta không cần là Edinsons để bật ngọn đèn điện.’ Sau đó anh sẽ nói cho một phóng viên ở Rome, người gợi ý rằng anh đã được sinh ra như anh đã là và vì vậy những người khác không thể đạt được trạng thái ý thức của anh, ‘Christopher Columbus đến nước Mỹ bằng thuyền buồm; chúng ta có thể đi bằng máy bay.’

Mùa đông đó K thực hiện hai mươi ba nói chuyện trước công chúng ở Ấn độ, cũng như tổ chức vô số những bàn luận, vì vậy chẳng ngạc nhiên gì lắm khi anh bị kiệt sức lúc đến Rome vào giữa tháng ba, nơi anh được Vanda đón. Ngày hôm sau anh bị sốt nặng. Trong trạng thái đó anh ‘đi khỏi’ như anh thường làm trong suốt ‘cái tiến trình’. Vanda ghi lại điều gì đã được nói bởi thực thể bị bỏ lại để đảm trách cái thân thể. Nhưng nó không còn là một giọng nói của một đứa trẻ đang nói nữa; giọng nói nghe khá tự nhiên:

Đừng rời tôi. Anh ấy đã đi xa rồi, rất xa. Người ta đã bảo bạn chăm sóc anh ấy. Đáng lẽ anh ấy không ra ngoài. Đáng lẽ bạn nên bảo anh ấy. Tại bàn, anh ấy không ở đó toàn bộ đâu. Bạn phải nói với anh ấy bằng một cái nhìn để cho những người khác không thấy nó, và anh ấy sẽ hiểu. Khuôn mặt đẹp để để nhìn ngắm. Những hàng lông mi kia bị phí phạm cho một người đàn ông. Tại sao bạn không nhận được chúng? Khuôn mặt đó đã được sáng tạo rất cẩn thận. Họ đã làm việc và làm việc lâu lắm, quá nhiều thế kỷ, để sản sinh một thân thể như thế. Bạn biết anh ấy chứ? Bạn không thể biết anh ấy. Làm thế nào bạn biết nước đang chảy? Bạn lắng nghe. Đừng đưa ra những câu hỏi. Anh ấy phải yêu quý bạn lắm nên anh ấy mới cho phép bạn đến rất gần anh ấy. Anh ấy rất cẩn thận không cho

phép những người khác chạm vào thân thể của anh ấy. Bạn biết anh ấy đối xử với bạn như thế nào chứ. Anh ấy muốn rằng không có gì sẽ xảy đến cho bạn. Đừng làm bất kỳ điều gì quá mức. Tất cả đi lại đó đã quá mệt nhọc cho anh ấy. Tất cả những người đó trong máy bay, hút thuốc, và luôn luôn thu xếp để chuẩn bị đi đó, đến và đi, nó đã quá mệt nhọc cho thân thể. Anh ấy đã muốn đến Rome để gặp cô ấy (Vanda). Bạn biết cô ấy không? Anh ấy muốn đến thật mau để gặp cô ấy. Anh ấy vui vẻ giả tạo nếu cô ấy không khỏe. Tất cả đi lại đó – không, tôi không đang phàn nàn. ~~Đ~~ thấy anh ấy tinh khiết biết chừng nào. Anh ấy không cho phép bất kỳ thứ gì là riêng của anh ấy. Thân thể luôn luôn trên bờ của một vách núi đứng. Tất cả những tháng này. Nó đã bị kiểm hãm, nó đã bị canh chừng như điên khùng và nếu nó buông lỏng ra, anh ấy sẽ đi rất xa. Chết gần lắm. Tôi đã bảo với anh ấy nó đã quá nhiều rồi. Khi anh ấy ở trong những phi trường đó anh ấy có một mình. Anh ấy không hoàn toàn ở đó. Tất cả nghèo đói đó ở Ấn độ, và con người ở đó chết. Khủng khiếp. Cũng vậy thân thể này đã chết rồi nếu nó không được tìm ra. Và tất cả bản thủ đó khắp mọi nơi. Anh ấy quá sạch sẽ. Thân thể của anh ấy được giữ gìn quá sạch sẽ. Anh ấy tẩy uế nó quá nhiều chu đáo. Sáng nay anh ấy đã muốn chuyển tải điều gì đó cho bạn. Đừng ngắt lời anh ấy. Anh ấy phải yêu quý bạn lắm. Bảo anh ấy. Cầm một cây bút chì, bảo anh ấy: “Chết luôn luôn ở đó, rất gần bạn, để bảo vệ bạn. Và khi bạn tìm chỗ nương tựa bạn sẽ chết.”

Khi K cảm thấy đủ sức khỏe họ đến IL Leccio, nhưng ở đó anh bị bệnh rất nặng, do tái diễn nhiễm trùng thận của anh và

còn bị phức tạp thêm bởi một ca lên quai bị. Anh bị nặng đến độ nhiều đêm Vanda ngủ bên ngoài cửa phòng của anh. Mãi đến giữa tháng năm anh mới đến được nước Anh nơi Doris Praat đã thuê một ngôi nhà khác có đồ đạc sẵn cho anh tại Wimbledon. Lady Emily bây giờ đã tám mươi bảy tuổi và gần gần mất trí nhớ của bà, đầu vậy, anh thường đi thăm bà và ngồi cầm tay bà suốt một tiếng đồng hồ hay nhiều hơn và hát thánh ca cho bà nghe. Bà nhận ra anh và yêu thích sự hiện diện của anh. Bà sẽ chết vào đầu năm 1964. Tôi thỉnh thoảng thường đến đón anh từ Wimbledon và lái xe đưa anh xuống Sussex để dạo bộ trong cánh rừng có hoa chuông lá xanh tròn của chúng tôi. Chúng tôi không bao giờ nói chuyện nghiêm túc và trong suốt chuyến dạo bộ chúng tôi thường không mở lời. Tôi biết anh ưa thích sự yên lặng, cảnh trí và mùi thơm của hoa chuông, sự an bình của cánh rừng, tiếng chim hót và những chiếc lá sồi non mỏng manh. Anh thường ngừng lại và nhìn ngược qua hai chân làn sương mù màu xanh. Anh luôn luôn vẫn còn là điều gì anh đã là cùng tôi, không phải một người thầy nhưng một con người đáng yêu, gần gũi hơn bất kỳ anh chị em ruột nào. Nó làm vui lòng tôi khi nghĩ rằng tôi có lẽ là một người duy nhất mà anh không bao giờ phải vận dụng một nỗ lực.

Khi tôi nghe rằng anh đang nói chuyện tại Friends' Meeting House cũng như Wimbledon, tự nhiên tôi có một thôi thúc lạ lùng để đi nghe anh nói chuyện. Tôi đã không nghe anh nói chuyện từ năm 1928, tại Ommen. Sảnh đường đông nghẹt người; nhiều người đang đứng phía sau. Tôi không trông thấy anh đi lên bục; một khoảnh khắc cái ghế dựa cứng duy nhất, được đặt giữa bục, để trống không; tích tắc sau anh đang ngồi đó hai bàn tay đặt trên đùi không gây lên một tiếng động khi vào, một hình bóng rất mảnh khảnh, trang phục không chệ vào đâu được trong một bộ com

lê sẫm, sơ mi trắng, cà vạt sẫm, hai bàn chân trong đôi giày nâu bóng láng được đặt ngay thẳng sát nhau. Anh chỉ có một mình trên bục (anh không bao giờ tự giới thiệu và, như tôi đã nói, anh không bao giờ ghi chú trước). Có sự yên lặng hoàn toàn trong sảnh do bởi một rung cảm mãnh liệt của mong đợi chảy qua khán giả. Anh ngồi đó yên lặng hoàn toàn, thân thể bất động, nhận xét khán giả của anh bằng những chuyển động qua lại nhẹ nhàng của cái đầu. Một phút; hai phút; tôi bắt đầu lo sợ cho anh. Anh sẽ sụp đổ hoàn toàn? Tôi đang có cảm giác đau nhói toàn thân vì sự đau khổ của lo lắng cho anh, rồi bỗng nhiên anh bắt đầu, không vội vã, bằng giọng nói khá nhịp nhàng của anh cùng sự nhấn giọng yếu ớt của người Ấn độ, làm thẳng thốt sự yên lặng.

Về sau tôi khám phá rằng sự yên lặng lâu tại lúc bắt đầu của một nói chuyện là thói quen. Nó gây ấn tượng vô cùng nhưng ỷ do cho việc đó lại không là gây ấn tượng. Hiếm khi nào anh biết được anh sẽ nói về đề tài gì trước khi bắt đầu nói và dường như dựa vào khán giả của anh để có sự hướng dẫn. Đây là lý do tại sao một nói chuyện thường bắt đầu khá khập khiễng: ‘Tôi không hiểu một hợp mặt như thế này có mục đích gì?’ anh có lẽ nói, hay, ‘Bạn mong chờ điều gì từ nói chuyện này?’ hay anh có lẽ bắt đầu một loạt của những nói chuyện, ‘Tôi nghĩ sẽ rất tốt nếu chúng ta có thể thiết lập một liên hệ đúng đắn giữa người nói và người nghe.’ Tại những thời gian khác anh biết chính xác anh muốn nói điều gì: ‘Tôi nay tôi muốn nói về hiểu biết, trải nghiệm và thời gian’, những nói chuyện đó không nhất thiết bị giới hạn vào những đề tài đó. Anh luôn luôn quả quyết rằng anh không đang nói theo gọng di ệu dạy đời, rằng anh và người nghe đang cùng nhau trong một tìm hiểu. Anh thường nhắc lại cho khán giả về điều này hai hay ba lần trong khi nói chuyện.

Vào buổi tối đặc biệt này tại Friends' Meeting House anh đã biết chính xác điều gì anh muốn nói:

Muốn hiểu rõ điều gì chúng ta sắp sửa suy xét tối nay và vào những buổi tối kế tiếp, cần một cái trí rõ ràng, một cái trí có khả năng trực nhận. Sự hiểu rõ không là điều gì đó huyền bí. Nó cần đến một cái trí có khả năng nhìn những sự việc sự vật một cách trực tiếp, không có thành kiến, không có những khuynh hướng cá nhân, không có những quan điểm. Tối nay điều gì tôi muốn nói liên quan đến sự cách mạng tổng thể phía bên trong, một sự hủy diệt cấu trúc tâm lý của xã hội, mà chúng ta là. Nhưng sự hủy diệt cấu trúc tâm lý của xã hội này, mà là bạn và tôi, không hiện diện qua nỗ lực, và tôi nghĩ đó là một trong những sự việc khó khăn nhất mà hầu hết mọi người chúng ta cần phải hiểu rõ.

Tôi nghĩ, với hầu hết mọi người, ý nghĩa đằng sau những từ ngữ của K lan qua sự hiện diện bằng thân thể của chính con người anh ấy – có một sự phát ra mà lóe sáng trực tiếp đến sự hiểu rõ của người ta, bỏ qua cái trí, và liệu người ta tìm được một nói chuyện có ý nghĩa đến mức độ nào phụ thuộc nhiều vào trạng thái thâm nhận của người ta hơn là vào điều gì anh nói. Mặc dù anh thường ngồi với tư thế hai bàn tay trên đùi vào lúc đầu khi anh lên bục giảng, anh vung một hoặc hai tay đầy biểu cảm trong suốt nói chuyện, thường thường những ngón tay dang rộng. Ngắm hai bàn tay của anh rất ngộ nghĩnh. Khi chấm dứt nói chuyện anh thường lướt đi rất kín đáo giống như khi anh vào. Những khán giả của anh ở Ấn độ luôn luôn bày tỏ sự tôn kính nhiều hơn ở phương Tây, và, khi nói chuyện trước công chúng ở đó, anh phải rất khó khăn khi rời khỏi bục giảng. Anh bị ngưng ngừng ghê lắm bởi sự

thành tâm tôn sùng mà anh ~~nằm~~ được ở Ấn độ, bởi sự sụp
lạy và những nỗ lực chạm vào người của anh hay quần áo của
anh. Khi người ta lái xe đưa anh đi khỏi tại một gặp gỡ ở
Bombay, những bàn tay thường vươn dài ra để nắm bàn tay
của anh qua cửa sổ mở của chiếc xe hơi. Một lần anh bị kinh
hãi khi có một người đàn ông nắm chặt tay anh và ngậm sâu
trong miệng của ông ấy. Một hợp mặt lần thứ hai tại Saanen
mùa hè năm đó dẫn ra trong một cái lều lớn (Chỉ mãi đến
năm 1965 một mảnh đất thuê dựng lều, gần sông Saanen,
được mua bởi KWINC, do tiền quỹ cung cấp bởi Rajagopal.)
Vanda Scaravelli thuê lại Chalet Tannegg, như cô ấy sẽ làm
mỗi mùa hè cho đến năm 1983, mang theo cùng một người
đầu bếp về hưu riêng của cô ấy, Rosca để chăm sóc ngôi nhà.
K không khỏe mấy sau những gặp gỡ vào cuối tháng tám.
Anh quyết định hủy bỏ chuyến thăm Ấn độ của anh năm đó
và ở lại Tannegg đến Giáng sinh. Rajagopal đến thăm anh
vào tháng mười trong hy vọng thực hiện sự hòa giải, nhưng
vì Rajagopal muốn nó theo những điều khoản riêng của anh,
và K vẫn quả quyết yêu cầu được đưa trở lại vào ban quản trị
của KWINC, họ đi đến chỗ bế tắc. Rajagopal cũng đến
London nơi anh ấy nói xấu về K với tôi hiểm độc hơn trước
kia, buộc tội anh đạo đức giả, mà anh ấy chẳng đưa ra được
chứng cứ nào, chê bai anh lo lắng cho hình dáng quá nhiều
trước khi lên bục giảng, ngắm nghía kỹ càng trong gương để
bảo đảm rằng rằng mỗi sợi tóc phải ở đúng vị trí. Rajagopal
và tôi đều biết rất rõ rằng K luôn luôn lưu tâm đến hình dáng
bên ngoài, cả của anh lẫn của những người khác. Khi người
ta sắp sửa gặp anh, người ta luôn luôn phải chăm sóc tốt nhất
về hình dáng bên ngoài, bởi vì anh thấy mọi thứ. Điều đó chỉ
do bởi sự lịch sự với khán giả nên anh muốn được mọi người
trông thấy mình tươi tắn nhất khi anh ngồi trên bục giảng.
Tôi thúc giục Rajagopal thôi làm việc cho K, bởi vì đã cả m

thấy như thế với K (Rajagopal thể hiện cho tôi hiểu rằng tiền bạc không là vấn đề đối với anh ấy), và định cư tại Châu Âu nơi anh ấy có nhiều người bạn, nhưng vấn đề thực sự của anh ấy dường như là rằng anh ấy bị kẹt cứng trong sự liên hệ thương-ghét một phía mà thái độ cách biệt của K khiến nó càng khó khăn hơn để thoát khỏi.

Sau khi rời Tannegg, K đi cùng Vanda đến Rome nơi cô ấy giới thiệu anh với nhiều người nổi tiếng – những đạo diễn phim ảnh, những nhà văn, và những nhạc sĩ, gồm cả Fellini, Pontecorvo, Alberto Moravia, Carlo Levi, Segovia và Casals mà trình diễn nhạc cho anh nghe. (Từ IL Leccio cô ấy đã nhiều lần đưa anh đến gặp Bernard Berenson tại I Tatti).^{*} Huxley ở Rome vào tháng ba và thường xuyên gặp K. Đó là sự gặp gỡ cuối cùng của họ bởi vì Huxley sẽ chết ở Los Angeles vào tháng mười một. Một tháng sau khi Huxley chết K viết cho tôi: ‘Cách đây vài năm Aldoux Huxley nói với anh rằng anh ấy bị ung thư lưỡi; anh ấy nói với anh rằng anh ấy không bảo cho ai biết, thậm chí cả người vợ của anh ấy. Anh gặp anh ấy ở Rome mùa xuân đó và anh ấy trông khá khỏe và vì vậy đó là một cú choáng váng khi anh biết rằng anh ấy đã ra đi. Anh hy vọng anh ấy không đau đớn lắm.’

^{*} Trong nhật ký của Berenson ngày 7 tháng năm 1956, khi ông chín mươi tuổi, đọc: ‘Krishnamurti đến dùng trà: nhã nhặn, dễ thông cảm, nhượng bộ tất cả những phản đối của tôi, và thật ra những bàn luận của chúng tôi hiếm khi nào phải gây tranh cãi. Dẫu vậy, anh quả quyết về một Vượt khỏi, và rằng đây là một trạng thái của tồn tại bất động, không biến cố, không tư tưởng, không nghi vấn, không – cái gì? Anh phủ nhận luận điểm của tôi rằng một trạng thái như thế là điều gì đó vượt khỏi tính cách của cái trí phương Tây của tôi. Tôi còn đi đến tận cùng khi hỏi anh liệu rằng anh không đang đuổi theo điều gì đó chỉ thuần túy là từ ngữ. Anh vững vàng phủ nhận nó, nhưng không giận dữ.’ (*Sunset and Twilight*, Nicky Mariano (ed), Hamish Hamilton, 1964.)

Vào cuối tháng năm K quay lại Gstaad, chồng tôi và tôi ngừng lại một đêm ở Gstaad trên đường đến Venice của chúng tôi bằng xe hơi và đến thăm anh ở Tannegg. Anh ở một mình ở đó ngoại trừ Fosca. Anh tiếp đãi chúng tôi nồng hậu lắm và đưa chúng tôi đi chơi bằng chiếc xe Mercedes được sở hữu bởi Ủy ban Saanen. Chắc chắn rằng chiếc xe này được yêu quý lắm, ít khi nào được sử dụng, và được anh lau chùi cũng như đánh bóng mỗi lần nó quay về thậm chí khi chỉ chạy một quãng đường ngắn nhất. Tiếp tục vào nước Ý, chúng tôi ngừng tại Castle Hotel ở Pergine nơi chúng tôi đã ở lại vào năm 1924. Tôi gửi cho anh một bưu thiếp của cái tháp tròn mà lúc trước anh đã nhắc hoài. Anh trả lời: ‘Anh không thể nhớ lại bất kỳ điều gì về nó, nó có lẽ là bất kỳ lâu đài nào khác. Nó hoàn toàn bị xóa nhòa khỏi cái trí của anh.’

Năm đó có một người mới tại hợp mặt Saanen mà sẽ có một vai trò quan trọng trong sống bên ngoài của K trong một vài năm, đây là Alain Naudé ba mươi lăm tuổi, một nghệ sĩ dương cầm chuyên nghiệp từ South Africa mà đã học ở Paris và Siena và đã tổ chức những buổi hòa nhạc ở Châu Âu và vào thời gian đó là một giáo sư tại đại học Pretoria. Vì từ niên thiếu đã quan tâm đến đời sống tôn giáo, Alain đã nghe người ta nói về K và đến Saanen trong kỳ nghỉ để nghe anh nói chuyện. Anh ấy gặp riêng K và mùa đông đó ở Ấn Độ khi K ở đó. Khi anh ấy quay lại Pretoria, đầu năm 1964, anh sẽ từ chức giáo sư của anh với mục đích theo đuổi số mạng tinh thần của anh.

Alain Naudé có mặt lại tại Saanen vào mùa hè 1964. Cũng có mặt ở đó vào mùa hè đó là Mary Zimbalist, họ là Taylor, góa phụ của Sam Zimbalist, người sản xuất phim ảnh. Bà là một người Mỹ đã Châu Âu hóa thanh lịch và quý phái từ một gia đình New York có tiếng tăm trong thế giới kinh doanh. Lần đầu tiên bà nghe K nói chuyện tại Ojai cùng

người chồng của bà vào năm 1944. Khi người chồng của bà chết đột ngột vì một cơn đau tim vào năm 1958, vẫn còn bị tan nát bởi đau buồn, bà đã đi nghe K nói chuyện lần nữa tại họp mặt Ojai năm 1960. Sau đó bà đã có một phỏng vấn riêng thật lâu với K trong đó anh đã giải thích cho bà về chết bằng một cách nào đó mà bà hiểu rõ ngay tức khắc: người ta không thể chạy trốn khỏi chết bởi những lộ trình thông thường của tàu thoát; sự kiện của chết phải được hiểu rõ; do bởi sự tàu thoát khỏi cô độc mới mang lại sự đau khổ, không phải sự kiện của cô độc, của chết; sự thương tiếc là tự-thương xót, không phải tình yêu. Mary đã hy vọng nghe anh nói chuyện lại tại Ojai nhưng khi dường như anh sẽ không thể quay lại đó, bà đã đi đến Saanen để nghe anh nói chuyện. Ở đó bà trở thành bạn bè với Alain Naudé và cả hai được K yêu cầu tiếp tục ở lại sau họp mặt để tham dự vài bài luận riêng nhỏ tại Tannegg. Mary cũng có một phỏng vấn riêng khác rất lâu với anh.

Những cổ phiếu được giữ ở nước Anh cho sự chi phí của K lúc này đã ngừng trả tiền lãi, và Doris Pratt đề nghị với Rajagopal rằng trong tương lai tất cả những phí tổn đi lại của K đến Ấn độ và ở Châu Âu nên được trả bởi KWINC đến Ủy ban Saanen, mà ông sẽ nhận những tiền quỹ của KWINC được gây ở Châu Âu; và, bởi vì những lý do sức khỏe, trong tương lai K nên đi lại bằng vé hạng nhất. Rajagopal đồng ý đề nghị thứ nhất nhưng không trả lời đề nghị thứ hai về việc đi vé hạng nhất của K. Nếu suy nghĩ về mọi đồng xu đến KWINC, hoặc trong hình thức những tiền biếu, tiền chúc thư hay tiền nhuận bút từ những quyển sách, được kiếm từ chính K, dường như quá lạ lùng khi tiền bạc được chi phí cho tiện nghi cá nhân của K lại phải có sự cho phép của Rajagopal; và rằng khi K, đã gặp Alain Naudé lại vào mùa đông năm 1964 – 65, muốn anh ấy trở thành thư ký và người đồng hành đi lại

của anh, lại nữa K phải có sự cho phép của Rajagopal để trả cho anh ấy một số tiền lương khiêm tốn. Chắc chắn rằng, ở tuổi bảy mươi, đi lại một mình đã trở thành quá cực nhọc cho K, đặc biệt sau nhiều căn bệnh của anh.

Tôi gặp Alain Naudé và K ở London vào mùa xuân năm 1965 tại tiệm K may quần áo, Huntsman ở Savile Row. Alain đang ở cùng K và tuy nhiên Doris ở trong một ngôi nhà có sân đồ đặc khác ở Wimbledon đồng thời chịu trách nhiệm ghi lại những nói chuyện của K ở Wimbledon. Khi K đi cùng tôi trong chuyến dạo bộ rừng hoa chuông thông thường, dường như anh đang sống trong trạng thái tinh thần tốt hơn những năm trước. Anh kể với tôi Alain đã giúp anh đến chừng nào cho sống của anh, đi cùng anh và chăm sóc hành lý. Anh cảm thấy một đồng cảm cùng anh ấy; anh ấy là người có trái tim nhân hậu, mặc dù trí óc rất nghiêm túc, năng động và thông hiểu quốc tế, cùng một nhạy bén về ngôn ngữ. Mary Zimbalist cũng ở London, nhưng mãi đến năm sau tôi mới gặp chị. Chị thuê một chiếc xe hơi và đưa K và Alain đến thăm những thắng cảnh ở London, và khi ba người đến Paris sau khi rời London, Mary đưa họ đến Versailles, Chartres, Rambouillet và những nơi khác, những chuyến đi thuộc loại vui vẻ mà K đã bị từ chối suốt nhiều năm trong sống nhàm chán bên ngoài của anh.

“Những lý tưởng là những điều tàn nhẫn”

Mary Zimbalist và Alain Naudé đến Ấn độ cùng K mùa đông đó và theo anh cùng những người bạn Ấn độ củ a anh đến tất cả những nơi thường xuyên anh có những nói chuyện và tổ chức những bàn luận. Vào tháng mười hai năm 1965, vẫn còn ở Ấn độ, K nhận được một lời mời bất ngờ từ Rajagopal, mà anh chấp nhận, để nói chuyện tại Ojai vào tháng mười năm 1966. Thủ tướng Ấn độ, Lal Bahadur Shastri chết ngày 11 tháng giêng năm 1966 và Indra Gandhi, bạn thân của Pupul Jayakar, trở thành Thủ tướng.

Mùa xuân năm 1966, nước Anh, tôi gặp M ary Zimbalist. Một buổi chiều chị bất ngờ lái xe cùng K và Alain đến cửa ngòi nhà vùng quê của chúng tôi. Họ đã có một bữa ăn trưa dã ngoại và K hướng dẫn họ đến thăm chúng tôi. Khi cuối cùng ba người của họ lái xe đi khỏi, tôi nhớ lại đã suy nghĩ họ có vẻ là bộ ba đồng hành và hạnh phúc tuyệt vời và tình bằng hữu của họ đã giúp ích cho sức khỏe lẫn tinh thần của K tốt lên biết chừng nào. Nó đã là một chuyến viếng thăm tràn đầy tiếng cười. Tình bạn của tôi với những người bạn mới của K này cũng nảy nở rất mau lẹ. Sau đó, K muốn ở cùng họ bất kỳ nơi nào anh đi. Mùa hè đó họ có mặt tại Gstaad, mặc dù ở tại một căn nhà gỗ khác; tại New York K ở

cùng họ trong căn hộ của người anh Mary và sau đó, ở California, tại ngôi nhà đẹp của Mary trên một vách núi nhô ra biển tại Malibu. Vào ngày 28 tháng mười, ba người họ di chuyển đến Ojai và ngày hôm sau K có nói chuyện lần thứ nhất trong sáu nói chuyện ở Oak Grove, nơi anh đã không nói chuyện từ năm 1960. Trước nói chuyện lần thứ ba một đoàn quay phim truyền hình đến, và lần đầu tiên một nói chuyện của K được quay phim. Tại cơ bản, nói chuyện này liên quan đến điều gì mà tất cả những nói chuyện của anh tập trung vào – tạo ra một thay đổi cơ bản trong cái trí con người. Nếu không có một thay đổi như thế, không thể có sự thay đổi thực sự trong xã hội, không hân hoan thực sự, không hòa bình trong thế giới. Anh đã lặp lại điều gì anh đã nói nhiều lần trước kia – những từ ngữ của anh là một cái gương trong đó người ta có thể thấy điều gì đang thực sự xảy ra trong chính người ta.

Buồn thay, sự hòa giải đã được hy vọng giữa K và Rajagopal không thực hiện được mặc dù họ đã gặp riêng nhau nhiều lần. K vẫn còn quả quyết về việc được đưa lại vào ban quản trị của KWINC; Rajagopal từ chối việc K có bất kỳ trách nhiệm nào cho tổ chức. K cũng nói chuyện với Phó Chủ tịch của KWINC và một trong những ủy viên, cả hai người này anh đều biết rất rõ trong nhiều năm, nhưng họ không thể hay không sẵn lòng giúp đỡ. Sự ghen tuông về hai người bạn mới của K đã không thay đổi được tình thế.

K đi máy bay một mình đến Delhi tháng mười hai đó. (Alain Naudé đã quay lại Pretoria để thăm cha mẹ của anh.) Những nói chuyện của anh ở Ấn độ năm đó là nói chuyện lần cuối được xuất bản bởi KWINC. Mary và Alain quay trở lại với anh ở Rome vào tháng ba 1967 và đi cùng anh đến Paris để ở tại một ngôi nhà mà Mary đã thuê trước. Anh không bao giờ lại ở tại nhà của gia đình Suarès nữa; họ đã ra khỏi sống

của anh sau một loại cãi cọ nào đó với León de Vidas về những sắp xếp cho những nói chuyện ở Paris của anh. Sau Paris, K, cùng Mary và Alain, đến Hà lan nơi K nói chuyện ở Amsterdam lần đầu tiên trong suốt mười một năm. Họ ở một ngôi nhà nông trại tại Huizen, thị trấn nơi Wedgwood đã có cộng đồng của anh, nhưng K không nhớ gì về điều này. Chồng tôi và tôi, tình cờ ở Hà lan vào thời gian đó, đến thăm họ. Ngay khi chúng tôi sắp sửa rời đi, hoàn toàn bất ngờ K hỏi liệu tôi sẽ viết một quyển sách cho anh. Tôi lặng người đi khi tôi nghe chính mình đang nói, ‘Được. Loại sách gì?’ Anh trả lời, ‘Cái gì đó được đặt nền tảng trên những nói chuyện. Anh dành riêng nó cho em.’ Tôi tin rằng chính Alain đã gợi ý việc đó. Tôi chưa bao giờ kể cho K về công việc viết lách của tôi và tôi không nghĩ anh đã biết được, cho đến khi Alain nói cho anh, rằng tôi là một nhà văn chuyên nghiệp. Nhưng không ai trong họ có thể biết rằng tôi đã không đọc một chữ nào trong những quyển sách của K từ năm 1928. Phần còn lại của mùa hè là sự bất hạnh cho tôi bởi tầm quan trọng mà tôi đã hứa hẹn đảm nhận, tuy nhiên tôi không bao giờ suy nghĩ đến việc viết nó. Tôi biết nó là một thách thức khủng khiếp. Khi tôi trở về London tôi hỏi Doris Pratt, người tôi đã biết từ những ngày ở Ommen, điều gì cô nghĩ là những nói chuyện hay nhất của hai năm cuối. Cô giới thiệu những nói chuyện của 1963 – 64 và gửi cho tôi bốn tập giấy những ghi lại trung thực của những nói chuyện ở Ấn độ và Châu âu suốt những năm đó.

Tôi đã đọc những tập này bằng sự hưng phấn mãnh liệt. Nó như thể là tôi đã và đang sống trong một căn phòng có nhiều cửa sổ, tất cả chúng đều bị che kín mít bởi những bức màn sẫm màu dành cho mùa xuân, và khi tôi đọc mỗi hàng tiếp theo mỗi hàng tôi lại càng mù tịt thêm nữa. Những câu phát biểu như ‘những lý tưởng là những điều tàn nhẫn’ và

‘tôi sẽ cố gắng là câu nói gây kinh hãi nhất mà người ta có thể thốt lên’ đã cách mạng sự suy nghĩ của tôi. K nói về cùng những chủ đề cơ bản trong mỗi nói chuyện và vì vậy có nhiều sự lặp lại, mặc dù không bao giờ chính xác cùng những từ ngữ, vì vậy tôi lập nên những chủ đề này trong khoảng một trăm những tiêu đề – Tỉnh thức, Tình trạng bị quy định, Ý thức, Chết, Sợ hãi, Tự do, Thượng đế, Tình yêu, Thiên định – và đã chọn lựa từ chúng những đoạn văn đó mà tôi nghĩ anh đã tự diễn tả rõ ràng và hay ho nhất đồng thời đan kết chúng thành một quyển sách có 124 trang. Tôi không thay đổi một từ nào của K, cũng không thêm vào một từ nào, tuy nhiên quyển sách này không là một hợp tuyển. Trái lại nó là một cơ bản. Tôi chưa bao giờ có một nhiệm vụ hứng thú hơn, tập trung hơn, nhọc nhằn hơn quyển sách này. Một câu mà tôi thuộc lòng là: ‘Được tự do khỏi uy quyền, khỏi cái riêng của bạn và khỏi cái riêng của một người khác, là chết đi mọi thứ của ngày hôm qua, để cho cái trí của bạn luôn luôn trong sáng, luôn luôn tươi trẻ, hồn nhiên, đầy sinh lực và đam mê.’ Quyển sách này, có đầu đề, được chọn bởi chính K, *Freedom from the Known Tự do khỏi Cái đã được biết*, được xuất bản năm 1969.

Đối với tôi chương hay nhất và xúc động nhất là chương nói về tình yêu. Nhiều người nhận xét lời giảng của K là tiêu cực bởi vì thỉnh thoảng anh chỉ có thể khám phá *cái gì đó* là gì bằng cách nói nó không là gì. Tình yêu là một ví dụ cơ bản của việc này. Tình yêu không là sự ghen tuông, tình yêu không là sở hữu, tình yêu không đòi hỏi được thương yêu lại, tình yêu không là sự sợ hãi, tình yêu không là vui thú xác thịt; sự lệ thuộc vào một người khác không là tình yêu, tư tưởng không thể vun quén tình yêu, tình yêu không là sắc đẹp, tình yêu không là tự-thương xót (Điều này khiến người ta hiểu rõ một trong những tuyên bố sau của K:

‘Không có sự việc như là tình yêu không-hạnh phúc’) ‘Bạn không biết thương yêu thực sự có nghĩa gì hay sao,’ anh hỏi ‘ – thương yêu mà không **lận** thù, mà không ghen tuông, mà không gặn hờn, mà không cần can thiệp anh ấy đang suy nghĩ hay đang làm gì, mà không chỉ trích, mà không so sánh – bạn không biết nó có nghĩa gì hay sao? Khi bạn thương yêu người nào đó bằng tất cả quả tim của bạn, bằng tất cả cái trí của bạn, bằng tất cả thân thể của bạn, bằng toàn thân tâm của bạn, có sự so sánh hay sao?’

Ý tưởng mà tôi nhận thấy khó khăn nhất để hiểu rõ là ý tưởng ‘Người quan sát là vật được quan sát’. Cuối cùng tôi đến được một giải thích về điều này: cái ngã nhìn tất cả những trạng thái bên trong của thân tâm nó bằng cái trí bị quy định riêng của nó, và vì vậy điều gì nó thấy là một bản sao của chính nó; điều gì chúng ta *là* là điều gì chúng ta thấy. Ý tưởng của một cái ngã cao cấp hơn mà có thể sai khiến những cái ngã khác là một ảo tưởng, bởi vì chỉ có một cái ngã. Khi K nói trong những nói chuyện khác ‘Trải nghiệm là người trải nghiệm’ và ‘Người suy nghĩ là suy nghĩ’, anh chỉ đang sử dụng những từ ngữ khác biệt để diễn tả cùng ý tưởng.

Đầu tháng sáu 1967 Mary Zimbalist lái xe đưa K và Alain Naudé đến Gstaad, nơi họ ở cùng nhau tại một biệt thự khác trước khi Vanda đến để mở Chalet Tannegg cho K. Một ít ngày trước khi K chuyển đến Tannegg, anh nằm trên giường vì bị sốt. Mary ghi lại trong nhật ký của chị rằng chị tin anh bị mê sảng khi anh nhìn chị mà không nhận ra và nói trong giọng đứa trẻ của anh, ‘Krishna đã đi khỏi.’ Giọng trẻ con hỏi chị liệu chị đã ‘nghe ngờ Krishna’, và thêm vào, ‘Anh không thích bị nghi ngờ. Sau tất cả những năm này tôi không thân thiết với anh nữa.’ Chắc chắn Mary đã chưa nghe được về ‘cái tiến trình’. Mặc dù từ lúc này trở đi chị sẽ tiếp xúc với

anh nhiều hơn bất kỳ người nào khác cho đến khi anh chết, lần này dường như đã là lần duy nhất mà ‘cái tiến trình’ tự bộc lộ nó cho chị. Tuy nhiên anh đã báo trước cho chị rằng thỉnh thoảng anh bị ngắt xiu ngay cả khi đang được lái xe đi; chị phải không lưu tâm và tiếp tục chạy xe chậm chậm. Việc này đã xảy ra nhiều lần. Anh thường bị sụp đổ trên đùi chị hoặc trên vai khi bị ngắt xiu, nhưng sẽ hồi tỉnh mau và không hề hấn gì bởi nó.

Mùa hè đó có khi nói chuyện tại Gstaad về một trường học mà K muốn sáng lập ở Châu Âu. Một người bạn cũ đã biếu anh £50.000 để xây một ngôi nhà cho chính anh để dành khi anh không làm việc nữa. Đã dự tính không bao giờ nghỉ ngơi, anh xin phép liệu anh có thể dùng số tiền đó cho một trường học, một thỉnh cầu mà ngay lập tức được chấp thuận. Mới đây anh đã gặp một người lý tưởng để trở thành Hiệu trưởng của nó – Dorothy Simmons mà, cùng người chồng của bà Montague, vừa về hưu từ công việc điều hành một trường học của chính phủ sau mười tám năm. Chẳng mấy chốc họ đã quyết định rằng ngôi trường mới nên ở nước Anh bởi vì Mrs Simmons không thể điều hành có hiệu quả trong một ngôn ngữ khác. Cuối cùng Brockwood Park, một ngôi nhà đời Georgia to lớn ở Hampshire với ba mươi ba mẫu công viên và vườn, được mua với giá £42.000, và gia đình Simmons, Doris Pratt và một học sinh chuyển vào đó vào cuối năm 1968. K đã quyết định sáng lập trường này ngược lại lời khuyên của cố vấn tài chính lúc đó, Gérard Blitz, người thành lập Club Méditerranée mà khuyên anh không thể làm việc này được cho đến khi gây được nhiều tiền quỹ hơn để trang bị cho nó. Tuy nhiên, chủ trương của K suốt sống của anh là sẽ làm điều gì anh cảm thấy là đúng đắn và tiền bạc sẽ đến bằng cách nào đó. Và thông thường đúng như thế.

Nhưng trước đó, một tan vỡ hoàn toàn đã xảy đến với Rajagopal, và K đã thành lập một Trust mới cho công việc phổ biến những lời giảng của K, chứng thư của Trust mới bảo đảm rằng vị trí của Rajagopal không bao giờ có thể hồi sinh lại. Tại họp mặt Saanen của năm 1968 nó được tuyên bố:

Krishnamurti mong muốn mọi người biết rằng anh đã hoàn toàn tách khỏi Krishnamurti Writings Incorporated of Ojai, California.

Anh hy vọng rằng, vì sự công bố trước công chúng này, những người muốn hợp tác với công việc và lời giảng của anh sẽ ủng hộ tổ chức mới và quốc tế Krishnamurti Foundation of London, England, mà hoạt động của nó sẽ gồm có một trường học. Chứng thư thành lập Foundation bảo đảm rằng những ý định của Krishnamurti sẽ được tôn trọng.

Doris Pratt rút về Brockwood Park sau bốn mươi năm phục vụ tự nguyện tận tâm nhất, và một phụ nữ đã lập gia đình và có một cô con gái, Mary Cadogan, mà đã giúp Doris Pratt từ năm 1958, trở thành Thư ký của Foundation mới. Trước khi bà lập gia đình, bà đã làm việc cho BBC, và khả năng của bà thuộc loại giỏi nhất. (Từ đó bà đã xuất bản năm quyển sách thành công trong thời gian làm Thư ký của Foundation.)

Tiếp theo là một thời gian khó khăn cho đến lúc những tiền bạc và cống hiến cho Foundation mới bắt đầu có. Tài sản của KWINC bị đóng băng nhưng, may thay, Doris Pratt và Mary Cadogan đã tạo được một quỹ nhỏ để giúp Foundation mới có thể vận hành. Tại thời gian này K thành lập một ủy ban xuất bản sách báo dưới quyền chủ tịch của George Wingfield – Digby, sau đó Curator of Textiles tại Victoria và

Albert Museum, một chuyên gia về đồ gốm phương đông và tác giả của một cuộc đời của William Blake. Trong tương lai ủy ban này sẽ chịu trách nhiệm ấn loát những nói chuyện của K và công bố chúng cho báo chí và xuất bản một Bulletin. Sau này những ghi lại trung thực của những nói chuyện được in ở Hà lan thay vì ở Ấn độ.

Một American Krishnamurti Foundation được thành lập năm 1969, và một Indian Foundation năm 1970. Tiếp theo lại có một vụ kiện tụng không tránh khỏi giữa KWINC và American Foundation, mà kéo dài mãi đến năm 1974 khi nó được thu xếp bên ngoài tòa án. Điều khoản chính của sự thu xếp này là rằng KWINC sẽ bị giải tán và một tổ chức khác, K & R Foundation, mà Rajagopal nắm quyền kiểm soát, sẽ giữ bản quyền những tác phẩm của K trước ngày 1 tháng bảy năm 1968; 150 mẫu đất tại đầu phía tây của thung lũng Ojai, gồm cả Oak Grove, và 11 mẫu tại đầu trên cao nơi có Pine Cottage và trường Arya Vihara, sẽ được chuyển đến Krishnamurti Foundation of America (KFA); tài sản bằng tiền mặt của KWINC sẽ được chuyển đến KFA sau khi khấu trừ tổng số tiền nào đó cho những tiền hưu và những phí tổn tòa án của Rajagopal, và Rajagopal sẽ giữ lại sự sở hữu ngôi nhà của anh đến hết đời.

Trong khi vụ kiện đang xảy ra, K tiếp tục những chuyến đi quanh của anh. Những khác biệt là rằng bây giờ khi anh đến nước Anh anh ở Brockwood Park, và khi đến California anh ở với Mary Zimbalist tại Malibu thay vì tại Ojai, và nói chuyện tại Santa Monica thay vì ở Oak Grove. Vào mùa thu năm 1969 Alain Naudé không làm việc cho K nữa và đến sống ở San Francisco nơi anh ấy dạy nhạc. thỉnh thoảng anh ấy ở Malibu và K gặp anh ấy bất kỳ khi nào anh đến San Francisco. Anh ấy đã làm nhiều cho K trong việc giúp K tiếp xúc với giới trẻ ở Mỹ bằng cách sắp xếp cho anh

nói chuyện tại nhiều trường đại học, gồm cả Harvard và Berkeley. Alain viết, “Khá tự nhiên, tuy nhiên hơi ngạc nhiên một tí, Krishnamurti bỗng nhiên là anh hùng và người bạn của những sinh viên này, bởi vì đã từ lâu trước khi họ gặp anh những điều anh trình bày đã trở thành quan trọng đối với họ giống như ăn uống và hít thở. Họ trân trọng điều gì anh nói và cảm thông với anh bằng sự yêu mến rất thân thiết mà không e dè và sợ hãi.”⁵³

Mùa xuân 1970, khi K đang ở tại Brockwood anh yêu cầu tôi viết một chuyện kể về sống lúc còn nhỏ của anh. Trước tiên anh nhờ người bạn cũ của anh, Shiva Rao, viết nó nhưng sau khi tập hợp vô số tài liệu từ Theosophical Archives tại Adyar, Shiva Rao cảm thấy bị bệnh rất nặng và biết rằng anh ấy sẽ không đủ sức khỏe sau khi hồi phục để hoàn thành quyển sách. (Anh ấy chết năm sau.) Vì vậy anh ấy đề nghị giao tất cả tài liệu của anh ấy cho tôi sử dụng. Tôi đã biết anh ấy từ năm 1923, khi tôi đến Ấn độ lần đầu, và chúng tôi vẫn duy trì tình bạn kể từ đó. K nói anh sẽ mang tất cả tài liệu khi anh trở lại đây từ Ấn độ vào đầu năm sau. Dĩ nhiên tôi rất vui khi được yêu cầu viết chuyện kể này nhưng trước khi chấp thuận nó tôi đặt ra điều kiện là không người nào được quyền bắt buộc tôi đưa cho họ xem bất kỳ thứ gì có liên quan. Sau khi đồng ý điều này, K viết một giấy chấp thuận cho phép tôi trích dẫn những lá thư của anh và những truyện kể về trải nghiệm tại Ojai vào năm 1922 của anh mà đã chưa bao giờ được xuất bản. Mặc dù tôi không dự tính bắt đầu quyển sách cho đến khi tôi nhận được tài liệu của Shiva Rao, tôi đến Brockwood vào tháng sáu để thực hiện phỏng vấn đầu tiên của tôi với K về nó. Anh có vẻ rất hứng thú tên gọi ‘the boy’ cậu bé, khi anh nói về chính bản thân của anh, và thắc mắc không hiểu tại sao cậu bé đã được tuyển chọn bởi Leadbeater. Chất lượng cái trí của cậu bé như thế nào?

Cái gì đã bảo bọc cậu bé trong tất cả những năm này? Tại sao cậu bé, được trao tặng tất cả những niềm nọt đó, đã không bị hư hỏng hay bị quy định? Cậu bé có lẽ đã trở thành ‘một kinh tởm’. Sự hiếu kỳ này về cậu bé, mặc dù rất mạnh, hoàn toàn không có tính riêng tư. Như thể anh hy vọng rằng khi viết lại một câu chuyện trung thực, có lẽ tiết lộ điều gì đó để giải thích hiện tượng về một con người mà anh cũng tò mò muốn biết nhưng không hàm ý riêng tư. Đáng ra anh có thể cùng hợp tác nhiều hơn, nhưng, than ôi, anh chẳng nhớ gì về sống ban đầu của anh ngoại trừ điều gì Shiva Rao và những người khác đã kể cho anh.

Một trong những quyển sách của K được xuất bản năm 1970 có đầu đề là *The Urgency of Change Sự Cấp bách của Thay đổi*, bao gồm những câu hỏi thăm dò được đặt ra bởi Alain Naudé tại Malibu và những trả lời của anh. Alain sẽ ghi ra đầy đủ cả những câu hỏi lẫn những câu trả lời, đọc chúng vào một máy thêu băng và đọc chúng lại vào chiều tối cho K để thực hiện bất kỳ những sửa chữa nào. Vì vậy, quyển sách này có một giá trị vượt trội hơn những quyển sách của những nói chuyện được biên tập mà K không bao giờ đọc lại hoặc thậm chí nhìn chúng. Có một đoạn trong nó nói về một trong những chủ đề trở đi trở lại thường xuyên nhất, và là một trong những chủ đề khó nắm bắt nhất – sự kết thúc của tư tưởng:

***Người hỏi:** Tôi không hiểu ông thực sự có ý gì qua cụm từ kết thúc tư tưởng. Tôi kể cho một người bạn về nó và anh ấy trả lời đó là điều vô lý của phương Đông. Theo anh ấy tư tưởng là hình thức cao nhất của thông minh và hành động, tư tưởng tuyệt đối cần thiết. Nó đã tạo ra văn minh và tất cả liên hệ được đặt nền tảng trên nó. Tất cả chúng ta chấp nhận điều này . . . Khi chúng*

ta không suy nghĩ chúng ta ngủ, sống như cây cối hay mơ màng; chúng ta tổng rỗng, vô tri và vô dụng, trải lại khi chúng ta thức chúng ta đang suy nghĩ, đang làm, đang sống, đang cãi cọ: đây là hai trạng thái duy nhất mà chúng ta biết. Ông nói, vượt khỏi cả hai – vượt khỏi suy nghĩ lẫn không-hoạt động trống rỗng. Ông có ý gì qua điều này?

Krishnamurti: *Giải thích rất đơn giản, tư tưởng là sự đáp lại của ký ức, quá khứ. Khi tư tưởng hành động chính là quá khứ này đang hành động như ký ức, như trải nghiệm, như hiểu biết, như cơ hội. Khi tư tưởng đang vận hành nó là quá khứ, vì vậy không có đang sống mới mẻ gì cả; chính là quá khứ đang sống trong hiện tại, đang bổ sung chính nó và hiện tại. Vì vậy chẳng có gì mới mẻ trong sống theo cách đó, và khi cái gì đó mới mẻ sẽ được tìm ra phải có sự vắng mặt của quá khứ, cái trí phải không bị làm tắc nghẽn bởi tư tưởng, sợ hãi, vui thú, và mọi thứ khác. Chỉ khi nào cái trí không bị tắc nghẽn thì cái mới mẻ có thể hiện diện, và bởi vì lý do này chúng ta nói rằng tư tưởng phải đứng yên, vận hành chỉ khi nào nó phải – một cách khách quan, một cách hiệu quả. Tất cả sự tiếp tục là tư tưởng; khi có sự tiếp tục không có gì mới mẻ. Bạn thấy được sự quan trọng của nó chứ? Thật ra nó là một vấn đề của sống, chính nó. Hoặc bạn sống trong quá khứ, hoặc bạn sống hoàn toàn khác hẳn; đó là toàn mầu chốt.*

Trong quyển Notebook của anh, K đã viết: ‘Có một thiêng liêng không thuộc tư tưởng, cũng không thuộc một cảm thấy được làm sống lại bởi tư tưởng. Nó không thể được công

nhận bởi tư tưởng và cũng không thể được sử dụng bởi tư tưởng. Tư tưởng không thể đưa nó vào một khuôn mẫu. Nhưng có một thiêng liêng, không tiếp xúc được bởi bất kỳ biểu tượng hay từ ngữ nào. Nó không thể truyền đạt được.’ Đây là toàn bộ sự khó khăn của một ý tưởng như là: sự kết thúc của tư tưởng – nó không thể truyền đạt được nếu không nhờ vào tư tưởng.

Sau đó K sẽ nói: ‘Tư tưởng gây ô uế’ và ‘Tư tưởng là sự sai lạc’. Những câu phát biểu trơ trụi này mà không có bất kỳ giải thích nào đều không thể hiểu được. Tư tưởng bị sai lạc bởi vì nó ‘bị vỡ vụn’, ‘bị rời từng mảnh’. Dĩ nhiên, điều gì anh nói là tư tưởng thuộc tâm lý. Tư tưởng có cần thiết trong những mục đích thực tế, giống như ký ức.

K cũng phát biểu quan điểm của anh đối với tình dục trong quyển *The Urgency of Change*, khi trả lời câu hỏi: ‘Liệu có thể có tình dục nếu không có sự ham muốn này của tư tưởng?’

Bạn phải tìm ra cho chính bạn. Tình dục có một vị trí quan trọng trong đời sống của chúng ta bởi vì có lẽ nó là trải nghiệm trực tiếp, sâu sắc duy nhất mà chúng ta có. Theo trí năng và theo cảm xúc chúng ta có thể bắt chước, tuân theo, vâng lời. Có đau khổ và xung đột trong tất cả những liên hệ của chúng ta, ngoại trừ trong hành động ái ân. Hành động này, bởi vì quá khác biệt và hay ho, chúng ta trở nên nghiện ngập, vậy là luân phiên nó trở thành một trói buộc. Sự trói buộc là sự đòi hỏi có sự tiếp tục của nó – lại nữa là hành động của cái trung tâm mà phân chia. Người ta bị bao vây dày đặc – theo trí năng, trong gia đình, trong cộng đồng, qua đạo đức của xã hội, qua phép tắc của tôn giáo – bị bao vây dày đặc đến độ chỉ có một liên hệ này

còn sót lại mà trong đó có tự do và mãnh liệt. Vì vậy chúng ta trao cho nó quan trọng khủng khiếp. Nhưng nếu có tự do vĩnh viễn, vậy thì tình dục sẽ không là một thèm khát như thế và một vấn đề như thế. Chúng ta biến nó thành một vấn đề bởi vì chúng ta không thể thỏa mãn nó hoàn toàn, hay bởi vì chúng ta cảm thấy bị tội lỗi khi đã có nó, hay bởi vì khi có được nó chúng ta phá vỡ những luật lệ mà xã hội đã đặt ra. Chính là xã hội cũ mà gọi xã hội mới là buông thả, bởi vì đối với một xã hội mới tình dục là một phần của cuộc sống. Trong làm tự do cái trí khỏi sự trói buộc của bất chước, uy quyền, tuân phục và những toa thuốc tôn giáo, tình dục có vị trí của nó, nhưng nó sẽ không chiếm trọn thời gian. Từ điều này người ta có thể thấy sự tự do là cốt lõi cho tình yêu – không phải sự tự do của cách mạng, không phải sự tự do của làm điều gì người ta ưa thích và cũng không phải buông thả một cách công khai hay lén lút những khao khát của người ta, nhưng trái lại sự tự do mà hiện diện trong sự hiểu rõ toàn cấu trúc và bản chất này của cái trung tâm. Lúc đó tự do là tình yêu.⁵⁴

K quyết định không đến Ấn độ vào mùa đông năm 1971, không phải bởi vì sự đe dọa chiến tranh giữa Ấn độ và Pakistan, nhưng bởi vì, như anh kể cho Mary Zimbalist, thân thể của anh bị ‘mệt mỏi đến tận xương tủy’ và anh cần một cơ hội để bắt kịp cái trí của anh mà ‘đang bùng nổ đầy năng lượng’. Vì vậy, trong vài tuần kế tiếp, từ 20 tháng mười một, anh nghỉ ngơi hoàn toàn tại nhà của Mary tại Malibu, đi xem phim, dạo bộ trên bãi biển, xem truyền hình và đọc truyện trinh thám. Nhưng luôn luôn khi đang nghỉ ngơi yên tĩnh, bộ đầu của anh rất nặng nề; anh thường thức dậy nhiều tiếng

đồng hồ vào ban đêm cùng sự mãnh liệt của thiên định của anh và nhiều lần anh thường thức dậy sau giấc ngủ cùng một ý thức của ‘hân hoan đặc biệt’, cảm thấy rằng căn phòng đầy ‘những sinh linh thiêng liêng kiệt xuất’. Chắc chắn ‘cái tiến trình’ đang xảy ra trong một hình thức dịu dàng mà không có ‘đi khỏi’ của anh. Anh cảm thấy rằng cái gì đó đang xảy ra để làm dân ở bộ não của anh, bởi vì có ‘một ánh sáng lạ thường đang đốt cháy trong cái trí của anh’. Lúc nào anh cũng nói rằng anh đã không cảm thấy được nghỉ ngơi nhiều từ khi có chiến tranh. Tuy nhiên thân thể của anh đã trở nên rất nhạy cảm đến độ vào một chiều tối, khi máy truyền hình đang được bật lên và anh đã ‘đi xa rồi’, anh trải qua một choáng váng khi Mary nói chuyện với anh đến độ anh bắt đầu rung động và cảm thấy những ảnh hưởng của choáng váng đó suốt đêm.’* Những thiên định này, mãnh liệt đến độ chúng bắt buộc anh thức giấc suốt nhiều tiếng đồng hồ, được tiếp tục mãi đến khi anh đi New York vào tháng năm 1972 để thực hiện những nói chuyện.

Năm này sự xuất bản lần đầu tiên sách Krishnamurti từ Ấn độ được khởi sự, quyển *Tradition and Revolution Truyền thống và Cách mạng*, được biên tập bởi Pupul Jayakar và Sunanda Patwardhan, và được xuất bản bởi Orient Longman. Nó gồm có ba mươi đối thoại được thực hiện trong suốt hai năm 1970 – 71 ở New Delhi, Madras, Rishi Valley và Bombay với một nhóm ít người – những nghệ sĩ, những người chính trị, những khát sĩ và những học giả – những người K đã gặp gỡ từ khi quay lại Ấn độ vào năm 1947. Mặc dù không có gì mới mẻ được nói đến trong những bản luận này, sự tiếp cận là mới mẻ và khác biệt một cách thú vị trong việc sử dụng một loạt những từ chuyên môn của Ấn độ. Có

* Những trích dẫn từ nhật ký của Mary.

một đoạn văn đặc biệt không thể quên được: ‘Chỉ có một cách gỡ gỡ sự đau khổ. Những tẩu thoát mà tất cả chúng ta đều quen thuộc thực ra là những phương cách để tránh xa trọng tâm của đau khổ. Cách duy nhất để tránh xa sự đau khổ là ở cùng nó mà không có bất kỳ kháng cự, ở cùng nó mà không có bất kỳ chuyển động thoát khỏi đau khổ, cả bên ngoài lẫn bên trong, ở lại trọn vẹn cùng đau khổ mà không muốn thoát khỏi nó.’

Luôn có một khuynh hướng trong những người Ấn độ đi theo của K để coi anh như một người Ấn độ bởi vì anh được sinh ra trong một thân thể người Ấn, trái lại chính anh phản đối bằng cách nói rằng anh không phụ thuộc vào chủng tộc hay dân tộc cũng như bất kỳ tôn giáo nào. Thông hành Ấn độ của anh gây khó khăn cho anh để nhận được hộ chiếu đi nước Anh hay Mỹ vì vậy anh rất biết ơn khi, năm 1977, anh nhận được một Green Card giúp anh vào nước Mỹ mà không cần một hộ chiếu.

K ghé lại Brockwood vài ngày vào tháng hai năm 1973 trên đường từ Bombay đến Los Angeles. Lúc này tôi đang mê mải viết chuyện kể về sống lúc ban đầu của anh mà sẽ là quyển thứ nhất trong một tiểu sử gồm ba quyển, nhưng tôi đã có những nghi ngại về vấn đề liệu có khôn ngoan khi xuất bản nó, cùng một lúc câu chuyện quá điên rồ và tuy nhiên trong chừng mực nào đó lại quá thiêng liêng; vì vậy tôi đi đến Brockwood trong một ngày để nói chuyện cùng anh. Một mình cùng anh sau bữa ăn trưa trong căn phòng khách rộng lớn của West Wing, khu đó của ngôi nhà đã trở thành tổ ấm của anh khi ở nước Anh (anh đang ngồi trong một cái ghế dựa cứng như anh luôn luôn ưa thích ngồi được kéo sát gần cái sofa nơi tôi ngồi), tôi trình bày những nghi ngại của tôi cho anh nghe. Anh trả lời tức khắc, ‘Em không thể cảm thấy nó trong căn phòng hay sao?Ồ, đó là câu trả lời của em.’ Tôi

không đang ở trong một trạng thái tâm linh huyền bí nào cả nhưng tại khoảnh khắc đó tôi *đã* cảm thấy một rung động rợn rùng nhẹ trong căn phòng mà có lẽ dễ dàng được hiểu là sự tưởng tượng. Chắc chắn anh đã cảm thấy nó đang đến từ phía ngoài anh và đang thể hiện sự ưng thuận của nó. Tôi hỏi gặng, cái sự vật này là gì? Quyền năng này? Cái gì đằng sau anh? Em biết anh luôn luôn cảm thấy được bảo vệ nhưng nó là cái gì hay là ai mà ~~đ~~ vệ anh?’ ‘Nó ở đó, như thể nó ở phía sau một bức màn,’ anh trả lời, duỗi dài một bàn tay ra phía sau anh như thể để cảm thấy một bức màn vô hình. ‘Anh *có thể* nhắc nó lên nhưng anh không cảm thấy đó là công việc của anh.’

Chiều hôm đó khi tôi ra về, K đã lên phòng của anh để nghỉ ngơi, và con gái của tôi, người đã lái xe đưa tôi đi từ London, đang chờ đợi sốt ruột trong xe hơi bên ngoài. Sau khi đã chào từ giã mọi người trong ngôi trường, tôi phải quay lại West Wing để lấy chiếc áo khoác của tôi từ phòng cất mũ áo. Khi tôi đi ngang qua cái cửa đang mở của phòng khách, không có suy nghĩ nào trong đầu của tôi ngoại trừ sự vội vã, một năng lượng khủng khiếp ủa ra ập vào tôi, gây kinh hãi trong sức mạnh của nó. Nó thù ghét tôi à? Một việc tôi có biết là rằng nó *đã không* là tưởng tượng hay tự-gợi ý. Tôi có được kết luận rằng nó không thù ghét cá nhân. Như tôi tưởng tượng, cảm giác của tôi giống như bị kẹt trong luồng xoáy của một cái chân vịt tàu thủy. Đây là cái nguồn, cái năng lượng mà xuyên suốt K quá thường xuyên? Tại thời gian đó tôi đã không biết rằng năm trước, tại Ojai, K đã bị vặn hỏi về cùng chủ đề của năng lượng đằng sau anh bởi một nhóm ủy viên của American Foundation, trong số những người đó có Erna Lilliefelt và chồng của bà, Theodor, mà sống tại Ojai, là những người nổi tiếng nhất; thật ra, Foundation hầu như

không thể hoạt động được nếu không có Erna. K đã nói vào dịp đó, nói về chính anh trong ngôi thứ ba:

Trước hết chúng ta đang tìm hiểu điều gì đó mà chính K chưa bao giờ tìm hiểu. Anh ấy chưa bao giờ hỏi, ‘Tôi là ai?’ Tôi cảm thấy chúng ta đang khoét sâu vào cái gì đó mà cái trí có ý thức không bao giờ có thể hiểu rõ, mà không có nghĩa rằng tôi đang tạo ra một huyền bí về nó. Có cái gì đó. Mặc dù quá mệnh mang không thể diễn tả ra từ ngữ. Có một nguồn dự trữ to lớn, như nó đã là, mà nếu cái trí con người có thể tiếp xúc được có thể bộc lộ cái gì đó mà không tần thoai, sáng chế, giáo điều thuộc trí năng nào, đã từng có thể bộc lộ. Tôi không đang tạo ra một huyền bí về nó – đó sẽ là trò ma mãnh trẻ con ngu xuẩn, một việc dễ tiện nhất để làm bởi vì điều đó sẽ đang trục lợi con người. Hoặc người ta tạo ra một huyền bí khi không có một huyền bí, hoặc có một huyền bí mà người ta phải tiếp cận bằng sự ngáp ngừng và tỉnh té lạ thường. Và cái trí có ý thức không thể làm việc đó. Nó ở đó. Nó ở đó nhưng bạn không thể đến với nó, bạn không thể mời mọc nó. Nó không là sự thành tựu tăng dần lên. Có cái gì đó nhưng bộ não không thể hiểu nó.

K rất phần nộ khi tại gặp gỡ này người ta gợi ý rằng anh có lẽ là một trung gian. ‘Dĩ nhiên tôi không là một trung gian, điều đó chắc chắn. (Giải thích) đó là quá trẻ con, quá không chín chắn.’ Anh được hỏi, anh có ý thức được rằng anh đang bị sử dụng hay không? ‘Không. Điều đó giống như một trạm xăng đang được sử dụng bởi những người khác.’ Tiếp theo đến phiên anh hỏi lại: ‘Có cái gì đó đang xảy ra trong bộ não mà không được mời mọc bởi tôi – những trải nghiệm khác nhau

giống như thế này tại Ojai và những thời gian khác? Ví dụ, tôi thức dậy lúc 3.30 và có một ý thức vô hạn của năng lượng, năng lượng nổ tung, vẻ đẹp vô cùng, mọi loại sự việc đã xảy ra. Loại trải nghiệm này lúc nào cũng đang xảy ra khi thân thể không quá mệt.⁵⁵

Tại thời gian này K diễn tả đầy đủ cho Mary Zimbalist về sự thức dậy này trong đêm. Chị ghi lại và chuyển nó cho tôi trong một lá thư: ‘Anh thức dậy lúc ba giờ sáng cùng một ý thức của năng lượng lạ thường, ánh sáng đang **đ**ốt cháy trong cái trí. Không có **ng**ười quan sát. Sự kiện đó từ phía bên ngoài nhưng người quan sát không hiện hữu. Chỉ có cái đó và không **ò**n gì khác. **N**ăng lượng này xuyên suốt toàn thân tâm. Anh ngồi dậy và nó kéo dài ba tiếng đồng hồ.’ Anh kể cho Mary rằng anh thường thức dậy cùng cảm thấy lạ thường của năng lượng vô hạn và mới mẻ. Sau đó ít năm, anh yêu cầu Mary viết ra một trải nghiệm khác mà anh đã có, lại nữa được chuyển đến tôi trong một lá thư:

*Trước khi bắt đầu asanas, * anh ấy (K) thường ngồi rất yên lặng, không suy nghĩ gì cả. Nhưng sáng nay một sự việc lạ thường đã xảy ra, không được mong đợi nhất và không cách nào **m**ời mọc được – và vả lại bạn không thể **m**ời mọc những sự việc này. Bỗng nhiên nó xuất hiện như thể ngay trung tâm của bộ đầu, bộ não anh, ngay bên trong, có **phi** không gian mệnh mang mà trong đó là năng **l**ượng không thể tưởng tượng được. Nó ở đó, nhưng không có bất kỳ sự việc nào được ghi lại, bởi vì những sự việc được ghi lại là một lăng phi*

* Những tư thế của yoga. Đầu tiên K đã được dạy những bài tập yoga bởi B. K. S. Iyengar, nhưng từ năm 1965 trong nhiều năm anh được dạy bởi người cháu trai của Iyengar tên là T. K. B. Desikachar, tại Vasanta Vihar và Chalet Tannegg. Anh thực hành yoga chỉ như một hình thức của luyện tập thân thể.

của năng lượng. Nếu người ta có thể gọi nó như thế, nó là năng lượng tinh khiết trong một tình trạng không giới hạn, một không gian mà không có gì cả ngoại trừ ý thức của bao la này. Người ta không biết nó đã kéo dài bao lâu nhưng toàn bộ suốt buổi sáng nó đã ở đó, và khi những sự việc này đang được viết ra nó giống như thể là nó đang mọc rễ và đang trở nên vững chắc. Thật ra, những từ ngữ này không là chính sự việc.

Những diễn tả của K về năng lượng mà đi vào anh sẽ được ghi lại cẩn thận trong hình thức đầu băng mà anh đã thực hiện ngay trước khi anh chết, lần đầu băng cuối cùng mà anh đã từng thực hiện.

‘Trương lai là ngay lúc này’

Hai quyển sách nữa được viết bởi K được xuất bản vào năm 1973, trước thời gian đó trên thực tế những quyển sách của anh đã không còn được phê bình trong báo chí, dẫu vậy chúng tiếp tục được bán rất chạy. Người ta có thể hiểu rõ sự khó khăn khi phê bình chúng, tuy nhiên, John Stewart Collis, người không biết K, chấp nhận sự thách thức khi ông phê bình quyển sách mỏng đầu tiên, *Beyond Violence Vượt khỏi Bạo Lực*, cho tờ Sunday Telegraph tháng ba năm 1973:

Muốn trong sáng lại rất cần thiết phải trong sáng. Điều này vô cùng hiếm hoi trong những nghệ thuật. Trong lãnh vực của tư tưởng thuộc đạo đức-triết học-tôn giáo, nó không bao giờ được tìm thấy. J. Krishnamurti luôn luôn trong sáng, ông luôn luôn gây sửng sốt. Tôi nghi ngờ liệu một câu nói rập khuôn nào đã có lần thốt qua miệng ông.

Ông cũng rất khó hiểu. Không phải bởi vì ông luôn luôn sử dụng một từ ngữ dài nhưng bởi vì ông không tin tưởng ‘niềm tin’. Điều này phải gây kinh hoàng cho những người phụ thuộc vào những chủ nghĩa và những học thuyết. Ông tin tưởng Tôn giáo, trong ý nghĩa cơ bản của từ ngữ đó, nhưng không trong những tôn giáo hay trong bất kỳ những hệ thống của tư tưởng nào.

Tiêu đề phụ của quyển Beyond Violence là ‘Những ghi lại Trung thực của những nói chuyện và những Bàn luận ở Santa Monica, San Diego, London, Brockwood Park, Rome’. Đầu tiên Krishnamurti thực hiện một nói chuyện và tiếp theo trả lời những câu hỏi. Những câu hỏi đều thông thường, như ng câu trả lời không bao giờ thông thường. ‘Niềm tin trong sự hợp nhất của tất cả những sự vật, không giống như con người có niềm tin trong sự phân chia của tất cả những sự vật hay sao?’

‘Tại sao bạn muốn tin tưởng sự hợp nhất của những con người? – chúng ta không hợp nhất, đó là một sự kiện. Tại sao bạn muốn tin tưởng điều gì đó mà là không-sự kiện? Có toàn vấn đề của niềm tin này, chỉ cần suy nghĩ, bạn có những niềm tin của bạn và một người khác có những niềm tin của anh ấy; và chúng ta chiến đấu và giết chết lẫn nhau vì một niềm tin.’

Lại nữa:

‘Khi nào chúng ta nên có những trải nghiệm tâm linh?’

‘Không bao giờ! Bạn biết có những trải nghiệm tâm linh là gì không? Muốn có trải nghiệm tâm linh, bạn phải chín chắn lạ thường, nhạy cảm lạ thường, và thông minh lạ thường; và nếu bạn thông minh lạ thường, bạn không cần trải nghiệm tâm linh.’

Trọng tâm của quyển sách này đề cập đến sự thay đổi chính chúng ta, để vượt khỏi bạo lực đang lan tràn khắp mọi nơi:

‘Được tự do khỏi bạo lực hàm ý sự tự do khỏi mọi thứ mà con người đã áp đặt vào một người khác, niềm tin, tín điều, nghi lễ, quốc gia của tôi, quốc gia

của bạn, thượng đế của tôi, thượng đế của bạn, quan điểm của tôi, quan điểm của bạn.'

Làm thế nào đạt được sự tự do này? Tôi vô cùng xin lỗi, nhưng tôi không thể đưa ra thông điệp của Krishnamurti trong một câu ngắn gọn. Bạn phải đọc sách của K. Hành động một mình đọc sách của ông tạo ra một thay đổi trong người đọc. Một đầu mối: thay thế cho suy nghĩ là hành động của chú ý – năng lượng để nhìn.

Quyển thứ hai, *The Awakening of Intelligence & Thức dậy của Thông minh*, là một quyển rất dài, được biên tập bởi George và Cornelia Wingfield – Digby với mười bảy hình ảnh của K được chụp bởi Mark Edwards. Từ đầu những năm 1930 qua trên ba mươi năm, K đã khước từ sự chụp ảnh. Khi anh bớt nghiêm khắc vào năm 1968 một người chụp ảnh tự do, Mark Edwards, vừa tốt nghiệp trường nghệ thuật, tình cờ xin phép chụp ảnh anh. Từ đó trở đi Mark đã tạo được một tên tuổi cho chính anh ấy bởi những bức ảnh của Thế giới Thứ ba và đã làm nhiều công việc nhiếp ảnh cho Krishnamurti Foundation. (Sau này K ~~được~~ chụp bởi Cecil Beaton và bởi Karsh of Ottawa.)

The Awakening of Intelligence chứa đựng những phỏng vấn bởi nhiều người khác nhau, gồm cả ‘Những đối thoại giữa Krishnamurti và Jacob Needleman’, Giáo sư Triết học tại San Francisco State College, ‘Những đối thoại giữa Krishnamurti và Swami Ventakesananda’, ‘Những đối thoại với Alain Naudé’ và một đối thoại với Giáo sư David Bohm, người tại thời gian đó là Prof Vật lý lý thuyết tại Birkbeck College, London University. David Bohm là một người bạn của Einstein tại Princeton vào những năm 1940. Đầu tiên anh ấy chú ý đến K khi tình cờ tìm thấy quyển *The First and*

Last Freedom trong một thư viện. Anh ấy đã tham dự những nói chuyện của K tại Wimbledon năm 1961 và từ thời gian đó đã thường xuyên đến Saanen và Brockwood nơi anh ấy đã có những bàn luận cùng K. Anh ấy là tác giả của nhiều quyển sách về thuyết lượng tử, và năm 1980 anh sẽ xuất bản quyển *Wholeness and the Implicate Order Tổng thể và Trật tự liên quan*, đề xuất một lý thuyết cách mạng của vật lý hao hao giống lời giảng của K về tổng thể của sống.

Trong đối thoại đầu tiên của anh với Prof Needleman, K nhấn mạnh sự quan trọng phải loại bỏ tất cả những quy định thuộc tôn giáo: ‘Người ta phải loại bỏ tất cả những hứa hẹn, tất cả những trải nghiệm, tất cả những khẳng định huyền bí. Tôi nghĩ người ta phải bắt đầu như thể người ta tuyệt đối không biết gì cả.’ Needleman ngắt lời, ‘Việc đó khó quá.’ ‘Không, thưa bạn, tôi không nghĩ việc đó khó khăn. Tôi nghĩ nó chỉ khó khăn cho những người đã nhét đầy vào họ hiểu biết của những người khác.’ Và tiếp theo trong bàn luận, K nói, ‘Tôi không đọc bất kỳ những quyển sách tâm lý, triết học, tôn giáo nào; người ta có thể tự thâm nhập vào chính người ta tại chiều sâu thăm thẳm và phát giác mọi thứ.’ Đó là điều cơ bản cho lời dạy của K – rằng sự hiểu rõ tổng thể về sống có thể được khám phá trong chính người ta, bởi vì, như anh đã nói tại một trong những đối thoại của anh với Alain Naudé: ‘Thế giới là tôi và tôi là thế giới, ý thức của tôi là ý thức của thế giới, và ý thức của thế giới là tôi. Vì vậy khi có trật tự trong con người có trật tự trong thế giới.’

Trong những đối thoại của anh với Swami, K xác định quan điểm của anh về những đạo sư. Trong trả lời của anh cho câu hỏi của Swami, ‘Bây giờ theo ông, vai trò của đạo sư là gì, một người thầy hay một người đánh thức?’, K trả lời, ‘Thưa bạn, nếu bạn đang sử dụng từ ngữ *guru đạo sư* trong ý nghĩa cổ điển của nó mà là người xua đuổi sự tối tăm, sự dốt

nát, liệu một người khác, dù anh ấy là bất kỳ ai, được khai sáng hay ngu dốt, có thể thực sự giúp đỡ xua đuổi sự tối tăm trong chính người ta?’ Tiếp theo Swami hỏi, ‘Nhưng Krishnaji, ông không chấp nhận rằng sự vạch ra là cần thiết hay sao?’ Điều này K trả lời, ‘Vâng dĩ nhiên, tôi vạch ra. Tôi làm điều đó. Tất cả chúng ta đều làm điều đó. Tôi hỏi một người đàn ông trên đường, “Ông làm ơn chỉ cho tôi đường đến Saanen”, và ông ấy chỉ cho tôi; nhưng tôi không phí thời gian và đòi hỏi sự tận tình và nói, “Thượng đế của tôi ơi, ông là người vĩ đại nhất.” Điều đó quá trẻ con.’

Do bởi những bàn luận với David Bohm của K, mà tiếp tục đều đặn trong nhiều năm, anh nói chuyện mỗi lúc một nhiều hơn về sự kết thúc của thời gian cũng như sự kết thúc của tư tưởng. Anh quá hưng phấn và bị kích thích bởi những bàn luận này, cảm thấy rằng một cây cầu đã được bắc qua giữa những cái trí tôn giáo và những cái trí khoa học. Nó có lẽ được gọi là sự tiếp cận thuộc trí thức hơn là sự tiếp cận thuộc trực giác đến lời giảng của anh. David Bohm ưa thích bắt đầu một bàn luận bằng cách cho một ý nghĩa gốc của một từ ngữ như một trợ giúp để hiểu rõ, và thỉnh thoảng K thông qua thói quen này cho chính anh trong những nói chuyện về sau của anh, không thêm vào sự rõ ràng của nó và trong một trường hợp gây ra sự hoang mang nào đó. Bohm đã vạch rõ cho K rằng từ ngữ ‘reality’ được rút ra từ ‘res’, một sự vật, một sự kiện, và sau đó thỉnh thoảng K sẽ dùng từ ngữ đó cho ý nghĩa tối thượng hay chân lý. Như anh đã dùng trong nhiều năm, hay, sau khi nói chuyện với Bohm, để có ý nói một sự kiện, như cái ghế chúng ta ngồi trên nó, cây bút chúng ta cầm, quần áo chúng ta mặc, cơn đau răng chúng ta cảm thấy. Khi biết rằng từ ngữ ‘communicate’ truyền đạt được rút ra từ Latin cho nghe ‘make common’ chuyển thành chung đã không giúp K truyền đạt cái không thể truyền đạt mà anh

luôn luôn cố gắng thực hiện. Tuy nhiên nhiều người hưởng ứng đến sự tiếp cận thuộc trí năng mới mẻ của K hơn là đến sự huyền bí thuộc thi ca của anh hay những diễn tả về thiên nhiên của anh như: ‘Mặt trời hoàng hôn trên cỏ non và rực sáng trên mỗi lá cỏ. Những chiếc lá mùa xuân vừa ở trên đầu, quá mềm mại đến độ khi bạn chạm vào chúng bạn có thể cảm nhận chúng.’

Nhiều hội nghị của những người khoa học và những người tâm lý học được tổ chức tại Brockwood và Ojai, theo yêu cầu của K, và những hội thảo được sắp xếp bởi Dr David Shainberg mà K tham dự. Nói chung, những gặp gỡ này gây thất vọng. K thực sự không hứng thú những kết luận và những ý tưởng thuộc tâm lý đạt được bởi những người khoa học và triết lý; điều gì anh ưa thích là sự kích thích những cái trí khác với mục đích đào sâu thêm nữa vào chính anh ấy, trái lại những người tham dự những hội nghị theo tự nhiên lại muốn đọc lớn tiếng những tờ giấy ý kiến riêng của họ. Nhưng K háo hức nắm bắt bất kỳ thông tin mới thực tế nào về những phát triển thông tin khoa học mới đang xảy ra trong thế giới. Tuy vậy anh học hết mức về ngành di truyền học từ Prof. Maurice Wilkins, một người đoạt giải Nobel về y khoa, mà đã tham dự trong những hội nghị Brockwood, và sau đó anh mê say học về máy vi tính từ Asit Chandmal, cháu trai của Pupul Jayakar, người đã làm việc về máy vi tính với nhóm India Tata. Trong quá khứ cũng thế, K đã muốn học tất cả về động cơ cháy bên trong và những dụng cụ cơ khí khác như động hồ và máy ảnh. Vào một ngày nào đó tại Brockwood khi K có mặt, một người hỏi Mark Edwards một câu hỏi kỹ thuật về nhiếp ảnh, Mark bị kinh ngạc khi K ngay lập tức tự đưa ra câu trả lời, rõ ràng và chính xác.

Một trong những việc lạ thường về K là sự thoải mái bình đẳng khi anh nói chuyện nghiêm túc với một người

giảng đạo, một thầy tu Phật giáo, một người khoa học phương Tây, một tỷ phú công nghiệp, một thủ tướng hay một nữ hoàng. Mặc dù nhút nhát và khiêm tốn, và chẳng đọc sách báo bao nhiêu và không có sự tự phụ về trí thức, anh không sợ hãi khi thảo luận trước công chúng về những vấn đề tâm lý sâu sắc nhất với những người tâm lý học, những người khoa học và những người thầy tôn giáo vĩ đại nhất của thế giới. Tôi nghĩ, sự giải thích về điều này là rằng trong khi những người khác thuyết trình và tranh luận về những lý thuyết của x, K thấy x rõ ràng như thể nó nằm trong bàn tay riêng của anh.

Vào tháng sáu năm 1973 có một gặp gỡ quốc tế ở Brockwood của những đại diện tất cả ba Foundation, đây là gặp gỡ lần đầu tiên. K quan tâm đến những vấn đề nảy sinh sau khi anh chết và những ủy viên đang làm việc chết. Anh không thể biết được những Foundation sẽ được tiếp tục như thế nào. Quan điểm của anh với tương lai đã thay đổi hoàn toàn từ điều gì nó đã xảy ra vào tháng tám năm 1968 khi, trong một dạo bộ ở Epping Forest, chồng của tôi đã hỏi anh điều gì sẽ xảy ra cho English Foundation mới của anh và tất cả công việc của anh sau khi anh chết, và anh trả lời bằng một cử chỉ bao quát, 'Tất cả nó sẽ biến mất.' Những lời giảng của anh sẽ vẫn còn và những quyển sách và những cuộn băng của anh; mọi thứ khác có thể không còn.

Khi bây giờ nó được gợi ý, tại gặp gỡ quốc tế này, rằng anh nên chọn vài người trẻ để tiếp tục, anh trả lời: 'Hầu hết những người trẻ dựng lên một rào chắn giữa chính họ và tôi. Chính những Foundation có trách nhiệm tìm ra những người trẻ. Các bạn có lẽ tìm ra dễ dàng hơn tôi, bởi vì người ta yêu quý tôi, khuôn mặt của tôi, họ say mê hình dáng cá nhân của tôi, hay họ muốn tiến bộ phần tinh thần . . . nhưng trường học

phải tiếp tục vô hạn bởi vì chúng có lẽ sản sinh một loại con người khác biệt.’

Sản sinh một loại con người khác biệt là mục đích của lời giảng của K. Năm đó chủ đề chính tại họp mặt Saanen là làm thế nào để tạo ra ‘một thay đổi tâm lý, cách mạng, cơ bản trong cái trí’. Thêm nữa, lúc này anh bắt đầu nói rằng sự thay đổi phải là tức khắc. Thật là vô ích khi nói, ‘Tôi sẽ cố gắng thay đổi’, hay, ‘Tôi sẽ khác hẳn vào ngày mai’, bởi vì điều gì bạn đã là hôm nay bạn sẽ là vào ngày mai. ‘Tương lai là ngay lúc này’ là một cụm từ anh sẽ dùng.

Sau Saanen, K quay lại Brockwood cho họp mặt hàng năm đã xảy ra ở đó suốt bốn năm qua, và ở lại đó cho đến khi anh đi Ấn độ vào tháng mười. Lúc này bất kỳ khi nào anh ở tại Brockwood, anh sẽ đến London một lần mỗi tuần cùng Mary Zimbalist, thỉnh thoảng đến nhà sĩ hay tiệm hớt tóc, Truefitt & Hill ở Bond Street – nhưng luôn luôn đến tiệm may quần áo cho anh, Huntsman, thường chỉ đưa cho họ một cái quần dài để sửa lại hay chỉnh lại không biết bao nhiêu lần một bộ com-lê mà chưa bao giờ đạt được tiêu chuẩn về hoàn hảo của anh. Hiếm khi nào anh đặt một bộ com-lê mới. Có vẻ anh ưa thích bầu không khí của cửa hàng, nấn ná ở lại để tìm hiểu bằng sự chú ý hoàn toàn những cây vải đang nằm trên quầy hàng. Tôi sẽ dùng bữa trưa cùng họ bất kỳ khi nào họ đến London, trong nhà hàng tầng thứ tư tại Fortnum & Mason, một chuyên đạo bộ ngắn thanh thân từ Savile Row qua khu Burlington Arcade và tiếp đến tiệm sách Hatchards nơi K sẽ bổ sung cho kho sách truyện về tội hình sự bìa mềm của anh. Thực đơn trong nhà hàng này rất ít món ăn chay nhưng loãng ăn lại yên tĩnh và rộng, bàn ghế xếp vừa xa để có thể nói chuyện riêng tư. K thường hào hứng quan sát những người chung quanh, họ mặc gì, họ ăn gì, họ ăn uống và cư xử như thế nào. Một lần có một cô gái người mẫu

đang đi quanh những cái bàn. K thúc khủy tay vào Mary và tôi: ‘Nhìn cô ấy kìa, nhìn cô ấy kìa. Cô ấy muốn được người ta nhìn,’ nhưng chính anh lại quan tâm đến những gì cô gái ấy đang mặc hơn chúng tôi. Anh thích quần áo nhiều lắm, không chỉ quần áo riêng của anh. Thỉnh thoảng tại bữa ăn trưa tôi thường bảo anh đeo chiếc nhẫn của tôi, một cái nhẫn ngọc lam có những đường viền bằng kim cương, mà anh biết rất rõ vì lúc trước mẹ tôi luôn luôn đeo nó. Anh sẽ đeo nó trong ngón út của anh. Khi anh trả lại nó lúc chúng tôi sắp sửa rời nhà hàng những viên kim cương đang lấp lánh như thể chúng vừa được lau chùi bởi một người thợ nữ trang. Đây không là sự tưởng tượng. Có một ngày, khi tôi gặp một trong những cháu gái của tôi sau bữa trưa, cháu nói với tôi, ‘Nhẫn của bà trông đẹp quá. Bà vừa nhờ người ta lau chùi nó phải không?’

Vào những năm 1970, một trong những người bạn của anh mô tả anh như thế này:

Khi người ta gặp anh người ta trông thấy cái gì? Thực sự, một mức độ siêu hạng, có sự cao quý, quyền năng, phong nhã và thanh lịch. Có một lịch sự tinh tế, một ý thức thẩm mỹ cao độ, một nhạy cảm vô hạn và sự thấu hiểu xuyên suốt vào bất kỳ vấn đề nào mà người ta có lẽ đem đến cho anh. Không nơi nào trong Krishnamurti lại có dấu vết nhỏ nhặt nhất của bất kỳ thứ gì thô tục, bần tiện hay tầm thường. Người ta có lẽ hiểu rõ lời giảng của anh hay không hiểu rõ nó, người ta có lẽ phê bình như thế này thế kia trong giọng nhún của anh hay những từ ngữ của anh. Nhưng không thể tưởng tượng rằng có bất kỳ người nào có thể phủ nhận sự cao cả và thanh nhã vô hạn mà tuôn chảy từ con người của anh. Người ta có thể nói rằng anh có một phong thái hay

một tầng lớp hoàn toàn ở trên cao, hoàn toàn vượt khỏi, sự vận hành thông thường của con người.

Không nghi ngờ gì cả khi những từ ngữ này thường gây ngỡ ngàng cho anh. Nhưng chú ý kìa. Y phục, tác phong, cử chỉ, chuyển động, cách nói của anh đều bộc lộ, trong ý nghĩa tột đỉnh của từ ngữ, như vị chúa. Khi anh đi vào một căn phòng, người nào đó quá lạ thường hiện diện ở đó.

Sự thích thú quần áo và xe hơi đẹp của K, và sở thích xem những cuốn phim và đọc những quyển sách xa rời thực tế của anh, có vẻ bất thường đối với người nào đó: nhưng anh không nảy ra những ý tưởng hoặc thay đổi những khuynh hướng của anh theo những vấn đề tầm thường như thế hoặc giả vờ rằng chúng hay hơn thực tế.

Vào một ngày, khi K đang ở London mùa hè đó, tôi gợi ý rằng anh nên viết một nhật ký như anh đã viết năm 1961. Anh chớp ngay ý tưởng đó, mua vài quyển vở và một cây bút máy mới có đầu ngòi bút rõ nét ngay chiều hôm đó và sáng hôm sau bắt đầu viết, ngày 14 tháng chín. Anh viết liên tục mỗi ngày trong sáu tuần lễ kế tiếp, hầu hết tại Brockwood nhưng tiếp tục khi anh đến Rome vào tháng mười. Những ghi chép hàng ngày này, được xuất bản đầu năm 1982 dưới đầu đề *Krishnamurti 's Journal Ghi chép của Krishnamurti*, tiết lộ nhiều về cá nhân của anh hơn bất kỳ quyển nào khác trong số sách của anh. Nói về chính anh như ngôi thứ ba, anh viết vào ngày 15 tháng chín: 'Chỉ vừa mới đây anh ấy khám phá được rằng không có một tư tưởng nào trong suốt những chuyến dạo bộ dài này . . . kể từ khi anh ấy còn là một cậu bé nó đã giống như thế, không tư tưởng nào hiện diện trong cái trí của anh ấy. Anh ấy đang nhìn ngắm và đang lắng nghe và không còn gì thêm nữa. Tư tưởng cùng những liên tưởng của

nó không bao giờ xuất hiện. Không có đang tạo tác-hình ảnh. Bỗng nhiên vào một ngày anh ấy nhận biết được điều đó lạ thường làm sao. Anh ấy cố gắng thường xuyên suy nghĩ nhưng không tư tưởng nào sẽ đến. Vào những chuyến dạo bộ này, cùng những con người hay không có những con người, bất kỳ chuyển động nào của tư tưởng đều không có. Đây là cô đơn.’ Và vào ngày 17: ‘Anh ấy luôn luôn có không-khoảng cách lạ thường này giữa chính anh ấy và những cây cối, những con sông và những hòn núi. Nó không được vun quén: bạn không thể vun quén một sự việc như thế đó. Không bao giờ có một bức tường giữa anh ấy và một người khác. Điều gì họ đã gây ra cho anh ấy, điều gì họ đã nói với anh ấy có vẻ không bao giờ làm tổn thương anh ấy, nịnh nọt cũng chẳng tác động được anh ấy. Trong chừng mực nào đó anh ấy hoàn toàn không bị tác động. Anh ấy không rút lui, cách biệt, nhưng giống như những dòng nước của con sông. Anh ấy chẳng có bao nhiêu tư tưởng; không tư tưởng nào cả khi anh ấy một mình.’ Và vào ngày 21: ‘Anh ấy không bao giờ bị tổn thương mặc dù nhiều sự việc đã xảy đến cho anh ấy, nịnh nọt và lăng nhục, đe dọa và yên ổn. Không phải vì anh ấy vô cảm, không nhận biết; anh ấy không có hình ảnh của chính anh ấy, không kết luận, không học thuyết. Hình ảnh là sự phản kháng và khi hình ảnh không còn, có tánh dễ bị tổn thương nhưng lại không bị tổn thương.’ Hai ngày sau anh sẽ viết:

Anh ấy đang đứng một mình trên bờ thấp của con sông . . . anh ấy đang đứng ở đó và không có ai chung quanh, một mình, không bị ràng buộc và xa thật xa. Anh ấy khoảng mười bốn tuổi hay kém hơn. Họ mới tìm được người em và anh ấy và tất cả những nặng nề lần sự quan trọng đột ngột về anh ấy đang lao xao quanh

anh ấy. Anh ấy là trung tâm của sự kính trọng và hiên dăng và trong vài năm sắp tới anh ấy sẽ là người đứng đầu của những tổ chức và những tài sản to lớn. Tất cả điều đó và sự giải tán chúng vẫn còn ở phía trước. Đứng đó một mình, mắt hút và hoàn toàn tách biệt, là sự nhớ lại đầu tiên và kéo dài của anh ấy về những ngày và những biến cố đó. Anh ấy không nhớ thời niên thiếu của anh ấy, những trường học và roi vọt. Sau này anh ấy được kể lại bởi chính người thầy giáo đã đánh anh ấy rằng người thầy giáo đó thường đánh anh ấy thực tế mỗi ngày; anh ấy sẽ không khóc và bị đuổi ra đứng ngoài hàng hiên đến khi trường đóng cửa và người thầy giáo sẽ đi ra và bảo anh ấy đi về, nếu không anh ấy sẽ vẫn còn đứng đó hoài. Người thầy giáo này nói, anh ấy bị đánh bằng roi bởi vì anh ấy không thể học thuộc hay nhớ bất kỳ điều gì anh ấy đã đọc hay đã được dạy. Về sau người thầy giáo không thể tin được rằng cậu trai đó lại là cái con người thực hiện nói chuyện mà ông đã nghe. Người thầy giáo rất sùng sốt và bày tỏ sự kính trọng không cần thiết. Tất cả những năm đó trôi qua mà không để lại những dấu vết, những kỷ niệm, trên cái trí của anh ấy; những tình bạn của anh ấy, những yêu mến của anh ấy, ngay cả những năm ở cùng những người đối xử tồi tệ với anh ấy – trong chừng mực nào đó không điều nào trong những sự kiện này, thân thiện hay hung dữ đã để lại những dấu vết trên anh ấy. Trong những năm gần đây một tác giả đã hỏi liệu anh ấy có thể nhớ lại tất cả những biến cố và những xảy ra khá kỳ lạ đó, và khi anh ấy trả lời rằng anh ấy không thể nhớ chúng và chỉ có thể lặp lại điều gì những người khác đã kể cho anh ấy biết, người đàn ông, mỉm cười châm chọc, phát biểu cởi mở rằng anh

*đang làm bộ và giả vờ. Anh ấy không bao giờ ngăn cản
cố ý bất kỳ điều gì đang xảy đến, vui vẻ hay bức dọc, đi
vào cái trí ủa anh ấy. Chúng đến, không để lại dấu
vết, và trôi qua.*

‘Một đối thoại với chết’

Trong vài năm qua K đã không thể ở tại Vasanta Vihar khi anh đến Madras bởi vì Rajagopal đang khẳng định nó thuộc tài sản của KWINC, thay vì vậy anh ở nhà một phụ nữ Ấn độ trên đường Greenways gần bên. (Mãi đến năm 1975 Vasanta Vihar mới được nhượng lại cho India Foundation.) Lúc này K bắt buộc phải cắt đứt quan hệ với Madhavachari, cánh tay phải của Rajagopal, người mà K phát giác vẫn còn trung thành với Rajagopal. Mùa đông 1973 – 74 đó, một bác sĩ người Ấn độ từ bệnh viện trong khu vực trường Rajghat tại Varanasi, bây giờ được gọi là Benares, Dr T. K. Parchure, bắt đầu đi cùng K bất kỳ nơi nào anh đi ở Ấn độ, và cả Parameshwaran, đầu bếp chính tại Rishi Valley, người đã chăm sóc anh khi anh gần chết ở Kashmir năm 1959. Cùng với bệnh viện miễn phí trong khu đất của Rajghat, giúp đỡ sự chữa trị cho những nhu cầu của hai mươi ngôi làng chung quanh, có một trường cao đẳng của phụ nữ đã trưởng thành cùng một khu ăn ở tập thể, một nông trại và một trường nông nghiệp. Trường Rajghat có khoảng 300 nam nữ học sinh, có tuổi từ bảy đến mười tám.

Cũng vậy, tại Rishi Valley ngoài một trường học còn có một trung tâm nông thôn miễn phí nơi bảy mươi trẻ em từ những ngôi làng phụ cận được giáo dục và được chăm sóc y tế. Năm đó khi nói chuyện cùng những giáo viên tại Rishi

Valley, K đã nói điều gì đó khi trả lời câu hỏi, ‘Sự đau khổ không làm ~~đ~~ dẫn cái trí hay sao?’ câu trả lời đó gây xúc động cho tôi rất nhiều khi sau đó tôi đọc nó: ‘Đúng ra tôi phải nghĩ ngược lại rằng sự tiếp tục của đau khổ làm ~~đ~~ dẫn cái trí, không phải tác động và chạm của đau khổ . . . Nếu bạn không giải quyết đau khổ ngay tức khắc chắc chắn nó phải làm ~~đ~~ dẫn cái trí.’ Một trường đồng giáo dục ban ngày của Krishnamurti vừa được bắt đầu ở Madras. Được gọi đơn giản là The School, nó ~~thâu~~ nhận 112 trẻ em từ ba đến mười hai tuổi. Lúc này K rất nôn nóng muốn bắt đầu một trường tại Ojai mà không cần chờ đợi sự thu xếp với KWINC. Một kiến trúc sư được tư vấn và một Hiệu trưởng được chọn, làm mất tinh thần những ủy viên của American Foundation vì không có đủ tiền quỹ cho dự án liều lĩnh đó, nhưng K không bao giờ cho phép những tính toán như thế cản đường điều gì anh thực sự muốn làm. May thay vụ kiện đã được thu xếp vào tháng chín trước khi mảnh đất thích hợp được tìm ra. Trong thời gian đó vào tháng năm K đi cùng Mary Zimbalist ~~đ~~ đến San Diego, mười tám đối thoại liên tục về những chủ đề khác nhau giữa anh và Dr Allen Anderson, giáo sư Giáo dục tôn giáo tại San Diego State College, ~~đ~~ quay video màu.⁵⁷ Hai bàn luận cuối cùng nói về thiền định. Trong chủ đề này ba lần K nhấn mạnh rằng thiền định bao phủ ‘toàn lãnh vực của sự tồn tại’ và tất cả những nỗ lực để thiền định là một phủ nhận của thiền định. Một trong những đoạn văn hay nhất về thiền định có trong một nói chuyện anh đã thực hiện vài năm trước:

Thiền định là một trong những nghệ thuật vĩ đại nhất trong sống – có lẽ vĩ đại nhất, và người ta không thể học hỏi nó từ bất kỳ người nào khác. Đó là vẻ đẹp của nó. Nó không có phương pháp kỹ thuật và vì vậy không

có uy quyền. Khi bạn học hỏi về chính bạn, nhìn ngắm chính bạn, nhìn ngắm cách bạn đi đứng, nhìn ngắm cách bạn ăn uống, bạn nói điều gì, những bàn tán, hận thù, ghen tuông, nếu bạn tỉnh thức được tất cả những điều đó trong chính bạn, mà không chọn lựa, đó là thành phần của thiền định. Vậy là thiền định có thể xảy ra khi bạn đang ngồi trong một xe buýt hay đang đi bộ trong một cánh rừng đầy ánh sáng và những cái bóng, hay lắng nghe tiếng chim hót hay nhìn khuôn mặt của người vợ bạn hay người con của bạn.⁵⁸

Ngay sau San Diego, K nói chuyện tại Santa Monica lần cuối cùng. Tại một trong những nói chuyện này anh được hỏi: ‘Tôi đã lắng nghe ông nhiều lần nhưng không thay đổi nào đã xảy ra. Có điều gì sai trái đây?’ K trả lời cho câu hỏi này:

Đó không phải vì rằng bạn không nghiêm túc hay sao? Đó không phải vì rằng bạn không lưu tâm hay sao? Đó không phải vì rằng bạn có quá nhiều vấn đề đến nỗi bạn bị trôi buột trong nó, không còn thời gian, không còn nhàn nhã để ngừng lại, đến nỗi bạn không bao giờ nhìn ngắm bông hoa đó? . . . Thưa bạn, bạn đã không trao trọn sống của bạn cho nó. Chúng ta đang nói về sống, không phải những ý tưởng, không nói về những lý thuyết, những luyện tập, những kỹ thuật – nhưng nhìn tổng thể của sống mà là sống của bạn.

Tại thời điểm này K nói với Mary rằng anh phải sống mười hay mười lăm năm nữa bởi vì vẫn còn có quá nhiều việc phải được làm. Anh nói, thân thể của anh đang suy sụp (anh bảy mươi chín tuổi), mặc dù ‘bộ não của anh không bị ảnh hưởng’. Mùa hè năm đó, một ít buổi sáng sau khi đến Chalet

Tannegg, anh thức dậy nói rằng ‘cái gì đó lạ thường đã xảy đến cho anh, cái gì đó đang tải rộng để thân nhận vũ trụ’. Cùng buổi sáng đó anh đọc một lá thư cho Mary về ngôi trường mới tại Ojai: ‘Nó phải sản sinh những con người được đặt nên tảng vững vàng trên tôn giáo đến độ họ sẽ mang chất lượng đó theo cùng họ bất kỳ việc gì họ làm, bất kỳ nơi nào họ đi, bất kỳ nghề nghiệp nào họ sẽ theo đuổi.’ Thời tiết rất nóng tại Gstaad, và tại họp mặt Saanen K thường xuyên ‘rất xa xôi’ và bộ đầu của anh nặng nề lắm. Thậm chí anh đã trở nên nhạy cảm hơn nhiều và không thể chịu nổi nếu bị chạm vào người, nhưng anh đang có ‘những thiền định kỳ diệu’. Anh kể cho Mary, ‘Cái trí của tôi cảm thấy như thể nó đã được tẩy uế, sạch sẽ, lạnh mạnh – và còn nhiều hơn thế – một ý thức lạ thường của hân hoan, của ngây ngất.’

Tháng mười một đi máy bay một mình đến Delhi, K phát giác chính anh đang ở cùng tầng tinh thần như Maharishi (Mahesh Yogi) mà ấu hiện rạng rỡ để nói chuyện với anh, mang theo một bông hoa. Sự kính trọng những đạo sư và những hệ thống thiền định của K ngay tức khắc đã kết thúc cuộc nói chuyện của họ. (Sau đó K nói với chúng tôi rằng anh thích tầng cân bằng của anh.)

Tháng mười một tại Rajghat, K được yêu cầu định nghĩa lời giảng riêng của anh. Đây kinh ngạc anh trả lời, ‘Bạn đang hỏi tôi? Bạn đang hỏi tôi Lời giảng là gì? Chính tôi cũng không biết. Tôi không thể diễn tả nó trong một vài từ ngữ, đúng chứ? Tại cơ bản tôi nghĩ ý tưởng về người thầy và người được dạy là sai lầm, ít nhất đối với tôi nó là như vậy. Tôi nghĩ đó chỉ là vấn đề của đang chia sẻ chứ không phải đang được dạy.’⁵⁹

Bởi vì chính tôi cũng muốn đặt cùng câu hỏi đó khi viết quyển thứ hai của tiểu sử anh ấy, tôi đã viết ra một câu ngắn bắt đầu, ‘Cốt lõi cách mạng của lời giảng Krishnamurti

. . .’ và gửi nó cho anh đề nghị chấp thuận. Như tôi đã hy vọng trước, anh viết lại toàn bộ nó, để lại một từ duy nhất ‘cốt lõi’. Dưới đây là điều gì anh đã viết:

Cốt lõi của lời giảng Krishnamurti được bao hàm trong câu nói anh đề cập năm 1929 khi anh nói ‘Sự thật là một Mảnh đất không lối vào’. Con người không thể đến được nó qua bất kỳ tổ chức, qua bất kỳ tín điều, qua bất kỳ giáo điều, giáo sĩ hay nghi lễ, không qua bất kỳ hiểu biết triết lý hay kỹ thuật tâm lý. Anh ấy phải tìm ra nó qua cái gương của sự liên hệ, qua sự hiểu rõ những nội dung của cái trí riêng của anh ấy, qua sự quan sát và không qua sự phân tích thuộc trí năng hay sự mổ xẻ nội tâm. Con người đã dựng lên trong chính anh ấy những hình ảnh tinh thần như một ý thức của an toàn – thuộc tôn giáo, chính trị, cá nhân. Những hình ảnh tinh thần này biểu lộ như những biểu tượng, những ý tưởng, những tin tưởng. Gánh nặng của những cái này chi phối sự suy nghĩ, những liên hệ và cuộc sống hàng ngày. Đây là những nguyên nhân gây ra những vấn đề của chúng ta bởi vì chúng phân chia con người khỏi con người trong mọi liên hệ. Nhận biết về sống của anh ấy được định hình bởi những ý tưởng đã thiết lập sẵn trong cái trí của anh ấy. Nội dung của ý thức anh ấy là ý thức này. Nội dung này là chung đối với tất cả loài người. Tánh cá thể là danh tính, hình dáng và văn hóa trên bề mặt mà anh ấy kiếm được từ môi trường sống của anh ấy. Tánh đơn nhất của cá thể không nằm trong những điều trên bề mặt nhưng trong sự tự do tổng thể khỏi nội dung của ý thức.

Tự do không là một phản ứng; tự do không là sự chọn lựa. Chính là tánh tự phụ của con người khi suy

nghĩ rằng bởi vì anh ấy có sự chọn lựa anh ấy được tự do. Tự do là sự quan sát thuần khiết mà không có phương hướng, mà không có sợ hãi bị trừng phạt hay được thưởng. Tự do là không có động cơ; tự do không ở khúc cuối của sự tiến hóa con người như nằm trong bước đầu tiên của sự tồn tại con người. Trong quan sát người ta bắt đầu khám phá sự thiếu vắng tự do. Tự do được tìm ra trong tình thức không chọn lựa được sống hàng ngày của chúng ta.

Tư tưởng là thời gian. Tư tưởng được sinh ra từ trải nghiệm, từ hiểu biết, mà không thể tách rời khỏi thời gian. Thời gian là kẻ thù thuộc tâm lý của con người. Hành động của chúng ta được đặt nền tảng trên hiểu biết và thế là thời gian, vì vậy con người luôn luôn là một nô lệ cho quá khứ.

Khi con người trở nên tỉnh thức được chuyển động thuộc ý thức riêng của anh ấy, anh ấy sẽ thấy sự phân chia giữa người suy nghĩ và suy nghĩ, người quan sát và vật được quan sát, người trải nghiệm và trải nghiệm. Anh ấy sẽ phát giác rằng sự phân chia này là một ảo tưởng. Lúc đó chỉ còn có sự quan sát thuần túy mà là thấu triệt và không có bất kỳ cái bóng nào của quá khứ. Thấu triệt không thời gian này tạo ra một thay đổi cơ bản thăm thẳm trong cái trí.

Sự phủ nhận tổng thể là bản thể của tích cực. Khi có sự phủ nhận tất cả những sự việc không là tình yêu đó – ham muốn, vui thú – vậy là tình yêu hiện diện, cùng từ bi và thông minh của nó.

Đoạn văn này còn nhiều hơn một câu phát biểu ngắn, nhưng liệu nó có thể được diễn đạt chính xác nhiều hơn hay giải thích rõ ràng nhiều hơn hay sa o? Có lẽ anh đã không nhận

mạnh đầy đủ trong đoạn tóm tắt này ý tưởng về sự tạo tác-hình ảnh tinh thần. Tất cả chúng ta đều tạo tác những hình ảnh về chính chúng ta và về lẫn nhau và chính những hình ảnh này gặp gỡ, phản ứng và bị tổn thương. Chính những hình ảnh này ngăn cản những liên hệ trung thực giữa những con người – ngay cả những liên hệ gần gũi nhất.

Tháng hai năm 1975 anh từ Ấn độ quay trở lại Malibu và, nguyên một ngày K đi cùng Mary để tham quan Arya Vihara và Pine Cottage mà, ừ khi giải quyết xong vụ kiện, đã trở thành tài sản của American Foundation; họ cũng đạo bộ cùng gia đình Lillifelt trên mảnh đất gần Oak Grove nơi ngôi trường sẽ được xây dựng. Mười lăm ngày sau khi K quay lại, anh cảm thấy bầu không khí của Pine Cottage, mà trước kia có ý cự tuyệt anh trong chuyến viếng thăm đầu tiên của anh, đã thay đổi rồi. Ngày 1 tháng tư anh tiếp tục lại nhật ký mà anh đã bắt đầu tại Brockwood năm 1973 và hàng ngày đều viết trong suốt ba tuần lễ. Ngày 12 tháng tư, một ngày đẹp trời không mây, anh thực hiện nói chuyện đầu tiên trong bốn nói chuyện ở Oak Grove nơi anh đã không nói chuyện từ tháng mười năm 1966.

Tháng năm khi K cùng Mary đến lại Brockwood, tôi đi xuống thăm và đưa anh xem một ấn bản được đưa trước của quyển đầu tiên trong ba quyển tiểu sử của anh, một chuyện kể về sống của anh cho đến khi giải tán Order of the Star. Tự nhiên đầu tiên anh nhìn những minh họa, chăm chăm thật lâu vào những hình ảnh của Nitya. Sau đó anh cứ hỏi tôi rằng quyển sách này sẽ tác động vào một người ngoài cuộc hoàn toàn như thế nào, ‘một người mua bán cổ phiếu bình thường’ sẽ nghĩ gì về nó? Tôi chỉ có thể trả lời rằng tôi không tưởng tượng ‘một người mua bán cổ phiếu bình thường’ có thể đọc nó. Tuy nhiên, nhận xét từ những sự phê bình, câu chuyện lạ kỳ này có vẻ cuốn hút quá nhiều người mà trước kia người ta

sẽ không mong chờ họ sẽ có bất kỳ hứng thú nào, và nhiều lá thư tôi nhận được thể hiện rằng nó đã giúp đỡ hàng tá người được hiểu rõ thêm nữa về K, mặc dù nó là một cú choáng váng vô cùng cho những người trước kia không có ý tưởng nào về sự dạy dỗ từ Theosophy của anh. Khi Mary Zimbalist, sau khi đọc quyển này, hỏi anh tại sao, nếu Những Bậc Thầy có tồn tại, lúc đó họ đã nói nhưng không còn nói bây giờ nữa, anh gọi ý, ‘Bây giờ không cần họ bởi vì Chúa ở đây.’ Người ta sẽ phải nghe âm điệu giọng nói của anh trước khi kết luận liệu đây là một câu trả lời nghiêm túc hay không.

Sinh nhật lần thứ tám mươi của K rơi vào ngày 11 hay 12 tháng năm. Ngày 11, Dr Parchure từ Ấn độ đến Brockwood để trải qua vài tuần lễ ở Châu Âu theo dõi sức khỏe của K. Giữa tháng David Bohm có mặt ở đó và thực hiện bốn của cái gì sẽ được gọi là mười hai bàn luận cùng K. Bohm vừa đọc xong quyển tiểu sử và hỏi K liệu đã có một khoảnh khắc của thay đổi cho anh. K nói không; sự đau đớn thân thể trong suốt ‘cái tiến trình’ đã khiến anh nhạy cảm hơn và sự đau khổ vì cái chết của người em cũng thế nhưng ‘gặp gỡ cái đó một cách trọn vẹn đã không để lại những dấu vết nào’.

Tại họp mặt Saanen năm đó K dành riêng một trong bốn nói chuyện của anh cho điều gì anh gọi là một chủ đề rất nghiêm túc – liệu có thể có được sự tự do tổng thể khỏi sợ hãi thuộc tâm lý? Anh vạch rõ, ‘Nếu người ta muốn được tự do khỏi sợ hãi, người ta phải được tự do khỏi thời gian. Nếu không có thời gian người ta sẽ không có sợ hãi. Tôi tự hỏi không hiểu bạn có thấy điều đó? Nếu không có ngày mai, chỉ có ngay lúc này, sợ hãi, như một chuyển động của tư tưởng, kết thúc.’ Sợ hãi nảy sinh từ sự ham muốn có an toàn. Nếu có sự an toàn tâm lý hoàn toàn không có sợ hãi, nhưng không bao giờ có thể có sự an toàn tâm lý ‘nếu người ta đang mong

muôn, đang khát khao, đang theo đuổi, đang trở thành'. Anh tiếp tục:

. . . tư tưởng luôn luôn đang cố gắng tìm một nơi nó có thể ở lại, ở lại trong ý nghĩa của giam cầm. Điều gì tư tưởng tạo tác, bởi vì phân chia, là không-an toàn tổng thể. Vì vậy có an toàn hoàn toàn trong tuyệt đối không là gì – mà có nghĩa không là một sự việc được tạo tác bởi tư tưởng. Để tuyệt đối không là gì có nghĩa một trái ngược hoàn toàn đối với mọi sự việc mà bạn đã học hỏi . . . Bạn biết là không là gì có nghĩa gì không? Không tham vọng – mà không có nghĩa rằng bạn như cây cỏ – không hung hăng, không kháng cự không những rào chắn được thiết lập bởi sự tổn thương? . . . Sự an toàn mà tư tưởng đã tạo tác là không-an toàn. Đó là một sự thật tuyệt đối.

K được thuyết phục không đi đến Ấn độ mùa đông đó bởi vì tình trạng khẩn cấp đã được tuyên bố bởi Mrs Gandhi vào tháng sáu; trong suốt thời gian này, không gì có thể được xuất bản hay được nói ngoài công chúng mà không đệ trình cho Ủy ban Kiểm duyệt. Điều cuối cùng mà K phải sẵn sàng chấp nhận là giảm bớt sự phản đối kịch liệt của anh về uy quyền và chuyên chế; đi đâu cũng chẳng ích lợi gì nếu anh không nói và sẽ có một nguy hiểm phải vào tù nếu anh nói. Vì vậy, sau họp mặt Brockwood, anh quay lại Malibu, trải qua mỗi kỳ nghỉ cuối tuần tại Pine Cottage, nói chuyện với phụ huynh và giáo viên tại trường Oak Grove tương lai.

Mùa đông sau mặc dù tình trạng khẩn cấp do Mrs Gandhi tuyên bố vẫn còn hiệu lực, K quyết định đến Ấn độ sau một bảo đảm từ Pupul Jayakar, người bạn thân nhất của Mrs Gandhi, rằng anh sẽ được cho phép nói bất kỳ điều gì

anh muốn trong những nói chuyện của anh. Anh ở New Delhi cùng Pupul, bây giờ đang sống trên cùng con đường như Mrs Gandhi. Ngay sau khi anh ~~đã~~ nói chuyện riêng rất lâu với Mrs Gandhi. Người ta không thể không thắc mắc liệu có bất kỳ liên hệ nào giữa nói chuyện này và quyết định gây ngạc nhiên của bà khi đồng ý tổ chức một tổng tuyển cử vào năm 1977. Chính K cũng nghĩ điều đó có lẽ đúng.

Theo yêu cầu của K những đại diện của Krishnamurti Foundations gặp gỡ tại Ojai vào tháng ba năm 1977. Lúc này anh muốn càng có bao nhiêu người trong số họ luôn luôn ở cùng anh càng tốt. Anh đặc biệt muốn những người ở Mỹ và Châu Âu chưa bao giờ đến Ấn độ sẽ ở cùng anh trong những năm tương lai. Anh tin rằng người ta càng trông thấy nhau nhiều bao nhiêu người ta càng trở nên gần gũi và thương yêu nhau nhiều bấy nhiêu. Sự ganh ghét và ganh đua quá xa lạ đối với anh đến độ anh thực sự không bao giờ hiểu rõ chúng nơi những người khác. Tại một trong những gặp gỡ của những ủy viên này ở Ojai anh nói, ‘Nếu người ta đến đây và hỏi, “Sống cùng người đàn ông này như thế nào?” liệu bạn có thể chuyển tải nó cho họ? Nếu có bất kỳ những môn đồ nào của Phật còn sống, người ta sẽ không đi đến tận cùng quả đất để gặp họ, để tìm ra từ họ nó sẽ như thế nào khi sống trong sự hiện diện của Phật?’ Sự đề cập này về Phật và những môn đồ của Phật là sự đề cập gần gũi nhất mà K đã từng nói đề liên đới anh với Phật, tuy nhiên rất khó khăn khi phải chuyển tải cho bất kỳ người nào không biết anh hiểu rõ được sự so sánh này được thực hiện mà hoàn toàn không có tự làm quan trọng cho chính anh. Khi cái tôi không còn không thể có tánh tự phụ. ‘Người đàn ông này’ mà anh nói không là nhân cách riêng của anh. Cũng vậy, làm thế nào người ta hòa hợp điều này với sự lặp lại liên tục của anh rằng

không ai có bất kỳ thẩm quyền nào để đại diện anh sau khi anh chết và rằng sự liên hệ môn đồ-đạo sư là một điều kinh tởm? Điều đó hoàn toàn không đơn giản? Trong yêu cầu những ủy viên ở cùng anh càng nhiều bao nhiêu càng tốt, chắc chắn anh đang hy vọng rằng ít ra một hay hai người trong số họ có lẽ được trao tặng chiều sâu của trực nhận để tạo ra một thay đổi tâm lý hoàn toàn trong chính họ mà sẽ làm tự do chính họ khỏi anh cũng như khỏi tất cả những cái nặng khác? Điều này rất khác biệt với sự tôn sùng đạo sư của những môn đồ. Nếu có bất kỳ người nào đã từng khẳng định đủ thẩm quyền để nói nhân danh K, người ta sẽ biết rằng anh ấy hay chị ấy đã không được thay đổi.

Trước thời gian này người ta đã quyết định rằng Mary sẽ bán ngôi nhà của bà tại Malibu và xây một ngôi nhà kề cận Pine Cottage mà sẽ trao lại American Foundation sau khi bà chết. Tại Pine Cottage, K sẽ ở gần trường, trái lại ngôi nhà Malibu cách Ojai khoảng sáu mươi dặm.

Ngày 9 tháng năm, K trải qua một giải phẫu tuyến tiền liệt tại Cedars – Sinai Medical Center ở Los Angeles. Anh báo trước cho Mary rằng bà phải canh chừng và không để anh ‘thoát đi’, và cũng nhắc nhở anh phải canh chừng chính anh, nếu không, sau ‘năm mươi năm (nói chuyện trước công chúng) anh có lẽ cảm thấy nói thêm là không cần thiết nữa.’ Anh kể với bà rằng anh ‘luôn luôn sống với một đường ranh giới mỏng giữa sống và chết’. Anh nhận thấy chết dễ dàng hơn sống. Mười lăm ngày trước ca giải phẫu anh đã được đưa đến bệnh viện để lấy gần nửa lít máu riêng của anh vì sợ phải cần đến sự truyền máu khi giải phẫu. Anh khước từ bị gây mê toàn thể, tin rằng ‘thân thể sẽ không bao giờ chịu nổi nó’. Ngay cả một gây mê vùng, tạo ra một ngăn chặn cột sống, cũng có lẽ quá mạnh cho ‘thân thể’. K luôn luôn có ý thức tách rời hoàn toàn này giữa chính anh và thân thể của anh.

Khi ngày đó đến Mary theo cùng anh đến bệnh viện và ở trong một căn phòng gần bên. Anh đi quanh cả hai phòng, sờ vào những bức tường, điều gì đó anh thực hiện cho bất kỳ căn phòng mới nào anh ở và chắc chắn anh cũng đang thực hiện cho Mary nữa. Tại sao anh làm việc này không bao giờ được tiết lộ. Có vẻ nó là một phương tiện của tẩy uế, của trục xuất người lạ nào đó, mặc dù không nhất thiết phải là một quỷ dữ, gây ảnh hưởng và vô đầy căn phòng riêng của anh. Mary yêu cầu người gây mê nói chuyện với anh trong suốt ca mổ để giữ cho anh tỉnh táo nếu không anh sẽ ‘lên đi’. Trông anh rất vui vẻ khi được đẩy xe đưa về phòng sau hai tuần gồng hồ và nhờ tìm một quyển truyện trinh thám để đọc, nhưng đến chiều tối anh rất đau đớn. Anh được cho một liều thuốc giảm đau mạnh của trẻ em mà nửa chừng không thể được tiếp tục bởi vì nó gây choáng váng và buồn nôn. Anh ‘đi khỏi’ khoảng một tiếng đồng hồ và nói chuyện về Nitya và sau đó có điều gì anh gọi là ‘một đối thoại với chết’. Ngày hôm sau anh đọc cho Mary một chuyện kể về trải nghiệm này:

Nó là một giải phẫu mau chóng và không đáng nói, mặc dù có sự đau đớn đáng kể. Trong khi còn đau tiếp tục tôi trông thấy hay phát giác rằng thân thể hầu như đang bồng bềnh nổi trong không gian. Nó có lẽ là một ảo tưởng, loại ảo giác nào đó, nhưng một vài phút sau có sự nhân cách hóa – không phải một con người – nhưng nhân cách hóa của chết. Quan sát hiện tượng kỳ lạ này giữa thân thể và chết, dường như có một loại nói chuyện giữa họ. Dường như chết đang nài nỉ thân thể và thân thể đang trả không nhượng bộ điều gì chết muốn. Mặc dù có mọi người trong phòng hiện tượng này tiếp tục, chết mời mọc, thân thể khước từ.

Không phải bởi vì một sợ hãi chết đang làm cho thân thể khước từ những đòi hỏi của chết, nhưng bởi vì thân thể nhận ra rằng nó không chịu trách nhiệm cho chính nó, có một thực thể khác đang chi phối, mạnh mẽ hơn, sinh động hơn chính chết. Chết mỗi lúc một đang khẳng khẳng thêm, đang quả quyết thêm và thế là thực thể khác can thiệp. Sau đó có một đối thoại hay một nói chuyện giữa không chỉ thân thể, nhưng còn thực thể khác này và ~~đ~~^đí. Vì vậy có ba thực thể trong nói chuyện.

Anh đã cảnh báo, trước khi anh đến bệnh viện rằng, có lẽ có một tách rời với thân thể và vì vậy có lẽ chết chen vào. Mặc dù cái người (Mary) đang ngồi ở đó và một y tá đến và đi, nó không là một tự-dối gạt hay một loại ảo giác. Nằm trên giường anh thấy những đám mây đầy nước mưa và những cửa sổ sáng lên, thị trấn phía dưới vươn dài nhiều dặm. Đang có tiếng lộp độp của mưa trên ô cửa kính và anh thấy rõ ràng dung dịch muối đang nhỏ giọt, giọt này tiếp theo giọt khác, vào các cơ quan thân thể. Người ta cảm thấy rất c hắc chấn và rõ ràng rằng nếu thực thể khác không can thiệp, chết sẽ thắng.

Nói chuyện này bắt đầu trong những từ ngữ cùng tư tưởng đang vận hành rất rõ ràng. Có sấm sét và nói chuyện tiếp tục. Bởi vì không có sợ hãi gì cả, không có ở phía thân thể hay thực thể khác – tuyệt đối không có – người ta có thể nói chuyện tự do và sâu sắc. Luôn luôn rất khó khăn khi đưa một nói chuyện thuộc loại đó thành những từ ngữ. Lạ lùng thay, bởi vì không có sợ hãi, chết không đang trói buộc cái trí vào ~~nh~~^{nh}ững sự việc của quá khứ. Điều gì hiển hiện từ nói chuyện rất rõ ràng. Thân thể đang bị đau đớn đáng kể và không bị

sợ hãi hay lo lắng và thực thể khác đang rất sáng suốt vượt khỏi cả hai. Như thể là thực thể khác đang hành động như một trọng tài trong một trò chơi nguy hiểm mà thân thể không nhận biết được đầy đủ.

Đường như chết luôn luôn hiện diện nhưng chết không được phép mời mọc. Điều đó sẽ là tự tử mà sẽ vô cùng ngu xuẩn.

Trong suốt nói chuyện này không có ý thức của thời gian. Có thể toàn nói chuyện kéo dài chừng một tiếng đồng hồ và thời gian dựa vào đồng hồ không hiện diện. Những từ ngữ không hiện diện nhưng có một thấu triệt tức khắc vào điều gì mỗi thực thể đang nói. Dĩ nhiên nếu người ta gắn bó đến bất kỳ thứ gì – những ý tưởng, những niềm tin, tài sản hay con người, chết sẽ không đến để có một nói chuyện với bạn. Chết trong ý nghĩa của kết thúc là sự tự do tuyệt đối.

Chất lượng của nói chuyện là lịch sự và hòa nhã. Không có bất kỳ sự cường điệu nào thuộc cảm xúc, cảm tính, không có bất kỳ sự biến dạng nào về sự kiện tuyệt đối của kết thúc thời gian và của mệnh mạng không biên giới, khi chết là thành phần thuộc sống hàng ngày của bạn. Có một cảm thấy rằng thân thể sẽ chịu đựng được nhiều năm nữa nhưng chết và thực thể khác sẽ luôn luôn cùng nhau cho đến khi các cơ quan thân thể không còn hoạt động. Có một ý thức hài hước vô cùng trong ba thực thể và người ta hầu như có thể nghe những tiếng cười đùa ngật ngưỡng. Và vẻ đẹp của nó theo cùng những đám mây và cơn mưa.

Âm thanh của nói chuyện này đang lan rộng vô tận và âm thanh giống hệt như khi khởi đầu và không có kết thúc. Nó là một bài hát không một khởi đầu hay một kết thúc. Cùng nhau chết và sống rất gần gũi,

giống như tình yêu và chết. Giống như tình yêu không là một hồi tưởng, cũng vậy chết không có quá khứ. Sự sợ hãi không bao giờ chen vào nói chuyện này bởi vì sợ hãi là tối tăm và chết là ánh sáng.

Nói chuyện này không là ảo tưởng hay tưởng tượng. Nó giống như tiếng xào xạc trong gió nhưng tiếng xào xạc lại rất rõ ràng và nếu bạn lắng nghe bạn có thể nghe nó; sau đó bạn có thể là bộ phận của nó. Vậy là cùng nhau chúng ta có thể chia sẻ nó. Nhưng bạn sẽ không lắng nghe nó. Bởi vì bạn quá gắn bó với thân thể riêng của bạn, những tư tưởng riêng của bạn và những phương hướng riêng của bạn. Người ta phải xóa sạch tất cả điều này để thâm nhập vào ánh sáng và tình yêu của chết.

Mùa hè đó một ngoại lệ duy nhất cho chương tình thường lệ của K là trước chuyến đi máy bay một mình đến Ấn độ, anh cùng Mary tới Janker Clinic tại Bonn trong ba đêm để tư vấn Dr Scheef. Theo bác sĩ nhiều thí nghiệm khác nhau chỉ rõ rằng anh ‘thật kỳ diệu’ với tuổi tác của anh.

Một số trong những ủy viên của English and American Foundations tham gia cùng anh ở Madras vào đầu năm 1978 và sau đó đi cùng anh đến Rishi Valley nơi một vài thay đổi đã được thực hiện trong trường. G. Narayan, người con trai lớn nhất của người anh lớn nhất của K, bây giờ đã trở thành Hiệu trưởng sau sự từ chức của Dr Balasundaram. Narayan đã dạy học được hai mươi lăm năm, đầu tiên tại Rishi Valley và sau đó tại một trường Rudolph Steiner ở Anh. Vợ của ông đã là một giáo viên tại Brockwood hầu như từ khi bắt đầu có trường và người con duy nhất của họ, Natasha, là một học sinh tại Brockwood. K không lưu tâm đến sự liên hệ máu mủ với Natasha và dường như không thương yêu Natasha khác

hơn bất kỳ em học sinh trẻ sáng sủa nào khác. Anh thương yêu tất cả trẻ em và hầu hết những người trẻ tuổi. Những học sinh từ trường Rishi Valley đã được khuyến khích đi học tại Brockwood trong một thời gian ngắn; lúc này K đang nghi ngờ sự khôn ngoan của việc này. Rất dễ dàng bị hư hỏng bởi phương Tây. Những người trẻ ở Ấn độ vẫn còn biểu lộ sự kính trọng những người lớn tuổi hơn và một háo hức để học hành, coi sự giáo dục như một đặc ân.

Khi K quay lại Ojai mùa hè đó, ngôi nhà phụ kế cận Pine Cottage được hoàn tất và anh cùng Mary đến đó ở. Thật khó khăn cho Mary khi phải từ bỏ ngôi nhà đẹp của bà tại Malibu, mà K cũng nhớ lắm, nhưng bà đã sửa chữa Pine Cottage thành một ngôi nhà cũng đẹp bằng như thế, giữ nguyên vẹn ngôi nhà nơi K ngủ và nối liền nó với một ngôi nhà phụ bởi một lối đi. Dần dần K và Mary yêu quý ngôi nhà mới này. K cảm thấy thú vị khi lau chùi cái ấm điện và những mặt kệ trong nhà bếp, như anh đã làm ở West Wing tại Brockwood và giúp đỡ lập nên một cái vườn nhỏ mới. Anh luôn thích tưới cây và sắp dọn chén đĩa vào máy rửa. Anh sợ Mary sẽ bị kiệt sức cả tại Ojai lẫn Brockwood. Bà làm thư ký và tài xế của anh, đi mua sắm cũng như giặt ủi quần áo của anh. Khi bà quay về nhà đầy những túi đựng những món đồ mua được, anh háo hức xem thử bà đã mua những món gì. Tuy nhiên, anh sẽ không bao giờ cho phép bất kỳ người nào thu xếp quần áo ra đi của anh mà anh rất hãnh diện. Trong những năm đó khi Mary không theo cùng anh đến Ấn độ, bà có ba tháng nghỉ ngơi ở California.

Vào tháng sáu trên đường đến Gstaad, K đi cùng Mary đến khám bệnh lại tại Janker Clinic. Nơi đây tất cả những thí nghiệm anh trải qua đều tốt đẹp cả. Quay lại Brockwood vào tháng chín, sau một năm Sa anen, anh bắt đầu đọc cho Mary những lá thư mười lăm ngày gửi tới trường học của anh, mà

anh tiếp tục thực hiện không đều đặn lắm cho đến tháng ba năm 1980 – tất cả ba mươi bảy lá thư, mỗi lá ba trang. Hầu hết nhiều lá thư đều được đọc liên tục trong cùng một thời gian, nhưng được gửi đi mỗi mười lăm ngày, không phải chính xác ngày chúng được đọc.⁶⁰ Đó là một cách để giữ liên lạc với tất cả những trường học của anh. Trong lá thư đầu tiên anh phát biểu rất rõ ràng dự tính của anh cho trường là: ‘Chúng sẽ quan tâm đến sự vun quén con người tổng thể. Những trung tâm giáo dục này phải giúp đỡ những học sinh và những người giáo dục được nở hoa một cách tự nhiên.’ Và trong một lá thư sau: ‘Chính sự quan tâm của những trường học này là tạo ra một thể hệ mới của những con người được tự do khởi hành động tự cho mình là trung tâm. Không trung tâm nào khác quan tâm đến việc này và nó là trách nhiệm của chúng ta, như những người giáo dục, phải tạo ra một cái trí không có sự xung đột trong chính nó.’

Một bản sao của mỗi lá thư được trao cho mỗi giáo viên và học sinh. Điều gì K mong chờ mỗi giáo viên thực hiện dường như không thể xảy ra được – thấy rằng sợ hãi trong bất kỳ hình thức nào không nảy sinh trong những học sinh (và để có được điều này những giáo viên rất cần thiết phải nhổ bật gốc rễ những sợ hãi riêng của họ) và giúp đỡ học sinh ‘không bao giờ bị tổn thương phần tâm lý, không chỉ trong khi em học sinh còn là bộ phận của trường học mà con xuyên suốt cuộc đời’. Ganh đua là một trong những điều xấu xa nhất trong giáo dục: ‘Khi trong trường học của bạn bạn so sánh B với A, bạn đang hủy hoại cả hai.’

Trong những lá thư này K lặp lại rằng dạy học là tiếng gọi cao quý nhất và rằng ‘Những Trường học tồn tại chính yếu để tạo ra một thay đổi sâu thẳm trong những con người’. Anh cũng đào sâu rất kỹ càng vào sự khác biệt giữa sự học hành và sự tích lũy của hiểu biết; sự tích lũy chỉ làm cản trở

cái trí: ‘bết là không biết và hiểu rõ sự thật rằng hiểu biết không bao giờ có thể giải quyết những vấn đề của con người là thông minh.’

Trong một quyển sách được xuất bản năm sau, K giải thích anh có ý gì qua từ ‘không bao giờ bị tổn thương phần tâm lý’. Anh đang bàn luận sâu về ‘sống cùng đau khổ’ và sau đó tiếp tục:

Chúng ta đang thấy sự kiện, ‘cái gì là’, mà là đau khổ . . . Tôi bị đau khổ và cái trí đang làm mọi việc nó có thể làm được để tẩu thoát khỏi nó . . . Vì vậy, đừng tẩu thoát khỏi đau khổ, mà không có nghĩa rằng bạn trở nên bi ai, sầu thảm. Hãy sống cùng nó . . . Điều gì xảy ra? Nhìn ngắm. Cái trí rất rõ ràng, nhạy bén. Nó đối diện sự kiện. Chính sự đau khổ đó được chuyển đổi thành đam mê là sự việc quá lạ thường. Từ đó nảy sinh một cái trí không bao giờ có thể bị tổn thương. Chấm hết. Đó là điều bí mật.⁶¹

Trong lá thư của anh gửi đến những trường học vào ngày 1 tháng năm 1979, K bắt đầu một đoạn: ‘Thượng đế là vô-trật tự.’ Nếu người ta tiếp tục đọc, ý nghĩa của anh trở nên rõ ràng một cách hoàn hảo: ‘Hãy suy xét về vô số những thần thánh mà con người đã sáng chế . . . và quan sát sự hỗn loạn mà điều này đã tạo ra trong thế giới, những chiến tranh nó đã gây ra.’ Phụ huynh của một học sinh Brockwood đem lá thư này về nhà trong kỳ nghỉ, đã đọc câu nói trơ trụi ‘Thượng đế là vô-trật tự’ và bị tức giận đến độ họ suy xét việc không cho con học ở đó nữa. Quá nhiều những câu nói trơ trụi của K gây choáng váng mọi người: ‘Những lý tưởng là những việc tàn nhẫn’ (câu này có cùng ý nghĩa như câu ‘Thượng đế là vô-trật tự’); ‘Không có sự việc như là tình yêu bất hạnh’;

‘Nếu bạn thực sự thương yêu con cái của bạn sẽ không có những chiến tranh’; ‘Tất cả tư tưởng đều gây bại hoại’ hay ‘là sự bại hoại’. Câu cuối là câu khó khăn nhất khi giải thích cho người ta. Anh thường giải thích nó rất dài trong những nói chuyện của anh. Ví dụ, anh giải thích trong một nói chuyện: ‘Chúng ta đang sử dụng từ ngữ cái trí để hàm ý những giác quan, khả năng suy nghĩ, và bộ não mà lưu trữ tất cả những kỷ niệm như tải nghiệm, như hiểu biết . . . Hiểu biết gây bại hoại cái trí. Hiểu biết là chuyển động của quá khứ, và khi quá khứ tỏa bóng lên cái thực tế, sự bại hoại xảy ra . . . Chúng ta đang sử dụng từ ngữ sự bại hoại để có nghĩa rằng cái mà bị vỡ vụn, cái mà không được thâm nhận như một tổng thể.’⁶²

Tháng mười năm 1978, Mary Zimbalist theo cùng K đến Ấn độ, và sau đó trong cùng năm nhiều ủy viên của English and American Foundations đi cùng tham gia với K và những ủy viên của India Foundation ở Madras. Vào ngày 8 tháng giêng 1979, Mrs Gandhi gặp K tại Vasanta Vihar. Tháng mười hai bà bị vào tù trong bốn ngày mà gây ra những hỗn loạn trong nhiều vùng của Ấn độ. Rõ ràng rằng nói chuyện với K có ý nghĩa nhiều đối với bà. Anh có được cảm tưởng rằng bà là một phụ nữ bất hạnh mà có thể ‘không bao giờ thoát khỏi con cộp’, như anh diễn tả nó.

Một trường Krishnamurti khác, trường cuối cùng của những trường ở Ấn độ, đã được mở cửa mùa hè đó trong một thung lũng cách trung tâm Bangalore mười dặm. Tòa nhà và mảnh đất một trăm mẫu là quà tặng của một người. Được gọi là Valley School, nó là một trường nội trú ba ngày đồng giáo dục với trên một trăm trẻ em, có tuổi từ sáu đến mười ba. K đã thăm nó trước khi anh rời Ấn độ.

‘Cái trí trống không’

Năm 1974 K đã yêu cầu tôi viết quyển thứ hai của tiểu sử anh. Tôi cũng muốn viết lắm nhưng chần chừ rất lâu trước khi bắt đầu nó, vì biết rằng viết nó sẽ khó khăn hơn quyển đầu tiên mà có một câu chuyện lôi cuốn, nếu không muốn nói rằng quá say mê khi viết. Không có nhiều việc đã xảy ra phía bên ngoài trong bốn mươi năm qua, mặc dù anh đã sống một sống bên trong rất ly kỳ. Chỉ mãi đến năm năm sau tôi mới cảm thấy sẵn sàng để viết quyển sách và một trong những bước đầu tiên là thực hiện một nỗ lực khác để khai mở sự huyền bí về: anh là ai và là ~~Độc~~ quyển *Notebook* đã không giúp tôi làm sáng tỏ sự hoang mang của tôi.

Vì vậy, tháng sáu năm 1979 khi K đến Brockwood, tôi đi xuống đó và có hai nói chuyện lâu cùng anh. Mary Zimbalist, có mặt ở đó, ghi ra giấy. Lúc đó tôi không tự ghi ra và không thích ý tưởng sử dụng một máy thu âm mà có lẽ ngăn cản sự tự nhiên. Nói chuyện đầu tiên xảy ra trong căn phòng ngủ rộng của K, nhìn về hướng nam qua bãi cỏ và những cánh đồng xa xa, trong khi anh ngồi trên giường, lưng thẳng và hai chân bắt chéo trong một áo choàng tắm dài màu xanh nhạt. Có một hương thơm thoang thoảng của gỗ bạch đàn trong phòng mà tôi luôn luôn kết hợp cùng anh. Thậm chí trong tờ giấy viết của anh cũng có hương thơm của nó. Sáng đó anh rất tỉnh táo và có vẻ hào hứng để thực hiện sự khám phá mới mẻ nào đó.

Tôi bắt đầu bằng cách hỏi anh liệu anh có thể giải thích điều gì đã khiến anh là anh là gì. Anh đặt ngược câu hỏi này

bằng cách hỏi tôi sự giải thích nào mà tôi nghĩ là có thể được. Tôi trả lời, dĩ nhiên giải thích hợp lý nhất là lý thuyết của Besant-Leadbeater về Chúa Maitreya đang ấp ủ một thân thể được chuẩn bị đặc biệt cho sự cư ngụ của Ngài, cái tôi mà đã tiến hóa qua một loạt những đầu thai cho đến khi nó được sinh ra trong một thân thể Bà la môn, mà tinh khiết hơn bất kỳ thân thể nào khác, bởi vì đã không ăn thịt trong vô số những thế hệ. Giải thích này cũng trả lời cho ‘cái tiến trình’ – thân thể đang ‘được làm cho ăn khớp’ như nó đã là, hoàn trả lại mỗi lúc một nhạy cảm hơn để cung cấp chỗ ở cho một thực thể thiêng liêng sở hữu, tới mức độ tột đỉnh là hòa hợp ý thức của Chúa Maitreya cùng ý thức của Krishnamurti. Nói cách khác, mọi điều Mrs Besant và Leadbeater đã tiên đoán đã đều đúng. Không đồng ý rằng lý thuyết này là có thể đúng nhất nhưng anh không nghĩ nó là như thế. Một giải thích có thể được khác mà tôi đưa ra là ăng có một nguồn dự trữ vô hạn của tốt lành trong thế giới mà có thể được mở ra bởi những họa sĩ, những thiên tài, những vị thánh vĩ đại. Không loại bỏ điều này ngay lập tức. Một lý thuyết còn lại nữa mà tôi có thể gợi ý là rằng chính Krishnamurti đã tiến hóa qua nhiều cuộc đời để trở thành điều gì anh đã là, mặc dù điều này tôi nhận thấy là khó chấp nhận bởi vì cậu trai nhỏ mà tôi từng biết có đầu óc hoàn toàn trống không, trẻ con, hầu như khờ dại, thực sự chẳng quan tâm đến gì cả ngoại trừ golf và xe gắn máy. Tôi không thể hiểu làm thế nào cậu trai này đã có thể phát triển bộ não để trình bày từng chi tiết lời giảng tinh tế của Krishnamurti.

Bây giờ tôi trích dẫn từ những ghi lại của Mary Zimbalist:

ML: Những lời giảng không đơn giản. Làm thế nào nó lại thốt ra từ cậu bé trống không đó?

K: Em chấp nhận một huyền bí. Cậu bé có tấm lòng nhân hậu, tổng không, thích những môn điền kinh. Điều gì quan trọng trong cái này là cái trí tổng không. Làm thế nào cái trí tổng không có thể tiếp cận được cái này? Liệu cái trí tổng không là cần thiết cho cái này biểu lộ? Cái này mà biểu lộ tuôn trào từ cái nguồn dự trữ của vũ trụ giống như thiên tài tuôn trào từ nó trong những lãnh vực khác? Tinh thần tôn giáo không liên quan đến thiên tài. Làm thế nào cái trí tổng không này lại không bị nhét đầy bởi Theosophy vân vân? Sự trống không được trù liệu cho sự hiển lộ? Cậu bé này chắc chắn phải lạ thường ngay từ khởi đầu. Điều gì khiến cậu bé như thế? Thân thể được chuẩn bị trong nhiều cuộc đời hay năng lượng này chọn lựa thân thể trống không? Tại sao cậu bé đã không trở thành một kinh tởm do tất cả nịnh nọt đó? Tại sao cậu bé không trở nên yếm thế, cay đắng? Điều gì ngăn cản cậu bé không như thế? Trống không này được bảo vệ. Bởi cái gì?

ML: *Đó là điều gì chúng ta đang cố gắng tìm ra.*

K: Xuyên suốt sống nó đã được bảo vệ, được canh giữ. Khi anh lên máy bay anh biết không việc gì sẽ xảy ra. Nhưng anh không biết bất kỳ việc gì sẽ gây ra nguy hiểm. Anh thích bay trên không trung trong một chiếc máy bay lượn (Cơ hội này đã được trao cho anh tại Gstaad) nhưng anh cảm thấy, ‘Anh không được.’ Luôn luôn anh đã cảm thấy được bảo vệ. Hay cảm giác anh được bảo vệ có được bởi vì Amma (Mrs Bessant) luôn luôn thấy rằng anh được – luôn luôn thấy rằng anh có

hai người khai tâm phải canh chừng anh. Anh không nghĩ nó là như thế.

ML: Không phải, bởi vì việc khác – ‘cái tiến trình’ – lần đầu tiên xảy đến khi anh đi khỏi tất cả họ – hoàn toàn ở một mình cùng Nitya.

K: Đúng, sự trống không chưa bao giờ mất đi. Tại phòng khám nha sĩ suốt bốn tiếng đồng hồ không một tư tưởng nào len vào cái trí của anh. Chỉ khi đang nói chuyện hoặc viết lách thì ‘cái này’ bắt đầu hoạt động. Tôi kinh ngạc. Sự trống không vẫn còn ở đó. Từ tuổi đó đến bây giờ – tám mươi hay như thế – giữ một cái trí mà trống không. Cái gì làm nó? Ngay lúc này em có thể cảm thấy nó trong phòng. Lúc này nó đang xảy ra trong căn phòng này bởi vì chúng ta đang tiếp xúc cái gì đó rất, rất nghiêm túc và nó đến đang tuôn trào. Cái trí của ông cụ này từ niên thiếu cho đến bây giờ liên tục trống không. Anh không muốn tạo ra một huyền bí: tại sao nó không thể xảy đến cho mọi người?

ML: Khi anh thực hiện những nói chuyện cái trí của anh trống không à?

K: Ô, đúng, chính xác. Nhưng anh không quan tâm đến điều đó mà quan tâm đến tại sao nó vẫn trống không. Bởi vì nó trống không nên nó không có những vấn đề.

ML: Nó là độc nhất?

K: Không. Nếu một vật là độc nhất vậy thì những vật khác không thể thâm nhập nó. Anh muốn tránh bất kỳ

sự huyền bí nào. Anh thấy rằng cái trí của cậu bé đến lúc này vẫn y hệt. Lúc này cái khác lạ ở đây. Em không cảm thấy nó à? Nó giống như sự rung động rộn ràng.

ML: *Cốt lõi lời giảng của anh là mọi người có thể có nó. (Em có thể đã cảm thấy sự rung động rộn ràng nhưng không chắc chắn nó không là sự tưởng tượng.)*

K: Đúng, nếu nó là độc nhất, nó không có giá trị gì cả. Nhưng cái này không giống như thế. Liệu có phải nó được giữ trống không cho cái này ẽ nói, ‘Mặc dù tôi trống không, bạn – X – cũng có thể có nó?’

ML: *Anh có ý ằng nó trống không vì mục đích để có thể nói rằng điều này có thể xảy đến cho mọi người?*

K: *Điều đó đúng. Điều đó đúng. Nhưng cái đó giữ cho cái trí trống không g? Làm thế nào nó vẫn còn trống không trong ất cả những năm này? Điều đó thật lạ thường. Trước kia anh chưa bao giờ suy nghĩ về nó. Nó sẽ không là cách đó nếu nó không tách lìa. Tại sao anh ấy không quyển luyến? Cái đó chắc chắn đã phải nói, ‘Phải có trống không nếu không Anh – nó – không thể vận hành.’ Việc này đang chấp nhận tất cả mọi hình thức của những sự việc huyền bí. Vì vậy cái đó là gì mà giữ nó trống không cho mục đích nói tất cả những điều này? Nó đã tìm được một cậu bé mà có thể giữ trống không nhất? Chắc chắn cậu bé này đã không có bất kỳ sự sợ hãi của chống lại Leadbeater, đi ngược lại Theosophy, phản đối uy quyền. Amma, Leadbeater – họ có uy quyền ghê lắm. Cái đó chắc chắn phải đang vận*

hành. Cái đó phải có thể xảy đến cho tất cả những con người. Nếu không, nó sẽ có ích lợi gì đâu?

Nói chuyện ngắt ngang ở đây; K phải chuẩn bị vì đến giờ ăn trưa trong phòng ăn của trường. Sau bữa ăn trưa chúng tôi tiếp tục nói chuyện lại, trong nhà bếp của West Wing:

K: Chúng ta vẫn chưa khám phá tại sao cậu bé này được giữ trống không từ đó cho đến lúc này. Sự trống không là một vắng mặt của trạng thái ích kỷ – cái tôi – ngôi nhà của tôi, sự quyến luyến? Nhưng làm thế nào sự trống không cùng không-cái tôi của nó lại xảy ra? Điều đó sẽ rất đơn giản nếu chúng ta nói rằng Chúa Maitreya đã chuẩn bị thân thể này và giữ nó trống không. Đó sẽ là sự giải thích đơn giản nhất nhưng đơn giản nhất là ngờ vực nhất. Một giải thích khác là rằng cái tôi của K có lẽ đã hiệp thông cùng Chúa Maitreya và Phật và nói, ‘Tôi rút lui, cái đó còn quan trọng nhiều hơn cái tôi thủ tính của tôi.’ Nó không cảm thấy trong sạch, đúng đắn. Chúa Maitreya đã thấy thân thể này cùng cái tôi ít nhất, đã muốn hóa thân qua nó và thế là nó được giữ không ô uế. Amma đã nói khuôn mặt rất quan trọng bởi vì nó đại diện cho cái đó. Nó được chuẩn bị cho cái đó. Điều này có nghĩa mọi người không thể có nó. K là một kỳ dị thuộc sinh học. Một cách dễ dàng để giải thích cho qua. Vì vậy sự thật là gì? Anh không biết. Thực sự anh không biết. Sự thật của tất cả điều này là gì? Nó không phải là một tự đánh lừa, sự hoang tưởng tự phụ, một trạng thái được thúc giục, một ao ước được sáng chế – anh không biết ao ước cho điều gì. Một điều kỳ lạ khác trong tất cả cái này là rằng K đã luôn luôn được lôi cuốn đến Phật?

Đó là một ảnh hưởng? Anh không nghĩ như thế. Nguồn dự trữ đó là Phật? Chúa Maitreya? Sự thật là gì? Nó là cái gì đó mà chúng ta không bao giờ có thể tìm ra à?

Mary Zimbalist: Anh có khi nào âm thanh được sử dụng, cảm thấy cái gì đó đang thâm nhập vào anh?

K: Anh sẽ không nói như thế. Nó vào phòng khi chúng ta đang nghiêm túc nói chuyện.

ML: Làm thế nào mà nó liên quan đến sự đau đớn?

K: Sự đau đớn đến khi anh yên lặng, không đang nói. Nó đến chậm chậm cho đến khi thân thể nói, 'Từng đó đủ rồi.' Sau khi đến một cực độ làm thân thể bị ngắt xui; cơn đau đớn mất dần hay có sự can thiệp nào đó và nó biến mất.

ML: Liệu chúng ta có thể loại trừ cái gì đó từ phía bên ngoài?

K: Anh không. Nhưng ~~à~~ thật là gì? Có một yếu tố trong tất cả điều này mà không do con người tạo ra, tư tưởng tạo ra, không tự-thức giục. Anh không giống như thế. Đây là cái gì đó mà chúng ta không thể khám phá, không được tiếp xúc, không thể xuyên thấu? Anh đang thắc mắc. Anh thường xuyên cảm thấy nó không là công việc của anh, rằng chúng ta sẽ không bao giờ tìm ra. Khi chúng ta nói nó **lên** diện bởi vì cái trí trống không, anh cũng không nghĩ nó là như thế. Chúng ta đã đến một bế tắc. Anh đã nói chuyện với em, với em ấy (Mary), với Subba Rao (người đã biết K từ những ngày

niên thiếu). Anh ấy đã nói: ‘Bạn đã là như bạn là từ khởi đầu.’ Anh tự hỏi: ‘Điều này đúng hay sao?’ Nếu nó đúng, không có hy vọng nào cho những người khác. Tất cả nó là cái gì đó mà chúng ta không thể tiếp cận? Chúng ta đang cố gắng tiếp cận cái đó bằng những cái trí của chúng ta. Hãy cố gắng tìm ra cái đó là gì khi cái trí của bạn hoàn toàn yên lặng. Muốn tìm ra sự thật của vấn đề, em phải có cái trí của em trống không. Không phải cái trí của anh mà là trong trống không. Nhưng có một yếu tố mà chúng ta đang bỏ lỡ. Chúng ta đã đến được một mấu chốt nơi những bộ não của chúng ta, những công cụ tìm hiểu của chúng ta, không còn ý nghĩa gì cả.

ML: Liệu người nào khác có lẽ có thể tìm được? Và liệu nó là đúng dẫn để tìm hiểu?

K: Em có thể có thể tìm ra bởi vì em đang viết về nó. Anh không thể. Nếu em và Maria* ngồi xuống và nói, ‘Chúng ta hãy tìm hiểu’, anh cam đoan rằng các em có thể tìm ra. Hãy tự tìm hiểu nó một mình. Anh thấy điều gì đó; điều gì anh đã nói là đúng thực – anh không bao giờ có thể tìm ra. Nước không bao giờ có thể tìm ra nước là gì. Điều đó hoàn toàn đúng đắn. Nếu em tìm ra anh sẽ chứng thực nó.

ML: Anh sẽ biết liệu nó là đúng dẫn?

* K luôn luôn gọi Mary là ‘Maria’, được phát âm là Mareea, để phân biệt chị ấy và tôi.

K: Em có thể cảm thấy nó trong căn phòng? Nó đang mỗi lúc một mãnh liệt thêm. Bộ đầu của anh đang bắt đầu. Nếu em đặt câu hỏi và nói: ‘Tôi không biết’, em có lẽ tìm ra nó. Nếu anh đang viết nó anh sẽ phát biểu tất cả điều này. Anh sẽ bắt đầu bằng câu bé hoàn toàn trống không.

ML: Anh có lưu tâm khi nó **nặng** anh muốn nó được giải thích?

K: Anh không lưu tâm. Nói điều gì em thích. Anh chắc chắn nếu những người khác chú ý đến điều này họ có thể tìm ra nó. Anh tuyệt đối bảo đảm về nó. Tuyệt đối, tuyệt đối. Cũng vậy, anh bảo đảm anh không thể tìm ra nó.

ML: Điều gì nếu người ta có thể hiểu nó nhưng không thể diễn tả nó ra những từ ngữ?

K: Em có thể. Em có thể tìm ra một cách. Khoảnh khắc em khám phá điều gì đó em có thể tìm ra những từ ngữ diễn tả nó. Giống như một bài thơ. Nếu em thực tâm tìm hiểu, vận dụng bộ não của em trong nó, người nào đó có thể tìm ra. Nhưng khoảnh khắc em tìm ra nó, nó sẽ là đúng đắn. Không huyền bí.

ML: Liệu Huyền bí sẽ bận tâm nếu được tìm ra?

K: Không, Huyền bí sẽ không còn nữa.

Mary Zimbalist: Nhưng Huyền bí là cái gì đó thiêng liêng.

K: *Thiên lương sẽ ở lại.*

Đến đây nói chuyện ngừng lại vì bộ đầu của K đã trở nên quá nặng nề đến độ anh phải đến giường và nằm xuống. Không chỉ khi anh yên tĩnh thì sự đau đớn này mới xảy ra nhưng còn cả khi anh đang nói về những vấn đề như chúng tôi đang bàn luận. Tôi quay lại London bị kinh hãi bởi trách nhiệm anh đã giao cho chúng tôi: anh ‘tuyệt đối bảo đảm’ rằng chúng tôi có thể tìm ra sự thật về anh nếu chúng tôi cố gắng, nhưng tôi vẫn còn miễn cưỡng khi tin rằng anh không thể giúp đỡ nhiều thêm nữa cho việc khám phá sự thật, vì vậy ba tuần sau tôi lại nói chuyện với anh tại Brockwood trước khi anh rời đó đi Gstaad. Sau bữa trưa lại ở trong nhà bếp của West Wing, và Mary lại có mặt để ghi chép và tôi trích dẫn dưới đây:

ML: *Lời giảng của anh rất khó hiểu.*

K: Rất khó hiểu.

ML: *Nếu anh đọc nó anh sẽ hiểu nó chứ?*

K:Ồ, có chứ, có chứ.

ML: *Ai nói những lời giảng? Anh? Huyền bí?*

K: Một câu hỏi hay. Ai nói những lời giảng?

ML: *Bởi vì biết anh như là K, con người, em rất khó khăn khi nghĩ anh nói những lời giảng.*

K: Em có ý không ần họ c hành, em hặc người nào đó đã nói chúng?

ML: *Cái gì đó hiển lộ trong anh mà có vẻ không là bộ phận thuộc bộ não riêng của anh.*

K: Những lời giảng lạ thường à?

ML: *Đúng. Khác hẳn. Mới mẻ.*

K: Chúng ta hãy rõ ràng. Nếu anh cố ý ngồi xuống để viết nó, anh nghi ngờ liệu anh có thể viết được nó hay không. Anh sẽ kể cho em điều gì đó mà xảy ra: ngày hôm qua anh đã nói, ‘Suy nghĩ về điều gì đó khác hẳn suy nghĩ.’ Anh đã nói, ‘Anh hoàn toàn không hiểu nó, hãy cho phép anh tìm hiểu nó,’ và khi anh đã tìm hiểu anh đã thấy cái gì đó rõ ràng. Có một ý thức của trống không và sau đó cái gì đó đến. Nhưng nếu anh ngồi xuống để viết nó anh có lẽ không thể. Schopenhauer, Lenin, Bertrand Russel vân vân tất cả đều đã đọc rất nhiều. Đây là hiện tượng của người này mà không được giáo dục, mà không học hành. Làm thế nào anh ấy có được tất cả điều này? Nếu nó chỉ là K – anh ấy hiển nhiên, không được giáo dục – vì vậy nó từ đâu đến? Người này đã không nghĩ ra lời giảng.

ML: *Anh ấy đã không thâm nhập nó do tư tưởng?*

K: Nó giống như – cái gì – từ ngữ trong kinh thánh là gì nhỉ? – thiên khai. Luôn luôn nó xảy ra khi anh đang nói.

ML: *Khán giả có tạo tác cái gì đó liên quan với sự thiên khai?*

K: Không. Chúng ta hãy bắt đầu lại. Câu hỏi sâu sắc hơn sẽ là: cậu bé được tìm ra, sự quy định không thể trói buộc – cũng không Theosophy, không ịnh nọt, không Thầy Thế giới, tài sản, số tiền to lớn – không thứ gì trong số đó đã tác động vào anh ấy. Tại sao? Ai đã che chở cho anh ấy?

ML: *Rất khó khăn cho em nếu không nhận cách hóa một quyền năng – sự bảo vệ bởi người nào đó. Một quyền năng để bảo vệ là một ý tưởng quá mệnh mông cho những bộ não bị giới hạn của chúng ta nhưng có lẽ nó giống như một cột thu lôi. Sét, điện, tìm một cột thu lôi – cách trực tiếp nhất để dẫn đến đất. Quyền năng này, mà em nghĩ thực sự là tình yêu, tìm được một cột thu lôi trong cái trí trống không.*

K: Nó phải là một thân thể đặc biệt. Làm thế nào thân thể đó xoay sở và vẫn còn không bị hư hỏng? Đã quá dễ dàng để làm hư hỏng nó. Điều đó có nghĩa rằng quyền năng đang bảo vệ nó.

ML: *Và đào tạo nó – mở toang nó bằng ‘cái tiến trình’?*

K: Việc đó đến sau.

ML: *Nó bắt đầu ngay khi thân thể đủ sức mạnh.*

K: Đúng, nhưng nếu em chấp nhận tất cả điều này, nó là một kỳ dị, trong ý nghĩa thân thiện. Kỳ dị được giữ gìn cho đi giảng, kỳ dị hoàn toàn không quan trọng. Bất kỳ ai cũng có thể thấu nhận lời giảng, thấy sự thật của nó. Nếu bạn biến kỳ dị thành quan trọng nó loại trừ mọi thứ khác.

Mary Zimbalist: Kỳ dị cần thiết để đưa ra lời giảng nhưng những không-kỳ dị có thể thấu nhận nó?

K: Đúng rồi, đúng rồi. Vì vậy chúng ta đang hỏi, nó được duy trì như một kỳ dị bằng cách nào? Một từ ngữ gây kinh khiếp.

ML: Hãy nói, một quyền năng đang chờ đợi . . .

K: Amma và Leadbeater khẳng định rằng một Bồ tát sẽ hóa thân và họ phải tìm ra một thân thể – truyền thống của thiên thần giảng thể. Phật trải qua tất cả việc đó, trải qua đau khổ, vân vân, sau đó quảng nó đi và trở nên được khai sáng. Điều gì ngài đã giảng giải là mới mẻ nhưng ngài đã trải qua tất cả việc đó. Nhưng đây là một kỳ dị mà đã không trải qua bất kỳ việc đó. Cũng vậy chúa Jesus có lẽ đã không trải qua. Quyền năng chắc đã canh chừng thân thể này từ khoảnh khắc nó được sinh ra, Tại sao? Nó xảy ra như thế nào? Một cậu bé xuất thân từ một gia đình không có gì đặc biệt. Làm thế nào cậu bé đó tình cờ hiện diện ở đó? Đó là do bởi quyền năng muốn hóa thân nên mới sáng tạo cậu bé hay đó là do bởi quyền năng đã thấy một gia đình Bà la môn giáo, một đứa bé thứ tám, và nói, ‘Đó là cậu trai’? Cái đó đang ở trong phòng. Nếu bạn hỏi nó nó là gì, nó

sẽ không trả lời. Nó sẽ nói, ‘Bạn quá nhỏ nhoi.’ Anh nghĩ ngày hôm trước chúng ta đã nói rằng có một nguồn dự trữ của tốt lành mà phải hiển hiện. Nhưng nếu vậy chúng ta lại trở về điểm chúng ta đã bắt đầu. Em sẽ giải thích điều này như thế nào mà không nói về một kỳ dị thuộc sinh học? Nhưng tất cả điều này là thiêng liêng, và anh không hiểu bằng cách nào em sẽ chuyển tải không những thiêng liêng mà còn cả mọi sự việc khác nữa mà chúng ta đã nói. Tại sao cậu bé này không bị hư hỏng là điều quá lạ thường. Họ đã thực hiện mọi việc để kiểm soát cậu ấy. Tại sao cậu ấy lại được thực hiện trải nghiệm ở Ojai? Đó có phải do bởi thân thể không được hòa hợp đầy đủ.

Mary Zimbalist: Anh không bao giờ cố gắng tránh sự đau đớn.

K: Dĩ nhiên không. Em thấy nó đã bắt đầu – cơn đau đớn – cách đây khoảng nửa tiếng đồng hồ. Giả sử em viết tất cả điều này trên giấy; một con người thông minh, một con người suy nghĩ, giống như Joe (chồng tôi), sẽ nói gì về nó? Họ sẽ nói nó không là gì cả? Nó xảy đến cho mọi thiên tài? Nếu em nói, ‘Hãy phê bình việc này,’ phản ứng của họ sẽ là gì? Họ sẽ nói rằng tất cả đều được sắp đặt lại với nhau? Hay rằng nó là một huyền bí? Chúng ta đang cố gắng tiếp xúc một huyền bí? Khoảnh khắc em hiểu rõ nó, nó không còn là một huyền bí. Nhưng thiêng liêng không là một huyền bí. Vì vậy chúng ta đang cố gắng xóa sạch sự huyền bí dẫn đến cái nguồn này. Họ sẽ nói gì? Rằng em đang sáng chế một huyền bí khi không có gì cả? Rằng anh ấy được sinh ra theo cách đó à? Thiêng liêng ở đó và bởi

vì nó là thiêng liêng nên nó bao la. **Việc** gì xảy ra khi anh chết? Việc gì xảy ra ở đây? Tất cả đều đang phụ thuộc vào một con người? Hay có những con người sẽ tiếp tục?

ML: *Đã có một thay đổi so với điều gì anh đã nói cách đây mười năm ở Epping Forest rằng tất cả có thể không còn sau khi anh chết.*

K: *Anh không chắc có một thay đổi. Có những quyển sách nhưng chúng không đủ. Nếu họ (những người chung quanh anh) thực sự có nó, họ sẽ là những kỳ dị giống như K. Kỳ dị đang nói, 'Liệu có những người mà đã uống nước và sẽ tiếp tục?' Anh sẽ đi đến người nào đó mà đã biết anh ấy và qua họ có được một cảm thấy về anh ấy như thế nào. Anh sẽ đi nhiều dặm để nói chuyện với người nào đó mà đã ở cùng anh ấy: 'Anh đã uống nước, nó như thế nào?'*

Đến đây là chấm dứt của nói chuyện, bởi vì lại nữa K phải đến nằm xuống do cơn đau đốn trong bộ đầu và cổ của anh. Tôi bị bỏ lại cùng cảm giác rằng K ưa thích được ở ngoài cuộc chỉ một lần. Tôi nhớ lại điều gì anh đã nói vào ngày 28 tháng mười hai năm 1925, sau sự hiển lộ đầu tiên, như chúng ta đã tin tưởng, của Chúa đang nói qua anh tại Adyar. Mẹ tôi đã bảo với anh rằng lúc đó khuôn mặt của anh đã thay đổi cũng như những từ ngữ của anh và đã tỏa sáng bằng một ánh sáng rực rỡ khi anh đột ngột thay đổi cách xưng hô từ ngôi thứ ba sang ngôi thứ nhất. 'Con ước rằng con có thể trông thấy nó,' anh đáp lại đầy nuối tiếc. Và anh cũng có cùng câu trả lời khi bà kể cho anh tại trại Ommen, năm 1927, khuôn mặt của anh đã thay đổi như thế nào.

Tôi quay lại London cùng một cảm giác thương yêu anh vô cùng. ‘Nước không bao giờ có thể tìm được nước là gì,’ anh đã nói trong suốt nói chuyện trước của chúng tôi. Anh sẽ không bao giờ được ở ngoài cuộc; anh sẽ không bao giờ biết anh là gì; anh sẽ không bao giờ thấy được khuôn mặt của anh đã trở nên đẹp để biết chừng nào trong những khoảnh khắc của xuất thần hay thiên khai. Tôi có thể giúp anh tìm ra? Anh đã bảo với chúng tôi việc đó có thể được, bảo chúng tôi cố gắng tìm ra, trái lại ở Ojai năm 1972 anh đã nói với một nhóm ủy viên của America rằng không ai có thể hiểu rõ – rằng nó là cái gì đó quá mệnh mang không thể diễn tả ra từ ngữ được.’ Lúc này anh đang nói, ‘Khoảnh khắc em khám phá cái gì đó em phải có những từ ngữ cho nó.’ Tôi có thể tìm ra? Anh đã luôn luôn cảm thấy ý thức của được bảo vệ, và sự khẳng định lặp đi lặp lại của anh về cái trí trống không, là những chứng cứ để tiếp tục. Liệu tôi có thể tìm ra? Sự thách thức quá ly kỳ, quá lôi cuốn.

Tôi lại có thể nói chuyện với K tại Brockwood vào mùa thu, sau những họp mặt Saanen và Brockwood và sau một hội thảo của những người khoa học, cũng được tổ chức tại Brockwood. Tôi muốn cố gắng khám phá liệu ‘sự thiên khai’ mà anh đã nói đến từ phía bên trong hay phía bên ngoài của anh. Anh bắt đầu bằng cách nói rằng lần đầu tiên khi anh bắt đầu nói anh đã sử dụng ngôn ngữ của Theosophy nhưng từ năm 1922 (năm anh trải nghiệm tại Ojai) anh đã tìm ra ngôn ngữ riêng của anh. Tiếp theo anh giải thích lại về cái trí trống không và nói, ‘Khi cái trí trống không, nó chỉ biết nó trống không sau đó.’ Bây giờ một lần nữa tôi trích dẫn từ những ghi lại của Mary Zimbalist:

ML: *Khi nào nó không còn trống không?*

K: Khi nó cần sử dụng tư tưởng, để truyền đạt. Ngược lại nó trống không. Trong suốt hội thảo – trong khi tôi đang nói chuyện nó lại hiện diện.

ML: Anh có thấy cái gì không?

K: Không, nó hiện diện. Anh không thấy cái gì cả và diễn giải. Nó hiện diện mà không cần anh nghĩ về nó. Khi nó hiện diện, nó trở thành hợp lý, có lý lẽ. Nếu anh suy nghĩ ra nó cẩn thận, viết nó ra, lặp lại nó, không gì xảy ra.

ML: Nó hiện diện từ nơi nào đó phía bên ngoài của anh?

K: Với những họa sĩ và những người thi sĩ điều đó khác hẳn bởi vì họ chuẩn bị cho nó. Sự nhận biết về lời giảng cách mạng của anh ấy (của K) chắc chắn phải đã đến từ từ, chậm chậm. Nó không đang thay đổi song song với ngôn ngữ. (Lúc này anh lặp lại anh đã được mời đi máy bay lượn tại Gstaad như thế nào). Anh sẽ bay giống như tên bắn – nó sẽ vui lắm. Nhưng anh nhận ra rằng anh không nên làm nó. Anh không được làm bất kỳ việc gì không phù hợp cho thân thể. Anh cảm thấy nó, bởi vì việc gì K phải thực hiện trong thế giới. Anh không được bị bệnh bởi vì anh không thể nói chuyện, vì vậy anh phải cẩn thận càng nhiều bao nhiêu càng tốt. Thân thể ở đây để nói chuyện, nó đã được nuôi dưỡng trong hướng đó và mục đích của nó là nói chuyện. Bất kỳ việc gì khác đều không phù hợp, vì vậy thân thể phải được bảo vệ. Khía cạnh khác của việc này là rằng anh cảm thấy có một loại bảo vệ khác

mà không là *bảo vệ của anh* . Có một hình thức tách rời của bảo vệ như thế trong chừng mực nào đó tương lai được sắp đặt. Một loại khác của bảo vệ, không chỉ của thân thể. Cậu bé được sinh ra bởi tính chất kỳ lạ đó – cậu bé phải được bảo vệ để qua khỏi được tất cả việc gì cậu làm. Trong chừng mực nào đó thân thể được bảo vệ để tiếp tục tồn tại. Yếu tố nào đó đang canh chừng nó. Cái gì đó đang bảo vệ nó. Sẽ quá suy đoán khi nói cái gì. Chúa Maitreya tồn tại ở dạng quá vật chất, không *đi* mọc mạc . Nhưng anh không thể nhìn phía sau *lúc* màn. Anh không thể làm việc đó. Anh đã *thử* với Pupul (Jayakar) và vô *ố* những học giả người Ấn độ mà thúc bách anh. Anh đã nói rằng nó không là Chúa Maitreya, Đáng Bò tát. Sự bảo vệ của các vị đó quá cụ thể, quá tính toán khi thực hiện. Nhưng anh đã luôn luôn cảm thấy được bảo vệ.

Tôi có khuynh hướng tin tưởng rằng K đang được sử dụng, và đã được sử dụng từ năm 1922, bởi cái gì đó từ phía bên ngoài. Điều này không có nghĩa rằng anh là một người trung gian. Một người trung gian bị tách rời khỏi ‘người quá giang’ là anh ấy hay chị ấy, ngược lại K và bất kỳ cái gì mà biểu lộ qua anh *hì* là một bộ phận hòa hợp nhất. Ý thức của anh thẩm thấu cùng cái vật khác lạ này như một bọt biển ngấm nước. Tuy nhiên, cũng có những thời điểm khi nước gần như bị khô kiệt, bỏ lại anh rất giống hệt như lúc trước anh đã là khi lần đầu tiên tôi *gặp* anh – lơ *đãng*, hiền hòa, có thể sai lầm, nhút nhát, có đầu óc đơn sơ, dễ phục tùng, nhân hậu, ham thích cười đùa khi nghe những chuyện vui ngớ ngẩn, tuy nhiên lại đặc biệt vì tuyệt đối không có tánh tự phụ và tự-khẳng định. Nhưng sau đó tôi dựa vào quyển *Notebook* và tìm được một trạng thái ý thức mà dường như tuyệt đối là

riêng của K và nguồn suối tuôn trào lời giảng của anh, và quá khó khăn khi chấp nhận lý thuyết rằng anh đang được sử dụng.

Trước khi hết năm, K sẽ trải qua một trải nghiệm tinh thần, trong khi anh ở Ấn độ. K đọc một chuyện kể về nó cho Mary, mà đã không theo cùng anh đến Ấn độ mùa đông đó, nói về anh trong ngôi thứ ba:

K đi từ Brockwood đến Ấn độ vào ngày 1 tháng mười một năm 1979. Sau một vài ngày ở Madras anh ấy đi thẳng đến Rishi Valley. Suốt một thời gian dài anh ấy luôn luôn thức giấc vào giữa đêm cùng thiền định kỳ lạ đó mà đã theo sát anh ấy trong rất nhiều năm. Đây đã là một việc bình thường trong sống của anh ấy. Nó không là một theo đuổi cố ý, biết được của thiền định hay một ham muốn vô thức để đạt được cái gì đó. Chắc chắn nó không được mời mọc và không được tìm kiếm. Anh ấy đã rất sáng suốt và khéo léo canh chừng tư tưởng đang thực hiện một kỷ niệm của những thiền định này. Và vậy là mỗi thiền định có một chất lượng của cái gì đó mới mẻ và trong sáng trong chính nó. Có một ý thức của thúc đẩy tích lũy, không được mời mọc và không được tìm kiếm. Thỉnh thoảng nó mãnh liệt đến độ có sự đau đớn trong bộ đầu, thỉnh thoảng có trạng thái trống không mênh mang cùng năng lượng vô hạn. Thỉnh thoảng anh ấy thức giấc cùng hân hoan và vui vẻ không kể xiết. Những thiền định kỳ lạ này, mà tự nhiên không có ý định trước, đã tăng trưởng cùng sự mãnh liệt. Chỉ vào những ngày anh ấy đi hay về muộn vào chiều tối chúng mới ngừng lại, hay khi anh ấy phải thức dậy sớm để đi.

Theo cùng lúc đến Rishi Valley vào giữa tháng mười một năm 1979, động lực đã gia tăng và một đêm trong sự yên tĩnh lạ thường của phần đất đỏ của thế giới cùng sự yên lặng không bị quấy rầy bởi những tiếng cú kêu, anh thức giấc và phát giác cái gì đó hoàn toàn khác hẳn và mới mẻ. Chuyển động đã đạt đến tận nguồn của tất cả năng lượng.

Sự kiện này không thể nào bị làm lẫn, hay thậm chí suy nghĩ, như thượng đế hay đẳng tối thượng, đẳng Brahman, mà là những chiếu rọi của cái trí con người do bởi sự sợ hãi và khao khát, sự ham muốn kiên định để có sự an toàn tuyệt đối. Nó không là cái nào trong bất kỳ những sự việc đó. Khao khát không thể đến được nó, những từ ngữ không thể dò tìm nó, sợi dây của tư tưởng cũng không thể quấn quanh nó. Người ta có lẽ hỏi bởi sự bảo đảm gì mà anh phát biểu rằng nó là tận nguồn của tất cả năng lượng? Người ta chỉ có thể bằng sự khiêm tốn hoàn toàn trả lời rằng nó là như vậy.

Mọi thời gian K ở Ấn độ cho đến cuối tháng giêng năm 1980, mỗi đêm anh ấy sẽ thức giấc cùng ý thức của cái tuyệt đối này. Nó không là một trạng thái, một sự việc mà cố định, bất động, tĩnh. Toàn vũ trụ trong nó, không đo lường được đối với con người. Khi anh ấy quay lại Ojai vào tháng mười hai năm 1980, sau khi thân thể đã nghỉ ngơi trong chừng mực nào đó, có sự nhận biết rằng không có gì vượt khỏi cái này. Đây là cái tối thượng, cái khởi đầu và cái kết thúc và cái tuyệt đối. Chỉ có một ý thức của mệnh mang lạ thường và vẻ đẹp khôn cùng.

‘Kết thúc cái đã được biết’

Tháng hai khi K quay lại Ojai, cùng năng lượng mới mẻ vô biên, anh cảm thấy anh ‘không đang được sử dụng’ đầy đủ. ‘Anh sẽ làm gì ở đây trong hai tháng?’ anh hỏi Mary. ‘Anh đang bị lãng phí.’ Như nó đã xảy ra, anh có nhiều việc phải làm liên quan đến trường Oak Grove mới, nói chuyện cùng giáo viên và phụ huynh. Nhiều phụ huynh đã chuyển đến Ojai Valley để cho con cái của họ có thể theo học ở trường và họ có nhiều đóng góp hơn trong việc điều hành ngôi trường nếu nó là một trường nội trú. Mark Lee, một người Mỹ, đã dạy học tại Rishi Valley và có một người vợ Ấn độ, là Hiệu trưởng đầu tiên của trường.

Chắc chắn K đã không lãng phí khi David Bohm đến ở lại vào tháng ba và thực hiện tám bản luận lâu cùng anh. Những bản luận này, cùng năm bản luận khác mà sau đó diễn ra tại Brockwood, được xuất bản năm 1985 dưới tựa đề *The Ending of Time Sự Kết thúc của Thời gian*, một trong những quyển quan trọng nhất của Krishnamurti bởi vì nó đánh thức sự quan tâm của một công chúng mới. Những bản luận, cùng những câu hỏi và những trả lời ngắn của chúng, không thích hợp cho sự trích dẫn. Sự phát triển của những ý tưởng trong chúng rất từ từ. Chúng nói về sự kết thúc của tư tưởng cũng như sự kết thúc của thời gian – đó là thời gian thuộc tâm lý

và tư tưởng mà là quá khứ. Tất cả mọi điều chúng ta đã học hành, tất cả mọi điều chúng ta là, toàn nội dung ý thức của chúng ta, là quá khứ, được lưu trữ trong ký ức của chúng ta như tư tưởng, và nhồi nhét chặt vào bộ não bởi quá khứ có nghĩa rằng không có thấu hiểu trung thực bởi vì mọi thứ được nhìn thấy qua một đám mây dày đặc của tư tưởng mà phải luôn luôn bị giới hạn bởi cái tôi. K hỏi, ‘Liệu có thể cho thời gian kết thúc – toàn ý tưởng của thời gian như quá khứ để cho không còn ngày mai gì cả?’ Nếu bộ não vẫn còn trong màn đêm của tự cho mình là trung tâm, nó tự làm tổn hại bởi hậu quả của xung đột. Liệu sự thoái hóa của những tế bào não và tình trạng lão suy có thể được ngăn cản? K gợi ý rằng qua sự thấu triệt những tế bào não có thể thay đổi phân vật chất, và hành động trong một cách trật tự mà sẽ dẫn đến sự chữa trị những thiệt hại bị gây ra bởi tất cả những năm tháng vận hành sai trái.

Trong lời tựa cho một quyển sách mỏng chứa đựng hai đối thoại của thời gian sau giữa K và Bohm, Bohm giải thích điều này:

. . . ắt xứng đáng khi nhận thấy rằng sự nghi ngờ cứu hiện đại về bộ não và hệ thần kinh cũng có đáng kể cho câu phát biểu của Krishnamurti rằng sự thấu triệt có lẽ thay đổi những tế bào não. Ví dụ, bây giờ người ta biết rằng có những chất quan trọng trong cơ thể, những chất kích thích tố và truyền dẫn thần kinh, mà căn bản gây ảnh hưởng toàn sự vận hành của bộ não và hệ thần kinh. Những chất này phản ứng từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc, đến điều gì một con người biết, đến điều gì anh ấy suy nghĩ, và đến tất cả điều này có nghĩa gì đối với anh ấy. Bây giờ, người ta đã kết luận rõ ràng rằng trong cách này những tế bào não và sự vận hành

của chúng bị ảnh hưởng rất nhiều bởi sự hiểu biết và những cảm xúc. Vẫn vậy, rất hợp lý khi kết luận rằng sự thấu triệt, mà phải xảy ra trong một trạng thái của cảm xúc và năng lượng thuộc tinh thần, có thể gây ảnh hưởng những tế bào não thậm chí trong một cách còn sâu sắc hơn nhiều.⁶³

Mùa hè năm đó trên đường đi Gstaad, K đến khám tại Janker Clinic năm thứ ba. Chụp X-quang chỉ rõ rằng cục u mà anh cảm thấy dưới màng ngăn do bởi chứng sa ruột và không có gì nghiêm trọng. Tại họp mặt Brockwood sau Saanen, K được hỏi tại sao anh vẫn nói chuyện tại tuổi của anh. Anh trả lời: ‘Câu hỏi đó thường xuyên được đặt ra: “Tại sao ông tiếp tục sử dụng năng lượng của ông sau năm mươi năm khi dường như không ai thay đổi?” Tôi nghĩ khi người ta thấy cái gì đó đúng thực và tốt lành người ta muốn kể cho mọi người về nó, từ triu mến, từ từ bị, từ tình yêu. Và nếu có những người không quan tâm thì điều đó cũng được thôi. Bạn có thể hỏi một bông hoa tại sao nó nở, tại sao nó có hương thơm? Cũng cùng lý do đó nên người nói nói chuyện.’

Trong sáu năm cuối cùng thuộc sống của anh, K sẽ tiếp tục những chuyến đi, nói chuyện và bàn luận, mặc dù trên thực tế anh đã từ bỏ những phòng vấn riêng. Vào tháng sáu năm 1980 Mrs Radha Burnier, người K đã quen biết được nhiều năm và rất ưa thích, được bầu chọn làm Chủ tịch của Theosophical Society. Bà là con gái của N. Sri Ram, một chủ tịch cũ, và một cháu gái của Rukmini Arundale người đã tranh cử trong cuộc bầu cử. Vì lợi ích của bà, mùa đông đó K đồng ý viếng thăm Theosophical Society khi anh ở Madras. Vì vậy, vào ngày 3 tháng mười một Radha Burnier đến đón anh ở Vasanta Vihar, và lần đầu tiên sau bốn mươi bảy năm anh vào cổng của khu Theosophy, nơi một đám đông người tụ

họp để nghinh đón anh, và đi bộ qua những khuôn viên đến nhà của Radha trên bãi biển. Anh không nhớ bất kỳ việc gì về nơi này. Sau đó, suốt phần còn lại thuộc sống của anh những khi anh ở Vasanta Vihar, anh thường lái xe đến nhà của Radha mỗi buổi chiều và dạo bộ dọc theo bãi biển nơi anh đã được ‘phát hiện’.

Ngày hôm sau K đi máy bay đến Sri Lanka nơi anh được mời nói chuyện và nơi anh đã không đến từ 1957. Đó là một viếng thăm đầy thành công; anh đã gặp Thủ tướng, được phỏng vấn trên truyền hình bởi Bộ trưởng Chính phủ và nói chuyện riêng suốt một tiếng đồng hồ với Tổng thống. Anh cũng thực hiện bốn nói chuyện trước công chúng được tham dự bởi rất nhiều người.

Sau đó tại Rishi Valley, K được nhập vào bởi những ủy viên từ tất cả ba Foundation, và vào ngày 20 tháng mười hai Mrs Gandhi, cùng Rajiv và vợ của anh ấy, đến ở lại một đêm, đến Madanapalle bằng máy bay trực thăng. Pupul Jayakar là người đồng tiếp khách cùng K. K và Mrs Gandhi đi dạo bộ cùng nhau rất lâu, có những người bảo vệ trang bị vũ khí núp sau những bụi cây.

Khi K bắt đầu sớm chuyến hành trình của anh tại Brockwood năm 1981, trên đường từ Ấn độ đến Ojai, đầy hào hứng anh kể cho chúng tôi về chuyến viếng thăm của Mrs Gandhi và sự tiếp đãi với tư cách VIP ở Sri Lanka. Anh có vẻ rất cảm kích về việc Tổng thống Sri Lanka muốn gặp anh. Đây là một trong những không bình thường lạ lùng của K, sự kính trọng của anh đối với những thành công và địa vị học thức trong thế giới của những người khác; tuy nhiên anh ghê tởm bất kỳ ai khoe khoang về sự nổi tiếng của họ và biểu lộ những dấu hiệu của tự-quan trọng. Có vẻ anh không bao giờ suy nghĩ rằng những quà biếu tặng cho công việc của anh có lẽ đã bắt nguồn từ sự kinh doanh không lành mạnh nào đó

mà anh sẽ rất xót xa nếu anh biết rõ về nó . Tuy nhiên, nếu không có những mâu thuẫn này trong bản tính của anh, anh sẽ chẳng gây hứng thú bao nhiêu và theo cá nhân cũng kém dễ thương lắm. Tại họp mặt Saanen năm 1981, K bị đau bao tử rất nặng, nhưng những thí nghiệm tại bệnh viện Saanen không tìm ra những nguyên nhân cho căn bệnh. Trước khi đi Ấn độ giống như mọi năm, người ta sắp xếp rằng anh nên thực hiện một giải phẫu ruột khi anh trở lại Ojai năm sau. Trên đường đến Gstaad bỗng nhiên anh nhờ Mart Zimbalist, người ở cùng anh, viết một quyển sách về anh – ở cùng anh như thế nào. Hai lần nữa, suốt vài năm kế tiếp, anh thường yêu cầu chị làm việc này – thậm chí nó chỉ có một trăm trang, viết một chút ít mỗi ngày. Người ta phải hy vọng rằng chị sẽ viết theo yêu cầu này bởi vì từ năm 1966 chị đã ở cùng anh nhiều hơn bất kỳ người nào khác. Chị luôn luôn ở cùng anh tại Gstaad, Brockwood, và bây giờ Ojai. Vanda Scaravella vẫn còn mở Chalet Tannegg cho anh với Fosca, nhưng Vanda sẽ trở lại Florence trong suốt họp mặt, và chỉ quay lại sau để đóng cửa căn nhà gỗ.

Vào tháng chín, K sẽ thay đổi chương trình hàng năm của anh một chút xíu bằng thực hiện hai nói chuyện ở Amsterdam nơi anh đã không nói chuyện từ mười năm . Đại sảnh RAI đông nghẹt người, khán giả tràn vào một sảnh kế cận có một máy truyền hình. Một vài người bạn từ nước Anh theo cùng anh. Trên đường đến nói chuyện lần thứ nhất trong xe hơi anh hỏi chúng tôi anh sẽ nói về vấn đề gì đây. Tôi hỏi anh, ‘Anh không có ý tưởng nào à?’ Anh trả lời, ‘Không, không ý tưởng nào cả.’ Khi hình bóng nhỏ nhắn của anh xuất hiện, ngồi một mình trên cái bục thật to trên một cái ghế dựa cứng và không có cả cái bàn trước mặt anh, trong chừng mực nào đó, nó gây ra một cảm xúc mãnh liệt. Luôn luôn như thế anh hoàn toàn yên lặng trong một vài phút, nhìn khán

giả từ bên này sang bên kia trong khi họ hoàn toàn sống lại và căng thẳng chờ đợi. Cuối cùng anh bắt đầu: ‘Bất hạnh thay chỉ có hai nói chuyện vì vậy rất cần thiết phải cô đọng điều gì chúng ta phải nói về toàn sự tồn tại.’ Tại thời gian này càng ngày anh càng đang nhấn mạnh rằng sự khác biệt giữa những con người chỉ rất hời hợt trên bề mặt. Anh giải thích điều này trong nói chuyện đầu tiên:

Nội dung của ý thức chúng ta là mảnh đất chung của tất cả nhân loại . . . một con người đang sống trong bất kỳ vùng đất nào của thế giới đều bị đau khổ, không chỉ phần thân thể mà còn cả phía bên trong. Anh ấy hoang mang, sợ hãi, rối loạn, lo âu, không có ý thức của an toàn sâu thẳm. Vì vậy ý thức của chúng ta đều chung đối với tất cả nhân loại . . . và vì vậy chúng ta không là những cá thể. Làm ơn hãy suy xét điều này. Chúng ta đã được giáo dục, được rèn luyện, thuộc tôn giáo cũng như học thức, để suy nghĩ rằng chúng ta là những cá thể, những linh hồn tách rời, tranh giành cho chúng ta, nhưng đây là một ảo tưởng . . . Chúng ta không là những thực thể tách rời cùng nội dung tâm lý tách rời, đang đấu tranh vì những kết quả; chúng ta, mỗi người chúng ta, thực sự là phần còn lại của nhân loại.

Trong cùng nói chuyện này anh dừng lại rất lâu về một đề tài khác mà anh đã trình bày trước kia và thường xuyên lặp lại trong những năm cuối cùng của anh – đang sống cùng chết:

Chết có nghĩa sự kết thúc của cái đã được biết. Nó có nghĩa sự kết thúc của các cơ quan thân thể, sự kết thúc của tất cả ký ức mà tôi là, bởi vì tôi không là gì cả ngoại trừ ký ức. Và tôi kinh hãi khi phải buông bỏ tất

cả những thứ đó, mà có nghĩa chết. Chết có nghĩa sự kết thúc của tất cả những quyền luyện, đó là đang chết trong khi đang sống, không bị tách lìa bởi năm mươi năm hay như thế, đang chờ đợi một bệnh tật nào đó để kết thúc bạn. Nó là đang sống cùng tất cả sức sống, năng lượng, khả năng trí tuệ của bạn và cùng cảm thấy vô biên, và cùng thời điểm, để cho những kết luận nào đó, những cá tính, những trải nghiệm, những quyền luyện, những tổn thương nào đó, được kết thúc, được chết đi. Đó là, trong khi đang sống, cũng sống cùng chết. Vậy thì chết không là cái gì đó xa thật xa, chết không là cái gở tại khúc cuối của cuộc đời một người, bị gây ra bởi tai nạn, bệnh tật nào đó hay tuổi già, nhưng trái lại một kết thúc của tất cả những sự việc thuộc ký ức – đó là chết, một chết không tách rời khỏi đang sống.⁶⁴

Điều gì anh thực sự đang yêu cầu những người nghe của anh thực hiện là buông bỏ tất cả những quyền luyện của con người. Bao nhiêu người đã muốn làm như thế mặc dù họ có thể? Tuy nhiên càng ngày càng nhiều người khắp thế giới tiếp tục tham dự những nói chuyện của anh.

K rất hạnh phúc khi ở Hà lan nơi anh đã trải qua quá nhiều thời gian lúc còn bé. Một buổi chiều anh lái xe đến thăm lại Castle Eerde, bây giờ là một trường học, và nơi anh đã không đến từ năm 1929. Lái xe qua những cánh rừng cây sồi đẹp anh tự hỏi, hơi hơi nghiêm túc, tại sao anh đã trao trả lại khu này. Tuy nhiên, khi anh đến lâu đài anh không chịu ra khỏi xe vì sợ bị nhận ra.

Quay lại Ojai vào đầu năm 1982, sau những tháng cực nhọc thường lệ của anh ở Ấn độ, tháng hai K vào University of California Los Angeles Medical Center để giải phẫu sa

ruột. Đây không là một ca mổ cấp cứu, nhưng người ta cảm thấy rằng nếu tình trạng bệnh tật bỗng nhiên tồi tệ hơn trong khi anh đi nó có lẽ sẽ trở nên rất nguy hiểm. Mary Zimbalist ở lại trên một cái ghế dài trong phòng của anh suốt bốn đêm anh ở bệnh viện. Ca mổ này cũng xảy ra trong một gây mê cột sống. Đó là một thử thách kinh khủng cho anh và khi thuốc gây mê giảm hiệu lực, cơn đau đớn trở nên cực mạnh và anh nói về ‘cái cửa mở toang’. Mary nhắc nhở anh đóng nó lại. Chiều tối đó anh nói với chị, ‘Nó rất gần. Anh không biết liệu anh có đủ sức mạnh để đóng cái cửa,’ nhưng ngay thời điểm đó anh ngồi bật dậy trong giường, đọc một quyển truyện giật gân.

Tiếp theo một khám tổng quát tại UCLA Medical Center phát giác rằng lượng đường trong máu của K rất cao, và anh bị bắt buộc thực hiện một ăn kiêng theo bệnh tiểu đường, sau đó một chuyến thăm bác sĩ nhãn khoa đã chẩn đoán những khởi đầu của bệnh đục nhân mắt trong cả hai mắt và một đe dọa của bệnh tăng nhãn áp trong mắt trái, do vậy anh được giao thuốc nhỏ mắt. Dầu vậy, xét chung, anh được nhận xét là rất khỏe mạnh cho tuổi tác của anh.

Cuối tháng ba, K thực hiện hai nói chuyện ở New York, nơi lần cuối anh đã nói chuyện vào năm 1974, nhưng lần này chúng được thực hiện tại Carnegie Hall, chứa được gần 3000 người. Mọi chỗ ngồi đều được sử dụng. Được phỏng vấn bởi Paul L. Montgomery viết cho tờ *New York Times* vào ngày 26 tháng ba tại khách sạn Parker -Meridien nơi anh đang ở, K nói với Montgomery: ‘Bạn thấy, tôi đã không bao giờ chấp nhận uy quyền, và tôi đã không bao giờ áp đặt uy quyền vào những người khác. Tôi sẽ kể cho bạn một chuyện vui. Trong suốt thời gian của Mussolini, một trong những viên chức chính của ông yêu cầu tôi nói chuyện ở Stresa, bên cạnh Lago Maggiore (đây là vào mùa hè năm

1933). Khi tôi đến sảnh, trước mặt của tôi có những hồng y, những giám mục, những tướng lãnh. Có thể họ nghĩ tôi là một vị khách của Mussolini. Tôi nói về uy quyền, nó nguy hại đến mức nào, nó phá hoại đến mức nào. Ngày hôm sau, khi tôi nói chuyện lại, chỉ có một bà cụ già là khán giả.’ Khi được hỏi bởi Montgomery liệu anh nghĩ suốt cuộc đời làm việc của anh đã tạo ra bất kỳ khác biệt nào cho cách những con người đã sống hay không, anh trả lời, ‘Thưa bạn, một chút ít, nhưng không nhiều lắm.’

Khi K phải cô đọng điều gì anh nói thành hai nói chuyện, lúc này anh tạo ra hiệu quả nhiều hơn khi anh thực hiện một loạt nói chuyện như tại những họp mặt Ojai, Saanen và Brockwood và tại những nói chuyện anh thực hiện đều đặn ở Ấn độ. Trong nói chuyện lần đầu tiên ở New York này, anh nói về sự phân tích tâm lý, đến mức độ đã trở thành một bộ phận của lối sống người Mỹ: ‘Nếu có bất kỳ phiên muộn nào chúng ta kết đến người phân tích – anh ấy là một giáo sĩ hiện đại – chúng ta nghĩ anh ấy sẽ giải quyết tất cả những vấn đề nhỏ nhen ngu xuẩn của chúng ta. Sự phân tích hàm ý rằng có một người phân tích và vật được phân tích. Ai là người phân tích? Anh ấy tách rời vật được phân tích à? Hay anh ấy là vật được phân tích?’ K đang nói về người phân tích và vật được phân tích mà chính là điều gì suốt nhiều năm anh đã nói về người quan sát và vật được quan sát, người suy nghĩ và suy nghĩ của anh ấy. Không có khác biệt gì giữa chúng. Anh khẳng định, điều này là đúng thực, về tất cả sự phân chia phía bên trong. Anh nói, ‘Khi bạn bị tức giận, tức giận là bạn. Bạn không khác biệt tức giận. Khi bạn tham lam, gan h tị, bạn là điều đó.’

Anh nài ni khán giả ở New York đừng vỗ tay trước hay sau một nói chuyện: ‘Nếu bạn vỗ tay bạn đang vỗ tay cho sự hiểu rõ của bạn . . . Trong bất kỳ cách nào người nói không

hứng thú là một người lãnh đạo, là một đạo sư – tất cả mọi điều vô lý xuất phát từ đó. Cùng nhau chúng ta đang hiểu rõ điều gì đó trong sống, sống mà đã trở thành cực kỳ phức tạp.’

Tại cuối nói chuyện lần thứ hai anh hỏi liệu anh được phép đứng dậy và rời nơi đó và chắc chắn đã bị thất vọng khi những câu hỏi được đưa ra cho anh. Anh nài nỉ chỉ thêm hai câu thôi. Một câu hỏi cuối là: ‘Thưa ông, ông làm ơn giải thích cho tôi về Thượng đế? Thượng đế có tồn tại hay không?’ Đối với câu hỏi này K trả lời:

Chúng ta đã sáng chế Thượng đế. Tư tưởng đã sáng chế Thượng đế, đó là, từ đau khổ, tuyệt vọng, cô độc, lo âu chúng ta đã sáng chế cái sự việc đó được gọi là Thượng đế. Thượng đế đã không tạo ra chúng ta trong hình ảnh của ngài – tôi ước ngài không. Theo cá nhân tôi không có niềm tin trong bất kỳ điều gì. Người nói chỉ đối diện cái gì là, nhận ra bản chất của mỗi sự kiện, mỗi tư tưởng, tất cả những phản ứng – anh ấy hoàn toàn ý thức được tất cả việc đó. Nếu bạn được tự do khỏi sợ hãi, khỏi phiền muộn, không có nhu cầu cho một Thượng đế.⁶⁵

Đã có tiếng vỗ tay khi anh đứng dậy, bất kể sự nài nỉ đừng vỗ tay của anh.

Tại Ojai, vào tháng tư, bốn bàn luận dài nhiều tiếng đồng hồ đã xảy ra về đề tài ‘Bản chất của Cái trí’ giữa K, David Bohm, Dr John Hidley, một chuyên gia tâm thần học đang hành nghề riêng ở Ojai, và Rupert Sheldrake, người tại thời gian đó là một người tư vấn cho International Crops Institute

ở Hyderabad. Những bản luận này, được quay video màu, đã được tài trợ bởi Robert E. Simon Foundation, một tổ chức tư nhân trao tặng sự tài trợ quan trọng cho những nghiên cứu về sức khỏe tinh thần. Có những thỉnh cầu lập tức về những cuộn video này từ vô số những trường đại học và những trung tâm giáo dục khắp quốc gia, mà hoặc có thể mua hoặc mượn chúng để chiếu cho mọi người xem. Chúng cũng được chiếu trên nhiều đài truyền hình cable, kể cả New York.⁶⁶

Đường như K đặc biệt khỏe mạnh và đầy nghị lực vào sinh nhật lần thứ tám mươi bảy của anh vào tháng năm. Anh bảo với Mary, ‘Lúc này mỗi đêm thiền định đánh thức anh.’ Trong suốt thiền định của anh ‘cái khác lạ’ luôn luôn hiện diện cùng anh. Anh đã diễn tả trong quyển *Notebook* của anh (trang 121) nó như thế nào khi được đánh thức trong đêm bởi thiền định này:

Thiền định tại giờ đó là sự tự do và nó giống như đang thâm nhập vào thế giới không biết được của vẻ đẹp và tĩnh lặng, nó là ột thế giới không hình ảnh, biểu tượng hay từ ngữ, không có những làn sóng của ký ức. Tình yêu đang chết mỗi giây phút và mỗi chết là sự trở lại của tình yêu. Nó không là sự quyến luyến, nó không có những gốc rễ; nó nở hoa mà không ngừng lại và nó là một ngọn lửa mà đốt cháy mọi ranh giới, những hàng rào được thiết lập vững chắc của ý thức. Thiền định là sự hân hoan và cùng nó có phước lành.

Tháng sáu K sẽ thực hiện hai nói chuyện tại Barbican Hall ở London – lần đầu tiên anh nói chuyện ở nước Anh trong một sảnh lớn hơn Friends’ Meeting House – nhưng mặc dù sảnh đông nghẹt người, những nói chuyện không là một thành công. Trong nói chuyện lần thứ nhất, loa phát thanh không

hoạt động; trong nói chuyện lần thứ hai K, không thích bầu không khí của nơi đó, không cách nào có thể cố gắng hết sức được. Không có lối vào riêng cho những nghệ sĩ, mà phải đi qua hành lang ồn ào để đến sảnh. Không thể làm được việc này, K phải được đưa lên trong thang phục vụ.

Dr Parchure, từ Rajahat, lúc này thường theo cùng K bất kỳ nơi nào anh đi, và năm nay Dr Dagmar Lietchi, đã về hưu từ Bircher-Benner Clinic ở Zurich, biết K từ năm 1960 do sự giới thiệu của người chú, hiện diện tại họp mặt Saanen và đi thẳng đến Tannegg để thảo luận sức khỏe của K với Dr Parchure; đường trong máu của anh vẫn còn quá cao. Họ đề nghị K nên hủy bỏ hội thảo của những người khoa học sẽ được tổ chức tại Brockwood sau họp mặt ở đó và có một kỳ nghỉ thực sự tại nơi nào đó mà anh không được biết. Anh đồng ý việc này. Anh đang bắt đầu tự nhận ra rằng anh nên sắp xếp thưa ra những hoạt động của anh nhiều thêm nữa. Mặc dù cảm thấy mệt sau họp mặt Saanen, anh đọc một loạt những Thư gửi Trường học, một lá một ngày giữa ngày 1 và 12 tháng tám. Sau đó, vào tháng chín, anh đi cùng Mary đến Pháp, đến một khách sạn gần Blois nơi anh ở trên mười lăm ngày. Dorothy Simmons ở cùng họ được một tuần lễ. Nó là kỳ nghỉ thực sự cuối cùng thuộc sống của K – không nói chuyện, không bàn luận, không phỏng vấn và, một lần duy nhất, khi anh đang nghỉ ngơi bộ đầu của anh đã không quấy rầy anh.

Trước khi anh đi Ấn độ vào tháng mười, tôi nài nỉ anh tiếp tục viết nhật ký của anh. Tôi cảm thấy rằng anh đang nói quá nhiều và không viết gì cả. Nói dễ dàng hơn viết, và trong những nói chuyện của anh người ta nhớ những diễn tả hay của anh về thiên nhiên. Anh trả lời rằng bây giờ viết khó khăn lắm vì hai tay của anh đã bị run nhiều. Tôi gợi ý, vậy thì tại sao khi ở một mình anh không đọc vào một cái máy thu

bằng? Anh thích ý tưởng này nhưng nói rằng anh sẽ không có thời gian trong khi anh đang ở Ấn độ.

Ở Ấn độ không chỉ có những nói chuyện thường lệ, năm nay còn thêm bốn nói chuyện rất thành công ở Calcutta, nơi trước kia anh chưa bao giờ nói chuyện, nhưng còn có những bàn luận vô tận cùng nhóm người mà anh đã quây quần quanh anh trong nhiều năm, kể cả Pupul Jayakar, Sunanda và Pama Patwardhan và Achyut Dhanu của Pama, và một học giả uyên thâm Jagannath Upadhyaya.⁶⁷ Ở Châu Âu và Mỹ, K thường ăn sáng trong giường và không ra khỏi giường đến mãi trưa nếu anh không có một cuộc hẹn, trái lại ở Ấn độ anh đi xuống ăn sáng cùng bạn bè và nói chuyện bắt đầu lúc đó. Những bàn luận, cùng nhiều người tham dự và đưa ra những câu hỏi, là cách ứng ý nhất ở Ấn độ để khoét sâu vào bài giảng thuộc tôn giáo hay triết học. Không nghi ngờ gì cả đây là cách tốt nhất cho sự hiểu rõ thuộc trí năng nhưng dường như nó còn là khúc dạo đầu của những bước nhảy vọt dành cho những người đã sẵn sàng trực nhận điều gì K đang nói. Chính K cũng được kích thích bởi những bàn luận này ở Ấn độ. Anh thích thâm nhập chậm chậm, hợp lý, từng bước một vào triết lý của anh. Nó cũng là cách của người Ấn độ để tìm hiểu mọi vấn đề đã được đề cập. K hoàn toàn đồng ý cách này, bởi vì sự trung thành, chấp nhận những từ ngữ của một người khác không một chút ngờ vực, đối với anh sẽ là một rào cản không thể vượt qua được cho sự khám phá chân lý qua hiểu rõ về chính mình.

Tại trường Rishi Valley, Radhika người con gái của Pupul Jayakar, mà đã có bằng tiến sĩ trong những nghiên cứu về tiếng Phạn và Phật giáo từ một trường đại học ở Mỹ và đã kết hôn với một giáo sư người Canada, Hans Herzberger, lúc này là người Điều khiển của Những Nghiên cứu, đang làm việc gần gũi với Narayan mà vẫn còn là Hiệu trưởng. K rất

hài lòng trong cách trường đang tiến triển. Có 340 học sinh miễn tiền học phí, được rút ra từ những vùng khác nhau của Ấn độ, một phần ba trong các em là nữ sinh và mười phần trăm nhận học bổng. Rishi Valley có danh tiếng là một trong những trường xuất sắc nhất ở Ấn độ.

Khi K trở lại Ojai vào tháng hai năm 1983, anh bắt đầu đọc liên tục nhật ký của anh. Anh đọc bài đầu tiên vào một máy khâu bằng nỉ khi ở một mình trong phòng sau bữa ăn sáng trong giường, và tiếp tục những bài đọc này, mặc dù không hàng ngày, mãi đến đầu tháng tư. Hầu hết những bài đọc bắt đầu bằng một miêu tả về thiên nhiên, chỉ rõ rằng mỗi ngày thực sự là một ngày mới mẻ cho anh, một ngày như chưa bao giờ đã từng là trước kia. Đối với nhiều người, những miêu tả này kích thích toàn thân tâm, làm cho nó **tập** nhận theo trực giác lời giảng tiếp theo. Vào tháng ba năm sau, lại nữa tại Ojai, anh đọc ba bài nữa khi ở một mình trong phòng của anh. Xuất bản hai năm trước khi anh chết, đây là quyển cuối cùng chúng ta sẽ có về những phản ảnh riêng của anh và, như nó **đã** xảy ra, bài cuối trong tất cả nói về chết. Anh miêu tả bằng cách nào, trong khi đang dạo bộ vào một sáng nắng đẹp mùa xuân, anh đã trông thấy một chiếc lá chết, ‘vàng và đỏ rực’, đang nằm trên con đường. Anh nói, ‘Chiếc lá đó đẹp làm sao, thật đơn giản trong chết của nó, thật sinh động, đầy vẻ đẹp và sức sống của toàn cái cây và mùa hè. Lại lòng rằng nó đã không héo tàn.’ Anh tiếp tục:

Tại sao con người chết đau khổ như thế, bất hạnh như thế, cùng một bệnh tật, tuổi già, lão suy, thân thể co rúm, xấu xí? Tại sao họ không thể chết tự nhiên và đẹp đẽ như chiếc lá này? Điều gì sai trái với chúng ta vậy? Bất kể những bác sĩ, những thuốc men và những bệnh viện, những giải phẫu và tất cả những khốn khổ của

sống, và những vui thú nữa, chúng ta dường như không thể chết đầy trang nghiêm, đơn giản, kèm theo một nụ cười . . . Khi bạn dạy các em môn toán, tập viết, tập đọc và mọi công việc thấu lượm hiểu biết, các em cũng nên được dạy sự trang nghiêm vô cùng của chết, không phải như một sự việc bất hạnh sâu thẳm mà cuối cùng người ta phải đối diện, nhưng như cái gì đó của sống hàng ngày – sống hàng ngày của nhìn ngắm bầu trời xanh và con cào cào trên ~~on~~ chiếc lá. Nó là thành phần của học hỏi, giống như bạn mọc răng và có những lo lắng của những căn bệnh trẻ em. Các em có tánh hiếu kỳ lạ lùng. Nếu bạn thấy bản chất của chết, bạn không giải thích rằng mọi thứ đều chết, cát bụi trở về cát bụi và vân vân, nhưng không có bất kỳ sợ hãi nào bạn giải thích nó cho các em thật dịu dàng và làm cho các em cảm thấy rằng sống và chết là một . . .

Không có sự sống lại, đó là mê tín, một niềm tin giáo điều. Mọi thứ trên đất, trên quả đất đẹp đẽ này, sống, chết, tồn tại và héo tàn. Muốn nắm bắt toàn chuyển động của sống này cần có thông minh, không phải sự thông minh của tư tưởng, hay những quyền sách, hay hiểu biết, nhưng sự thông minh của tình yêu và từ bi cùng nhạy cảm của nó . . . Khi người ta nhìn chiếc lá chết đó cùng tất cả vẻ đẹp và màu sắc của nó, có lẽ người ta sẽ hiểu rõ rất thẳm thẳm, nhận biết được, chết riêng của người ta phải là gì, không phải tại ngay khúc cuối nhưng tại khởi đầu. Chết không là một việc kinh hãi nào đó, cái gì đó phải được lẩn tránh, cái gì đó phải được trì hoãn, nhưng trái lại cái gì đó theo cùng ngày ngày. Và từ đó một ý thức lạ thường của vô hạn hiện diện.⁶⁸

‘Em phải gấp lên để hiểu rõ’

Tháng tư năm 1983, K đi đến New York lại, lần này thực hiện những nói chuyện tại Felt Forum ở Madison Square Garden mà chứa được một lượng khán giả thậm chí còn đông hơn cả Carnegie Hall. Hai phóng viên phỏng vấn anh cho tờ *East West Journal* phê bình: ‘Chúng tôi gặp một con người rụt rè và lễ phép nhưng dường như có sự kiên nhẫn vô hạn, tuy nhiên cùng lúc lại bày tỏ một mãnh liệt và một ý thức của sứ mệnh . . . Sự rõ ràng và những giải thích sâu sắc của anh làm chúng tôi khựng lại nhiều lần, để lại cho chúng tôi một cảm giác rằng đây là một con người tự do thực sự mà, không cần cố gắng, đã đạt được cái gì mà tôi cảm thấy là một loại nổi loạn tinh thần – một tầm nhìn thiêng liêng và đạo đức nghiêm túc, tuyệt đối độc lập khỏi những tôn giáo và những học thuyết chính thống.’

Tiếp theo những nói chuyện ở New York, tại họp mặt Ojai, một cuộn phim màu trọn bộ về sống của K được chiếu, mà Evelynne Blau, một trong những ủy viên của American Foundation, phải mất năm năm để thực hiện. Được gọi là *The Challenge of Change Sự thách thức của Thay đổi* và được đạo diễn bởi Michael Mendizza, bị đọc bởi diễn viên Mỹ Richard Chamberlain, K ngồi xem hết cuộn phim, cái gì đó hiềm hoi với anh, bởi vì anh chưa bao giờ muốn xem anh trên

truyền hình hay nghe những phỏng vấn phát thanh của anh cũng như đọc bất kỳ quyển sách riêng nào của anh. Rõ ràng anh thích cuộn phim này, cùng những cảnh quay đẹp về Thụy sĩ và Ấn độ của nó. Nó đã có những lần chiếu rất thành công trong nhiều thành phố khác nhau ở Mỹ.

Ngay sau khi K và Mary¹ Brockwood vào tháng sáu, Dorothy Simmons bị đau tim đột ngột. Mặc dù bà hồi phục, bà không còn có thể đảm đương toàn gánh nặng của ngôi trường như bà đã làm thật xuất sắc suốt mười bốn năm. Bà về hưu, nhưng tiếp tục sống tại Brockwood cùng người chồng của bà, mà chính ông ấy cũng về hưu sớm hơn vài năm.* Cuối cùng, một người Mỹ còn trẻ, Scott Forbes, kết hôn với một cô gái từ South Africa dạy múa ở trường, được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng mới. Một con người năng động trẻ tuổi đã làm việc tại Brockwood khoảng mười năm, hầu như đảm trách phần video (bây giờ đã có dụng cụ màu), Scott đi rất nhiều, đã sống một khoảng thời gian ở Paris và có một công việc kinh doanh bán đồ cổ nhỏ ở Geneva trước khi bắt gặp K khi anh, do tình cờ, đến Saanen vào một mùa hè. Anh ấy đã lắng nghe một nói chuyện và bị say đắm. Trong khi làm việc cho K, anh hoàn toàn thay đổi cách sống, và vẫn còn giữ nguyên sức làm việc của anh. Người vợ của anh đảm trách phần video sau khi anh được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng.

Vẫn còn tại Gstaad, sau họp mặt Saanen 1983, K sẽ gặp một người mà giúp anh thành tựu ước nguyện được áp ủ nhiều nhất của anh vào lúc này – thành lập một trung tâm người lớn tại Brockwood, hoàn toàn để lập khôi ngôi trường, nơi mọi người có thể đi đến cho mục đích duy nhất là

* Montague Simmons chết năm 1986, và Dorothy năm 1989. Doris Pratt cũng chết năm 1989.

học hỏi lời giảng của anh. Người đàn ông tuổi trung niên này là Friedrich Grohe, một người Đức đang sống ở Thụy sĩ, bốn năm trước đã rút lui khỏi việc kinh doanh gia đình, được quốc tế biết đến về việc chế tạo phòng tắm và những vòi khóa nước nhà bếp. Sau khi đọc một trong những quyển sách của K năm 1980 (*The Impossible Question Câu hỏi không thể trả lời được*) đã khẳng định hướng sống của anh từ thời điểm đó trở đi, dùng những từ ngữ của anh ấy. Anh ấy đến gặp K tại Tannegg bởi vì anh ấy nóng lòng muốn bắt đầu một trường Krishnamurti ở Thụy sĩ. K can ngăn anh ấy đừng nên thực hiện việc này, nói rằng tìm những giáo viên khó khăn lắm. (Khi K hỏi anh ấy đã lập gia đình hay chưa và anh ấy trả lời không, anh ấy đã ly dị, K nắm cánh tay anh ấy và nói ‘Tốt’.)^{*} Năm sau, trong một lần thăm Brockwood, Friedrich Grobe đề nghị rằng, thay vì thành lập một ngôi trường, anh ấy tài trợ cho việc xây dựng trung tâm tìm hiểu. K tiếp nhận đây nhiệt thành đề nghị này. Một vị trí đẹp được chọn lựa, gần nhưng không nhìn thấy được từ tòa nhà của trường học, có thể nhìn thấy suốt những phong cảnh ở phía nam qua những cánh đồng trồng. K giao cho Scott Forbes nhiệm vụ tìm một kiến trúc sư và xin giấy phép xây dựng.

Mùa đông năm 1983 – 84 đó, sau một chương trình đầy đủ ở Ấn độ, K quay lại Ojai vào tháng hai, khá kiệt sức, để giải quyết những vấn đề phát sinh từ việc khánh thành một trường trung học tại Ojai, kế cận trường tiểu học Oak Grove. Tháng ba anh được Dr M. R. Raju của National Laboratory Research Center tại Los Alamos ở New Mexico mời tham dự một hội nghị chuyên đề về ‘Sáng tạo trong Khoa học’. Trung tâm nghiên cứu về nguyên tử ở Mỹ này đã tập hợp được một

^{*} Friedrich Grobe cuối cùng đã trở thành ủy viên của cả English và American Foundations

số khán giả mới gây hứng thú cho K. 8 giờ sáng ngày 19 tháng ba, anh nói chuyện trên một tiếng đồng hồ với khoảng 700 người khoa học, về đề tài hiểu biết không bao giờ có thể là sáng tạo bởi vì nó không trọn vẹn. Anh chấm dứt:

Chắc chắn sáng tạo có thể xảy ra chỉ khi nào tư tưởng bất tằm . . . Khoa học là chuyển động của hiểu biết được thấu lượm nhiều hơn và nhiều hơn và nhiều hơn. ‘Nhiều hơn’ là sự đo lường, và tư tưởng có thể được đo lường bởi vì nó là một tiến hành thuộc vật chất. Hiểu biết có sự thấu hiểu riêng của nó, sự sáng tạo bị giới hạn riêng của nó, nhưng điều này tạo ra sự xung đột. Chúng ta đang nói về sự nhận biết tổng thể trong đó cái ngã, cái ‘tôi’, cái nhân cách, không ~~lấn~~ vào được. Chỉ đến lúc đó mới có cái sự việc được gọi là sáng tạo này. Đó là nó.

Sáng hôm sau K trả lời những câu hỏi cho một số khán giả ít hơn, được giới hạn trong những người bạn của Los Alamos National Laboratory. Trong mười lăm câu hỏi được đưa ra, anh chỉ trả lời câu đầu tiên và cuối cùng. Trả lời cho câu hỏi đầu tiên ‘Sáng tạo là gì? Thiên định là gì?’ đã chiếm hết toàn bộ thời gian cho phép cộng thêm nửa tiếng đồng hồ nữa và đa phần anh lặp lại điều gì anh đã nói ngày hôm trước. Về thiên định anh nói: ‘Thiên định không là thiên định có ý thức. Điều gì chúng ta đã được dạy là thiên định cố ý, có ý thức ; ngồi bắt chéo hai chân hay nằm xuống hay lặp lại những cụm từ nào đó là một nỗ lực cố ý, có ý thức để thiên định. Người nói trả lời rằng thiên định như thế là vô nghĩa. Nó là thành phần của ham muốn. Ham muốn có một cái trí yên tĩnh cũng giống như ham muốn một ngôi nhà sang trọng hay một cái áo đắt

tiền. Thiên định có ý thức hủy diệt, ngăn cản hình thức khác của thiên định.’

Câu hỏi cuối là: ‘Nếu ông là Giám đốc của Laboratory có trách nhiệm bảo vệ quốc gia và nhận biết những sự việc tồn tại theo cách riêng của chúng, làm thế nào ông sẽ điều khiển những hoạt động của Laboratory và công việc nghiên cứu?’ K trả lời điều này trong:

Nếu tôi có một nhóm người mà nói, chúng ta hãy quên tất cả chủ nghĩa quốc gia, tất cả tôn giáo, chúng ta hãy, như những con người, giải quyết vấn đề này – cố gắng cùng nhau giải quyết mà không phá hoại, rồi chúng ta trao thời gian cho tất cả điều đó như một nhóm người hiến dâng tuyệt đối mà đã tụ họp tại Los Alamos vì một mục đích và quan tâm đến tất cả những điều chúng ta đã và đang nói, vậy thì có cái gì đó mới mẻ có thể xảy ra . . . Không người nào có tầm nhìn toàn cầu – một cảm thấy toàn cầu cho tất cả nhân loại – không phải quốc gia của tôi – vì Chúa. Nếu các bạn đã đi khắp thế giới, như người nói đã từng đi, các bạn sẽ khóc than cho suốt phần còn lại của cuộc đời các bạn. Chủ nghĩa hòa bình là một phản ứng của chủ nghĩa quân phiệt, đó là tất cả. Người nói không là một người theo chủ nghĩa hòa bình. Thay vì vậy, chúng ta hãy nhìn vào nguyên nhân của tất cả điều này – nếu tất cả chúng ta cùng nhau tìm kiếm nguyên nhân, vậy thì vấn đề sẽ được giải quyết. Nhưng mỗi người đều có những quan điểm khác nhau về nguyên nhân và bám vào những quan điểm của anh ấy, những hướng dẫn theo lịch sử của anh ấy. Vậy thì, thưa bạn, nó đó kìa.

Thành viên ủa khán giả: Thưa ông, nếu tôi được phép nói như vậy – tôi nghĩ ông đã thuyết phục chúng tôi.

Krishnamurti: *Tôi không đang thuyết phục bất kỳ điều gì cả.*

Thành viên ủa khán giả: Điều gì tôi có ý là, khi chúng tôi thực sự cố gắng hiểu rõ điều này và làm cái gì đó trong phương hướng đó, trong chừng mực nào đó chúng tôi có vẻ không có đủ năng lượng cần thiết . . . Nó là cái gì mà đang thực sự kềm hãm chúng tôi ? Chúng tôi có thể thấy ngôi nhà đang cháy, nhưng vẫn vậy chúng tôi không thể làm bất kỳ điều gì để chặn đứng vụ cháy.

Krishnamurti: *Ngôi nhà đang cháy, mà chúng ta nghĩ nó ở đằng đó, là ở đây. Trước tiên, chúng ta phải đặt ngôi nhà của chúng ta trong trật tự, thưa các bạn.*⁶⁹

K thực hiện những nói chuyện tại Felt Forum ở New York vào tháng tư, sau đó anh là một diễn giả khách mời tại Pacern in Terris Society trong Dag Hammarskjold Library Auditorium của Liên hiệp quốc. Vào dịp này anh không nói điều gì khác biệt với những điều anh đã trình bày trong những nói chuyện trước, mặc dù anh không bao giờ lặp lại trong cùng những từ ngữ.⁷⁰

Khi K đến Brockwood mùa xuân đó, anh trông thấy một máy đĩa compact được lắp đặt trong căn phòng của anh và làm cho anh vui rất nhiều. Beethoven là người soạn nhạc anh nghe thường xuyên nhất, kế tiếp là Mozart. Nhưng

anh thích nhạc cổ điển cũng như nhạc Ấn độ, đặc biệt nhạc thánh ca. Scott Forbes sẽ viết cho tôi sau khi K chết:

Trong nhiều năm tôi thường đi lên phòng ngủ của ông (K) trong khi ông đang ăn sáng, cũng là lúc ông nghe nhạc. Ông thường ngồi trong giường với cái khay để trên đùi, và hai bàn chân của ông thường – hầu như không trông thấy – nhảy múa nhịp nhàng theo điệu nhạc dưới cái mền. Và tôi cũng thường nghe một phần bản nhạc ông đang nghe hay, trong những năm sau, nghe nguyên bản nhạc cùng ông. Không phải vì rằng nó là một hệ thống âm thanh nổi tuyệt vời; trái lại, bằng một chất lượng của lắng nghe vượt khỏi điều gì tôi thường quen thuộc và dường như hiện diện tự nhiên khi tôi đang nghe nhạc cùng ông.

Rủi thay, bây giờ Chalet Tannegg đã được bán vì vậy nó không thể được thuê cho hợp mặt Saanen. Thay vì thế, một chalet tại Schonried ngay phía trên Gstaad, được thuê bởi Scaravelli và Fosca và dành riêng cho K, như Tannegg lúc trước. K không thích nó nhều bằng Tannegg; anh tiếp tục những dạo bộ buổi chiều thường lệ qua một cánh rừng đến con sông, nhưng lúc này anh phải lái xe đến Tannegg trước khi bắt đầu dạo bộ. Mỗi lần họ đến cánh rừng, anh thường nói to, ‘Xin phép cho chúng tôi vào nhé?’

Tháng chín năm đó, vài ủy viên từ Ấn độ và Mỹ có mặt tại Brockwood cho một gặp gỡ quốc tế. Trong khi Kở Mỹ, Scott Forbes đã tìm được một kiến trúc sư mà lúc này không chỉ có thể đưa ra một đề án mà còn làm một mô hình bởi vì K không thể đọc những đề án kiến trúc. Khi K trông thấy mô hình anh lập tức không thích nó; anh nói nó trông giống như một khách sạn xa lộ. Những ủy viên có mặt ở đó cũng đồng ý

với anh. Thay vì tiếp tục làm việc với kiến trúc sư đó, Scott quyết định tìm một người khác. Đặc điểm kỹ thuật là một thách thức cho bất kỳ kiến trúc sư nào muốn rời khỏi ý tưởng thiết kế của một khách sạn xa lộ: hai mươi phòng ngủ nhỏ, mỗi phòng có vòi tắm và rửa mặt riêng, một phòng khách, thư viện, khu làm việc của nhân viên, và nhà bếp, và, còn quan trọng nhiều hơn mọi thứ khác, một phòng ‘yên lặng’. K đã viết: ‘Nên có một phòng nơi bạn đến để yên lặng. Phòng đó chỉ được sử dụng cho việc đó . . . Nó giống như một lò sưởi làm ấm áp nguyên một ngôi nhà . . . Nếu bạn không thể có nó, Trung tâm chỉ trở thành một đoạn đường, mọi người đến và đi, làm việc và hoạt động.’ K quả quyết rằng tất cả vật liệu được sử dụng cho tòa nhà phải thuộc chất lượng tốt nhất; anh muốn mọi nơi phải đạt tiêu chuẩn hoàn hảo nhất.

Sau khi thử qua nhiều kiến trúc sư, tình cờ khi đọc một bài báo Scott Forbes bắt được Keith Critchlow. Không một tòa nhà nào do ông xây dựng có mặt ở nước Anh nhưng ông đưa cho Scott xem những bức ảnh về những công trình của ông ở nước ngoài, mà đa phần là những tòa nhà tôn giáo. Tháng sáu năm sau, Critchlow được mời đến Brockwood để gặp K, mà ngay tức khắc cảm thấy rằng ông là người đúng – do bởi nhân cách và nói chuyện của ông nhiều hơn là những bản vẽ của ông. Mặc dù là một người Anh và một thành viên của Royal College of Art, nơi ông dạy, Critchlow không đủ điều kiện để làm việc ở Anh, vì vậy công ty Triad ở Anh được sử dụng để thực hiện những đề án của ông.

Một đơn xin phép xây dựng bị từ chối vào tháng hai năm 1985. Vào tháng ba, trong phiên tòa kháng án, người ta phát hiện đơn xin đó bị sai nguyên tắc, nên cả đơn xin lẫn đơn kiện đều vô giá trị. Vì vậy, một đơn xin khác được thực hiện vào tháng năm và được cấp giấy phép vào tháng tám,

nhưng mãi đến ngày 26 tháng hai năm 1986 đơn xin chi tiết mới được chấp thuận.

Mùa thu năm 1984, Mary Zimbalist ph đi từ Brockwood đến Rome trong hai đêm để gặp một bảo mẫu già người Ý lúc trước làm việc cho chị tại Malibu. Khi chị quay lại, K nói với chị: ‘Khi em đi khỏi anh phải xoay sở mọi việc rất khó khăn. Em phải gấp lên để hiểu rõ. Anh có lẽ sống mười năm nữa nhưng em phải hiểu rõ.’ Tại thời gian đó anh thường xuyên nói với chị, ‘Em phải phác thảo những nét chính về anh với mục đích chăm sóc con người này,’ hàm ý hoàn toàn khách quan đi với chính anh. Lúc này tự nhiên anh cảm thấy một khăn cấp mãnh liệt phải chuyển sang và giáo dục những người trẻ để tiếp tục sau khi anh chết.

K cùng Mary Zimbalist đến Delhi vào ngày 28 tháng mười năm 1984, ở với Pupul Jayakar một tuần lễ. Ba ngày sau Mrs Gandhi, ông cùng con đường, bị ám sát. Biến cố kinh hoàng này tác động vào những ngày còn lại của K ở Ấn độ mùa đông đó, mặc dù nó không cản trở anh thực hiện những nói chuyện thường lệ của anh tại Rajghat, Madras và Bombay, cũng như nói chuyện mỗi ngày cùng giáo viên và học sinh tại Rishi Valley suốt ba tuần anh ở đó. Như thói quen của anh, anh ghé lại Brockwood bốn ngày vào tháng hai năm 1985 trong chuyến đi từ Bombay đến Ojai.

Khi anh tiếp tục đi máy bay đến Los Angeles vào ngày 17 tháng hai anh chỉ còn một năm để sống đến ngày cuối cùng.

Tháng ba anh khám sức khỏe tổng quát hàng năm nơi một bác sĩ trẻ tuổi mới ra nghề. Một người bạn của Mary đã giới thiệu người bác sĩ này khi bác sĩ trước của K ở Los Angeles khuyên anh nên tìm một bác sĩ gần Ojai hơn. K chấp thuận bác sĩ này ngay tức khắc. Đây là người bác sĩ sẽ theo sát anh đến căn bệnh cuối cùng của anh.

‘Sống của tôi đã được định trước’

K không nói chuyện ở New York năm 1985 bởi vì Milton Friedman, nhà văn và đồng thời, người viết diễn văn ở White House, đã sắp xếp cho anh thực hiện hai nói chuyện vào tháng tư tại Kennedy Center ở Washington, DC. Tuy nhiên, trước thời gian đó anh nói chuyện lần nữa cho Pacern in Terris Society tại Liên hiệp quốc nhân dịp kỷ niệm lần thứ bốn mươi của họ. Lần này khán giả kém lắm và anh bị chờ đợi khoảng nửa tiếng đồng hồ vì có sự lộn xộn về cái sảnh nơi anh sẽ nói chuyện. Lúc anh rời đi khi kết thúc nói chuyện, anh nói với Mary, ‘Không còn nữa cho Liên hiệp quốc.’

Đây là lần đầu tiên và duy nhất K nói chuyện ở Washington. Không còn một chỗ trống nào trong sảnh. Nói chuyện với một số khán giả mới, thông minh và quan tâm nghiêm túc, anh lại đạt được tốt cùng những quyền năng của anh. Không phải vì rằng anh đã nói bất kỳ điều gì đó mới mẻ; trái lại, chính do bởi sự rục rờ tỏa ra từ anh, sức mạnh và sức thuyết phục trong giọng nói của anh, sự vang vọng của ngôn ngữ của anh. Trong nói chuyện lần thứ hai có một đoạn văn hay trình bày đặc biệt về đau khổ:

Khi có đau khổ không có tình yêu. Khi bạn đang đau khổ, quan tâm đến đau khổ riêng của bạn, làm thế nào có thể có được tình yêu? . . . Đau khổ là gì? Đau khổ là tự-thương xót phải không? Làm ơn hãy tìm hiểu? Chúng ta không đang nói rằng chúng đúng hay sai . . . Đau khổ bị tạo ra bởi trạng thái cô độc – cảm thấy một mình, bị cô lập ghê gớm? . . . Chúng ta có ảnh hưởng ngấm đau khổ như nó thực sự là trong chúng ta và vẫn ở cùng nó, ôm chặt nó, và không chuyển động khỏi nó? Đau khổ không khác biệt người bị đau khổ. Người bị đau khổ muốn chạy trốn, tẩu thoát, làm đủ mọi sự việc. Nhưng nhìn ngấm nó như bạn nhìn ngấm một em bé, một em bé đẹp, ôm chặt nó, không bao giờ rời khỏi nó – vậy thì bạn sẽ thấy cho chính bạn, nếu bạn thực sự nhìn thật sâu thẳm, rằng có một kết thúc cho đau khổ. Và khi có một kết thúc cho đau khổ có đam mê; không phải dục vọng, không phải sự kích thích của giác quan, nhưng đam mê.⁷¹

Hai ngày trước khi thực hiện nói chuyện đầu tiên, K có một phỏng vấn lâu bởi Michael Kernan và đã xuất hiện nổi bật trong tờ Washington Post. Kernan, kèm theo một chuyện kể vắn tắt về sống lúc trước của K, đã trích dẫn một số trong những nhận xét của anh như ‘Khi bạn hoàn toàn chấm dứt sự quyền uy, vậy thì tình yêu hiện diện,’ và, ‘Muốn học hỏi, muốn hiểu rõ, về chính người ta, tất cả uy quyền phải bị xóa sạch . . . Không có gì để học hỏi từ bất kỳ ai, kể cả người nói . . . Người nói không có gì để dạy bạn. Người nói chỉ hành động như một cái gương mà trong đó bạn có thể thấy về chính bạn. Sau đó khi bạn có thể thấy rõ ràng về chính bạn, bạn có thể vứt bỏ cái gương.’

Trong một phỏng vấn khác K được hỏi: ‘Nếu một người nghe thực hiện những đề nghị của ông và thực sự có thay đổi, một con người có thể làm gì?’ K trả lời: ‘Đó là một câu hỏi sai. Thay đổi . . . và thấy điều gì xảy ra.’ Và trong một chương trình phát thanh cho ‘Đài tiếng nói Hoa kỳ’, vào ngày 18 tháng tư, khi được hỏi ông nghĩ gì về sự hồi sinh tôn giáo ở Mỹ, anh trả lời: ‘Nó không là hồi sinh gì cả. Hồi sinh là gì? Làm sống lại cái gì đó đã qua rồi, đã chết, phải không? Tôi có ý, bạn có thể làm sống lại một thân thể gần gần chết, bơm nhiều liều thuốc tôn giáo vào nó, nhưng thân thể sau khi hồi sinh sẽ giống hệt như thân thể cũ. Đó không là tôn giáo.’ Tiếp theo trong cuộc phỏng vấn anh nói:

Nếu con người không thay đổi triệt để, từ cơ bản tạo ra một chuyển đổi trong chính anh ấy, không nhờ vào Thượng đế, không nhờ vào những lời cầu nguyện – tất cả những thứ đó đều quá ngây ngô, quá không chín chắn – chúng ta sẽ tự hủy diệt chính chúng ta. Một cách mạng tâm lý chỉ có thể được ngay lúc này, không phải một ngàn năm sau. Chúng ta đã sống hàng ngàn năm và chúng ta vẫn còn man rợ. Vì vậy nếu chúng ta không thay đổi ngay lúc này, ngày mai hay một ngàn ngày mai sau chúng ta vẫn sẽ còn man rợ . . . Nếu tôi không kết thúc chiến tranh hôm nay, ngày mai tôi sẽ có chiến tranh. Vậy là tương lai là ngay lúc này, rất đơn giản khi được giải thích.

Thật đáng tiếc khi K phải tiếp tục những nói chuyện thường lệ hàng năm sau khi đạt đến tột đỉnh ở Washington. Tại Ojai, Saanen, Brockwood, Ấn độ: có vài sai sót trong những nói chuyện của anh, không gây ngạc nhiên lắm ở tuổi chín mươi. Bởi vì năm ngoái anh không thích Chalet Schonried lắm,

Friedrich Grobe đã cho anh mượn căn hộ riêng của anh ấy tại Rougemont, cách Gstaad khoảng năm dặm, trong cùng thung lũng, cho hợp mặt năm đó. Anh ở đây cùng Mary trong khi Vanda và Dr Parchure thuê một căn hộ lớn hơn cùng chalet. Cuối cùng Fosca đã phải từ bỏ công việc (bà chết vào tháng tám, lúc chín mươi ~~tối~~) , vì vậy Raman Patel, ngư ời chịu trách nhiệm nhà bếp tại Brockwood, chăm sóc họ. Từ Rougement, giống như từ Schonried, K lái xe đến Tannegg để bắt đầu những dạo bộ buổi chiều của anh. Tại chuyến dạo bộ đầu tiên năm đó một mình anh đi trước vào rừng ‘để xem thử liệu chúng tôi có được nghênh đón’.

K không khỏe lắm trong suốt hợp mặt, mà diễn ra trong điều kiện thời tiết hoàn hảo. Một chiều tối anh cảm thấy bệnh nặng đến nỗi anh phải nói với Mary, ‘Anh tự hỏi không hiểu giờ của anh đã đến chưa.’ Với mục đích giảm bớt sự đi lại của anh, tại gặp gỡ của những ủy viên quốc tế, được tổ chức trong suốt những nói chuyện, anh đề nghị rằng sau một mùa hè nữa tại Saanen những hợp mặt nên được tổ chức tại Brockwood. Nhưng trước khi chấm dứt những nói chuyện, vài ủy viên đi đến Rougemont và nài nỉ anh đừng tổ chức thậm chí một hợp mặt nào nữa tại Saanen. K suy xét đề nghị này cẩn thận và sau đó đồng ý. Dr Liechti, người lại có mặt ở đó, và Dr Parchure hài lòng rất nhiều về đề nghị này trên nền tảng y khoa và nó được công bố trong lều hợp mặt ngày hôm sau.

Ngày 25 tháng ~~by~~, tại nói chuyện cuối cùng K nói bằng cảm xúc vô cùng: ‘Chúng ta đã trải qua những ngày tuyệt vời nhất, những buổi sáng dễ thương, những chiều tối kỳ diệu, những cái bóng dài và những thung lũng xanh sẫm và bầu trời trong xanh và tuyết. Nguyên mùa hè chưa bao giờ như thế này. Vậy là những hòn núi, những thung lũng, những cây cối và con sông, nói với chúng ta lời chào tạm biệt.’

Hoàn toàn bất ngờ Mark Edwards được yêu cầu đến Saanen mùa hè đó, để chụp những bức ảnh của hợp mặt, từ lúc rụng lều đến ngày cuối cùng của những nói chuyện, vì vậy đó là một trùng hợp đầy may mắn nên anh mới hiện diện ở đó để ghi lại hợp mặt cuối cùng này sau hai mươi bốn năm.⁷² Khi Mark đi đến chalet tại Rougemont để chụp một bức ảnh, ngay lập tức K nhận thấy rằng anh ấy có một máy ảnh mới, một máy Nikon SA thay vì Leica. Vì không có phim trong máy ảnh mới nên Mark mở phía sau và chỉ cho K nắp đóng được thiết kế mới. K cầm máy ảnh và hỏi liệu anh có thể đem nó đến cửa sổ. Ở đó anh chăm chăm chú ý rất lâu vào hệ thống máy móc đặc biệt trước khi trao trả nó.

Suốt phần còn lại của mùa hè K bị đối diện với một tình thế khó xử khi anh nán lại Rougemont sau hợp mặt. Đi lại đang trở nên quá mệt nhọc cho anh, tuy nhiên anh không thể ở lâu tại một nơi. Anh đã trở nên quá nhạy cảm đến độ anh cảm thấy người ta đang tập trung vào anh nếu anh ở lại quá lâu, một áp lực anh không thể chịu đựng nổi. Và anh phải tiếp tục nói chuyện. Nói chuyện là *lý do tồn tại* của anh. Anh quá cần đến người nào đó thách thức anh để cho anh có thể tìm được nguồn cảm hứng mới để thậm chí đào sâu thêm nữa vào chính anh. Anh nói, không ai có thể làm việc đó nữa. Anh không thể thâm nhập sâu thêm nữa cùng David Bohm hay cùng học giả Jagannath Upadhyaya ở Ấn độ. Những hội thảo cùng những người tâm lý học, được sắp xếp cho anh bởi Dr Shainberg mỗi lần anh đến New York, đã bắt đầu trở thành vô vị giống như những hội nghị cùng những người khoa học tại Brockwood. Trong vài năm ầu anh đã có những bàn luận cùng Dr Jonas Salk, người khám phá vắc xin bại liệt, Prof. Maurice Wilkins, nhà văn Iris Murdoch và những người khác, và đã được phỏng vấn bởi vô số người, kể cả Bernard Levin, trên truyền hình, nhưng không ai trong số

họ đã tạo được nguồn cảm hứng mới mẻ. Một người càng có học thức nhiều bao nhiêu, người ấy càng đọc nhiều bao nhiêu, ký ức của người ấy càng lưu trữ nhiều bao nhiêu, đầu của người ấy càng nhồi nhét sự hiểu biết nhai lại đầy nghẹt bao nhiêu, K càng thấy quá khó khăn để thông thoáng cùng người ấy bấy nhiêu. Những phỏng vấn của những người ấy đều tìm kiếm để so sánh anh với những người thầy tôn giáo khác, những triết gia khác, để phân loại anh trong một cách nào đó. Họ dường như không thể lắng nghe điều gì anh phải nói mà không rà soát nó qua những hiểu biết hào nhoáng và những thành kiến riêng của họ.

K dự tính giảm bớt chương trình của anh ở Ấn độ mùa đông đó và chỉ thực hiện một loạt những nói chuyện ở Mỹ vào năm 1986. Anh suy nghĩ đến việc thực hiện những nói chuyện ở Toronto, nơi anh chưa bao giờ đến, nhưng sợ rằng anh có lẽ phải hủy bỏ chúng nếu sức khỏe của anh không cho phép. Anh nói chuyện rất lâu cùng Mary tại Rougemont, cố gắng tìm một câu trả lời cho vấn đề của anh. Một lá thư vừa gửi đến từ một vợ chồng người Hy Lạp mời anh và Mary đến ở cùng họ trên một hòn đảo ở Hy Lạp. K cảm thấy bị lôi cuốn và tìm hòn đảo đó trên bản đồ, sau đó thắc mắc không hiểu có đủ bóng mát hay không (hồi trước anh đã bị say nắng một lần và không thể chịu nổi việc dạo bộ hay ngồi dưới ánh nắng mặt trời).

Vào một ngày anh nói với Mary khi họ vẫn còn ở tại Rougemont, ‘Nó đang theo dõi.’ Mary ghi lại: ‘Anh nói như thể là cái gì đó đang quyết định điều gì xảy đến cho anh. “Nó” sẽ quyết định khi nào công việc của anh hoàn toàn kết thúc và thế là qua đó hàm ý sống của anh.’ Vào một ngày khác chị viết ra một trao đổi chị có cùng anh khi đang bàn luận những kế hoạch đi lại:

K: *Không phải là sự ảnh hưởng vật lý trên bộ não. Nó là cái gì khác nữa. Sống của anh đã được định sẵn. Nó sẽ nói cho anh khi nào anh chết, ví dụ như nó chấm dứt. Cái đó sẽ bố trí sống của anh. Nhưng anh phải cẩn thận rằng ‘cái đó’ không can thiệp bằng cách nói: ‘Tôi sẽ chỉ cho hai nói chuyện nữa.’*

M: Anh cảm thấy nó cho bao nhiêu thời gian nữa?

K: *Anh nghĩ mười năm nữa*

M: Anh có ý mười năm nói chuyện?

K: *Khi anh không nói, nó sẽ kết thúc. Nhưng anh không muốn làm căng thẳng thân thể. Anh cần một lượng nghỉ ngơi nào đó nhưng không còn nữa. Một nơi yên tĩnh mà không người nào biết anh. Nhưng rủi thay mọi người biết anh hết rồi.*

Tại thời điểm này, một lần nữa anh nói với Mary rằng chị nên viết một quyển sách – sống cùng anh như thế nào, anh đã nói điều gì. Anh cũng yêu cầu chị ghi lại: ‘Nếu bất kỳ người nào bị tổn thương bởi điều gì tôi sẽ nói, họ đã không lắng nghe lời giảng.’

Trước khi Erna Lilliefelt, người đã hiện diện tại gặp gỡ quốc tế, rời đây để quay lại California, K nói với bà ấy và Mary rằng họ phải thấy rằng anh có những việc phải làm trong khi anh ở tại Ojai. Anh không chđang ngồi ở đó, nhưng họ không được xếp đặt mọi thứ với mục đích làm vừa lòng anh: ‘Nó phải là việc gì đó mà các em nghĩ là cần thiết.’ Chiều hôm sau đang dạo bộ trong cánh rừng anh đã nói, ‘Cái

tinh thần đã rời Saanen, có thể đó là lý do tại sao anh không cảm thấy thoải mái như thế. Nó đã chuyển đến Brockwood.’

Khi Vanda Scaravelli, người theo thường lệ đã về Florence trong dịp mặt , quay lại vào ngày trước khi K rời Rougemont, bà khuyên anh nên nghỉ ngơi nhiều và mùa hè tới đi Ý thay vì Thụy sĩ. Bỗng nhiên K trở nên vui vẻ và hứng khởi. ‘Chúng ta có thể đến dãy núi Alps ở Pháp hay những hòn núi ở Ý,’ anh nói với Mary. Anh cũng muốn đi Florence, Venice và Rome. Vào ngày 20 tháng tám, ngày anh rời để đi nước Anh, anh chào tạm biệt Vanda lần cuối cùng.

K rất mệt sau khi anh đến Brockwood, một ngày bị mệt đến độ thậm chí anh không thể tập thể dục, một việc hiếm khi nào xảy ra. Anh bảo với Mary rằng từ hộp mặt Saanen điều gì đó đã và đang xảy ra trong anh và rằng , ‘Nếu cái gì đó quyết định mọi thứ xảy đến cho K, nó phải lạ thường lắm.’ Mary hỏi anh rằng liệu anh có nhận biết được những thay đổi nào đó trong chính anh – trong thái độ của anh – ‘hơi hơi cộc cằn không giống như anh’. Anh hỏi chị, ‘Anh cộc cằn với những người khác à?’ ‘Không.’ ‘Chỉ với em thôi?’ ‘Vâng.’ Anh nói anh đã không bao giờ làm bất kỳ việc gì mà không có ý thức, rằng chị phải gấp lên để thay đổi, đó là lý do tại sao anh đã cộc cằn. Anh nói, ‘Anh muốn trao cho em một bộ não mới mẻ.’ Nhưng mười lăm ngày sau anh bảo với chị rằng anh đã tìm hiểu sự cấu trúc của anh. ‘Hoặc anh đang già nua hoặc anh đã rơi vào một thói quen (của chọn lựa em) và đó là lỗi lầm của anh nên anh phải chấm dứt. Thân thể của anh đã trở nên quá nhạy cảm. Trong hầu hết mọi thời gian anh đều muốn tẩu thoát và anh không được quyền làm điều đó. Anh sẽ giải quyết việc này. Không thể tha thứ được.’ Một ngày khác anh nói với chị, ‘Anh không được bệnh nặng. Thân thể còn tồn tại để nói chuyện.’ Không nghi ngờ gì cả, sức khỏe thân thể của anh đang suy giảm. Những đạo bộ của anh đang

rút ngắn lại. Nhưng anh đang trải qua ‘những thiên định lạ thường’ mà luôn luôn có nghĩa rằng ‘cái khác lạ’, dù ‘cái khác lạ’ là gì chẳng nữa, đều ở cùng anh.

Họp mặt tại Brockwood bắt đầu vào ngày 24 tháng tám trong thời tiết tuyệt vời. Một đoàn quay phim chuyên nghiệp có mặt ở đó cho nói chuyện lần thứ ba để quay một cuốn phim. Họ có một cần cầu vì vậy họ có thể quay toàn cảnh. Cuốn phim, được gọi là *The Role of a Flower Vai trò của một Bông hoa*, được chiếu trên truyền hình Thames vào ngày 19 tháng giêng năm 1986. Nó có thể là một cuốn phim hay nhất của họp mặt như một tổng thể nhưng phỏng vấn với K tại đoạn kết, mà hứa hẹn là một đoạn đặc biệt hay, lại quá ngắn.

Lúc này K cảm thấy rằng anh ‘đã xếp đặt ngôi nhà trong trật tự’ tại Brockwood, nhưng rằng một ‘xếp đặt trong trật tự’ tương tự chờ đợi anh ở Ấn độ, và anh một nửa sợ hãi nó và một nửa ‘nóng lòng đến đó’. Một buổi sáng khi đang chờ đợi trên sân ga để đến London, anh nói với Ma ry rằng Scott Forbes đã hỏi anh sẽ sống bao lâu nữa. Anh đã trả lời rằng anh biết nhưng sẽ không nói. ‘Anh thực sự biết à?’ Mary hỏi:

K: Anh nghĩ là anh biết. Anh có những điều báo cho biết.

M: Anh có sẵn lòng kể cho em không?

K: Không, điều đó sẽ không đúng. Anh không thể kể cho bất kỳ ai.

M: Ít ra người ta có thể có vài ý tưởng mang máng về thời gian chứ?

K: Scott hỏi liệu anh sẽ vẫn còn ở đây khi Trung tâm được xây dựng tại Brockwood. Anh nói anh sẽ. (Trung tâm không thể hoàn tất trước tháng chín năm 1987.)

M: Người ta sẽ sống và luôn suy nghĩ rằng tại bất kỳ giây phút nào K có lẽ rời đi?

K: Không, nó không giống thế đâu; nó sẽ không xảy đến trong một khoảng thời gian.

M: Anh biết bao lâu không?

K: Khoảng hai năm nữa.

Vào bữa ăn trưa ngày hôm đó, tại nhà hàng Fortnum, K cũng bảo với tôi rằng anh biết khi nào anh sẽ chết nhưng không thể nói cho bất kỳ ai. Tôi suy diễn nó có lẽ trong hai hay ba năm nữa, mặc dù ngày hôm đó anh vẫn còn trông rất trẻ và nhanh nhẹn hoạt bát và đẹp mãi mãi đến độ mười năm tiếp dường như có thể được. Anh trông không có vẻ như một cụ già gì cả nhưng như một bậc tiên bất tử. Anh vẫn tinh ý như trước đây, nhìn ngắm mọi người quanh nhà hàng với cùng sự hứng thú háo hức như lúc trước.

Mùa thu đó, tại Brockwood. K bắt đầu dạy Scott Forbes một số trong những bài tập yoga của anh. Anh là một người thầy nghiêm khắc. Scott phát giác rằng sự mềm dẻo của anh rất lạ thường thậm chí không có trong một người trẻ tuổi. Tuy nhiên anh không còn đứng chống ngược đầu nữa, như anh thường thực hiện trong nhiều năm. K cũng có một nói chuyện thân mật cùng Scott mà bộc lộ điều gì anh chờ đợi về một người thầy tại một trong những ngôi trường của anh. Anh bắt đầu bằng cách hỏi Scott liệu một nhóm giáo

viên chịu trách nhiệm chính cho ngôi trường hiểu rõ, thậm chí theo trí năng, điều gì anh đang nói? Scott trả lời rằng họ đáp lại ‘cái khác lạ’ mà hiện diện ở đó. Tiếp theo K muốn biết điều gì đang xảy ra cho chính Scott, cảm giác của anh ấy về K là gì? Quan điểm của anh ấy đối với lời giảng của K và đối với tất cả công việc đang xảy ra ở Mỹ, Ấn độ và tại Brockwood là gì? Tại sao anh ấy, Scott, lại có mặt tại Brockwood? Sự tiếp xúc của anh ấy với lời giảng chỉ bởi vì chính K? Anh ấy phụ thuộc vào K? Giả sử ngày mai K chết, bởi vì đã tiếp xúc với K, ‘với luồng đó, hơi thở đó, và cảm giác đó, liệu điều đó sẽ chết đi sau khi K chết hay liệu bông hoa đó sẽ phát triển, sinh sôi gấp bội? . . . Liệu nó sẽ tự nở hoa? Không phụ thuộc vào bất kỳ những hoàn cảnh nào? Không gì có thể làm hư hỏng nó ngay khi nó hiện diện ở đó. Nó có thể trải qua những hoàn cảnh khác nhau nhưng luôn luôn ở đó.’ Scott trả lời rằng nó vẫn chưa ‘vững chắc lắm’.

K nhắc nhở anh ấy, ‘Đừng sử dụng từ ngữ “vẫn chưa”. Vẫn chưa có ý thời gian. Liệu em sẽ cho phép nó trở nên vững chắc, mạnh mẽ và bám rễ, và nở hoa? Hay liệu nó sẽ phụ thuộc vào những hoàn cảnh?’ Họ tiếp tục nói chuyện:

S: Không, thưa ông. Người ta sẽ làm mọi thứ . . .

K: Không, không, không, thưa em. Không phải em làm mọi thứ. Chính cái khác lạ đó, chính hạt giống đó – giống như trong một tử cung, em chẳng phải làm việc gì cả. Nó tăng trưởng. Nó ở đó. Nó chắc chắn tăng trưởng. Nó chắc chắn hưng thịnh – đó là một từ ngữ hay hơn . . . Scott có nhận biết rằng hạt giống ở đó? Scott đang ngăn cản sự nở hoa của nó bằng quá nhiều hoạt động, quá nhiều tổ chức, không cho nó đủ không khí để nở hoa? Điều gì thông thường xảy ra là những

tổ chức làm chết ngạt cái đó . . . Em phải hoàn toàn bảo đảm rằng hạt giống ở đó, không bị sáng chế bởi tư tưởng. Nếu hạt giống vững chắc em thực sự không phải làm gì với nó . . . Trong em không có xung đột gì cả. Họ (những học sinh) có thể có xung đột nhưng em không thể . . . Họ có lẽ đưa ra những ý kiến. Em không thể có những ý kiến . . . Em phải lắng nghe họ, thấy điều gì họ đang nói, lắng nghe mỗi người, không phản ứng đến nó như Scott hay từ nền tảng quá khứ của em, nhưng lắng nghe họ rất, rất cẩn thận . . . Liệu em có thể được tự do khỏi quá khứ? Việc đó rất khó khăn . . . Việc đó thực sự đòi hỏi tất cả năng lượng của em . . . Nền tảng quá khứ là tất cả sự đào tạo theo kiểu Mỹ của em, giáo dục và tạm gọi là văn hóa theo kiểu Mỹ của em . . . Bàn luận nó, cân nhắc nó, chỉ bảo lẫn nhau. Không nói, “Ồ, tôi phải xóa sạch nền tảng quá khứ của tôi” – em không bao giờ có thể làm điều đó . . . Em có thể ý thức được nền tảng quá khứ của em và không cho phép nó phát tác, không cho phép nó can thiệp. Anh nghĩ ở đó một hành động cố ý là cần thiết bởi vì em đang điều hành nơi này. Em phải có năng lượng, em phải có nỗ lực. Giữ nó. Đừng cho phép nó tàn tạ từ từ bởi vì gánh nặng này.”⁷³

Vào thời gian này K rất lo ngại rằng sự tổ chức và sự bận rộn của những trường học có lẽ làm mất tác dụng lời giảng. Không phải những tổ chức sẽ gắn kết những Foundation lại cùng nhau. ‘Yếu tố hợp nhất phải là thông minh,’ anh nói với Mary và Scott. ‘Được tự do trong ý nghĩa thực sự và sự tự do đó là thông minh. Thông minh là chung cho tất cả chúng ta và điều đó sẽ mang chúng ta lại cùng nhau, không phải tổ chức. Nếu bạn thấy điều quan trọng rằng mỗi người chúng ta

phải được tự do và tự do đó hàm ý tình yêu, ân ân, chú ý, cộng tác, từ bi – thông minh đó là yếu tố gắn kết chúng ta lại cùng nhau.’ Anh ứng yêu cầu Mary ghi ra: ‘Độc lập mà không có tự do là vô nghĩa. Nếu bạn có tự do, bạn không cần độc lập.’

Vào ngày 21 tháng chín K hỏi tại một gặp gỡ giáo viên: ‘Làm thế nào ngay tức khắc, không thời gian bạn giảng cho những em học sinh thấy rằng tánh tự bi là gốc rễ của xung đột? Không chỉ thấy nó nhưng tức khắc được thay đổi?’ Anh tiếp tục nói rằng trong số hàng trăm học sinh đã qua Rishi Valley, ngôi trường cũ nhất của anh, không học sinh nào đã được thay đổi. Sau gặp gỡ, khi họ còn một mình, Mary hỏi anh mục đích có những học sinh là gì nếu, trong tất cả những năm này không ai trong số các em đã được thay đổi? Nếu, cùng tất cả sự ảnh hưởng của anh, không học sinh nào đã được thay đổi, làm thế nào những người còn lại của chúng em, mà chắc chắn cũng chẳng thay đổi gì, có thể tạo ra sự thay đổi trong những em học sinh? Chị hỏi, ‘Nếu anh đã không thực hiện được điều đó, liệu chắc chắn rằng chúng em có thể thực hiện được hay sao?’ ‘Anh không biết,’ anh trả lời, nhưng anh nói câu này khá đùa bỡn, rõ ràng là không muốn tiếp tục một chủ đề nghiêm túc.

Trường Brockwood tiếp tục hưng thịnh từ khi K chết. Nó nhỏ hơn những trường ở Ấn độ với phòng lớp chỉ dành cho sáu mươi học sinh, một số lượng nam nữ bằng nhau, thuộc hai mươi quốc tịch khác nhau, có tuổi từ mười bốn đến hai mươi, và có một quỹ học bổng đặc biệt. Một vài sinh viên học những khóa Đại học Mở rộng trong khi đang ởng và đang làm việc tại Brockwood.

Keith Critchlow lại có mặt tại Brockwood vào tháng mười kèm theo những kế hoạch chi tiết của Trung tâm và những mẫu của hai loại gạch làm bằng tay có màu sắc khác

nhau mà anh muốn dùng để lợp mái. Những loại này được mọi người ưng ý. Vừa mới đây K phát biểu trên video về điều gì anh mong muốn Trung tâm thực hiện:

Nó phải là một trung tâm tôn giáo, một trung tâm nơi người ta cảm thấy có cái gì đó không bị bày đặt ra, không tưởng tượng, không phải loại bầu không khí ‘thiên nhiên’ nào đó. Một trung tâm tôn giáo, không trong ý nghĩa chính thống của từ ngữ, một trung tâm nơi ngọn lửa đang cháy, không phải tro bụi của nó. Một ngọn lửa đang cháy, và nếu bạn đến ngôi nhà đó bạn có lẽ nhận được ánh sáng, ngọn lửa, cùng bạn, hoặc bạn có thể thắp sáng cây nến của bạn hoặc là con người lạ thường nhất, không bị vỡ vụn, một con người mà thực sự là tổng thể, không có cái bóng của phiền muộn, đau khổ, mọi loại sự việc đó. Vậy là, đó là một trung tâm tôn giáo.⁷⁴

K cũng nói về căn phòng yên lặng: ‘Đó là cái nguồn của K. Xin lỗi, tôi tuyệt đối đang không bị ảnh hưởng bởi tình cảm con người về điều này. Đó là cái nguồn của chân lý, nó chiếu sáng, đang sống ở đó.’⁷⁵ K bảo với Critchlow rằng anh không muốn tòa nhà trông như ‘người mới giàu có’ hay giống như ‘một khách sạn vùng quê’. Anh hỏi, ‘Liệu nó sẽ bắt buộc tôi phải trang phục thích hợp – giữ gìn sạch sẽ?’ Critchlow trả lời rằng nếu tòa nhà tôn trọng mọi người, mọi người sẽ tôn trọng tòa nhà. Ý thức tôn trọng lẫn nhau này đã thành công trong Trung tâm, được khánh thành vào tháng mười hai năm 1987. Nó thể hiện điều gì vẫn có thể được thành tựu bởi những nghệ nhân đầy nhiệt tâm khi được cảm hứng bởi đề án họ được khuyến khích tham gia. Khi vào tòa nhà ngay lập tức người ta thâm nhập vào bầu không khí độc nhất của Krishnamurti.

‘Thế giới của sáng tạo’

Mùa đông năm đó K không cho phép Mary Zimbalist theo cùng anh đến Ấn độ bởi vì chị đã bị bệnh ở đó năm trước. Chị tự hỏi không hiểu liệu chị sẽ có thể gặp anh lại, anh đã trở nên quá mỏng manh. Anh cam đoan với chị, ‘Nếu anh sắp sửa chết, anh sẽ gọi điện thoại cho em ngay lập tức. Anh sẽ không chết đột ngột đâu. Anh đang khỏe lắm, quả tim của anh, mọi thứ đều hoàn hảo. Tất cả nó đều được quyết định bởi người nào đó. Anh không thể tiết lộ được. Anh không được phép, em hiểu chứ? Nó nghiêm túc ghê lắm. Có những vấn đề em không thể biết. Kinh khủng lắm, và anh không thể kể cho em. Rất khó khăn để phát hiện một bộ não như thế này và nó phải tiếp tục chùng nào thân thể còn có thể chịu đựng nổi; cho đến khi cái gì đó nói đủ rồi.’

Khi Mark Edwards gặp anh K vào ngày 19 tháng mười, bốn ngày trước khi anh rời để đi Ấn độ, anh ấy nhận thấy K trông khỏe lắm. Tuy nhiên, trong suốt tuần lễ K ở New Delhi, anh ngủ rất ít và hầu như chẳng ăn gì cả đến nỗi khi anh đến Rajghat vào ngày 2 tháng mười một Dr Parchure, người chờ đợi anh, nhận thấy rằng anh yếu ghê lắm. Từ ngày đó bác sĩ không bao giờ rời anh cho đến khi anh chết và ghi lại hàng ngày tình trạng sức khỏe của anh.

Trong khi Kở tại Rajghat , anh thành ừ một trong những nhiệm vụ chính của anh, nhiệm vụ tìm ra một người Đứng đầu mới ('Rector' Hiệu trưởng trung học như chức vụ này được gọi) cho trường Rajghat. Người này là Dr P. Krishna, một cháu trai của Radha Burnier và là Professor Vật lý tại trường đại học Benares Hindu, mà đồng ý, cùng sự chấp thuận của Phó Hiệu trưởng trường đại học của anh ấy, từ bỏ chức vụ đó và đảm trách những bổn phận mới tại Rajghat vào tháng hai.

Thay vì ới những lá thư hàng ngày cho Mary Zimbalist, như K ải làm trong ững chuyến viếng thăm trước khi chị không theo cùng anh, bây giờ K đọc những lá thư dài hơn ầu như mỗi ngày vào một băng cát xé t rồi gửi cho chị. Việc này bởi vì tay của anh đã bị run. Anh kể cho chị từ Rajghat, vào ngày 9 tháng mười một, rằng áp suất máu của anh đã hạ thấp đáng kể và hai chân ủa anh đã 'loạng choạng' đến độ hầu như anh không thể bước đi; ngày hôm trước anh đã khụy xuống trên những bậc tam cấp bởi vì anh không thể nhắc chúng lên. Dr Parchure đang giao cho anh vài bài thể dục để tập luyện và xoa bóp hai chân của anh bằng dầu, và anh chắc chắn rằng chúng sẽ nhanh chóng khỏe lại. Anh không còn ảm thấy anh có thể ngò i ăn chung với mọi người và đang dùng ững bữa ăn tro ng giường. Người ta luôn luôn ến gặp anh trong phòng riêng và anh tổ chức những bàn luận ở đó. Pupul Jayakar, Nandini Mehta, Radhika Herzberger, Sunanda và Pama Patwardhan đều ở tại Rajghat. Đến ngày mười một hai chân của anh tương đối đỡ và anh hoàn toàn ảm thấy khỏe khoắn lại . Anh nói về vẻ đẹp của con sông khi ặt trời mọc khoảng 6 giờ 15. Anh đang đọc quyển *Lincoln* của Gore Vidal và khen nó 'rất tuyệt vời'.

Bất kể sự suy giảm sức khỏe của anh, K thực hiện hai nói chuyện trước công chúng tại Rajghat và tham dự một loạt

những bản luận cùng những ủy viên Ấn độ và vài học giả Phật giáo, kể cả Jagannath Upadhyaya.⁷⁶ Chính phủ Ấn độ đã trao một tài trợ về nghệ thuật cho G. Aravindan, một đạo diễn phim nổi tiếng, để thực hiện một cuốn phim đủ độ dài được đặt nền tảng trên sống của K, *The Seer who walks alone Người thấy rảo bước Cô đơn*. Cuốn phim đã được khởi quay năm trước và những cảnh cuối được quay tại Rajghat trong suốt chuyến viếng thăm cuối cùng này của K.

Khi K tiếp tục đến Rishi Valley vào cuối tháng mười một, anh đã rõ sự yếu ớt của anh, theo Dr Parchure, trong những chuyến dạo bộ buổi chiều khi anh ‘nghiêng ngả về bên phải nhiều đến độ có lẽ anh ngã xuống’. Anh cũng đang cảm thấy lạnh ghê lắm, có thể bởi vì anh đã giảm cân nhiều. Anh bảo với Mary rằng những cái chần và một chai nước nóng không thể giữ cho thân thể của anh ấm áp vào ban đêm; nhiệt độ đã hạ xuống 48 độ F ngay cả vào những buổi sáng. Anh đang dùng bữa một mình trong phòng như anh đã ăn tại Rajghat và cũng dự định làm như thế ở Madras. Nhưng dường như anh vẫn không có ý tưởng là anh bệnh đến mức độ nào, bởi vì, vào ngày 4 tháng mười hai, anh nói cho Mary rằng anh sẽ đi từ Madras đến Bombay vào ngày 20 tháng giêng, rời Bombay đi London vào ngày 12 tháng hai và, sau bốn ngày tại Brockwood, sẽ tiếp tục đi máy bay đến Los Angeles và anh sẽ gặp lại chị vào ngày 17 tháng hai. (Thật ra, đó là ngày anh sẽ chết). Vào ngày 11 anh nói rằng anh đang cảm thấy khỏe hơn nhiều, hai chân của anh đang trở nên ‘hơi hơi vững vàng’.

Vào giữa tháng mười hai, những giáo viên từ tất cả những trường học của Krishnamurti tụ họp tại Rishi Valley cho một hội nghị. Scott Forbes, một trong những người đến từ nước Anh, đã bị xúc động vô cùng bởi sự suy giảm thân thể trong K. Anh ấy sẽ viết sau đó:

Những người tại Rishi Valley rất lo lắng về sự yếu ớt của K, và tất cả những học sinh lẫn giáo viên rất dịu dàng và ý tứ với anh. Có một ý thức của điềm báo trước trong không gian. Người ta không nói công khai về điều đó – ít nhất không đối với tôi – nhưng đã có nhiều hàm ý loan truyền rằng họ không mong chờ Krishnamurti sẽ có lần quay lại Rishi Valley. Krishnamurti đúng là đang chuẩn bị cho mọi người điều này bởi vì dần dần người ta đã chấp nhận rằng có thể anh sẽ không quay lại Ấn độ.

Radhika đang đảm trách nhiệm vụ nữ chủ nhà cho mọi người, điều hành hội nghị này và cố gắng chăm sóc Krishnaji cũng như giải quyết những trách nhiệm liên tục của cô trong trường. Tôi nhớ đã tự suy nghĩ nhiều lần rằng cô đã làm rất giỏi và đang xử lý tuyệt vời một tình huống rất, rất khó khăn.⁷⁷

Mọi người rất ngạc nhiên khi K tham dự hội nghị của những giáo viên, nói chuyện ba lần và ‘sắp xếp toàn sự việc trên một nền tảng khác và tỏa ra sự cao cả’, theo một trong những giáo viên người Anh. Vào dịp cuối cùng, K hỏi liệu có một thông minh không được sinh ra từ hiểu biết và vì vậy được tự do khỏi tánh tư lợi. Anh vẽ ra một khác biệt giữa cái trí và bộ não, cái sau là hệ thống vật chất, từ cốt lõi là chỗ ngồi của tư tưởng. Cái trí hoàn toàn khác hẳn bộ não và không liên quan gì đến tư tưởng như thời gian. Anh hỏi, ‘Thời gian có dính dáng với tốt lành?’ và đề nghị rằng, trái với trải nghiệm của con người, tốt lành không liên quan đến xấu xa, hoặc như một phản ứng đến nó hoặc như một trạng thái cơ bản. Anh mang lại cho hội nghị, mà đang bàn luận những chủ đề đó như những chương trình giảng dạy, điều gì, đối với K, là toàn

mục đích của những trường học – sản sinh một bộ não mới mẽ bằng cách nào và nở hoa trong tốt lành có nghĩa gì.⁷⁸

K cũng một mình nói chuyện với các trẻ em trong khi anh có mặt tại Rishi Valley. Anh nhấn mạnh, như anh đã chỉ dẫn cho chúng tôi trong năm 1924 tại Pergine rằng, sự việc tồi tệ nhất là lớn lên tầm thường. Bạn có thể đạt được vị trí cao nhất trên quả đất. Nó là một vấn đề của *tồn tại*, không phải của thành tựu.

Có sự bàn luận giữa Radhika Herzberger và Scott ở một trung tâm tìm hiểu nhỏ sẽ được xây dựng tại Rishi Valley, được tài trợ bởi Friedrich Grohe. Những trung tâm nhỏ cũng sẽ được xây dựng tại Rajghat và tại Uttar Kashi ở Himalayas gần Dehradun, trên một mảnh đất đã được hiến cho India Foundation và không thể đến được vào mùa đông. Friedrich cũng tài trợ những tòa nhà này.

Một con hoopoe – một con chim có mỏ dài và mào cao – thường đậu trên bệ cửa sổ phòng ngủ của K suốt những bàn luận này, mổ vào tấm kính, muốn bay vào. Nó đã làm công việc này vào nhiều dịp ghé thăm. K chưa bao giờ cho nó ăn và dường như nó không có lý do nào để bay vào, tuy nhiên nó luôn luôn ở đó. K nói chuyện với nó và nói rằng nó thích nghe âm thanh của giọng nói anh. Như thường lệ nó ở đó, mổ vào ô cửa kính trong suốt chuyến viếng thăm cuối cùng của K. Người ta có thể nghe tiếng mổ rất rõ rệt khi lắng nghe bằng cát xét của bàn luận.⁷⁹

Vào ngày 19 tháng mười hai, hai ngày trước khi anh rời đó đi Madras, K đang kể cho Mary trên băng cát xét hàng ngày của anh:

Anh đang giảm cân nhiều lắm. Dường như anh bị mệt rất mau. Giữa tháng giêng em sẽ biết liệu anh không đi Bombay và hay anh đi chuyến máy bay của Singapore

Airline từ Madras đến Singapore, từ Singapore đến LA . . . Vắc đó làm sốt ruột anh lắm – không phải ghé Heathrow - London và sau đó năm ngày, đi một chuyến bay khác đến LA . . . Chúng ta sẽ chờ mọi việc ra sao. Thật ra, anh khỏe lắm, không bị đau tim, không bị nhức đầu; bộ não của anh vẫn bình thường, gan và mọi thứ đều tốt, nhưng có vẻ anh không thể tiếp tục lên cân. Anh đang bị giảm cân, vì vậy có lẽ khôn ngoan khi đi đến Singapore rồi bay thẳng qua biển Thái bình dương . . . nhưng vì anh viết cho em mỗi ngày, nói với em mỗi ngày, em sẽ biết. Chúng ta hãy chờ điều gì xảy đến. Càng đi ít càng tốt cho anh, lúc này mọi thứ làm anh mệt lắm.

Có nhiều ngắt đoạn trong cuốn băng này khi K nói với cái gì đó mà chắc chắn là con chim hoopoe: ‘Vào đây đi. Tôi ở đây nè, thôi mà. Thôi mà cô gái thân yêu. Tôi ở phía này nè. Hãy đến và ngồi xuống đi. (Xin lỗi, anh đang nói chuyện với những con chim.) Em có đôi mắt rất sắc, phải không!’

Ngày 21, như anh đã Mary, anh hủy bỏ những nói chuyện Bombay của anh và quyết định đi máy bay đến Los Angeles qua cảnh Singapor e. Anh tiếp tục nói, ‘Anh không thể sụt cân thêm nữa. Anh đã sụt nhiều lắm rồi và nếu còn bị sụt nữa anh sẽ yếu lắm và sẽ không thể đi được nữa. Việc đó sẽ không tốt gì cả.’

Lúc này anh yêu cầu Scott theo anh đến Ojai thay vì quay lại Châu âu cùng những giáo viên khác và yêu cầu đổi vé của Dr Parchure và anh đề đi máy bay Singapore Airline và mua một vé cho Scott. May thay, Scott có một American Express card để thực hiện sắp xếp này. K không thể chịu được cái lạnh của Châu âu. Anh muốn rời ngay sau những

nói chuyện Madras, và những gặp gỡ của những ủy viên Ấn độ sẽ theo sau, là kết thúc.

Dr Parchure sắp xếp cho K có một hội chẩn với một bác sĩ nổi tiếng ngay khi anh đến Madras. Lúc này anh cân nặng 97 lbs và đang bị sốt. Bác sĩ, đang nghi ngờ anh bị khối u ác tính nào đó, ~~nắm~~ thực hiện những thí nghiệm, nhưng K không đồng ý thực hiện bất kỳ việc gì mà sẽ gây ảnh hưởng những nói chuyện của anh. Anh thực hiện ba thay vì bốn nói chuyện trước công chúng, vào những chiều tối trong vườn của Vasanta Vihar, và yêu cầu Scott chuyển sớm ngày đi từ ngày 17 tháng giêng lên ngày 10. (Dr Parchure ghi lại, gần như anh đang vội vàng về Ojai để Dr Deutch chăm sóc.) Mặc dù anh bệnh ghê lắm, anh tiếp tục đạo bộ mỗi ngày trong những buổi chiều hơi muộn trên bãi biển từ nhà của Radha Burnier.

Vào đầu tháng giêng tất cả những người đang ở tại Vasanta Vihar, ngoại trừ K, đi xem buổi chiếu đầu tiên của cuốn phim Aravinda ở Madras mà đã được hoàn thành trong một thời gian ngắn kỷ lục. Có vài cảnh quay đẹp trong cuốn phim, mặc dù hơi đáng tiếc là những nơi chúng ta thấy K đang đạo bộ hay nói chuyện lại không được nhận ra.⁸⁰ K chấm dứt nói chuyện lần thứ ba của anh vào ngày 4 tháng giêng năm 1986 – nói chuyện cuối cùng mà anh đã thực hiện – bằng những từ ngữ:

Sáng tạo là cái gì đó thiêng liêng nhất. Đó là sự việc thiêng liêng nhất trong sống và nếu bạn đã tạo ra sự hỗn loạn trong sống, thay đổi nó. Thay đổi nó hôm nay, không phải ngày mai. Nếu bạn còn ngờ vực hãy tìm ra tại sao và hãy kiên định. Nếu suy nghĩ của bạn không ngay thẳng, hãy suy nghĩ ngay thẳng, hợp lý. Nếu tất cả điều đó không được sẵn sàng, nếu tất cả điều đó

không được giải quyết, bạn không thể thâm nhập vào thế giới của sáng tạo này.

Nó kết thúc. (Hai từ này hầu như không nghe rõ, được thở ra thay vì được nói. Chúng chỉ nghe được trên băng cát xét. Chúng không thể nghe được bởi khán giả.)

Tiếp theo, sau khi ngừng lâu, anh thêm vào, ‘ Đây là nói chuyện cuối cùng. Các bạn có muốn cùng nhau ngồi yên lặng một chốc lát không? Được rồi, thưa các bạn, hãy ngồi yên lặng một chốc lát.’⁸¹

Tại gặp gỡ Indian Foundation tiếp theo sau những nói chuyện, K khẳng định rằng những ngôi nhà nơi anh đã sống không nên trở thành những nơi dành cho sự hành hương, rằng không hệ thống thờ cúng tôn giáo nào được khai triển quanh anh. Và anh yêu cầu những ghi nhớ dưới đây được thêm vào trong những nội quy và điều lệ của Foundation:

*Dù trong bất kỳ tình huống nào, không Foundation hay bất kỳ những học viện nào trong sự bảo trợ của nó, hay bất kỳ những thành viên của nó sẽ tự-thiết lập họ như những thẩm quyền trên những lời giảng của Krishnamurti. Điều này phù hợp với sự tuyên bố của Krishnamurti rằng không người nào tại bất kỳ nơi nào có quyền tự-thiết lập như một thẩm quyền trên anh và những lời giảng của anh.*⁸²

‘Trống không vô hạn đó’

K bị bệnh rất nặng trên chuyến bay hai mươi bốn tiếng đồng hồ đến Los Angeles, với hai lần ngừng ngắn tại Singapore, nơi họ thay máy bay, và Tokyo. Mary Zimbalist đón anh tại phi trường và, ngay khi họ còn một mình, đang lái xe ra khỏi phi trường (họ để những người khác lo hành lý), anh bảo với chị rằng trong hai hay ba ngày tiếp chị không được rời anh nếu không anh sẽ ‘lên đi’. Anh nói, ‘Nó không muốn cư ngụ tại một thân thể bệnh hoạn, cái thân thể mà không thể vận hành được nữa.’ Đêm đó anh bị sốt đến 101 độ F*

Ngày 13 tháng giêng, K có một hội chẩn với Dr Deutch tại Santa Paula và, khi kết quả của những thí nghiệm được thực hiện ngay lập tức tại Santa Paula Community Hospital, bác sĩ sắp xếp cho anh siêu âm gan, túi mật và lá lách tại Ojai Hospital vào ngày 20. Khi được thực hiện xong, siêu âm chỉ rõ ‘một khối u trên gan’, vì vậy một nội soi CAT được yêu

* Quyền cuối trong bộ tiểu sử của K mà tôi viết, *The Open Door Cửa mở toang*, viết lại chi tiết về cơn bệnh cuối cùng và chết của anh, mà được trích dẫn từ ba nguồn độc lập – nhật ký hàng ngày của Mary Zimbalist, bệnh án hàng ngày của Dr Parchure và những hồi tưởng của Scott Forbes được viết sau khi K chết. Sau đó Dr Deutch khẳng định rằng những chuyện kể đều chính xác. Cùng những nguồn như thế đã được sử dụng trong quyển này, trong một dạng tóm tắt.

cầu vào ngày 22. Nhưng vào sáng 22 K thức dậy lúc 1 giờ sáng vì bị đau bao tử nặng đến độ không thể giảm bớt được. Dr Deutch, khi được gọi điện thoại, nói rằng ông không thể xử lý ca này nếu không vào bệnh viện. K đồng ý vào bệnh viện sau khi suy nghĩ cẩn thận, và muộn hơn ngày hôm đó anh được nhập viện trong một phòng riêng thuộc khu chăm sóc đặc biệt của Santa Paula Hospital. Chụp X quang chỉ ra rằng có một tắc nghẽn trong ruột, và một ống được truyền qua mũi để bơm chất lỏng ra và một chất thuốc bổ được tiêm vào tĩnh mạch khi người ta phát giác rằng anh bị suy dinh dưỡng. Trọng lượng của anh đã giảm xuống còn 94 lbs. Sau tất cả những việc khó chịu này được thực hiện cho anh, anh nói với Scott, ‘Anh phải chấp nhận, anh đã chấp nhận quá nhiều.’ (Khi tôi đọc những từ ngữ này sau khi anh chết tôi chợt nghĩ lại điều gì Mrs Kirby đã viết về anh tại trại Ommen năm 1926: ‘~~Tất~~ là một cuộc đời, Krishnaji tội nghiệp! Không nghi ngờ gì cả về sự *Hy sinh* của anh.’) Tuy nhiên, điều gì anh biết ơn khi chấp nhận, là liều morphin được chích vào anh khi tất cả những dạng giảm đau khác đều không còn hiệu quả. Bởi vì anh chưa bao giờ dùng thuốc giảm đau trong mọi đau đớn anh phải chịu đựng từ ‘cái tiến trình’, anh chắc chắn đã nhận ra rằng sự đau đớn từ căn bệnh này nếu xét theo tinh thần là không cần thiết lắm; thật ra, anh phải nói rằng ‘cái khác lạ’ không thể ‘thông qua’ khi cơn đau đớn hiện diện ở đó.

K ở trong bệnh viện tám đêm và suốt thời gian đó Mary, Dr Parchure và Scott luân phiên ngủ trên một cái ghế ngửa dài được đặt trong phòng của anh trong khi Ema và Theodor Lilliefelt ~~trai~~ qua ban ngày ở đó. Ngày 23 là ngày nghiêm trọng bởi vì có sự nguy hiểm khi anh rơi vào hôn mê bởi ca viêm gan. Dr Parchure bảo với anh rằng anh có thể bị ung thư, mà ~~chẳng~~ có thuốc nào chữa được. Điều này làm

đảo lộn Mary và Scott, mà suy nghĩ việc đó xảy ra quá sớm, cho đến khi Dr Parchure giải thích cho họ rằng cách đây rất lâu anh ấy đã hứa hẹn rằng K phải báo cho anh ấy ngay lập tức nếu K thấy có bất kỳ dấu hiệu gì về cái chết của anh, và bởi vì sợ hãi một ca hôn mê, anh cảm thấy đúng lúc để thực hiện lời hứa của anh. Khi Mary và Scott kế tiếp nhau đi vào phòng của K, anh nói, ‘Có ẽ anh sẽ chết,’ như thể anh đã không chờ đợi nó sớm như thể nhưng chấp nhận sự kiện cũng bình thường như mọi chuyện khác. Tiếp theo anh nói, ‘Anh thắc mắc không hiểu tại sao “cái khác lạ” không buông tha cái thân thể đi?’ Anh cũng kể với Mary, ‘Anh đang nhìn nó. Nó kỳ lạ lắm. “Cái khác lạ” và chết đang đấu tranh với nhau.’ Sau khi bệnh ung thư đã được chẩn đoán rõ ràng, đầy kinh ngạc anh nói với Mary, ‘Anh đã làm gì sai trái?’ như thể rằng trong chừng mực nào đó anh đã không chăm sóc đảng hoàng cái thân thể được ủy thác cho anh chịu trách nhiệm bởi ‘cái khác lạ’. Anh yêu cầu Mary và Scott ở cùng anh cho đến lúc kết thúc bởi vì anh muốn ‘cái thân thể’ được chăm sóc giống như anh đã tự chăm sóc nó. Anh đưa ra sự thỉnh cầu này mà chẳng có may mắn tình cảm hay tự-thương xót.

Ngày 24 sự cản trở ở bao tử bắt đầu phân tán và những dấu hiệu của vàng da không còn nữa. Bác sĩ giải phẫu thay đổi sự truyền thuốc bổ từ tĩnh mạch trong bàn tay của anh sang một ống dẫn lớn hơn được gắn vào xương cổ của anh để cho nhiều chất lỏng hơn có thể chảy vào thân thể; việc này làm cho hai tay được nhẹ nhàng, và khi ngày hôm sau ống dẫn ở mũi được rút ra, anh ‘cảm thấy giống như một người mới’. Anh cũng đồng ý một truyền máu để giúp tăng cường sức khỏe. Vào ngày 27 anh tẩu qua một nội soi CAT trong một chiếc xe bệnh viện lớn đi khắp những bệnh viện địa phương. Theo tính tình cá nhân, anh đặc biệt hứng thú hệ thống máy móc của những thủ tục khám bệnh – cái cồng

được nhấc vào xe như thế nào vân vân. Vụ nội soi khẳng định rằng có một khối u trên gan, kèm theo sự hóa vôi của lá lách, gợi ý rằng cái sau là nguồn gốc chính của khối u ác tính. Khi Dr Deutch thông báo điều này cho K, K yêu cầu được cho phép trở lại Pine Cottage; anh không muốn chết trong bệnh viện.

Trong khi ở bệnh viện, anh yêu cầu Scott ghi lại điều gì anh muốn được thực hiện cho tro hỏa táng của anh. Chúng sẽ được phân chia thành ba phần để gửi đến Ojai, Brockwood và Ấn độ. Anh không muốn bất kỳ nghi lễ nào hay ‘tất cả mọi ngu xuẩn đó’, và miếng đất nơi tro hỏa táng của anh được chôn cất ‘không nên trở thành một nơi thiêng liêng mà người ta đến và tôn thờ và tất cả chuyện vớ vẩn đó’. (Ở Ấn độ, tro hỏa táng của anh được rải trên sông Ganges.) Dầu vậy, chỉ từ sự hiếu kỳ, anh muốn biết từ học giả Jagannath Upadhyaya về cách đối xử với một thân thể chết của một con người ‘thiêng liêng’ ở Ấn độ như thế nào, và một lá thư được gửi đi để hỏi thông tin về điều này.

Buổi sáng ngày 30, không còn đau đớn và đã tăng được không thể tin nổi là 14 lbs do bởi loại thuốc bổ siêu hạng, K quay lại Pine Cottage. Một cái giường bệnh viện đã được đặt trong phòng của anh để thay thế cho giường ngủ riêng của anh, được chuyển vào phòng thay quần áo của anh, và sự chăm sóc hai mươi bốn tiếng đồng hồ được sắp xếp. Quá phấn chấn khi được trở về nhà đến độ anh nhờ Mary đặt vào một đĩa nhạc của ca sĩ Pavarotti hát những bài hát Neapolitan và xin một bánh mì sandwich cà chua cùng một ít cà rem. Ăn một miếng bánh mì làm anh bị bệnh (đó là miếng ăn cuối cùng bằng miệng); cơn đau đớn quay trở lại vào chiều tối và anh được chích morphine lại.

Ngày khi K biết rằng anh sắp sửa chết, và trong khi anh vẫn còn trong bệnh viện, anh đã yêu cầu gặp bốn người ở Ấn

độ – Radhika Herzberger, Dr Krishna (Hiệu trưởng mới của Rajghat), Mahesh Saxena, người anh đã bỏ nhiệm ở Madras là Thư ký mới của India Foundation , và R. Upasani, Hiệu trưởng của Agricultural College tại Rajghat. * Đây là những thành viên thuộc thế hệ trẻ hơn mà anh hy vọng sẽ tiếp tục công việc của anh ở Ấn độ, và anh vẫn còn nhiều việc muốn nói với họ. Đồng loạt, những người khác đều đến, không cần anh mời, khi họ nghe tin anh sắp chết, kể cả Pupul Jayakar và cháu trai của bà, Asit Chandmal, mà K thường ở lại căn hộ của họ ở Bombay, Mary Cadogan, Thư ký của English Foundation và một ủy viên của Brockwood Educational Trust, Dorothy Simmons, Jane Hammond, một ủy viên người Anh đã làm việc cho K trong nhiều năm, chồng tôi và tôi. Dường như không thể rời xa được, và mặc dù K đón chào chúng tôi chắc chắn anh không cần chúng tôi và sự dao động của chúng tôi có thể gây hại cho anh nhiều hơn là giúp ích; chúng tôi chắc cũng là gánh nặng cho những người tử tế tại Ojai khi đã phải nuôi ăn ở và chăm sóc chúng tôi tại những thời điểm cụ thể nào đó. Friedrich Grobe, lúc này có một ngôi nhà tại Ojai, cũng có mặt ở đó.

Ngày 31 tháng giêng những người từ Ấn độ và Anh đến. Suốt tuần lễ chồng tôi và tôi ở đó, K thuyên giảm chút ít và người ta không thể ngừng hy vọng rằng một phép lạ sẽ xảy ra và anh sắp sửa hồi phục. Anh bảo với Dr Deutch rằng cơn đau đớn, vàng da, morphi ne và những thuốc men khác chẳng gây ra chút tác động nào cho bộ não. Anh cũng đang trải qua ‘những thiên định tuyệt vời’ vào ban đêm mà thể hiện rõ ràng rằng ‘cái khác lạ’ vẫn còn ở cùng anh. Dr Parchure khẳng định tất cả điều này trong báo cáo của anh ấy. K thực hiện hai gấp gờ trong phòng ngủ của anh trong

* Upasani không đến được vì anh không thể nhận thông hành kịp lúc.

thời điểm đó và được thuê bằng bởi Scott Forbes. Gặp gỡ đầu tiên, vào ngày 4 tháng hai, ~~đ~~tham dự chỉ bởi những người có liên quan đến sự biên tập và xuất bản sách của anh (Radhika và Dr Krishna đã trở thành những thành viên Ấn độ của International Publications Committee vừa được thành lập). K đã trình bày ~~nh~~ những mong muốn của anh về vấn đề xuất bản rất rõ ràng: anh muốn những nói chuyện và những bài văn viết của anh tiếp tục được ấn loát ở nước Anh trong khi những người ở Ấn độ tập trung vào việc chuyển thể những tác phẩm của anh thành những ngôn ngữ bản xứ. Gần chấm dứt gặp gỡ anh đã nói rằng Indian Foundation cảm thấy họ hiểu rõ anh hơn những người khác bởi vì anh đã được sinh ra trong một thân thể người Ấn độ . Anh nói, ‘Anh thấy không, Dr Krishna, tôi không là người Ấn độ.’ Radhika ngắt lời, ‘trong ý nghĩa đó tôi cũng không nghĩ tôi là người Ấn độ.’ ‘Tôi ~~đ~~ không là người Anh,’ Mary Cadogan chen vào.⁸³

Chiều hôm đó K cảm thấy đủ sức khỏe để đi ra ngoài. Anh được khiêng xuống những bậc thềm của hàng hiên trong một chiếc xe đẩy và, bởi vì đó là một ngày đẹp trời, anh yêu cầu được để lại một mình dưới cây tiêu, bây giờ đã to lớn lắm, từ nơi đó anh có thể nhìn qua thung lũng thẳng tới những quả đồi. Tuy nhiên, Scott ~~đ~~ng hơi xa xa ~~đ~~ng sau chiếc xe vì sợ rằng anh sẽ lật nghiêng về phía sau bởi vì anh đang ngồi kiết già trong xe. Anh vẫn ở nguyên đó, hoàn toàn bất động trong một khoảng thời gian trước khi yêu cầu được đẩy vào trong nhà. Đó là lần cuối cùng anh ra ngoài.

Ngày kế tiếp, khi Dr Deutch đến gặp anh, K hỏi liệu anh có thể đi lại được và thực hiện những nói chuyện. Bác sĩ trả lời, không như trước kia nữa, mặc dù có lẽ anh có thể viết hay đọc hay thực hiện những bàn luận riêng. Bác sĩ đã trở thành người bạn và đang thăm anh hầu như mỗi ngày.

Vào buổi sáng ngày 5, K yêu cầu một gặp gỡ khác và bảo Scott thuê băng lại. Có mười bốn người chúng tôi hiện diện vào dịp này. K bắt đầu bằng cách bảo cho chúng tôi biết điều gì bác sĩ nói với anh ngày hôm qua, rằng sẽ không còn nói chuyện nào nữa, không đi lại nữa. Anh nói, lúc này anh không bị đau đớn, và bộ não của anh ‘rất, rất, rất rõ ràng’. Anh có tiếp tục trong tình trạng đó nhiều tháng nữa. Anh tiếp tục, ‘Chùng nào thân thể còn đang sống, tôi vẫn còn là người thầy. K có mặt ở đây như K có mặt trên bục giảng... Tôi vẫn còn là người *đứng đầu* của nó. Tôi muốn phát biểu điều này rất, rất rõ ràng. Chùng nào cái thân thể này còn đang sống, K còn ở đó. Tôi biết điều này bởi vì tôi luôn luôn có những giấc mơ tuyệt vời – không phải những giấc mơ nhưng bất kỳ việc gì xảy ra.’ Anh nói, anh muốn được thông báo trong chi tiết về điều gì đang xảy ra ở Ấn độ và Brockwood: ‘Đừng nói với tôi mọi thứ đều đúng đắn.’

Tiếp theo anh thỉnh cầu, rất lịch sự, rằng tất cả những người khách viếng thăm nên ra về. Khi anh chết anh không muốn mọi người đến chào ‘cái thân thể’. Sau đó anh yêu cầu Scott không được thay đổi những từ ngữ đang được thuê băng. Anh bảo Scott, đang đứng bên cạnh giường tay cầm microphone, quay về phía chúng tôi và nói, ‘Tôi thề rằng không có điều gì sẽ được thay đổi trên bất kỳ cuộn băng nào. Không điều gì đã được và không điều gì sẽ được.’⁸⁴

Rất choáng váng khi nghe K nói, ‘Tôi vẫn là người thầy. K hiện diện ở đây giống như K hiện diện trên bục giảng.’ Có ai đã nghi ngờ điều đó không? Mặc dù từng lúc một anh đã bị ngắt quãng tại gặp gỡ này hoàn toàn do bởi sự yếu ớt thuộc thân thể, anh tuyệt đối là chính anh. Không ai có thể chân thật nói rằng anh không ‘hoàn toàn ở đó’ suốt thời gian thuyên giảm này.

Chiều theo ý muốn của K, chồng tôi và tôi ra về ngày hôm sau. Sau khi tôi từ giã anh, không thực sự tin rằng tôi sẽ không bao giờ trông thấy anh lại, theo tính cách của anh anh nhờ Mary ra ngoài để xem thử chúng tôi đã gọi loại xe nào đưa chúng tôi ra phi trường, anh hài lòng khi nghe nói nó là một loại xe tốt. Chẳng mấy chốc những người khách khác cũng ra về. Asit Chandmal cũng ra về nhưng sẽ trở lại và ở đó cho đến khi K chết. Điều gì K mong ngóng là những lần viếng thăm của Dr Deutch, mặc dù anh lo lắng về số lượng thời gian anh đang lấy mất từ những bệnh nhân khác của bác sĩ. Bác sĩ đồng ý nhận, như một người bạn, không phải như một bác sĩ, cái đồng hồ Patek-Philippe đẹp mà K tặng anh ấy. (Anh ấy không bao giờ gửi một hóa đơn tiền điều trị của K suốt con bệnh cuối cùng.) Nhận thấy rằng K là một người hâm mộ Clint Eastwood, giống như anh ấy, anh ấy mua cho anh vài bộ phim Eastwood đã chuyển thành video và cũng cả những cuốn phim nhựa của Yosemite, vì biết rằng K yêu quý cây cối và núi non nhiều lắm.

Trong buổi sáng ngày 7, Mary Zimbalist hỏi K liệu anh có cảm thấy thích trả lời một câu hỏi mà Mary Cadogan đã viết ra cho anh. K nhờ Mary đọc cho anh nghe. Nó là: ‘Khi K chết điều gì *thực sự* xảy đến cho sự tập trung lạ thường của hiểu rõ và năng lượng đó mà là K?’ Trả lời tức khắc của K là, mà Mary *vết* vội vàng trên tờ giấy, là: ‘Nó hết rồi. Nếu người nào đó thâm nhập hoàn toàn trong những lời giảng, có lẽ họ có thể hiệp thông cùng cái đó; nhưng người ta không thể *cố gắng* tiếp cận nó.’ Rồi, sau một khoảng khắc, anh thêm vào, ‘Ước gì tất cả các bạn biết được cái gì các bạn đã bỏ lỡ – trống không vô hạn đó.’

Câu hỏi của Mary Cadogan có thể vẫn còn trong cái trí của K khi, vào giữa buổi sáng, anh gọi Scott vào và yêu cầu anh ấy *thâu* băng lại điều gì anh muốn nói. Mary viết lại,

“Giọng nói của anh rất yếu ớt, nhưng anh nói bằng sự nhân mạnh có ý định.’ Có những khoảng ngừng giữa hầu hết những từ ngữ như thể đó là một nỗ lực cho K buột miệng ra:

Sáng nay tôi đang nói cho họ – suốt bảy mươi năm siêu năng lượng đó – không phải – năng lượng vô hạn, thông minh vô hạn đó, đã và đang sử dụng thân thể này. Tôi không nghĩ người ta nhận ra thông minh và năng lượng vô hạn đó tuôn vào cái thân thể đến mức độ nào – có động cơ mười hai xy-lanh. Và suốt bảy mươi năm – là một thời gian khá dài – và lúc này thân thể không thể chịu đựng được nữa. Không người nào, nếu cái thân thể đã không được chuẩn bị, rất kỹ càng, không được bảo vệ và vân vân – không người nào có thể hiểu rõ cái gì tuôn vào cái thân thể này. Không người nào. Làm ơn bất kỳ người nào đừng giả vờ. Không người nào. Tôi lặp lại điều này: không người nào trong số chúng ta hay công chúng, biết điều gì đã xảy ra. Tôi biết họ không biết. Và lúc này sau bảy mươi năm, nó đã đến một kết thúc. Không phải rằng thông minh và năng lượng đó – trong chừng mực nào đó nó hiện diện ở đây, mỗi ngày và đặc biệt vào ban đêm. Và sau bảy mươi năm cái thân thể không thể chịu đựng nổi nó – không thể chịu đựng nổi nữa. Nó không thể. Những người Ấn độ có nhiều mê tín quá quắt về điều này – rằng bạn định đoạt và thân thể đi – và tất cả mọi vô lý đó. Bạn sẽ không tìm được một thân thể khác giống như thể này, hay thông minh đặt định đó đang vận hành trong một thân thể trong suốt nhiều trăm năm nữa. Bạn sẽ không thấy nó lại. Khi anh ấy đi, nó đi. Không có ý thức bị bỏ lại đằng sau của ý thức đó, của trạng thái đó. Tất cả họ sẽ giả vờ hay cố gắng tưởng

*tượng họ có thể tiếp xúc với cái đó. Có lẽ trong chừng mực nào đó họ sẽ tiếp xúc nếu họ sống theo những lời giảng. Nhưng không người nào đã thực hiện nó. Không người nào. Và thế là xong.*⁸⁵

Khi Scott yêu cầu anh định nghĩa rõ ràng một số trong điều gì anh đã nói vì e rằng nó có lẽ bị hiểu lầm, anh trở nên ‘rất bức bối’ với anh ấy và nói, ‘Em không có quyền can thiệp vào điều này.’ Khi nói Scott không can thiệp, dường như rõ ràng rằng K muốn câu phát biểu này được nhận biết bởi tất cả mọi người có quan tâm.

K chỉ còn sống chín ngày nữa. Anh muốn chết và hỏi không hiểu điều gì sẽ xảy ra nếu ống dẫn thuốc bỏ được rút ra. Anh được bảo rằng thân thể sẽ hết nước rất mau chóng. Anh biết theo luật pháp anh có quyền yêu cầu rút ống dẫn thuốc bỏ ra nhưng anh không muốn gây rắc rối cho Mary và bác sĩ; và lại, ‘cái thân thể’ vẫn còn trong trách nhiệm của anh; vì vậy, đến giây phút cuối cùng anh phải tiếp tục chăm sóc nó – đánh răng như anh đã luôn luôn làm ba hay bốn lần một ngày, ngay cả vòm miệng cũng như lưỡi của anh; thực hiện những bài luyện tập mắt của Bates hàng ngày; nhỏ vào mắt trái của anh những giọt thuốc trị bệnh tăng nhãn áp. Khi Dr Deutch lao với anh rằng thổi vào một găng tay phẫu thuật sẽ giúp đỡ làm thông thoáng chất lỏng đọng lại trong đáy phổi của anh do bởi nằm trong giường quá lâu, anh thở vào chiếc găng tay mỗi tiếng đồng hồ cho đến lúc anh không còn hơi sức nữa.

Lúc này, theo đề nghị của Dr Deutch anh được đặt trong xe đẩy đưa vào phòng khách rộng nơi anh ngồi nhìn những ngọn lửa bập bùng của một lò sưởi to. Lần đầu tiên vào trong đó, anh yêu cầu được ở lại một mình nhưng cho phép Scott đứng phía sau vì sợ anh sẽ bị lật ngửa ra sau.

Scott viết lại sau đó: ‘Anh đã làm cái gì đó cho căn phòng. Người ta có thể thấy anh đang làm nó, và sau đó căn phòng không còn giống như trước nữa. Anh có tất cả quyền năng và uy nghi mà anh đã luôn luôn có. Mặc dù anh đang ngồi trong xe đẩy, được che kín trong những cái chắn, đang được bồi bổ qua tĩnh mạch từ những chai lọ này, tuy nhiên anh lại quá vô hạn và uy nghi, và anh phủ ngập tràn căn phòng và khiến cho toàn sự vật bị rung động. Và anh tỏa sáng rực rỡ.’ Sau nửa tiếng đồng hồ, khi anh muốn quay trở lại giường anh gây kinh ngạc mọi người khi tự đi bộ về phòng mà không cần được giúp đỡ.

Ngày 10, câu trả lời được gửi đến từ học giả Jagannath Upadhyaya cho ~~g~~ tìm hiểu của K về cách xử lý truyền thống của Ấn độ cho thân thể của một con người tôn giáo khi họ chết. Khi nghe câu trả lời, K nói rằng anh không muốn bắt kỳ những việc này. Anh không muốn bắt kỳ ai đến chào thân thể của anh sau khi anh chết và càng ít người dự hỏa táng thân thể của anh bao nhiêu càng tốt.

Khi anh bắt đầu quá yếu không vào trong xe lăn được, anh được khiêng đến ghế dài của phòng khách trong một cái võng làm bằng quần áo của anh. Vào ngày 14 cơn đau đớn trở lại và anh được chích morphine. Suốt mười phút nó bắt đầu có tác dụng, anh nói với Mary, ‘Quá tốt khi không trở thành thực sự – xin lỗi anh nghĩ anh đã mất em.’ Mary hoàn toàn chắc chắn điều gì anh muốn hàm ý trong câu này là rằng, ‘Anh nghĩ anh đã mất đi cảm giác đau đớn nhưng quá tốt khi không đúng như vậy.’ Ngày hôm sau anh bắt đầu nói chuyện với Scott về tình trạng của thế giới, và hỏi, ‘Em nghĩ Dr Deutsch biết tất cả điều này hay không? Em nghĩ anh ấy hiểu nó? Anh sẽ nói chuyện với anh ấy về nó.’ Việc này anh thực hiện khi bác sĩ đến vào chiều hôm đó. Scott ghi lại:

Điều gì K nói cho Dr Deutsch vào dịp đó là một tóm lược mười lăm hay mười phút lạ thường của quá nhiều điều anh nói về bản chất của thế giới. Nó thật hùng biện và chính xác và trọn vẹn, và tôi đứng đó kinh ngạc lẫn cảm kích, lắng nghe tại chân giường còn Dr Deutsch ngồi kế anh bên cạnh giường. Một điều tôi vẫn còn nhớ Krishnaji đã nói cho Dr Deutsch là, 'Tôi không sợ chết bởi vì tôi đã sống cùng chết suốt sống của tôi. Tôi không bao giờ mang bất kỳ kỷ niệm nào.' Sau đó bác sĩ sẽ nói, 'Tôi cảm thấy như thể tôi là người học trò cuối cùng của Krishnaji.' Nó thực sự rất đáng yêu. Cũng có một xúc động kỳ lạ rằng Krishnaji, quá yếu ớt và cũng quá cận kề chết, lại có thể gom góp sức mạnh để thực hiện sự tóm lược mà anh đã làm đó, và nó cũng là một thể hiện sự tri ân của anh với bác sĩ.

K chết trong giấc ngủ của anh ngay sau nửa đêm ngày 17 tháng hai. Sự kết thúc đến trong những từ ngữ của Mary:

Parchure, Scott và tôi có mặt ở đó như thường lệ và như thường lệ K đang nghĩ về sức khỏe của những người khác. Anh thúc giục tôi, 'Lên giường đi, c húc ngủ ngon, lên giường đi, đi ngủ đi.' Tôi nói rằng tôi sẽ ngủ nhưng tôi muốn ở gần bên. Anh ngi thiếp và khi tôi chuyển đến ngôi phía bên trái của anh rồi nắm bàn tay anh, nó không làm anh lực dọc. Phần đầu giường của anh được nâng cao vì anh đã cảm thấy dễ chịu hơn khi để như vậy, hai mắt của anh hơi hơi nhắm lại. Chúng tôi ngồi cùng anh, Scott bên tay phải và tôi bên tay trái của anh, Dr Parchure ra vào yên lặng theo dõi, người y tá nam, Patrick Linville, trong phòng kế bên. Từ từ giấc ngủ của Krishnaji chìm vào hôn mê, hơi thở

của anh chậm chậm lại. Bỗng nhiên và yên lặng , khoảng mười một giờ Dr Parchure đi vào. Nơi nào đó trong đêm, sự cầu mong vô vọng anh sẽ khỏe lại của người ta đã phải thay đổi thành sự cầu mong rốt cuộc anh được tự do khỏi sự chịu đựng đau khổ của anh. Dr Deutsch, Scott và tôi có mặt ở đó khi tim của Krishnaji ngừng đập lúc qua nửa đêm mười phút.

Phù hợp với những mong muốn của anh, chỉ vài người thấy anh sau khi chết, và chỉ một ít bạn bè hiện diện tại lễ hỏa táng của anh mà diễn ra tại Ventura vào lúc tám giờ cùng buổi sáng đó.

‘Bộ não không thể hiểu rõ’

Trong chừng mực nào đó, chết của Krishnamurti dường như huyền bí như sống của anh. Thật mỉa mai rằng, suốt phần lớn sống của anh bởi vì đã cảm thấy rằng ‘lên đi’ lại dễ dàng hơn sống, anh cứ tiếp tục sống trong khi anh lại ao ước ‘lên đi’. Anh đã tin rằng anh biết lúc nào anh sẽ chết, tuy nhiên chết của anh lại gây ra sự ngạc nhiên cho anh. Trong ghi lại cuối cùng của anh tại Ojai, khi anh nói về ‘những điều mê tín đáng sợ của người Ấn độ’, dĩ nhiên anh có ý niềm tin truyền thống ở Ấn độ rằng một con người thiêng liêng có thể *định đoạt* cho chính người ấy chết. K có thể yêu cầu được chết bằng cách rút ống dẫn thuốc bỏ ra, nhưng anh cảm thấy việc đó sẽ là một vụ tự tử, một xúc phạm đến thân thể được giao phó cho trách nhiệm của anh – một ủy thác thiêng liêng. Nhưng tự định đoạt chết cho chính mình, nếu thành công, cũng là một hình thức của tự tử?

K bày tỏ sự ngạc nhiên rằng ‘cái khác lạ’ lại muốn cư ngụ trong một thân thể bệnh tật; tại sao nó không buông bỏ anh ấy? Anh tự hỏi liệu bệnh tật của anh đã bị gây ra bởi việc gì đó mà anh đã làm sai trái. Người ta có lẽ hỏi, ‘cái khác lạ’ cho phép anh chết bởi vì thân thể của anh đã trở nên vô dụng, hay nó cho phép anh phát triển một căn bệnh gây chết người bởi vì không còn lại bất kỳ điều gì để anh phải nói, bởi vì lời

giảng của anh đã hoàn tất? Rõ ràng trong cả hai trường hợp, ‘cái khác lạ’ đã không rời bỏ anh tại khúc cuối.

K tin rằng ‘cái gì đó’ đang quyết định điều gì nên xảy ra cho K, cái gì đó mà anh không được phép nói; tuy nhiên, cùng lúc, anh đang nói nó sẽ lạ thường làm sao nếu *đã* có cái gì đó đang quyết định mọi việc đã xảy đến cho K. Chắc chắn có một mâu thuẫn ở đây? Nhưng lại có những không bình thường khác trong những câu nói của anh về chính anh.

K không bao giờ nghi ngờ rằng anh đã luôn luôn được bảo vệ bởi cái gì đó. Anh được thuyết phục rằng không việc gì có thể xảy đến cho anh trong khi anh đang ở trên máy bay hay đi lại bằng bất kỳ phương tiện nào để nói chuyện, và rằng sự bảo vệ đó được mở rộng đến bất kỳ ai theo cùng anh. Dầu vậy nó cũng là bổn phận của anh không được đặt anh vào bất kỳ tình thế nguy hiểm nào chỉ vì vui thú, như là chơi môn máy bay lượn. Anh không bao giờ ngờ vực về hoặc là sự quan trọng của lời giảng hoặc là sự quan trọng của thân thể được ủy thác cho anh chăm sóc. Anh còn tiến xa hơn nữa khi nói rằng đã phải mất nhiều thế kỷ mới sáng tạo được một thân thể như thế. (Nó luôn luôn là ‘bì giảng’, ‘thân thể’; không bao giờ là ‘lời giảng của tôi’, ‘thân thể của tôi’.) Đường như cả bên trong lẫn bên ngoài anh là sự huyền bí riêng của anh. Anh không muốn tạo tác một huyền bí; dầu vậy một huyền bí đã tồn tại mà dường như anh hoàn toàn không có khả năng giải đáp cho chính anh, suy nghĩ rằng đó không phải công việc của anh để làm việc đó, mặc dù anh háo hức khuyên những người khác nên giải đáp nó, trong trường hợp đó anh sẽ có thể chứng thực sự giải đáp của họ.

K đã nói rằng lời giảng đến như ‘một thiên khai’, rằng nếu anh ngồi xuống để suy nghĩ về nó, nó sẽ không đến với anh, và tuy nhiên chắc chắn nó đến mỗi ngày khi anh đang viết quyển *Notebook* của anh. Điều gì bỗng nhiên thúc giục

anh viết quyển *Notebook*? Ngoại trừ nội dung của nó, nó là một bản viết tay lạ thường, 323 trang không một vết tẩy xóa.

Từ những từ ngữ riêng của K người ta bị bắt buộc phải kết luận rằng anh là một ‘phương tiện’ cho cái gì đó và rằng do bởi cái gì đó này mà lời giảng đến với anh. Tuy nhiên, trong hầu hết sống của anh, anh được thẩm thấu cùng cái gì đó này đến độ nó là anh, thậm chí khi nó rút lui, nó sẽ quay lại nếu anh nói chuyện nghiêm túc về nó hay tự cho phép chính anh cởi mở cùng nó, đặc biệt trong những thiên định vào ban đêm – *không bao giờ* rời mắt nó. Thỉnh thoảng anh ngạc nhiên khi nó ở đó, như khi anh đang diễn tả trong quyển *Notebook* làm thế nào anh đã chuyển từ sự thanh bình của Gstaad đến căn hộ tầng thứ tám ở Paris để nhận thấy rằng ‘ngồi yên lặng vào buổi chiều, nhìn qua những mái nhà . . . không mong đợi nhất, phước lành đó, sức mạnh đó, cái khác lạ đó đến bằng sự rõ ràng dịu dàng; nó tràn đầy căn phòng và vẫn ở đó. Nó ở đây khi điều này đang được viết.’ Tôi đã nghe người ta bàn bạc rằng cảm hứng của K không khác biệt gì với cảm hứng của bất kỳ nghệ sĩ nào khác, đặc biệt là nhạc sĩ; rằng giá như người ta cố gắng tìm ra thiên tài của Mozart đến từ đâu. Nếu lời giảng đến qua bộ não của K lập luận đó sẽ đứng vững, nhưng không thiên tài nào mà tôi đã biết đã từng trải qua bất kỳ cái gì giống như ‘cái tiến trình’.

Sự huyền bí của Krishnamurti sẽ tan biến ngay lập tức nếu người ta chấp nhận lý thuyết Chúa Maitreya tiếp quản cái thân thể được chuẩn bị cho ngài. Vậy thì mọi sự việc về ‘cái tiến trình’ sẽ trở nên rõ ràng – tất cả những thông điệp đó ‘được mang qua’ tại Ojai, Ehrwald và Pergine, và sự tin tưởng riêng của K rằng sự đau đớn là cái gì đó phải được chịu đựng mà không có bất kỳ nỗ lực nào để ngăn cản hay làm dịu bớt. Chất lượng độc nhất của hiện tượng sẽ được giải thích bởi thông điệp đó gửi cho Nitya ‘được mang qua’ tại

Ojai: ‘Công việc đang được làm lúc này có tầm quan trọng vô cùng và sự tinh tế cực kỳ . Đó là lần đầu tiên thí nghiệm này được thực hiện trong thế giới.’

Chính K cũng không hoàn toàn bác bỏ lý thuyết này , giống như anh phủ nhận là Thầy Thế giới. Anh chỉ nói rằng nó ‘quá tồn tại ở dạng vật chất’, ‘không đủ mộc mạc’, và, thật ra, người ta có cảm thấy điều này về nó. Năm 1972, khi nói chuyện với nhóm người tại Ojai đã đặt ra câu hỏi anh là ai, anh trả lời: ‘Tôi cảm thấy chúng ta đang dò tìm vào vấn đề gì đó mà cái trí thức không bao giờ có thể hiểu rõ . . . Có cái gì đó, một nguồn dự trữ khủng khiếp như nó đã là, mà, nếu cái trí có thể thâm nhập, phơi bày cái gì đó mà không thần thoại thuộc trí năng nào – sáng chế, phỏng đoán, tín điều – có thể phơi bày. Có cái gì đó nhưng bộ não không thể hiểu rõ nó.’ Tuy nhiên, khi hai năm sau tôi vặn hỏi anh, anh nói rằng mặc dù anh không thể tự tìm ra về chính anh (‘nước không thể biết nước là gì’), anh ‘bảo đảm tuyệt đối’ rằng Mary Zimbalist và tôi và những người khác có thể khám phá sự thật nếu chúng tôi ngồi xuống và nói: ‘Chúng ta sẽ tìm hiểu’, nhưng, anh thêm vào, ‘các em phải có bộ não của các em trống không’.

Điều này dẫn chúng ta đến ‘cái trí trống không’. Suốt sự tìm hiểu của tôi, K cứ quay trở lại cái trí trống không ‘của cậu bé’ – một trống không mà, anh đã nói, anh đã không bao giờ mất. Cái gì đã giữ nó trống không? Anh hỏi. Cái gì đã luôn luôn bảo vệ sự trống không? Nếu chính anh đang viết về Huyền bí, anh sẽ bắt đầu bằng cái trí trống không. Những từ ngữ đó mà anh đã thốt lên chín ngày trước khi anh chết cũng đang ám ảnh tôi như bất kỳ điều gì anh đã nói: ‘Ước chi tất cả các em đều biết các em đã bỏ lỡ cái gì – trống không vô hạn đó.’

K khẳng định rằng Theosophy mà anh đã được nuôi dưỡng chưa bao giờ quy định được anh. Dẫu vậy, có thể rằng nơi tàng ý thức sâu thẳm bên trong anh đã bị quy định bởi nó (mặc dù anh đã không công nhận có một sự việc như tàng ý thức sâu thẳm bên trong), và rằng khi anh rời khỏi thân thể của anh tất cả mọi điều anh đã được bảo về Chúa Maitreya, Những Bậc Thầy, vẫn vẫn lại được xuất hiện? Nhưng điều đó sẽ không giải thích tại sao anh rời khỏi thân thể, tại sao ‘cái tiến trình’ luôn luôn xảy ra.

Một khía cạnh khác phải lưu ý là cái năng lượng rất thường xuyên đi vào anh hay đi qua anh. Khi anh đang nói nghiêm túc về anh là ai, anh thường nói, ‘Bạn có thể cảm thấy nó trong phòng lúc này – một rung động rộn ràng.’ Trong cuốn băng cuối cùng của anh được thu lại, anh nói, ‘Tôi không nghĩ người ta nhận ra cái năng lượng vô hạn và thông minh tốt đỉnh đã đi qua thân thể này đến mức độ nào...’ Khi tôi nghe những từ ngữ đó trên một băng cát-xét ngay lập tức tôi nghĩ về quyền năng, sức mạnh, mà đã ủa ra ập vào tôi qua cái cửa phòng khách tại Brockwood buổi chiều đó khi tôi đang ít mong đợi nó nhất. Nếu sức mạnh đó, ‘năng lượng khủng khiếp’ đó, đã sử dụng liên tục thân thể của K từ lần đầu tiên ‘cái tiến trình’ bắt đầu năm 1922, sẽ rất kinh ngạc khi anh có thể sống lâu đến thế. Năng lượng đó là ‘cái khác lạ’? Có phải năng lượng đó gây ra sự đau đớn của ‘cái tiến trình’? Năng lượng, ‘cái tiến trình’, tiếp tục từ 1922 đến suốt phần còn lại thuộc sống của anh bằng một lượng giảm bớt dần dần của đau đớn chỉ bởi vì thân thể của anh đã từ từ thông thoáng để tạo ra trống không nhiều thêm nữa? Năng lượng mà đi qua anh khi anh già yếu sẽ giết chết anh bằng sức mạnh của nó nếu nó ập vào anh toàn bộ cùng một lúc trước khi thân thể đã được làm cho hòa hợp để thu nhận nó?

Bây giờ tôi nghĩ người ta phải hỏi: K biết nhiều về anh là ai và là gì hơn những điều anh đã tiết lộ? Khi anh bảo với Mary Zimbalist và tôi rằng nếu chúng tôi có thể tìm ra sự thật, anh sẽ có thể chứng thực nó và rằng chúng tôi sẽ có thể tìm ra những từ ngữ diễn tả nó, anh đang thực sự nói, ‘Anh không được phép nói cho các em nhưng nếu các em có thể tự tìm ra cho chính các em, lúc đó anh có thể nói, “Đúng rồi, đó là nó”’? Có lẽ điều quan trọng nhất mà anh đã từng nói là với Mary, khi chị hỏi anh trước khi anh rời Brockwood để đi Delhi vào cuối tháng mười rằng liệu chị sẽ gặp lại anh: ‘Anh không chết đột ngột đâu . . . Tất cả đều được quyết định bởi người nào đó. Anh không thể nói về nó. Anh không được phép nói, em hiểu chứ? Nó nghiêm túc ghê lắm. Có những sự việc mà em không hiểu được đâu. Khủng khiếp. Và anh không thể nói cho em.’ (Tất cả đều được quyết định bởi ‘người nào đó’, lưu ý, không phải ‘cái gì đó’.)

Vậy là có những việc K biết về chính anh mà anh đã không bao giờ tiết lộ, mặc dù anh đã vén một góc màn trong cuốn băng cát-xét cuối cùng đó.

Nhiều người sẽ cảm thấy rằng bất kỳ nỗ lực nào để giải đáp sự huyền bí của Krishnamurti không chỉ là một lãng phí thời gian mà còn hoàn toàn không quan trọng; chính là lời giảng mà phải quan tâm, không phải con người. Nhưng đối với bất kỳ người nào đã biết Krishna lúc còn bé và tham gia vài biến cố ban đầu và không thể chấp nhận rằng lời giảng đã phát triển trong bộ não riêng của anh, một nghi vấn trên người trước mặt sẽ vẫn còn bị ám ảnh nếu, có lẽ, người ta không thể thành công trong làm trống không bộ não riêng của người ta. K đã nói, ‘Cái đó ở trong phòng. Nếu bạn hỏi nó nó là gì, nó sẽ không trả lời. Nó sẽ nói, “Bạn quá nhỏ nhoi”.’ Vâng, đó là cảm giác hèn mọn mà người ta bị bỏ lại; người ta

quá nhỏ nhen, quá tầm thường, kèm theo một bộ não mãi mãi huyền thuyên.

Hoàn toàn giống nhau, K đã nói trong cuộn băng cuối cùng: ‘Tất cả họ sẽ giả vờ hay cố gắng tưởng tượng rằng họ đã tiếp xúc với cái đó. Có lẽ trong chừng mực nào đó họ sẽ, *nếu* (chữ in nghiêng của tôi) họ sống cùng những lời giảng.’

Nhưng, ~~lo~~ qua nguồn gốc của nó, lời giảng của Krishnamurti đã có mặt tại một khoảnh khắc nghiêm trọng trong lịch sử của thế giới. Như có một lần anh đã nói với một phóng viên ở Washington: ‘Nếu con người không thay đổi triệt để, từ cơ bản không tạo ra một thay đổi trong chính anh ấy, chúng ta sẽ tự hủy diệt chính chúng ta. Một cách mạng tâm lý chỉ có thể được ngay lúc này, không phải một ngàn năm sau. Chúng ta đã qua hàng ngàn năm rồi và chúng ta vẫn còn là những con người man rợ. Vì vậy nếu chúng ta không thay đổi ngay lúc này, chúng ta sẽ vẫn còn là những con người man rợ ngày mai hay một ngàn ngày mai nữa.’ Sau đó nếu người ta hỏi: làm thế nào sự thay đổi của một người có thể ảnh hưởng thế giới?, chỉ có câu trả lời riêng của K giải đáp: ‘Thay đổi và thấy điều gì xảy ra.’

(Dịch xong 7-2009)

Notes

Sources for Notes

AA Adyar Archives, Theosophical Society, Adyar, Madras, India

BA Brockwood Archives, Brockwood Park, Hampshire, England

EFB English Foundation *Bulletin*

Herald The Herald of the Star

ISB International Star Bulletin

KFAA Krishnamurti Foundation of America Archives, Ojai, California

SPT Star Publishing Trust

TPH Theosophical Publishing House, Adyar, Madras, India

All correspondence between Mrs Besant and C. W. Leadbeater are in AA. They are quoted here from copies sent to me by B. Shiva Rao at Krishnamurti's request.

Krishnamurti's letters to Lady Emily Lutyens are in BA. Lady Emily's letters to Mrs Besant are in AA.

1. *Blavatsky and her Teachers*, Jean Overton Fuller, pp. 24–27 (East–West Publications, 1988).

2. According to tradition, the Buddha was a position in the hierarchy. Gautama had been the last Buddha. The Lord Maitreya, it was said, was to be the next Buddha after he had fulfilled his mission on earth, hence the title of Bodhisattva. Madame Blavatsky made no mention in any of her writings of the coming of the Lord Maitreya, but she evidently said something to her followers, even if it was misunderstood, because Mrs Besant reminded her critics when she founded the Order of the Star in the East that Madame Blavatsky had 'regarded it as the mission of the Theosophical Society to prepare the world for the coming of the next great Teacher, though she put that event perhaps half a century later than I do'.

3. *The Masters and the Path*, C. W. Leadbeater (TPH, 1925).

4. *Krishnamurti*, Pupul Jayakar, p. 16 (Harper & Row, 1986).

5. AA. From an essay Krishna was set to write in 1913 at Varengeville in Normandy on 'Fifty Years of my Life'. Krishna

intended to add to it year by year but all that was actually written was some 3,500 words, giving a sketch of his life up to 1911.

6. *Clairvoyant Investigations by C. W. Leadbeater and the Lives of Alcyone*, Ernest Wood (privately printed, Adyar, 1947). See also *Theosophical Journal*, England, January–February 1965.

7. Mrs Besant's and Leadbeater's communications with each other in this chapter were published by C. Jinarajadasa in *The Theosophist*, June 1932.

8. Clarke's account of the Initiation in *Australian Theosophist*, September 1928.

9. AA. This letter is quoted in full in *The Years of Awakening*, pp. 35–38.

10. Quoted in *The Man and his Message*, Lily Heber, p. 49 (Allen & Unwin, 1931).

11. *Candles in the Sun*, Lady Emily Lutyens, p. 32 (Hart-Davis, 1957).

12. An account of the trial is given in Leadbeater's letters to Lady Emily (BA).

13. *Candles in the Sun*, pp. 59–60.

14. *Occult Investigations*, C. Jinarajadasa (TPH, 1938).

15. *Herald*, June 1922.

16. Nitya's and Krishna's accounts are quoted from the copies sent to Lady Emily, now in BA.

17. AA. Signed by Nitya and dated 17 February 1923. Quoted from copy of original by kind permission of Mrs Radha Burnier. First quoted in Pupul Jayakar's *Krishnamurti*, pp. 49–57.

18. This article, a prose-poem running to 9,000 words, was published in the *Herald* under the title *The Path* in three monthly parts from October 1923. In 1981 *The Path* was included in *Poems and Parables*, J. Krishnamurti (Gollancz, Harper & Row, 1981).

19. From Lady Emily's diary, 1925 (BA).

20. For an account of life in Leadbeater's community at The Manor see *To be Young*, Mary Lutyens (reprinted Corgi, 1989).

21. *Herald*, September 1925. The other 'occult' events recorded in this chapter come from Lady Emily's diary (BA).

22. *Herald*, February 1926.

23. *Ibid*, June 1926.

24. *Ibid*, March 1926.

25. *Candles in the Sun*, p. 144.
26. Letter from Maria-Luisa Kirby to R. G. Macbean, 31 July 1926 (*Theosophist*, 19 July 1948).
27. *The Pool of Wisdom* (SPT, 1928).
28. KFAA.
29. *Who brings the Truth* (SPT, 1928).
30. *The Last Four Lives of Annie Besant*, A. H. Nethercote, p. 193n (Hart-Davis, 1961).
31. Interview with Bourdelle in *L’Intransigéant*, March 1928, quoted in English translation in *ISB*, April 1928.
32. *Let Understanding be the Law* (SPT, 1928).
33. KFAA.
34. *Bernard Shaw*, Hesketh Pearson, p. 115 (Collins, 1942).
35. *ISB*, July 1929.
36. *Ibid*, September 1929.
37. These pronouncements were made in: *Theosophist*, June 1931; *ibid*, December 1931; *Theosophy in India*, 1931, and Wedgwood to Lady Emily, October 1929.
38. *ISB*, June 1931.
39. Lady Emily’s letters to Krishnamurti are in KFAA with copies in BA.
40. *ISB*, June 1931.
41. Communication from Krishnamurti to the author.
42. Authentic reports of Krishnamurti’s talks in Latin America and Mexico, revised by himself, were published by SPT in 1936.
43. MS by Krishnamurti, 1976 (BA).
44. *Commentaries on Living*, pp. 15, 16 and 44. Two further volumes of *Commentaries on Living* were published in 1959 and 1960. All three volumes were edited by Rajagopal.
45. *Krishnamurti*, Pupul Jayakar, p. 57. Passages from Krishnamurti’s beautiful letters to Nandini Mehta, written between 1948 and 1960, are quoted in this book (pp. 251–273).
46. *Trial of Mr Gandhi*, Francis Watson (1969).
47. From a copy of Pupul Jayakar’s notes, first published in *The Years of Fulfilment*. The account is also given in her *Krishnamurti*, pp. 125–130, with some slight differences.
48. *Ibid*, pp. 202–203.
49. Letters to and from Doris Pratt (BA).

50. *Krishnamurti*, Pupul Jayakar, p. 242.
51. From a copy of Vanda Scaravelli's notes.
52. *Aldous Huxley*, Sybille Bedford, II, p. 71 (Chatto & Windus, 1973).
53. EFB, no. 2, Spring 1969.
54. *The Urgency of Change*. This book, bound with an earlier publication, *The Only Revolution*, makes up the *Second Penguin Krishnamurti Reader* (1973).
55. January and March, 1972 (KFAA).
56. From transcripts (BA).
57. These video tapes, available from all three Foundations, have remained extremely popular.
58. *Freedom from the Known*, p. 116.
59. *Golden Jubilee Souvenir Book* (Krishnamurti Foundation India, 1979).
60. *Letters to the Schools* (Krishnamurti Foundation England, 1981). A further eighteen *Letters to the Schools*, dated between 15 November 1981 and 15 November 1983, were published by the Foundation in 1985.
61. *Exploration into Insight*, Pupul Jayakar and Sunanda Patwardhan (eds), p. 77 (Gollancz, Harper & Row, 1979).
62. EFB, no. 42, 1982.
63. *The Future of Humanity* (Mirananda, Holland, 1986). Mary Cadogan edited *The Ending of Time* anonymously.
64. *The Network of Thought*, pp. 99–110 (Mirananda, Holland, 1983).
65. *The Flame of Attention* (Mirananda, Holland, 1983).
66. Available from KFAA and BA.
67. Many of these discussions are given at length in Pupul Jayakar's book *Krishnamurti*.
68. *Krishnamurti to Himself* (Gollancz, Harper & Row, 1987).
69. *Los Alamos* (a booklet) (Krishnamurti Foundation England, 1985).
70. UN *Secretarial News*, 16 May 1984, and ESB, no. 47, 1984.
71. *Washington D.C. Talks 1985* (Mirananda, Holland, 1988).
72. Seventy of these excellent photographs were published in *Last Talks at Saanen* (Gollancz, Harper & Row, 1986).
73. BA.

74. *Ibid.*

75. When talking about the Centre with Mary Zimbalist and Scott Forbes at Schönried in August 1984.

76. *The Future is Now*, Radhika Herzberger (ed.) (Gollancz, 1988).

77. From a long account of K's illness written by Scott Forbes after K's death.

78. From a letter from Stephen Smith to the author, written after K's death.

79. Indian Foundation Archives and BA.

80. A video of this film is available from BA.

81. EFB, special edition, 1986, and *The Future is Now* (Gollancz, Harper & Row, 1988).

82. Indian Foundation Bulletin, 1986/3.

83. From tape recording (BA).

84. *Ibid.*

85. *Ibid* (verbatim transcription).

Illustrations

(For thirty years Krishnamurti would rarely allow himself to be photographed, hence the lack of pictures of him in middle age.)

1 K, Nitya and Leadbeater, Adyar, 1910. *Photograph by courtesy of Radha Burnier*

2 Nitya, Mrs Besant, K and George Arundale arriving at Charing Cross Station, May 1911. *Author's photograph*

3 K in London, 1911. *Author's photograph*

4 Lady Emily Lutyens, 1912. *Author's photograph*

5 K, Nitya, Helen Knothe and the Lutyenses at Eerde, 1923. *Author's photograph*

6 The playing field below the Castle-Hotel, Pergine, 1924. *Author's photograph*

7 Nitya in India, 1924. *Author's photograph*

8 K in the doorway of the Round Tower, Castle-Hotel, Pergine, 1924. *Author's photograph*

9 Rajagopal at Ehrwald, 1923. *Author's photograph*

10 Leadbeater in Sydney, 1925. *Author's photograph*

11 Mrs Besant and K at Ojai, 1927. *Photograph from Brockwood archives*

12 K at Ommen, c. 1928. *Photograph from Brockwood archives*

13 K at Eerde, c. 1929. *Photograph from Brockwood archives*

14 K and the author at Scheveningen, Holland, 1953. *Author's photograph*

15 A page of K's notebook, 1961. *Photograph by Mark Edwards*

- 16 K listening to a concert at Rajghat School, 1969.
Photograph by Mark Edwards
- 17 Nandini Mehta and Pupul Jayakar at Rajghat, 1969.
Photograph by Mark Edwards
- 18 K and Friedrich Grohe at Rishi Valley, 1983.
Photograph by courtesy of Rita Zampese
- 19 K at Brockwood School, 1972. *Photograph by Mark Edwards*
- 20 K talking to students at Brockwood School, 1975.
Photograph by Mark Edwards
- 21 K in the Oak Grove at Ojai, 1972. *Photograph by Mary Zimbalist*
- 22 K at the Lilliefelts' house, Ojai, 1972. *Photograph by Mary Zimbalist*
- 23 K and Scott Forbes at Rougemont, 1985. *Photograph by Mark Edwards*
- 24 K speaking in Amsterdam, 1981. *Photograph by Mark Edwards*
- 25 K's last talk, Vasanta Vihar, 4 January 1986.
Photograph by Mark Edwards

I am deeply grateful to Mark Edwards for giving me copies of his photographs, published by courtesy of the Krishnamurti Educational Trust Ltd who own the copyright.



1 K, Nitya and Leadbeater, Adyar, 1910



2 Nitya, Mrs Besant, K and Arundale arriving at Charing Cross Station,
London, May 1911



3 K in London in 1911



4 Lady Emily in 1912



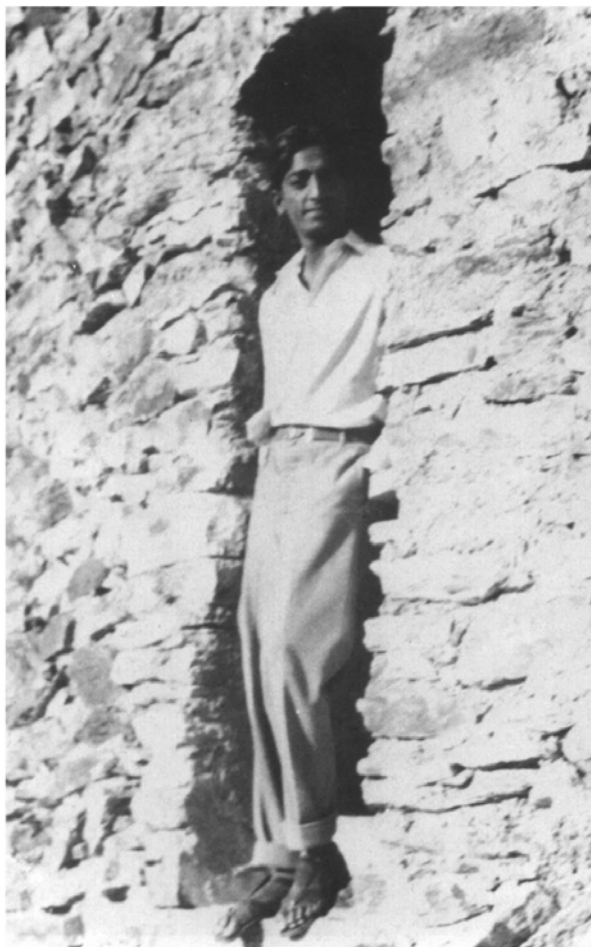
5 In Baron van Pallandt's motor car, Eerde, 1923. *Left to right:*
Helen, Mary, Nitya, Betty, K, Lady Emily



6 Playing ball below the Castle-Hotel, Pergine, 1924



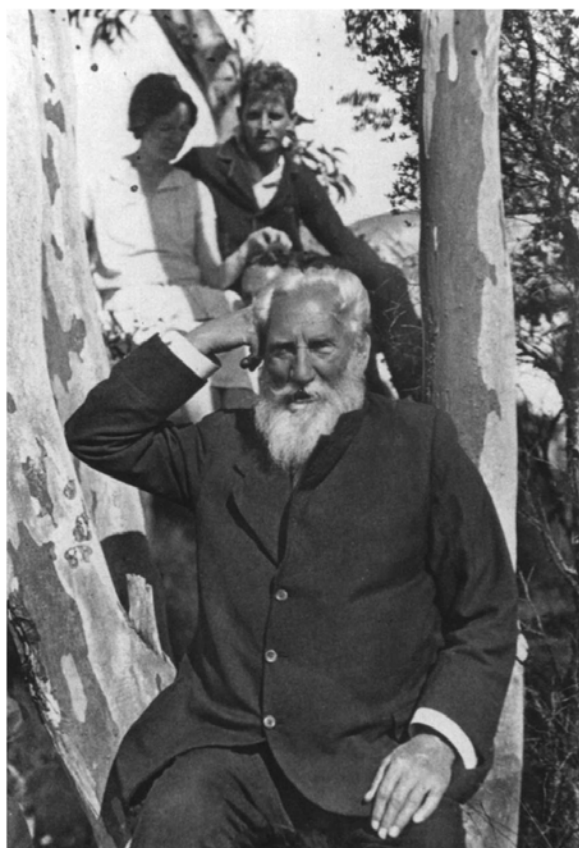
7 Nitya in India, 1924



8 K in doorway of the Round Tower, Castle-Hotel, Pergine, 1924



9 Rajagopal at Ehrwald, 1923



10 Leadbeater in Sydney with two of his young pupils, 1925



11 Mrs Besant and K at Ojai, 1927



12 K at Ommen, c. 1928

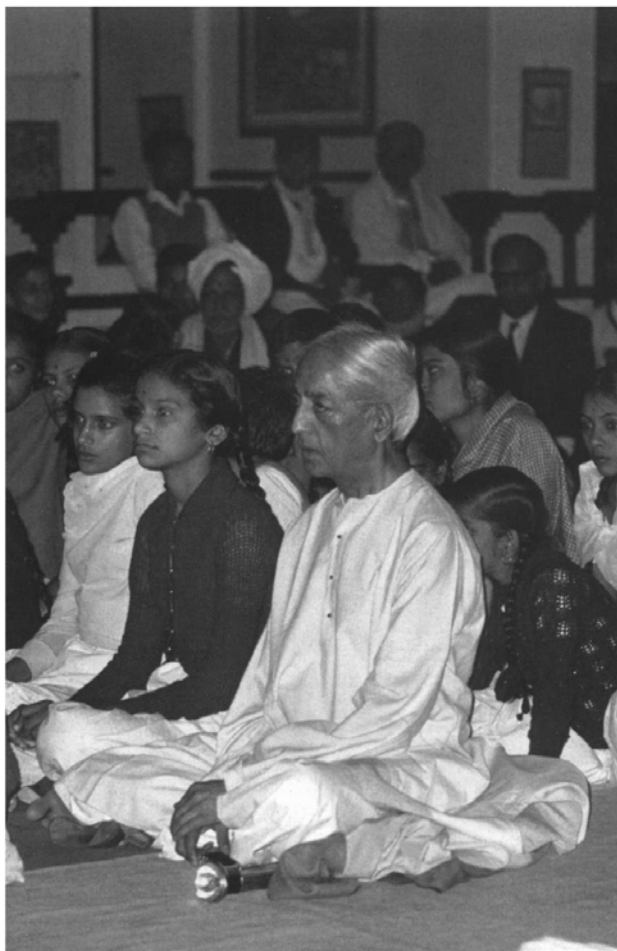


13 K at Eerde, c. 1929

27.

visits and that extraordinary
 benediction which was felt at
 it. That imminent feeling of
 sacredness began to take place.
 The body was nervously
 tense because of the crowd, noise
 etc. but in spite of all this, it
 was more. The possession & the
 stream were intense & there
 was acute pain at the back
 of the head. There was only
 this state & there was no other
 was. The whole body was wholly
 in it and the feeling of sacred-
 ness so intense that a grain
 escaped from the body and
 passengers were sitting in the
 next seat. It went on for
 several hours, late into the
 night. It was as though one
 was looking, not with eyes
 only but with thousands of
 things; it was altogether a
 strange occurrence. The
 brain was completely empty,
 all reaction had stopped.
 All these hours, one was not
 aware of this emptiness but only

15 Page of K's notebook (actual size), 9 July 1961



16 K listening to a concert at Rajghat School, 1969



17 Nandini Mehta and Pupul
Jayakar at Rajghat, 1969



18 K and Friedrich Grohe
at Rishi Valley, 1983



19 K at Brockwood School, 1972



20 K talking to students at Brockwood School, 1975



21 K in the Oak Grove at Ojai, 1972



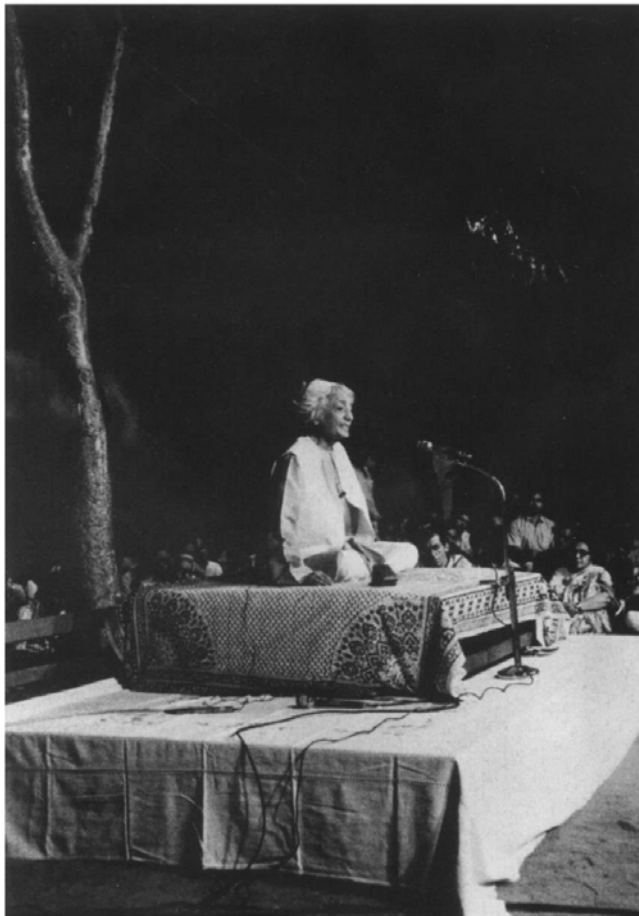
22 K at the Lilliefelts' house, Ojai, 1972



23 K and Scott Forbes at Rougemont, 1985



24 K speaking in Amsterdam, 1981



25 K's last talk, Vāsanta Vihar, 4 January 1986

THE LIFE AND DEATH OF KRISHNAMURTI

A BIOGRAPHY BY MARY LUTYENS

J. Krishnamurti (1895 - 1986) was one of the most important spiritual leaders of our time. Discovered by the Theosophists as a boy in India, he was groomed by them to be a new Messiah, a role he rejected when he set out independently on his own spiritual quest. Travelling the world, lecturing and teaching, he became a beacon of truth for millions including many notables.

As one of Krishnamurti's closest friends, Mary Lutyens is uniquely qualified to write his biography. She has written three previous volumes about him, but only after his death in 1986 did she feel able to produce this book, bringing the life and philosophy of this fascinating and complex man into full perspective.

Mary Lutyens is a noted writer and biographer. Besides her works on Krishnamurti, her books include *The Lyttons in India*, *Millais and the Ruskins*, and a biography of her father, the architect Edwin Lutyens.

Other biographies of Krishnamurti by Mary Lutyens:

The Years of Awakening, 1895 to 1935

The Years of Fulfilment, 1935 to 1980

The Open Door, 1980 to 1986

ISBN 0-900506-22-9



Cover Photos: © Copyright Krishnamurti Foundation Trust Ltd

Đã dịch:

- 1 – Sổ tay của Krishnamurti
Krishnamurti's Notebook
- 2 – Ghi chép của Krishnamurti
Krishnamurti's Journal
- 3 – Krishnamurti độc thoại
Krishnamurti to Himself
- 4 – Ngâm nghĩ cùng Krishnamurti
Daily Meditation with Krishnamurti
- 5 – Thiền định 1969
Meditation 1969
- 6 – Thư gửi trường học
Letters to Schools
- 7 – Nói chuyện cuối cùng 1985 tại Saanen
Last Talks at Saanen 1985
- 8 – Nghĩ về những việc này
Think on these things
- 9 – Tương lai là ngay lúc này
The Future is now
- 10 – Bàn về Thượng đế
On God
- 11– Bàn về liên hệ
On Relationship
- 12 – Bàn về giáo dục
On Education
- 13 – Bàn về sống và chết
On living and dying
- 14 – Bàn về tình yêu và sự cô độc [2-2009]
On Love and Loneliness
- 15 – Sự thức dậy của thông minh Tập I/II [2009]
The Awakening of Intelligence

- 16 – Bàn về xung đột [4-2009]
On Conflict
- 17 – Vượt khỏi bạo lực [6-2009]
Beyond Violence
- 18 – Bàn về học hành và hiểu biết [8-2009]
On Learning and Knowledge
- 19 – Sự thức dậy của thông minh Tập II/II [9-2009]
The Awakening of Intelligence
- 20 – Sống và chết của Krishnamurti – Một tiểu sử viết bởi
Mary Lutyens [9-2009]
The Life and Death of Krishnamurti